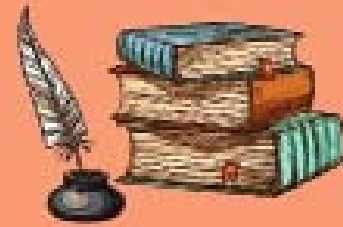




ĐẶC SAN LUẬT KHOA 2025

**ĐẠI GIA ĐÌNH LUẬT KHOA VN
& NỀN ĐỆ NHỊ VNCH**



www.luatkhoasanjose.com
hoingoluatkhoa@yahoo.com

GIA ĐÌNH LUẬT KHOA BẮC CALIFORNIA

MỤC LỤC



3- Lời Phi Lộ.....	Ban Báo Chí
5- Quốc Ca VNCH.....	Lưu Hữu Phước
6- Hội Ngộ Mùa Thu.....	Mai Tinh Tuấn
7-Luật Khoa VN Hành Khúc.....	Ls Võ Văn Dinh
8- Đại Hội LK Toàn Cầu.....	Ý Dân
12- Bài phát biểu	Ls Phan Hiệp Thành
14-41: Một Thời Kỳ Niệm.....	Nguyễn Văn Bình
42- Đại Học LK Sài Gòn.....	Gs Nguyễn Văn Canh
46- Thơ: Ngày Giỗ Mẹ	Nguyễn Văn Thắng
47- Các vị thầy của tôi.....	Gs Quách Thị Nho
49- Gia Đình LK Bắc Cali	Nguyễn Văn Bình
55- Hội Á, H. LK Nam Cali...Ls	Nguyễn Viết Đĩnh
58- Câu Lạc Bộ LKVN.....	Ls Nguyễn Văn Thắng
64-Thơ: Nều...../Ls Ngô Tăng Giao	
65- Nền Tư Pháp VNCH.....	Nguyễn Văn Bình
75- Nghệ thuật biện hộ	Ls Võ Văn Dinh
79- Người tình LK	Ls Võ Văn Dinh
81 - Sự lựa chọn Luật Sư	LG Nguyễn Mạnh San
85- Nhớ về Tòa Sở Thẩm SG..TP	Hoàng Tuấn Lộc
88- Lệnh Trục Xuất	LG Nguyễn Mạnh San
89- Thơ: Thăm mộ Cha	Nguyễn Văn Thắng
90- Đời Tôi và ngành Luật	Gs Vũ Quốc Thúc
95- Hiến Pháp Độ Nhị VNCH.....	Suru Tầm
106 - Thơ: Ghen	Ls Phạm Ngọc Anh
107- Tiểu Sử TT Thiệu	Người Kể Sử
112- Thơ: Luyến Tiếc.....	Ls Trần Thị Thanh Thủy
113- So sánh Giáo Dục.....	Gs Nguyễn Thanh Liêm
117- Thơ: Xin em hãy nói	Nguyễn Văn Thắng

118- Gs Nguyễn T. Liêm	Thanh Thương Hoàng
120- Thơ: Gọi tên nhau	Nguyễn Văn Thắng
121- Những ngày cuối.....	Nguyễn Tấn Phận
134- Thơ: Dư Âm.....:	Nguyễn Văn Thắng
135-T.T Nguyễn K Bình.....	Gs Nguyễn Tiến Hưng
136- Thơ: Trả lại Em yêu	Ls Phạm Ngọc Anh
136- Thơ: Trả lại Anh yêu ...	Ls Trần T. Thanh Thủy
137-V, B TT Thiệu.....	Ls Võ Duy Thường
141 - Thơ : Tình Xa	Ls Phạm Ngọc Anh
142- Lời Phát Biểu	Ls Võ Duy Thường
144- Bài học từ TT Thiệu	Lê Quế Lâm
146- QLVNCH	Bách Khoa Toàn Thư
152- Thơ	TT Nguyễn Văn Thiệu
153- Trần An Lộc	OVV - World Press .com
163 - Nền Cộng Hòa	Ls Nguyễn Văn Thắng
168- Tội phạm ngớ ngẩn	Ls Ngô Tăng Giao
172- 30-4-1975 là ngày	Nguyễn Văn Bình
175- Kỷ niệm 50 năm.....	Nguyễn Văn Bình
178- Phẩm giá con người	Phạm Mạnh Tuấn
181- Thơ: Lời người ra trận	Donry Nguyễn
182- 50 năm sau.....	Đỗ Hữu Phương
188- Lời vĩnh biệt .Ls Sơn.....	Ls Lê Công Tâm
189- Thơ: Hẹn rồi	Nguyễn Văn Thắng
190- Đôi giòng tưởng niệm.....	Ls Nguyễn V. Thắng
191- Thơ: Gọi tên nhau	Nguyễn Văn Thắng
192- Vĩnh biệt Ls Sơn	Ls Nguyễn Văn Bình
194- Để có thể hòa giải.....	Nguyễn Tường Tâm
196- Thơ: Nàng thơ	Nguyễn Văn An
197- Bỏ lại đằng sau	Ls Lê Công Tâm
203-Về già trông con cháu.....	Quách Huệ Anh
204. Thơ: Tặng Cố Nhân	Nguyễn Văn An
205- Lá Cờ Vàng	Nguyễn Văn Bình
207- Thơ Tình Thơ	Nguyễn Văn Thắng

LỜI PHI LỘ



Kính thưa quý giáo sư
cùng các anh chị đồng môn Luật Khoa Sài Gòn - Huế - Cần Thơ thân mến,

Như mọi năm, chúng tôi cố gắng phát hành Đặc San Luật Khoa năm 2025, dù dưới hình thức on line thay vì in thành sách.

Chủ đề của đặc san năm 2025 là: **Đại Gia Đình Luật Khoa Và Nền Đệ Nhị VNCH**

Vì thế, ước vọng của chúng tôi là qua quyển Đặc San Luật Khoa này với nội dung gồm những tài liệu quý báu, những hình ảnh lưu niệm về ngôi trường, của các giáo sư đáng kính, các bạn đồng môn thân yêu, các vị thẩm phán, các luật sư với những hồi tưởng về sự thăng trầm của Đại Gia Đình Luật Khoa Việt Nam theo vận nước. Cùng những nhận định về Nền Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa và TT Nguyễn Văn Thiệu.

Thêm vào đó, những bài viết dưới dạng hồi ký, tùy bút, tham luận, sưu tầm, truyện ngắn, thơ, nhạc của các vị giáo sư, các thẩm phán, các luật sư, các cựu sinh viên Luật và các thân hữu sẽ giúp cho đặc san Luật Khoa thêm phong phú.

Chúng tôi hy vọng Đặc San Luật Khoa năm 2025 sẽ được các vị giáo sư, các anh chị đồng môn và thân hữu đón tiếp nồng hậu.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ quý giáo sư, quý đồng môn, các thân hữu đã đóng góp bài vở, hình ảnh, tài liệu để chúng tôi có dịp ra mắt đặc san này.

Trân trọng

San Jose, ngày 3-9-2025

Ban Báo Chí và Ban Mỹ Thuật
NGUYỄN VĂN BÌNH -
MÃ PHƯƠNG LIỄU - QUÁCH HUỆ ANH



Các giáo sư và các sinh viên Luật Khoa Sài Gòn



Các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali.



Quốc ca Việt Nam Cộng Hòa

Độc Lập từ năm 1956

Đệ Nhất và Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa

Nhịp Quân Hành

The musical score is written on ten staves in treble clef with a key signature of one sharp (F#) and a 2/4 time signature. The melody is a march, characterized by its rhythmic pattern and the use of eighth and sixteenth notes. The lyrics are written in Vietnamese and are aligned with the notes of the melody.

Này công dân ơi! Quốc
gia đến ngày giải phóng. Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân
sống! Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khó khăn, làm
sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dấu cho thây phơi trên gươm
giáo, Thù nước lấy máu đào đem báo. Nỗi giống lúc
biến phải cần giải nguy, Người công dân luôn vững bền tâm trí, Hùng
tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi Vang tiếng người nước
Nam cho đến muôn đời! Công dân ơi! Mau hiến thân dưới
cờ! Công dân ơi! Mau làm cho cõi bờ Thoát cơn tàn phá, về
vang đời sống, Xứng danh ngàn năm dòng giống Lạc Hồng.

HỘI NGỘ MÙA THU

Mai Tinh Tuấn

Hội Ngộ Mùa Thu về đây chúng ta kết đoàn.
(Hội Ngộ Mùa) Thu là nơi chúng ta sum vầy.

Hợp mặt tình thân Luật Khoa ba trường thân mến
Hợp mặt Luật Khoa tựa như gia đình thân ái.

Sài Gòn cùng Huế mộng mơ, đồng hành cùng với Cần Thơ.
Tình thầy trò cũ hàn huyên, tình bạn đồng lớp, đồng môn.

Nắm tay kết đoàn mừng vui giây phút tương phùng.
Biết bao kỷ

Hội ngộ mùa... niệm, đẹp thay ôi thời gấm hoa.

Luật khoa đào tạo chúng ta, nhiệt thành thiết
tha: Yêu quê hương, yêu tự do, công bằng nhân ái.

Dựng xây rạng ngời Nước Nam, ngàn
đời vẻ vang. Danh tiếng Rừng Tiên.

Luật Khoa Việt Nam

Hành Khúc

Nhạc và lời: Võ Văn Dinh

The musical score is written for a two-part setting (Soprano and Alto/Tenor) in 2/4 time. It consists of 24 measures, organized into six systems of two staves each. The lyrics are in Vietnamese and describe the spirit of the Vietnam Science Law. The score includes various musical notations such as notes, rests, and bar lines. The lyrics are as follows:

Luật Khoa Việt Nam quyết chí chúng ta đứng lên. Cùng nhau làm cho vẻ
Nào Luật Khoa tiến Tiến lên tiến lên Nào cùng làm
vang giống nòi Tiên Rộng Ngày mai mọi nơi yêu thương Công Bằng Nhân Ái.
cho vẻ vang giống nòi. Mọi nơi yêu thương nhân loại là
Ánh Vinh Quang Luật Khoa Việt Nam Luật Khoa tiến
Ánh Vinh Quang. Ánh Vinh Quang Luật Khoa Việt Nam Luật Khoa tiến
Tiến lên cho đời rạng ngời Công Lý. sáng danh Nhân Quyền
Tiến cho đời rạng Công Lý sáng Nhân Quyền.
Luật Khoa Thắng quyết tâm chiến thắng bạo tàn Ánh Vinh Quang
Luật Khoa thắng. quyết tâm chiến thắng Ánh Vinh Quang muôn đời
Muôn đời sáng soi Ánh Vinh Quang Muôn đời sáng soi
Muôn đời Vinh Quang sáng soi/-

ĐẠI HỘI LUẬT KHOA TOÀN CẦU

LẦN THỨ 4 TẠI HOUSTON, TEXAS

Houston (Ý Dân): Đại Hội Luật Khoa Toàn Cầu lần thứ 4 do Câu Lạc Bộ Luật Khoa VN tổ chức đã được diễn ra tại Houston, Texas trong hai ngày 3 và 4 tháng 5 năm 2025 vừa qua:

I- Tiền Đại Hội



Buổi tiệc được diễn ra tại nhà hàng Lam Bo ở Houston vào 3 giờ chiều ngày thứ bảy 3-5-2025. Khoảng 30 người tham dự gồm có các thành viên của Câu Lạc Bộ Luật Khoa cùng phái đoàn của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali, các đồng môn Luật Khoa và thân hữu.

Mở đầu là nghi thức chào quốc kỳ Mỹ-Việt và 1 phút mặc niệm đến các giáo sư và các cựu sinh viên đã qua đời, đặc biệt đến những thành viên của hội.



Tiếp đến Ls Nguyễn Văn Thắng, chủ tịch Câu Lạc Bộ Luật Khoa VN ngỏ lời chào mừng và cảm ơn quan khách hiện diện, đặc biệt là các đồng môn đến từ nơi xa. Ông cho biết đã có 4 kỳ đại hội Luật Khoa Toàn Cầu qua các năm 2000, 2010, 2015 và 2025. Ông nghĩ rằng có lẽ đây là lần hội ngộ cuối cùng vì đa số các giáo sư và các cựu sinh viên Luật Khoa đã già yếu. Cá nhân ông cũng

đã 80 tuổi.

Ls Ngô Hữu Liễn cho biết ông năm nay đã 89 tuổi nên không còn khả năng viết lách. Ông nhắc lại những kỷ niệm thời còn làm luật sư và cầu chúc mọi người được mọi sự an lành.



Ls Ngô Hữu Liễn và Ls Phan Hiệp Thành

Ls Phan Hiệp Thành, thay mặt cho Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali đã nói về những kỷ niệm khi chích học ở đại học Luật Khoa Huế cùng những lợi ích của việc học Luật.



Ls Đỗ Xuân Hiệp thành viên của Hội Ái Hữu Luật Khoa ở Nam Cali nói qua về chương trình cử nhân Luật chế độ 3 năm mà anh theo học. Ông cho biết lúc bấy giờ các sinh viên phải rất khó khăn mới qua được hai cuộc thi vấn đáp.

Phó tế Nguyễn Mạnh San dịp này đã trình bày về luật Di Trú và Nhập Tịch tại Hoa Kỳ. Ông cũng đề cập đến luật Trục Xuất các di dân.

Gs Mai Thanh Truyết nói sơ qua về môi trường tại VN.

Ông Trần Hữu An hy vọng có nhiều buổi họp mặt nữa để các cựu sinh viên Luật Khoa có dịp gặp nhau.

Sau đó là phần trình diễn văn nghệ của



PT Nguyễn Ngọc San và Gs Mai Thanh Truyết

các cựu sinh viên Luật Khoa và thân hữu với sự đệm đàn keyboard của Dưọc sĩ Lê Kim Mai.

Địp này, phó tế Nguyễn Mạnh San đã tặng quan khách quyển Tuyển Tập Pháp Luật Hoa Kỳ Thực Dụng.

Buổi tiệc Tiền Hội Ngộ với sự điều khiển khéo léo của hai cựu sinh viên Luật Khoa Nguyễn Văn Tâm và Vũ Phương Thảo đã kết thúc tốt đẹp vào 6 giờ 30 chiều cùng ngày..

II- Đại Hội Luật Khoa:



Tiệc Đại Hội Luật Khoa Toàn Cầu kỳ 4 đã được diễn ra tại nhà hàng Ocean Palace vào 3 giờ chiều ngày chủ nhật 4-5-2025 với khoảng 300 người tham dự. Trong thành phần khách tham dự chúng tôi nhận thấy có các cựu sinh viên Luật Khoa của Sài Gòn, Huế, Cần Thơ đến từ các nơi như Virginia, California, Texas, Minnesota, Louisiana, Indiana ... cùng các hội đoàn, thân hữu và giới truyền thông.

Mở đầu là phần chào cờ Mỹ-Việt và một phút mặc niệm đối với các tử sĩ VNCH cùng đồng bào đã bỏ mình trên đường tìm tự do cùng các giáo sư và cựu sinh viên luật khoa ă



Quan khách tham dự đã qua đời.



Ls Ngô Hữu Liễn, chủ tịch Hội Đồng Thường Vụ của Câu Lạc Bộ Luật Khoa VN ngỏ lời cảm ơn sự hiện diện của mọi người và cho biết buổi tiệc nhằm đánh dấu 25 năm hoạt động của Câu Lạc Bộ

Luật Khoa VN tại Houston, Texas.



Ls Nguyễn Văn Thắng, chủ tịch Hội Đồng Điều Hành của Câu Lạc Bộ Luật Khoa VN đã nhắc lại những lần Đại Hội Luật Khoa Toàn Cầu trước đây. Ông cho biết kỳ I vào năm 2000 có sự hiện diện của các giáo sư

Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Huy Đầu, Nguyễn Văn Canh với khoảng 400 người tham dự. Đến kỳ II vào năm 2010 có khoảng trên 500 người tham dự với nhiều cựu sinh viên Luật Khoa đến từ nhiều nơi. Đại Hội kỳ III vào năm 2015 và kỳ IV năm 2025 có khoảng 300 người tham dự. Tiệc Đại Hội Luật Khoa kỳ IV nhằm đánh dấu 70 năm của trường Luật Sài Gòn thành lập, 25 năm hoạt động của Câu Lạc Bộ Luật Khoa VN và 10 năm phát hành Kỷ Yếu Luật Khoa. Ông cũng cho biết Đặc San Luật Khoa năm 2025 được phát hành hôm nay gồm nhiều bài vở giá trị hầu nói lên Niềm Tự Hào Và Ước Mơ của các cựu sinh viên Luật Khoa VN.



Ls Đỗ Xuân Hiệp, cựu Tổng Thư Ký của Hội Ái Hữu Luật Khoa ở Nam Cali cho biết ông rất vui đến tham dự buổi tiệc do Câu Lạc Bộ Luật Khoa VN tổ chức sau 50 năm chúng ta rời quê hương, Đây là điều rất quý và cần thiết tạo dịp cho các đồng môn Luật Khoa gặp gỡ nhau.



Ls Nguyễn Vạn Bình, Trưởng Ban Điều Hành của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali cho biết đây là lần thứ 2 ông đến tham dự Đại Hội Luật Khoa Toàn Cầu tại Houston. Lần thứ 1 vào năm 2010 với số lượng quan khách đông đảo

gồm có giáo sư Mai Văn Lễ, các niên trưởng như TP Trang Sĩ Tấn, các Ls Nguyễn Tiến Đạt, Nguyễn Thế Linh v.v. và chính buổi Hội Ngộ này là niềm cảm hứng để ông thành lập Gia Đình Luật Khoa tại San Jose, California vào mùa thu năm 2010.

Ông cho biết cảm tưởng khi đến dự đại hội lần này mang hai tâm sự bùi ngùi lẫn vui sướng. Ông bùi ngùi vì hôm nay đã vắng mặt Gs Mai Văn Lễ và một số các niên trưởng quý mến như Ls Nguyễn Tiến Đạt, Ls Nguyễn Thế Linh v.v. Vào chiều thứ năm 1-5-2025 khi ông đến phi trường Houston trên đường đến lấy hành lý, ông nhớ lại cảnh Ls Nguyễn Tiến Đạt đến đón Ls Hoàng Cơ Long. Nhưng nay thì Ls Nguyễn Tiến Đạt đã ra đi và Ls Hoàng Cơ Long thì già yếu ở San Jose. Ông cũng vui khi dự tiệc hôm nay và cảm ơn tình thân làm việc hăng say của Ls Nguyễn Văn Thắng trong việc tổ chức và phát hành Đặc San Luật Khoa năm 2025 chỉ trong vòng 2 tháng chuẩn bị. Ông cho rằng cuộc sống của chúng ta ngoài vợ, chồng là người bạn đời, chúng ta cũng rất cần có các bạn hiền nhất là các bạn đồng môn để tâm tình, an ủi, giúp đỡ lẫn nhau.



Trao bằng Vàng ghi ơn đến cụ Lưu Vĩnh Lữ

Dịp này, Câu Lạc Bộ Luật Khoa đã trao bằng vàng ghi ơn đến cụ Lưu Vĩnh Lữ (95 tuổi), Đại tá Nguyễn Văn Nam (92 tuổi), Gs Lê Thị Thu Cúc, Phó tế Nguyễn Mạnh San, Ls Đỗ Xuân Hiệp, Ls Nguyễn Vạn Bình, các ông Trần Hữu An, Lê Tích Sơn, Trần Kim Trọng v.v..



Chánh án di trú Chris Phan, con của Ls Phan Văn Thức cũng ngỏ lời cảm ơn các chú bác và hứa cố gắng phục vụ cho cộng đồng VN.

Ông Chu Văn Cương, chủ tịch của cộng đồng VN tại Houston cũng ngỏ lời chúc mừng sự thành công của đại hội.

Sau đó là phần văn nghệ mở đầu với màn hợp ca bài Luật Khoa VN Hành Khúc do

Ls Võ Văn Dinh sáng tác với lời lẽ thật hùng tráng. Tiếp theo là các màn đơn ca, song ca, hợp ca và các màn ca vũ thật sống động.



Hợp ca Luật Khoa VN Hành Khúc



Hợp ca Cô Gái Việt



Lê Tích Sơn và Đỗ Xuân Hiệp song ca



Hợp ca



Song ca bài Trả Lại Em Yêu
Ban Tổ Chức dịp này đã phân phối Đặc San Luật Khoa năm 2025 đến mọi quan khách và Đại Hội được kết thúc tốt đẹp vào 8 giờ tối cùng ngày./



Các cựu sinh viên Luật Khoa VN

BÀI PHÁT BIỂU TẠI TIỆC

TIỀN HỘI NGỘ LUẬT KHOA TẠI HOUSTON, TEXAS NGÀY 3-5-2025



LS PHAN HIỆP THÀNH

Xin kính chào quý vị

Kính thưa quý vị Giáo Sư, các bậc trưởng thượng, các anh chị cựu sinh viên LK và quý vị quan khách có mặt trong buổi tiệc hội ngộ toàn cầu hôm nay.

Tôi xin kính chúc tất cả quý vị được dồi dào sức khỏe.

Thật là một vinh dự cho tôi, được lên đây thay mặt cựu sinh viên Luật Khoa Huế, để kể chuyện của trường luật Huế thời tôi là sinh viên.

1- Giới thiệu LK Bắc Cali.

Thời gian có thể mang đi nhiều thứ – những mái tóc xanh, những ước mơ tuổi trẻ, hay cả những ngây thơ thuở ban đầu – nhưng tình cảm chân thành, những kỷ ức chung và sự gắn bó giữa người với người thì luôn ở lại. Chính điều đó đã đưa chúng ta trở về bên nhau hôm nay.

Tôi được biết đến Gia Đình Cựu Sinh Viên Luật Khoa Việt nam, tại Bắc Cali, qua lời mời gọi tham dự một buổi tiệc Tân niên bởi GS Lê Đình Cai.

Mỗi lần họp mặt, phải công nhận anh Nguyễn Văn Bình đã khéo léo thu hút được rất



Nhạc cảnh Còn Gặp Nhau của GĐLKBC



Nhạc cảnh Ghế Bến Sài Gòn của GĐLKBC



Nhạc cảnh Nhà VN của GĐLKBC

nhieu đồng môn tham dự, mà cũng là công sức của hiền thê, Jackie Mã Phương Liễu, một cựu Sinh viên Luật Khoa Cần Thơ.

Gia đình Cựu Sv LK VN tại Bắc Cali đã nối kết được cả 3 trường Luật Saigon, Huế,

Cần Thơ và quý vị Giáo sư , quý vị Luật Sư, quý vị Thẩm Phán thời trước 1975. Đây là một sự thành công đáng kể.

Và ấn tượng nhất là năm 2016 thấy trong chương trình Văn nghệ có quý vị thẩm phán và quý vị Luật sư thâm niên cùng lên hoá trang với đồng phục nghề nghiệp của mình.

2- Giới thiệu LK Huế :

Hôm nay, chúng ta có mặt tại đây – không chỉ để gặp lại nhau, mà còn để cùng nhau gợi nhớ, cùng nhau sẻ chia và cùng nhau viết tiếp một chương mới của những kỷ niệm đã từng là một phần thanh xuân rực rỡ.

Nói về LK Huế



-- GS Luật tại Huế rất ít.: gồm GS Nguyễn Toại, GS Nguyễn Mạnh Bách, GS Nguyễn Trường, GS Nguyễn Sỹ Hải .

Tôi còn nhớ GS Nguyễn Toại , đứng tuổi , độc thân, sinh viên thường gọi là “ cụ Toại” dạy môn chính Dân Luật. Mỗi lần giảng bài thay vì nhìn vào mắt sinh viên, GS thường nhìn vào trần nhà, nên sinh viên đặc tên là Thầy Toại nhìn trần lẩn” con thạch sùng “ .

Vì thiếu GS nên Ông Viện Trường hay mời GS Sài Gòn về dạy học , 2,3 ngày liên tục cho mỗi khóa 3 tháng. Chúng tôi học rất vất vả trong hoàn cảnh như thế này. Học từ sáng tới tối cho một môn học, luôn cầm cúi ghi bài mà SV gọi là ghi cours, vừa nghe giảng, vừa suy nghĩ để viết cho khỏi sai, nên lãnh hội cũng bị giới hạn.

Sinh viên cũng học với GS Vũ Văn Mẫu, GS

Nguyễn Ngọc Huy, GS Bùi Tường Huân, GS Trần Xuân Thời, GS Nguyễn Lành , GS Tạ Văn Tài...

- SV nữ rất ít.

Tôi vào học trường Luật Huế năm 1966.- 1970 , khóa đầu tiên áp dụng học Luật 4 năm

Tôi vào học trường luật cũng là một cuộc cách mạng của đời tôi. vì không có sự lựa chọn nào khác và để phản đối truyền thống trong nhà là con gái phải học sư phạm, đi dạy học, không học luật để ra cãi cò , vì quan niệm cổ truyền, lấy con gái học Luật thường về nhà hay cãi vả nên con gái học Luật để bị ế chồng.

SV nam thì tương đối nhiều hơn , có luôn cả những công chức cũng đi học. Sinh viên khi nào cũng đầy cả Giảng đường.

Dù mỗi người đang sống một cuộc đời riêng, với những nỗi lo, những thành tựu và cả những mất mát, nhưng chỉ cần một ánh mắt quen, một câu chuyện cũ, là tất cả như chưa hề cách xa. Tình bạn, tình thân, hay đơn giản là một sự thấu hiểu không cần lời – đó là món quà quý giá mà không thời gian nào có thể đánh đổi được.

3- Lợi ích học Luật: đề thượng tôn Luật Pháp.

Tôi thấy học Luật rất hay vì mình biết luật lệ sẽ thượng tôn luật pháp và không làm điều sai quấy.

Kết luận:

Hôm nay, chúng ta hãy cười nhiều hơn một chút, nói nhiều hơn một chút, và dành cho nhau những cái bắt tay thật chặt. Bởi vì khoảnh khắc này, chính là điều mà ngày mai chúng ta sẽ nhớ mãi.

Chúc buổi họp mặt của chúng ta thật ấm áp, tràn đầy năng lượng tích cực và sẽ là một dấu ấn đẹp trong tim mỗi người.

Xin trân trọng cảm ơn và chúc mọi người một ngày thật ý nghĩa!

Xin trân trọng kính chào.

LS PHAN HIỆP THÀNH

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Giáo Sư Luật



Gs Vũ Văn Mẫu



Gs Vũ Quốc Thúc



Gs Nguyễn Cao Hách



Gs Nguyễn Độ



Gs Bùi Tường Chiêu



Gs Vũ Quốc Thông



Gs Nguyễn Văn Bông



Gs Nguyễn Ngọc Huy



Gs Bùi Tường Huân



Gs Tăng Thị Thành Trai



Gs Mai Văn Lễ



Gs Trần Văn Tuyên



Gs Trần Văn Liêm



Gs Nguyễn Quang Quỳnh



Gs Châu Tiến Khương



Gs Nguyễn Huy Chiêu



Gs Nghiêm Xuân Việt



Gs Tăng Kim Đông



Gs Vũ Văn Hiền



Gs Trần Chánh Thành

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Giáo Sư Luật



Gs Phan Tấn Chức



Gs Phạm Văn Thuyết



Gs Nguyễn Văn Canh



Gs Trần Như Tráng



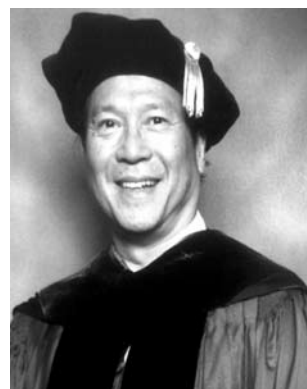
Gs Nguyễn Mạnh Hùng



Gs Tạ Văn Tài



Gs Quách Thị Nho



Gs Vũ Quốc Thụy



Gs Nguyễn Quốc Trị



Gs Vũ Thị Việt Hương



Gs Đặng Xuân Hào



Gs Đặng Thị Tâm

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Tòa Án và Các Thẩm Phán



Tối Cao Pháp Viện



Trần An Bài



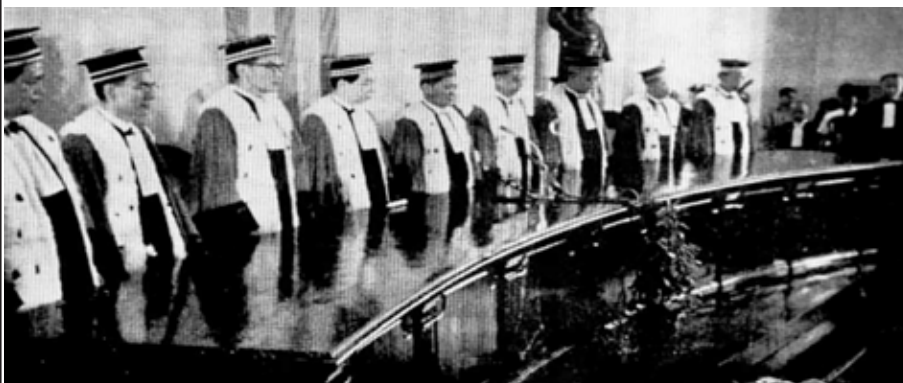
Trần Thanh Giang



Trang Sĩ Tấn



Trịnh Ngọc Dung



Members of the new Supreme Court (from left): Justices Nguyen Van Bien, Tran Van Linh, Nguyen Mong Bich, Trinh Xuan Ngan, Nguyen Van Si, Mai Van An, Tran Minh Tiet, Nguyen An Thong and Tran Van Liem.

Các Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện



Trương Tiến Đạt



Vũ Mạnh



Pháp đình Sài Gòn



Tối Cao Pháp Viện

Các Thẩm Phán Tòa Sài Gòn

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Nguyễn Thành Hương



Nguyễn Mạnh Quỳnh



Nguyễn Văn Thành



Lê Duy San



Đặng Xuân Thanh



Đỗ Đức Du



Nguyễn Độ



Hà Ngọc Phúc Lưu



Hoàng Mạnh Hải



Hoàng Tuấn Lộc



Nguyễn Đình Kỳ



Huỳnh Trung Chánh



Khuất Duy Trác



Lâm Lễ Trinh



Lê Thế Hiển



Lê Văn Tiến



Lê Đắc Trọng



Lê Tài Bôn



Lương Đức Hợp



Lương Tấn Bảo



Mai Văn An



Nguyễn Đức Huy



Nguyễn Hữu Cẩn



Nguyễn Thị Vệ



Nguyễn Cẩn

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Nguyễn Cao Quyền



Nguyễn Hồng Nhuận Tâm



Nguyễn Hữu Thành



Nguyễn Hữu Thụy



Nguyễn Quốc Sứ



Nguyễn Thành Lôi



Nguyễn Văn Biên



Nguyễn Văn Quý



Nguyễn Văn Thông



Nguyễn Y Nhac



Nguyễn Duy Linh



Phạm Văn Huệ



Hà Dương Vỹ



Đặng Vũ Mai



Trần Chấp Trinh



Bùi Trọng Tường



Bùi Văn Thanh



Cao Văn Thân



Đặng Đình Long



Đinh Văn Huân



Đỗ Đức Du



Đỗ Hữu Phúc



Dương Khang



Dương Kiên



Dương Lân

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Hà Xuân Tế



Hà Xuân Thao



Hồ Đắc Cẩn



KHổng Trọng Hình



Lê Quang Phục



Lê Thanh Sơn



Lê Thị Ngọc Trân



Lê Văn Thu



Ngô Bút



Nguyễn Huân Trinh



Nguyễn Anh Hoàng



Nguyễn Công Đàn



Nguyễn Đình Hùng



Nguyễn Đình Kỳ



Nguyễn Đức Quý



Nguyễn Hải



Nguyễn Mộng Bích



Nguyễn Ngọc Điện



Nguyễn Nhu Tuấn



Nguyễn Quốc Chân



Nguyễn Sĩ Huyền



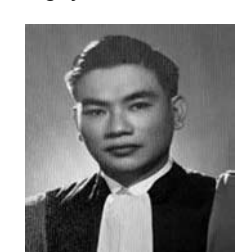
Nguyễn Thanh Lộc



Nguyễn Thế Cường



Nguyễn Ứng Chung



Nguyễn Văn Hào

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Nguyễn Văn Sửu



Nguyễn Văn Thành



Phạm Gia Hệ



Phạm Kim Quy



Phạm Ngọc Tòng



Phạm Văn Hàm



Phan Quang Khải



Phan Tam Tuấn



Phù Tuyết Hồng



Tô Sơn Lâm



Tôn Thất Hiệp



Tống Đức Hoàn



Trần Cẩm Tựu



Trần Khương Trinh



Trần Kim Thủy



Trần Nguyên Tá



Trần Văn Thuận



Trịnh Viết Tân



Trương Kim Thạch



Việp Văn Tỹ



Võ Nhật Minh



Vũ Tiến Thuận



Nguyễn Thế Sinh



Nguyễn Trọng Liệu



Trần Cẩm Tụ

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



LS Trần Văn Tốt

LS Võ Văn Quan



LS Trần Văn Tốt, cựu thủ lĩnh LS Đoàn và LS Võ Văn Quan

LS Trần Văn Tuyên, cựu thủ lĩnh LSD



LS Thân Thị Hoài Phương

Thân thị Hoài Phương



LS Trần Thị Ánh Tuyết

Trần thị Ánh Tuyết



Bà LS Nguyễn Hữu Trang

Nam Thị Hồng Vân



LS Huỳnh Ngọc Anh

Huyền Ngọc Anh



Quách Thị Nho ^



LS Trương Hồng Thị Trinh

Trương Hồng Thị Trinh



LS Nguyễn Thủy Loan

Nguyễn Thủy Loan



Nguyễn Thị Chính



LS Bùi Lệ-Khanh

Bùi Lệ Khanh



LS Nguyễn Sĩthuy

Nguyễn Sĩthuy



^Đoàn Tường Mỹ



Nguyễn Thị Phượng Huy



Trần thị Thanh Thủy



Trần Hoàng Vân



Nguyễn Tuyết Mai

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Nguyễn Văn Lộc



Trần Văn Chương



Hồ Tri Châu



Trần Văn Tốt



Nguyễn Văn Huyền



Nguyễn Mạnh Tường



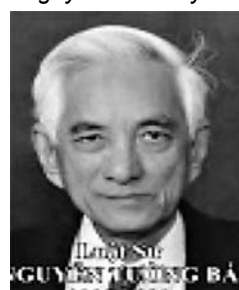
Trần Chánh Thành



Trương Đình Dzu



Phan Tấn Chức



Nguyễn Tường Bá



Đinh Thạch Bích



Ngô Khắc Tĩnh



Nguyễn Thúc Phương



Đàm Quang Lâm



Lý Quốc Sinh



Bùi Bích Hợp



Nguyễn Thành



Đỗ Đức Hậu



Khuất Duy Trác



Lê Tất Hào



Đoàn Văn Tiên



Trần Thị Lan



Trương Ánh Nguyệt



Hoàng Thị Thân



Nghiêm Thực Nhân

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Đỗ Xuân Hòa



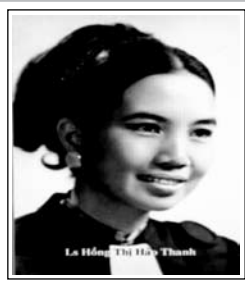
Đặng Xuân Thanh



Đào Hữu Phan



Đỗ Ngọc Phú



Hồng Thị Hảo Thanh



Đỗ Xuân Hiệp



Phan Ngọc Cẩn



Huỳnh Thị Xuân Hoàng



Lại Đình Cẩn



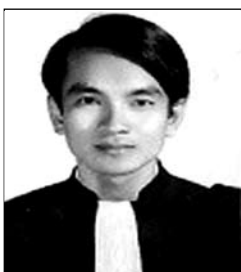
Trác Quan Trường



Bùi Trần Phú



Nguyễn Ngọc Anh Trang



Bùi Thế Bằng



Lê Như Thọ



Tôn Tịnh Phần



Lê Thanh Phương



Vũ Thị Sâm



Trần Tử Huyền



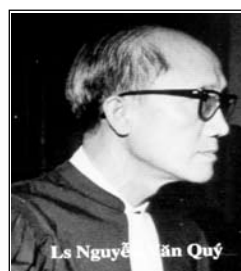
Lý Vĩnh Thông



Vũ Ngọc Oanh



Nguyễn thị Hồng



Nguyễn Văn Quý



Lưu Đức Quỳnh



Trần Sơn Hà



Nguyễn Thúy Liên

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Lê Duy San



Đoàn Thanh Liêm



Nguyễn Thúc Phương



Trương Tiến Đạt



Nguyễn Tiến Đạt



Đinh Thành Châu



Ngô Hữu Liễn



Võ Duy Thường



Lê Công Tâm



Nguyễn Thành



Nguyễn Hồng Nhuận



Nguyễn Hữu Thụy



Lê Chí Hiếu



Trần Đức Thông



Huỳnh Quang Khải



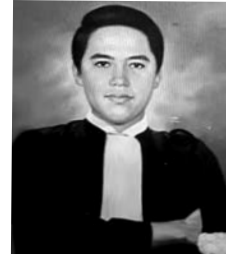
Vũ Ngọc Anh



Nguyễn Văn Định



Đỗ Đức Hậu



Hoàng Đức Trí



Phạm Minh Anh



Nguyễn Đình Sơn



Nguyễn Minh Hiễn



Trần Bích Tập



Huỳnh Văn Trai



Vũ Hữu Kỳ

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Phạm Nam Sách



Lê Tùng Lâm



Nguyễn Hữu Thống



Vũ Ngọc Tuyền



Đỗ Doãn Quế



Hoàng Cơ Long



Ngô Tăng Giao



Trần Minh Nhựt



Nguyễn Công Bình



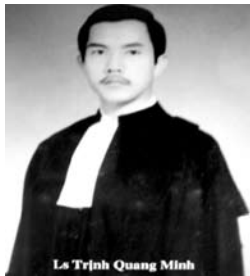
Phùng Văn Tuệ



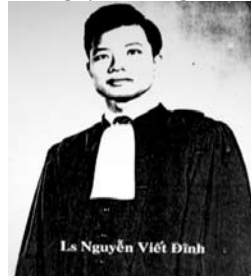
Ngô Văn Tiếp



Nguyễn Mai



Trịnh Quang Minh



Nguyễn Viết Đình



Võ Văn Đình



Nguyễn Đăng



Nguyễn Văn Lộc



Huỳnh Quan Trung



Phan Trọng Hàm



Huỳnh Bửu Khuông



Nguyễn Đình Phương



Phạm Ngọc Anh



Trần Minh Lợi



Nguyễn Vạn Bình



Nguyễn Văn Thắng

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Cac Luat Sö



Tăng Thị Thành Trai



Trần Tân Thái



Ls Vũ Phương Liên



Trần Thanh Hiệp



Ngô Văn Quang



Đặng Tiến Đạt



Đào Trọng Vinh



Nguyễn Kim Dung



Nguyễn Thị Vui



Đoàn Văn Thịnh



Đoàn Văn Tiên



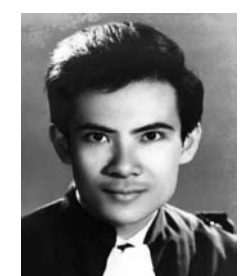
Nguyễn Ngọc Ánh



Dương Mỹ Linh



Đỗ Cẩm Phương



Trần Văn Vượng



Nguyễn Phước Đại



Mai Văn Đại



Lê Kim Thoa



Lại Đình Cẩn



Lê Minh Việt



Nguyễn Hữu Thi



Trần Văn Du



Đặng Tấn Lợi



Lưu Nguyên Đạt



Lưu Vĩnh Khương

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Trần Thị Cẩm



Trương Hồng Thị Trinh



Hoàng Châu Qui



Đào Thị Tuyền



Đào Ngọc Thụy



Lê Thị Hồng Diễm



Nguyễn Thị Chính



Nguyễn Thị Quý



Nguyễn Mộng Châu



Nguyễn Thị Hàn



Phạm Phú An



Trần Loan Phượng



Phạm Thu Hồng



Bùi Thắng Lợi



Phan Thu Hương



Vũ Thị Tiến



Lê Kim Ngọc



Nguyễn Thị Chúc



Nguyễn Ngọc Dung



Đỗ Cẩm Phương



Trần Thanh Hải



Phạm Ngọc Dung



Phan Ngọc Cẩn



Lê Thị Kim Thanh



Trần Thu Phương

CÁC CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA



ĐT Mã Sanh Nhon



ĐT Trần Thanh Điền



HT Nguyễn Thanh Liêm



LM Vũ Minh



Ngô Văn Kim



Trần Hữu An



Ls Nguyễn Duy Tiếp



Ls Nguyễn Ngọc Diệp



Nguyễn Phú



Bs Trần Công Luyện



Nguyễn Toàn



Đỗ Trọng Dũng



Huỳnh Lương Thiện



Nguyễn Trung Tính



Phạm Huy Khuê



Bùi Tuyết Sơn



Đỗ Huy Huệ



Nguyễn Bạch Túc



Phạm Hữu Diên



Nguyễn Công Sum



Nguyễn Tường Tâm



Trần Tất Đạt



Nguyễn Hiền



Nguyễn Hoàn



Nguyễn Văn An

MỘT THỜI KỶ NIỆM

CÁC SINH VIÊN LUẬT SÀI GÒN



Cao Ánh Nguyệt



Trương Gia Vy



Phan Xuân Hương



Nguyễn Bạch Yến



Nguyễn Thanh Hường



Võ Kim Tuấn



Thái Hà



Vũ thị Gấm



Nguyễn thị Ngọc Mai



Nguyễn Ngọc Dung



Võ Thị Ngọc Hòa



Catherine Tố Ngọc



Nguyễn Thị Hồng



Nguyễn Thị Nhung



Phạm Liên Hương



Nguyễn Mỹ Ngọc



Nguyễn Song Hà



Phan Thị Hòa



Ngô Vũ Thu



Trần Mai Hương



Phạm Minh Tâm



Kathy Trần



TP Trần Thanh Giang



Trần Nguyệt Ánh



Vũ Trần Thanh Tú

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Cựu SV Luật Khoa



Trần Nguyên Cường



Như Hảo



Nguyễn Trung Hòa



Lê Trung Hiếu



Nguyễn Trần Quý



Huỳnh Văn Yên



Lê Tích Sơn



Lê Trung Tâm



Trì Ngọc Bình



Vũ Văn Chiến



Phạm Hữu Điện



Nguyễn Văn Hùng



Lâm Quốc Bảo



Ls Nguyễn Đăng Khoa



Nguyễn Văn Lê



Hà Đình Huy



Lưu Hữu Phúc



Nguyễn Huy Thuyết



Lưu Anh Hùng



Lê Mộng Nam



Lê Thị Lộc



Hà Như Việt Anh



Nguyễn Xuân Sơn



Lưu Kim Yến



Lưu Kim Oanh

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Cựu SV Luật Khoa



Ls Nguyễn Tường Bá



Nguyễn Hữu Trương



Nguyễn Thu Lê



Nguyễn Thị Minh Châu



Nguyễn Sang



Phạm Mạnh Tuấn



Dương Thị Tiến



Nguyễn Gia Dân



Võ Đập



T rần Tân



Đoàn Phúc Hữu



Nguyễn Thu Hà



Nguyễn Hồng Xuyên



Phạm Quang



Nguyễn Vạn Thắng



Vũ Hữu Trường



Nguyễn Thị Phương



Nguyễn Quý Long



Phạm Kim Điền



Ls Nguyễn Cao Thắng



Lê Quang Truật



Đỗ Hữu Phương



Đỗ Trung Triêm



Phạm Như Thành



Võ Duy Thành

HÌNH ẢNH GIÁO SƯ & CỤU SV LUẬT KHOA CẦN THƠ





Gs. NGUYỄN
DUY XUÂN

Gs. NGUYỄN
NGỌC HUY

Gs. NGUYỄN
QUANG QUÝNH

Gs. TẠ VĂN TÀI



Gs. BỬU LỊCH

LÊ MINH BÊN

HUỶNH VĂN XÔI

HUỶNH TẤN VEN



NGÔ TRUNG DŨNG

NGUYỄN HỮU LỤC

TRẦN TRUNG DŨNG

ĐỖ VĂN ĐIỂN



QUÁCH HUỆ LAN

NGUYỄN T. TRƯƠNG
1970-1974

HUỲNH T. XUÂN
1973-1975

CHÂU T. MINH HOÀNG
1973-1975



VĂN THỊ CÔNG
1970-1975

LÝ KỲ MỸ
1970-1975

PHAN THANH VÂN
1970-1975

NGUYỄN T. HOÀNG
OANH 1969-1973

Đại Học Luật Khoa Cần Thơ nằm trong Viện Đại Học Cần Thơ,
Viện Đại Học Cần Thơ được thành lập vào ngày 31 tháng 03, năm 1966.
Khi khai giảng vào tháng 10, có 5 phân khoa:

1. Đại Học Khoa Học
2. Đại Học Văn Khoa
- 3. Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội**
4. Đại Học Nông Nghiệp
5. Đại Học Sư Phạm

Viện Trưởng Viện Đại Học Cần Thơ lúc bấy giờ là Gs. Nguyễn Duy Xuân,
và Khoa Trưởng Đại Học Học Luật Khoa là Gs. Nguyễn Hữu Lành.

CÁC CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA HUẾ – SÀI GÒN



Lê Đình Cai



Võ Thị Hạ



Dương Diên Nghị



Nguyễn Thu Hương



Phan Hiệp Thành



Nguyễn Phú



Phan Văn Hưng



Tôn Nữ Thúy Diễm



Nguyễn Đình Dũng



Trần Thị Huệ



Phan Tịnh Dung



Ls Đặng Thanh Phương



Lê Thị Ngọc Diệp



Nguyễn Thị An Nhân



Phan Thúy Phương



Tạ Ngọc Quý



Ls Bùi Thúy Phương



Phan Ánh Nguyệt



Phan Kiều Nga



Ls Phan Ánh Nguyệt



Ls Nghiêm Thục Nhân



Nguyễn Thanh Tâm



Ls Trần Ngọc Tuyết



Trần Thị Thanh Tâm



Huỳnh Ngọc Hương

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Giáo Sư và Các Sinh Viên Luật



Gs Vũ Quốc Thông, Gs Nguyễn Văn Canh và các sinh viên



Các chị Vũ Tuyết Trinh và Vũ Thị Gấm



Mã Gia Trí



Trần Kim Thuần



TP Hoàng Tuấn Lộc



Ls Trương Minh Nguyệt



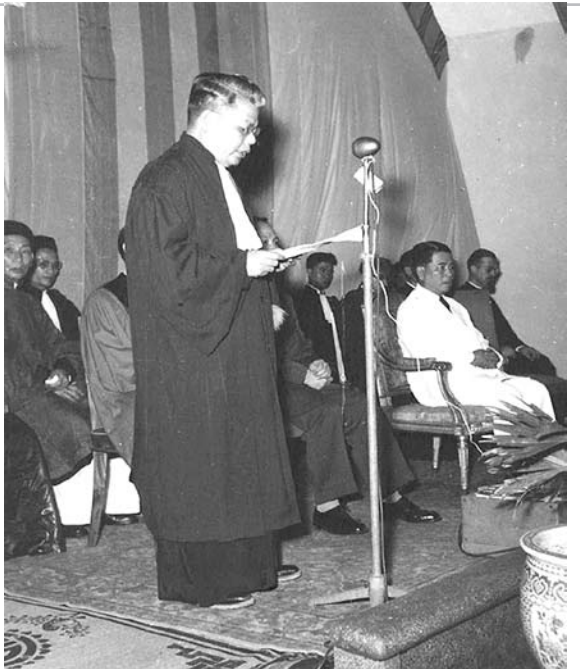
Morgan Phạm



Phạm Văn Ái

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Viện Đại Học và Trường Luật Huế



LM Cao Văn Luận, Viện Trưởng Đại Học Huế

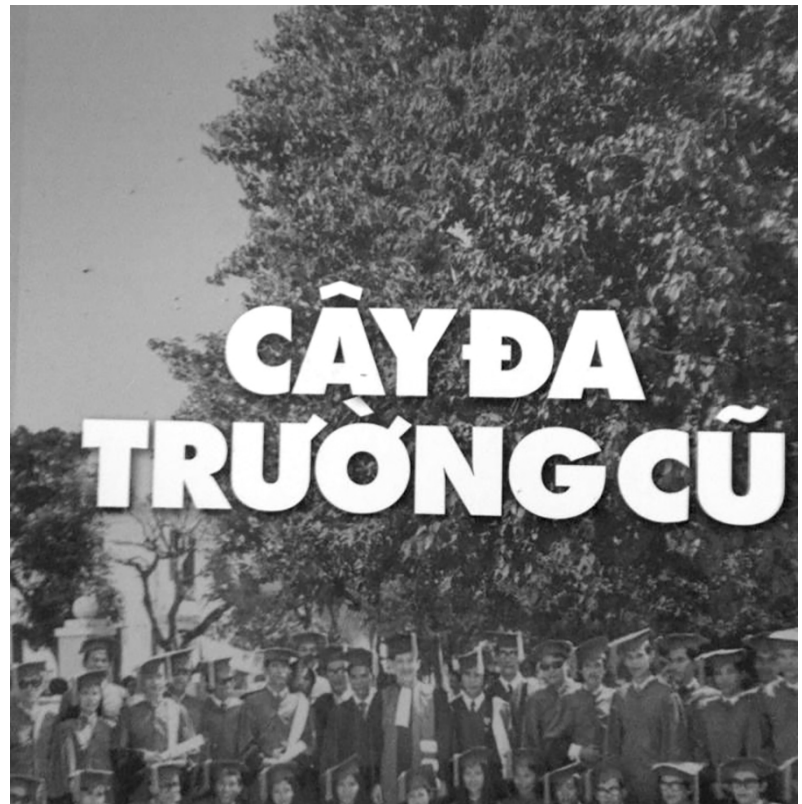


Giáo sư Bùi Tường Huân

Gs Bùi Tường Huân, Khoa trưởng Đại Học Luật Huế



phía sau bức tường này tạm gọi là "phòng trung tâm" vì không biết là giảng đường gì



MỘT THỜI KỶ NIỆM

Trường Luật Cần Thơ



Anh Hà Kim Tinh



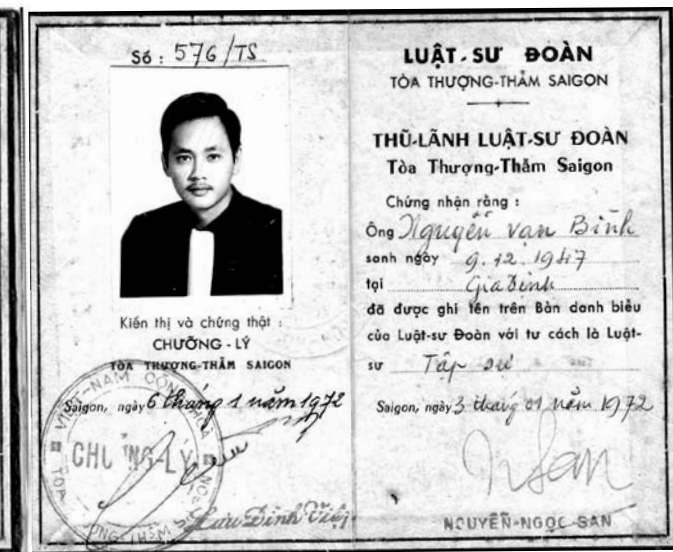
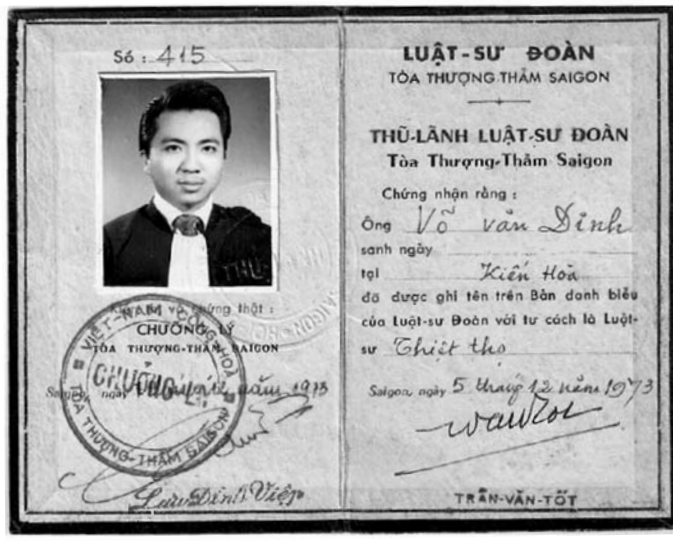
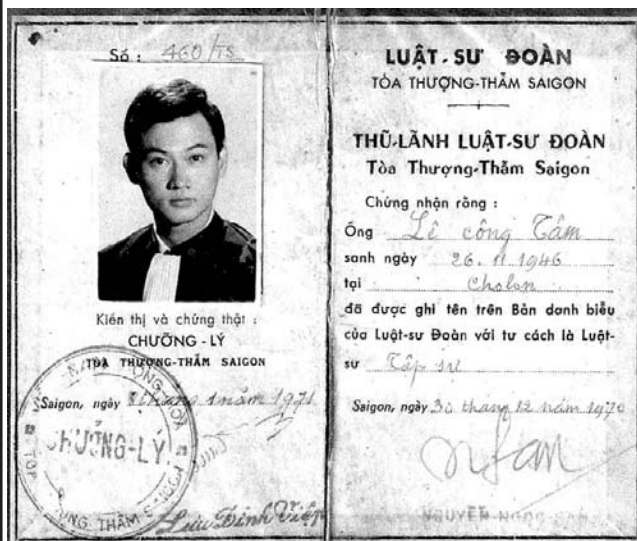
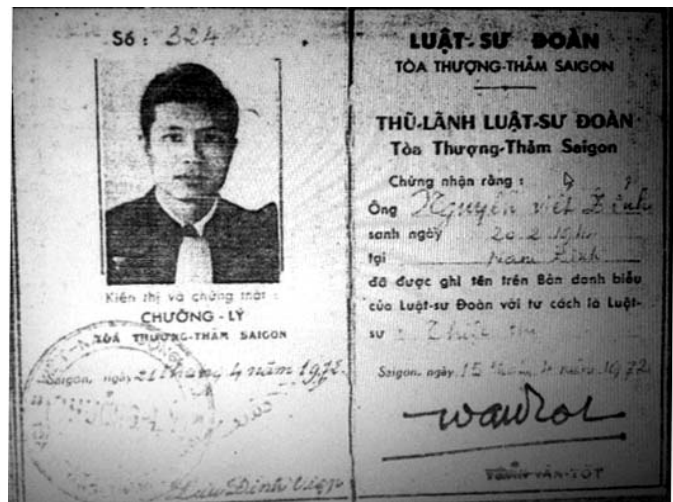
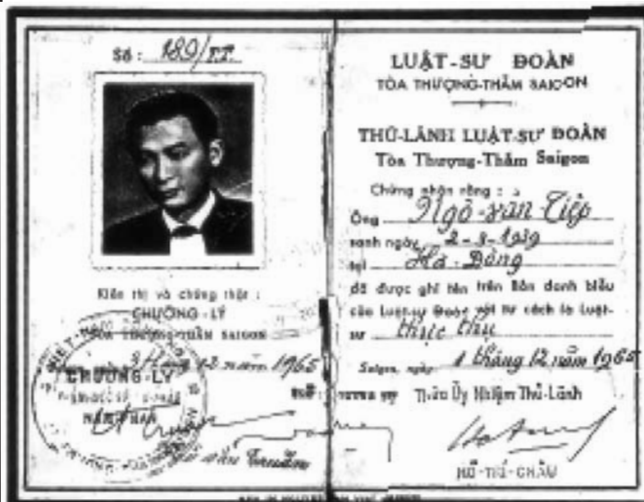
Anh Châu Minh Hoàng



Gs Công và các sinh viên Luật Cần Thơ tốt nghiệp niên khóa 1970-1974

MỘT THỜI KỶ NIỆM

CÁC THẺ LUẬT SƯ



MỘT THỜI KỶ NIỆM

CÁC THẺ LUẬT SƯ



MỘT THỜI KỶ NIỆM

CHỨNG CHỈ, BẰNG CẤP, THẺ LUẬT SƯ

VIỆN ĐẠI HỌC SAIGON
Fakultät der Saigon

LUẬT KHOA ĐẠI HỌC ĐƯƠNG
Fakultät der Saigon

CHỨNG-CHỈ TẠM-THỜI
(Attestation provisoire)

KHOA-TRƯỞNG LUẬT-KHOA ĐẠI HỌC ĐƯƠNG SAIGON
Le Docteur de la Faculté de Droit de Saigon

CHỨNG NHẬN
Attestation

O. NGUYỄN - NGỌC - ANH

Sinh ngày 1 tháng 6-1941 tại An-xuyên, Gò-Con, Gò-Con

đã từng học tại **VIỆN THỦ ĐẠO-CHUYÊN LUẬT-KHOA**
et est maintenant Docteur en Droit de la Faculté de Droit de Saigon

Sinh ngày 22-3-1963 tại SAIGON

Vào lớp 1: AN-xuyên
Vào lớp 2: AN-xuyên
Vào lớp 3: AN-xuyên
Vào lớp 4: AN-xuyên
Vào lớp 5: AN-xuyên
Vào lớp 6: AN-xuyên
Vào lớp 7: AN-xuyên
Vào lớp 8: AN-xuyên
Vào lớp 9: AN-xuyên
Vào lớp 10: AN-xuyên
Vào lớp 11: AN-xuyên
Vào lớp 12: AN-xuyên

Chúng tôi này cấp tạm thời và điều kiện sau đây là được
Fakultät der Saigon (Attestation provisoire) pour obtenir le Diplôme de Docteur en Droit
Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục phê-chuẩn.
do chính Bộ-Trưởng tại M. le Ministre de l'Enseignement Supérieur et des Universités

Saigon, ngày 25 tháng 4 năm 1963

KHOA-TRƯỞNG
Le Docteur

CHỮ THÍCH : Chứng chỉ tạm thời cấp một lần.
Observation : Cette attestation est délivrée pour une seule fois.

Số: 119/75

LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Nguyễn-ngọc-Anh
sinh ngày 1-6-1941
tại An-xuyên
đã được ghi tên trên Bản danh biểu
của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-
sư tập-sự

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

Saigon, ngày 21 tháng 10 năm 1963

Saigon, ngày 18 tháng 10 năm 1963

NGUYỄN-VĂN-HUYỀN

THẺ SINH-VIÊN Số 1033/11

BAN CAO-HỌC
NIÊN-KHÓA 1974 — 1975
Ban Cao Học cấp I TỰ GIÁP

Ông (Bà, Cô) ĐỖ - HỮU - PHƯƠNG
Sinh ngày 02-07-1946 tại Biên Hòa
Cha Đỗ-văn-Ngọc Mẹ Nguyễn-trị-Truyền

T.U.N KHOA TRƯỞNG
THƯ-KÝ ĐẠI-HỌC ĐƯƠNG

HỌC PHÍ
Hai lục-cá-nguyệt
trả ngày :
Đăng-tích ngày : 12.12.74
Miễn Học-Phí :

ĐẠI HỌC LUẬT KHOA SÀI GÒN

BAN GIẢNG HUẤN VÀ CÁC MÔN HỌC



GS NGUYỄN VĂN CANH

Đại Học Luật Khoa Sài Gòn là một phân khoa thuộc Viện Đại Học Sài Gòn có trụ sở đặt tại 17 đường Duy Tân, Sài Gòn.

CÁC KHOA TRƯỞNG

Điều khiển và quản trị công việc của trường là nhiệm vụ của Khoa trưởng.

Hội Đồng Khoa trong một phiên khoáng đại họp để bầu Khoa Trưởng với nhiệm kỳ 2 năm và chỉ phục vụ 2 nhiệm kỳ.

Các Giáo sư sau đây lần lượt đảm nhiệm chức vụ Khoa Trưởng từ 1956 cho đến 30 tháng 4 năm 1975:

- GS Vũ văn Mẫu (không rõ Phó Khoa Trưởng)
- GS Vũ quốc Thúc, như trên
- GS Nguyễn cao Hách, như trên
- GS Nguyễn Độ, GS Mai văn Lễ là Phó Khoa trưởng
- GS Bùi tường Chiêu, GS Phan tấn Chúc, Phó Khoa Trưởng. GS Chiêu phục vụ một nhiệm kỳ thì thôi, vì đến tuổi về hưu.
- GS Vũ quốc Thông, có 2 Phó Khoa Trưởng là GS Phan tấn Chúc và GS Hồ thới Sang.

Cước chú: Vì có nhu cầu chấn chỉnh và cải tổ lại, bắt nguồn từ bế tắc nghiêm trọng nhất là về thi cử vào cuối năm 1972, Hội Đồng Khoa trong một phiên họp bất thường bầu GS Nguyễn

văn Canh vào chức vụ Phụ tá Khoa Trưởng để lo nhiệm vụ này.

Dưới thời GS Khoa Trưởng Vũ quốc Thông, hai Giáo sư Phó Khoa Trưởng tự ý rút lui dù mới chỉ được bầu vào chức vụ ấy cùng với tân Khoa trưởng ít tháng trước đó. Lý do là để tiếp sức cho chương trình chấn chỉnh mà các “anh già” đưa ra. Danh từ “các anh già” do GS Hồ thới Sang dùng để nói tới các Giáo sư hàng đầu của trường, khi lại thăm tôi tại nhà về vấn đề này.

Dịp này tôi có nhắc đến thi cử là **một** trong nhiều khó khăn phải đương đầu.

Và riêng về vấn đề thi cử, ngoài những tệ nạn lặt vặt đã công khai xảy ra v.v..., việc cấp bách và ưu tiên hàng đầu phải giải quyết là việc chấm bài thi và trả bài đã chấm cho trường cộng điểm và ghi vào biên bản để công bố kết quả cho đúng hạn. Thí dụ như số sinh viên Năm I quá đông, mà một số giáo sư hàng đầu dạy Năm ấy. Đồng nghiệp lại nể các vị ấy và có ngại ngùng không nói ra. Nếu các giáo sư ấy không chấm điểm và trả bài thi đúng hạn kỳ trong một lịch trình khắt khe, thì không làm sao hoàn tất mỗi khoá thi đúng kỳ hạn để tránh việc “**khoá thi đặc biệt và duy nhất**” xảy ra như vào năm 1972. Năm đó, Kỳ thi khoá I mở ra vào tháng 6, đến tháng 12, chưa có kết quả, trong khi đó niên học kế đã phải bắt đầu từ 3 tháng trước rồi. Trước các khó khăn quá nhiều và quá lớn này, nhất là có vấn đề tế nhị trong cách đối xử với các bậc đàn anh khi phải giải quyết các khó khăn ấy, tôi tỏ ra e ngại khi được giao phó thi hành công tác này, GS Sang nói rõ và cũng bảo đảm rằng “*anh làm gì thì tất cả ‘các anh già’ sẽ yểm trợ. Các anh ấy cử tôi đến gặp anh về vấn đề này.*”

BAN GIẢNG HUẤN

Đại Học Luật Sài Gòn gồm 3 Ban: Công Pháp, Tư Pháp và Kinh Tế.

Mỗi Ban được coi là một trường nằm

trong Đại Học Luật Sài Gòn. Các Giáo sư trong Ban Giảng Huấn vào thời kỳ trước năm 1975 gồm:



: Từ phải qua trái:

Hàng đầu: GS Nguyễn huy Chiêu, GS Vũ quốc Thúc, GS Nguyễn cao Hách.

Hàng 2: GS Lưu văn Bình, GS Nguyễn văn Canh.

Hàng 3: Thẩm phán, Tiến sĩ Hà như Vinh;

Hàng cuối: GS Tôn thất Trung Nghĩa; GS Nguyễn xuân Lại; GS Vũ quốc Thuỳ



Từ phải sáng trái:

Hàng 1: GS Nguyễn cao Hách, GS Bùi tường Chiêu.

Hàng 2: GS Nguyễn văn Canh, S Thẩm phán

Luật Khoa VN tại Bắc Cali. 2025

TCPV Trịnh xuân Ngạn;
Hàng 3: Thẩm phán, Tiến sĩ Hà như Vinh;
Hàng cuối: GS Vũ quốc Thuỳ, GS Vũ việt

Ban Tư Pháp



Gs Vũ Văn Mẫu

GS Vũ văn Mẫu, Thạc sĩ (1), Trưởng Ban

GS Bùi tường Chiêu

GS Nguyễn huy Chiêu

GS Nguyễn tấn Thành

GS Trần văn Liêm

GS Nguyễn quang Quynh

GS Đặng thị Tám

GS Vũ việt Hương

GS Vũ tam Tư

GS Nghiêm xuân Việt

GS Nguyễn văn Thành

Ban Công Pháp



Gs Vũ Quốc Thông

GS Vũ quốc Thông, Hàm Thạc sĩ (2), Trưởng Ban

GS Nguyễn Độ

GS Nguyễn văn Bông, Thạc sĩ (3)

GS Lê đình Chân

GS Lưu văn Bình

GS Tăng kim Đông

GS Trần thị Hoài Trân
GS Lê quế Chi
GS Nguyễn xuân Lại
GS Phó bá Hải
GS Nguyễn văn Canh
GS Trần như Tráng,
GS Lê đình Chi

Ban Kinh Tế



Gs Vũ Quốc Thúc

GS Vũ quốc Thúc, Thạc sĩ, Trưởng Ban
GS Nguyễn cao Hách, Thạc sĩ
GS Châu tiến Khương
GS Phan tấn Chức
GS Mai văn Lễ
GS Hồ thới Sang
GS Trịnh đình Khải
GS Trần thiên Vọng, Hàm Thạc sĩ
GS Phạm văn Thuyết
GS Nguyễn hải Bình
GS Tôn thất Trung Nghĩa
GS Vũ quốc Thuỳ
GS Bùi tường Huân
GS Nguyễn văn Ngôn

Các giáo sư được chia làm 3 cấp: Giáo sư thực thụ, Giáo sư Diễn Giảng và Giảng Sư. Giáo sư được thăng cấp sau hai năm phục vụ.

CHƯƠNG TRÌNH HỌC CỦA BAN CỬ NHÂN:

Chương trình học tại trường Luật Sài gòn được chia ra làm 2 thời kỳ:

Thời kỳ I từ 1956 đến 1965: Học trình có 3 năm.

Chế độ 3 năm gồm có các môn:

-Năm thứ Nhất:

- 1) Dân Luật (một phần là Nhập Môn và phần chính còn lại là Luật Gia Đình);
- 2) Luật Hiến Pháp;
- 3) Quốc Tế Công Pháp;
- 4) Pháp Chế Sử;
- 5) Kinh Tế Học; và
- 6) Luật Pháp Đối Chiếu.

-Năm thứ Hai:

- 1) Dân Luật (Luật Khế ước & Nghĩa vụ và Dân Sự Phạm);
- 2) Luật Hành Chánh và Tổ Tụng Hành Chánh;
- 3) Hình Luật và Hình Sự Tổ Tụng;
- 4) Tài Chánh Công;
- 5) Kinh Tế Học;
- 6) Luật Pháp Đối Chiếu

-Năm thứ Ba: gồm 2 nhóm:

Nhóm I.

- 1) Dân Luật (Hương Hoả, Di Chúc, Thừa kế);
- 2) Luật Thương Mại,
- 3) Dân Sự Tổ Tụng;
- 4) Luật Lao Động và An Sinh Xã Hội;
- 5) Kinh tế Việt nam;
- 6) Luật Pháp Đối Chiếu (Nhóm này gọi là Vấn Đáp I);

Nhóm II:

- 1) Quốc tế Tư Pháp (Quốc Tịch);
- 2) Hình Luật Đặc Biệt;
- 3) Luật Hàng Hải;
- 4) Lịch Trình Học Thuyết Chính Trị;
- 5) Luật Bảo Hiểm;
- 6) Kinh Tế Việt nam;
- 7) Hội Thảo /thuyết trình/ thực tập (Vấn Đáp II).

Cước chú:

Vào cuối thập niên 1950, Môn Kinh Tế được chia ra làm 2 phần

- a) Nhập Môn; Các Học Thuyết Kinh Tế; Tiền Tệ và Ngân Hàng. Môn học này được dạy ở Năm I, Ban Cử Nhân;
- b) Phân Phối Lợi Tức Quốc Gia, dạy ở năm II, Cử Nhân.

Thời kỳ II từ 1966 trở về sau: Chế độ 4 năm

Học trình được tăng lên 4 năm. Trong 2 năm đầu, sinh viên học cùng một môn, nhưng lên năm thứ 3, sinh viên có thể chọn một trong 3 ngành: Tư Pháp, Công Pháp và Kinh Tế.

Chương trình gồm các môn:

Năm thứ I gồm:

- 1) Dân Luật;
- 2) Cổ Luật;
- 3) Quốc Tế Công Pháp;
- 4) Luật Hiến Pháp;
- 5) Kinh Tế Học;
- 6) Phát Triển Kinh Tế và Xã Hội;
- 7) Pháp Chế Sử;
- 8) Danh Từ Kinh Tế;
- 9) Luật Pháp Đối Chiếu (chọn tiếng Anh hay Pháp).

Năm thứ II gồm:

- 1) Dân Luật;
- 2) Luật Hành Chánh;
- 3) Kinh Tế Học;
- 4) Bang Giao Quốc Tế;
- 5) Tài Chánh Công;
- 6) Cổ Luật;
- 7) Hình Luật;
- 8) Danh từ Kinh tế;
- 9) Luật Đối Chiếu (tiếng Anh hay Pháp).

Năm thứ III. 3 Ban

Ban Công Pháp, gồm:

- 1) Dân Luật;
- 2) Kinh tế Việt nam;
- 3) Tự Do Công Cộng;
- 4) Chính Trị Xã Hội Học;
- 5) Qui Chế Công Chức;
- 6) Phương Pháp Xã Hội Học;
- 7) Các Chính Đảng và các Đoàn Thể Áp Lực;
- 8) Tổ Tụng Hành Chánh;
- 9) Giám Sát Hành Chánh;
- 10) Luật Lao Động và An Sinh Xã Hội;
- 11) Luật Pháp Đối Chiếu (tiếng Anh hay

Pháp).

Ban Tư Pháp gồm:

- 1) Dân Luật;
- 2) Luật Thương Mại;
- 3) Luật Lao Động và An Sinh Xã Hội;
- 4) Dân Sự Tố Tụng;
- 5) Kinh Tế Việt nam;
- 6) Cổ Luật;
- 7) Quốc tế Tư Pháp;
- 8) Hình Luật Đặc Biệt;
- 9) Tố Tụng Hành Chánh;
- 10) Hệ Thống Pháp Luật Trên Thế Giới;
- 11) Luật Pháp Đối Chiếu (tiếng Anh hay Pháp).

Ban Kinh Tế, gồm:

- 1) Kinh tế Việt nam;
- 2) Thống Kê Học;
- 3) Dân Luật;
- 4) Luật Lao Động và An Sinh Xã Hội;
- 5) Kinh Toán Học;
- 6) Kinh Tế Học;
- 7) Luật Thương Mại;
- 8) Hoạt động Ngân Hàng;
- 9) Tố Tụng Hành Chánh;
- 10) Danh Từ Thương Mại.

Năm thứ IV. 3 Ban

Ban Công Pháp, gồm:

- 1) Dân Luật;
- 2) Phương Pháp thực hiện chính sách ngoại giao: Chiến Tranh Chính Trị của Cộng Sản;
- 3) Truyền Thông và Báo Chí;
- 4) Lịch Trình Học Thuyết Chính Trị;
- 5) Chính Sách Đối Ngoại Trong Khối Tự Do;
- 6) Chính Sách Đối Ngoại của Các Quốc Gia Đông Nam Á;
- 7) Những Vấn Đề Chính Trị Quốc Tế Hiện Đại;
- 8) Chính Sách Kinh Tế và Tiền Tệ Quốc Tế;
- 9) Luật Pháp Đối Chiếu (Anh hay Pháp);
- 10) An Toàn Xã Hội;
- 11) Quốc tế Tư Pháp;
- 12) Luật Đồng Bào Thiểu Số;
- 13) Luật Thương Mại;

14) Chính Sách Tiền Tệ và Thuế Khoa.

Ban Tư Pháp, gồm:

- 1) Dân Luật;
- 2) Luật Giao Thông;
- 3) Luật Hàng Hải;
- 4) Luật Hàng Không;
- 5) Tội Phạm Học;
- 6) Thủ Tục Chấp Hành Các Án Lệnh;
- 7) Kinh Tế Xí Nghiệp;
- 8) Luật Thuế Vụ;
- 9) Luật Bảo Hiểm;
- 10) Những Vấn Đề Chính Trị Quốc Tế Hiện Đại;
- 11) Luật Đồng Bào Thiểu Số;
- 12) Quốc tế Tư Pháp;
- 13) Luật Thương Mại;
- 14) Luật Đối Chiếu.

Ban Kinh tế, gồm:

- 1) Dân Luật;
- 2) Kinh Tế Thế Giới;
- 3) Thống Kê Học;
- 4) Luật Lao Động và An Sinh Xã Hội;
- 5) Luật Thương Mại;
- 6) Kinh Tế Học;
- 7) Kinh Toán Học;
- 8) Toán Học;
- 9) Quản Trị Xí Nghiệp;
- 10) Nhân Khẩu Học.

Cước chú: Các môn học chính là môn học toàn niên. Các môn phụ là bán niên. Môn toàn niên là 80 giờ diễn giảng và bán niên: 40 giờ.



NGÀY GIỖ MẸ

(Ngày Mẹ đi May 11, 2004)

Chuỗi mân cô cầu xin ngày giỗ Mẹ
Từng lời kinh khôn xiết quận lòng đau
Con nguyện xin Thiên Chúa ban phép mầu
Cho hồn Mẹ được về nơi Thiên phúc

Chuỗi mân cô lời nhắn nhủ cầu chúc
Cho những ai năng lần hạt mân cô
Là con đường về Nước Chúa an vui
Bao gian khổ trần gian không còn nữa

Đời con người số phần không chọn
Lựa
Chúa gọi về Mẹ chỉ biết xin vâng
Nhưng tim con đau xót nỗi ngút ngàn
Bao ngày tháng ôm niềm đau nuôi tiếc

Mẹ ra đi lòng con buồn da diết
Mong nỗi đau, bệnh tật sẽ qua đi
Vần thơ con khóc Mẹ phút chia ly
Bao thương tiếc vẫn vương niềm .
thương nhớ

Nguyện xin Chúa ban ơn lành cứu độ
Để Mẹ về nước Chúa được bình an
Xin Chúa ban cho Mẹ được Hồng Ân
Vui hưởng phúc nơi Thiên đàng vĩnh .
cửu...

NGUYỄN VĂN THẮNG

CÁC VỊ THẦY CỦA TÔI



GS QUÁCH THỊ NHO

Tôi là con út trong một gia đình trung lưu, Nhà tôi có bảy anh chị em, tôi nhỏ nhất nên được cả nhà cưng chiều, nhất là bà ngoại tôi. Bà luôn dẫn tôi đi theo bà đến chùa lạy Phật đọc kinh, lúc đó tôi mới 9 tuổi. Tôi đi học tiểu học chương trình Pháp, vì Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp. Tôi biết đọc và viết tiếng Pháp trôi chảy mà không biết đọc chữ quốc ngữ. Hòa thượng trụ trì rất yêu thương tôi, vì thấy tôi còn bé mà thích đi chùa lạy Phật. Hòa thượng dạy tôi đọc và viết chữ quốc ngữ. Tôi rất thông minh học đâu biết đấy, nên không bao lâu tôi đã biết đọc và viết tiếng Việt lưu loát. Đó là vị thầy tiếng Việt đầu tiên của tôi.

Sau giờ kinh kệ, tôi theo hoà thượng ra sân chùa nhổ cỏ trồng cây. Người dạy tôi quan sát sự vật chung quanh, người nói con hãy nhìn kỹ cái đọt cây này, hôm nay thì là nhỏ và ngắn, ngày mai con đến xem, con sẽ thấy cái lá to hơn và dài hơn. Con cũng sẽ cao hơn, lớn hơn. Đó là luật vô thường trong vạn vật. Con hiểu rõ và chấp nhận luật vô thường thì con sẽ có bình an trong tâm hồn.



HOC VÊ : Khi lên lớp đệ tứ, chúng tôi có một giáo sư dạy vẽ là một họa sĩ nổi tiếng. Một hôm, giáo sư để một bông chuối nước màu đỏ trên bàn của giáo sư và bảo chúng tôi cứ vẽ bông chuối nước theo góc cạnh nhìn của mình. Tôi rất thích vì tôi vẽ từ lúc 5 tuổi. Giáo sư đứng bên cạnh nhìn tôi vẽ và nói tôi rất có khiếu về hội họa. Tôi được điểm cao nhất về hình vẽ bông chuối. Từ đó, giáo sư thường ở lại trong giờ ra chơi và dạy tôi thêm về hội họa. Nhờ giáo sư tôi mới biết cách xếp đặt cảnh vật trong một bức tranh như thế nào cho nổi bậc. Tôi đã vẽ nhiều cảnh đẹp, người đẹp và luôn luôn nhớ đến giáo sư dạy vẽ của tôi.

HOC VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM: Khi lên lớp đệ nhị, chúng tôi học giờ Việt ngữ với giáo sư K. Giáo sư đã giảng dạy truyện Kiều rất hay và từ đó tôi yêu văn chương Việt Nam. Tôi cũng tập tành viết vài truyện ngắn cho tạp chí của trường. Đó là thời gian vui nhất của tuổi trẻ.

Khi lên đại học thì không khí học đường khác hẳn ở trung học. Các giáo sư diễn giảng xong thì xách cặp đi ra, không có sinh hoạt thân mật với học trò như thời trung học. Tuy nhiên, nếu các sinh viên có gì thắc mắc thì các giáo sư cũng ở lại giải đáp các câu hỏi của sinh viên. Giáo sư Vũ Văn Mẫu đã chỉ dẫn cho tôi những sách Luật của Pháp để tôi tham khảo thêm. Vì tôi học chương trình Pháp từ tiểu học đến trung học, nên sự tham khảo cũng dễ dàng. Các giáo sư khác như Gs Lưu Văn Bình, Vương Quang

Nhường, Nguyễn Văn Thành ...cũng chỉ dẫn các sách ngoại ngữ cho tôi tham khảo thêm.

Cho đến năm thứ ba, giáo sư dân luật là luật sư Vũ Văn Hiến, giảng dạy môn Dân Luật rất hay và cho chúng tôi làm bài tập mỗi tuần. Kết quả là tôi đỗ bằng cử nhân Luật với hạng Bình (năm thứ ba cử nhân Luật) .

Nhờ tôi đậu hạng Bình, nên giáo sư khoa trưởng Vũ Quốc Thúc viết thư giới thiệu tôi với Thống đốc Trần Hữu Phương để làm việc tại Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam.



Gs Vũ Quốc Thúc

Gs Vũ Văn Mẫu

Làm việc ở Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam được gần một năm, tôi được luật sư Vũ Văn Hiến giới thiệu tôi với luật sư Couget người Pháp để làm luật sư tập sự tại Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn năm 1961, 1962. Được gần hai năm, có lẽ chưa thích làm luật sư lắm, nên khi giáo sư khoa trưởng Vũ Quốc Thúc đề nghị tôi về làm việc tại trường Luật Sài Gòn phụ trách môn Thực Tập cho các sinh viên từ cử nhân một đến cử nhân bốn, tôi nhận lời ngay (năm 1962).

Sau tám năm làm việc ở trường Luật Sài Gòn, lúc đó Khoa trưởng đại học Luật Khoa Sài Gòn là giáo sư Nguyễn Độ thì tôi được một người bạn học là Gs Khoa Trưởng Đại Học Luật Khoa Cần Thơ là Gs Nguyễn Hữu Lành mời tôi về cộng tác giảng dạy môn Quốc Tế Tư Pháp và Luật Đối Chiếu. Khi tôi vô gặp Gs Nguyễn Độ để xin chuyển về đại học Cần Thơ, là nơi đại gia đình đang cư ngụ thì bị thẳng thắn khước từ. Tôi đã ba lần xin giáo sư Khoa Trưởng và có khi phải dùng đến chiêu nước mắt



Gs Vũ Văn Hiến

Gs Nguyễn Độ



Các Gs Trần Văn Liêm, Bùi Tường Chiêu,
Nguyễn Quang Quynh

,nên sau cùng cũng được giáo sư cho phép. Tôi vô cùng cảm ơn giáo sư vì được cơ hội ở gần gia đình, sau bao năm đi học và làm việc tại Sài Gòn.

Tôi giảng dạy tại đại học Luật Khoa Cần Thơ từ năm 1969 đến ngày 30-4-1975 thì mất nước, phải di tản qua Mỹ quốc.

Bây giờ, nước mất nhà tan, lưu lạc qua Mỹ. Khi nhớ lại các vị giáo sư, nhất là các giáo sư trường Luật, lòng tôi luôn bồi hồi và tri ân các vị mãi.

Tục ngữ có câu: “ Không thầy, đổ mầy làm nên” quả thật là chí lý !

QUÁCH THỊ NHO

Ngày 20-4-2016

GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC **GIA ĐÌNH LUẬT KHOA BẮC CALI**



NGUYỄN VĂN BÌNH

I-THỜI GIAN HÌNH THÀNH:



Vào đầu tháng 4 năm 2010, sau khi đi dự Đại Hội Cựu Sinh Viên Luật Khoa Sài Gòn Toàn Cầu lần thứ 2 tại Houston, Texas, một số cựu sinh viên Luật tại San Jose đã nảy sinh ra



Phiên họp đầu tiên ngày 22-5-2010
việc thành lập một tổ chức cựu sinh viên Luật Sài Gòn - Huế - Cần Thơ tại Bắc Cali.

Một phiên họp gồm các cựu sinh viên Luật vào tháng 5 năm 2010 quyết định thành lập Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali. Sau đó, Đại tiệc Hội Ngộ Mùa Thu Luật Khoa do Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali tổ chức đầu tiên tại Milpitas vào ngày 16-10-2010. Buổi Hội Ngộ rất thành công với khoảng 300 quan khách tham dự gồm các giáo sư, các cựu sinh viên của ba trường Luật Sài Gòn, Huế, Cần Thơ cùng các thân hữu tham dự.

II- MỤC ĐÍCH:

Tạo cơ hội gặp gỡ, giúp đỡ cùng duy trì và phát huy tình Thầy Trò và Đồng Môn giữa các giáo sư và các cựu sinh viên Luật của ba trường Luật Sài Gòn, Huế và Cần Thơ. Tính đến tháng 5 năm 2025, Gia Đình Luật Khoa đã hoạt động được 16 năm. Tuy Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali không phải là một tổ chức chính trị, nhưng là một tập thể người Việt tỵ nạn Cộng Sản nên vẫn giữ lập trường Quốc Gia.

III- CƠ CẤU TỔ CHỨC:

Là một tổ chức gồm các giáo sư, các cựu sinh viên Luật Sài Gòn, Huế, Cần Thơ trước ngày 30-4-1975 cùng các phối ngẫu cư ngụ tại hải ngoại. Trụ sở của tổ chức là tại miền Bắc Cali, California, Hoa Kỳ. Tổ chức gồm có: Ban Cố Vấn, Ban Điều Hành và các Yểm Trợ Viên

1-BAN CỔ VẤN:

Gồm các giáo sư, các vị niên trưởng



được Ban Điều Hành mời vào.

Ls Ngô Văn Tiếp, Gs Quách Thị Nho, Ts Trần An Bài

1.1 Thành Phần:

Hiện có Gs Quách Thị Nho, Thẩm Phán Trần An Bài và Luật sư Ngô Văn Tiếp.

2.2- Nhiệm Vụ:

- Cố vấn cho Trưởng Ban và Ban Điều Hành trong các sinh hoạt đối nội và đối ngoại, giúp Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali mạnh tiến

- Cùng với Trưởng Ban Điều Hành, mỗi vị cố vấn luân phiên lên phát biểu trong ngày Hội Ngộ Mùa Thu Luật Khoa hằng năm.

2-BAN ĐIỀU HÀNH:

Gồm các cựu sinh viên Luật và phối ngẫu cư ngụ tại miền Bắc Cali.

2.1: THÀNH PHẦN:

a/ Trưởng Ban Điều Hành: Anh Nguyễn Vạn Bình

b/ Thành viên trong Ban Điều Hành: Hiện gồm có:

- Các chị Dương Thị Tiến, Mã Phương Liễu, Nguyễn Xuân Sơn, Quách Huệ Anh, Lê Minh Chúc, Lại Hà, Nguyễn Bạch Yến, Nguyễn Thanh Hương, Dương



Ban Điều Hành

Thị Trâm, Trịnh Như Bằng, Nguyễn Thị Phương, Phan Xuân Hương, Nguyễn Ngọc Dung, Võ Thị Hạ, Võ Ngọc Hòa, Nguyễn Thị Mậu Quế, Hồ Tô Hà, Huỳnh Ngọc Hương, Trần Thị Thanh Thủy, Trần Mai Hương, Phan Hiệp Thành, Phan Thúy Phượng và Đỗ Kim Thoa.

- Các anh Phạm Mạnh Tuấn, Châu Minh Hoàng, Huỳnh Quang Khải, Nguyễn Viết Đĩnh, Ngô Bình Kỳ, Hà Kim Tinh, Phạm Thanh Đồng, Phạm Bách Phi, Huỳnh Minh Quang, Phạm Quang, Phạm Ngọc Anh, Huỳnh Văn Trai, Lê Đình Cai, Nguyễn Đình Dũng, Vũ Hữu Kỳ và Huỳnh Văn Xôi.

2.2: NHIỆM VỤ:

a/ Trưởng Ban Điều Hành:

- Đối Nội:

* Điều hành các sinh hoạt của GĐLKBC gồm tổ chức các buổi họp tam cá nguyệt định kỳ nhằm mừng sinh nhật cho các thành viên trong Ban Điều Hành và Ban Cổ Vấn. Các phiên họp nhằm thảo luận việc tổ chức Dạ Tiệc Hội Ngộ Mùa Thu hàng năm.

* Mời các giáo sư hay các niên trưởng vào Ban Cổ Vấn

* Mời các cựu sinh viên Luật Sài Gòn, Huế, Cần Thơ cùng các vị phối ngẫu gia nhập vào Ban Điều Hành.

* Phân chia nhiệm vụ cho các thành viên trong việc điều hành GĐLKBC và tổ chức dạ tiệc Hội Ngộ Mùa Thu Luật Khoa.

- * Thực hiện Đặc San Luật Khoa
- * Cùng các thành viên trong Ban Điều Hành quyết định mọi Thu Chi của GĐLKBC.

- * Tổ chức các cuộc du ngoạn nhằm tạo tình thân giữa các thành viên.

- Đối Ngoại:

- * Đại diện cho GĐLKBC trong việc giao tiếp và đi dự các buổi tiệc của các hội đoàn Luật Khoa bạn các nơi

- * Cùng các thành viên trong Ban Điều Hành mời các giáo sư, các niên trưởng, các đồng môn và các thân hữu tham dự Dạ Tiệc Hội Ngộ Mùa Thu Luật Khoa hàng năm.

- * Gây tình giao hảo tốt đẹp với các cựu sinh viên Luật và các hội đoàn Luật Khoa bạn các nơi.

- * Cùng với các thành viên tham dự các buổi tang tế, thăm hỏi sức khỏe của các giáo sư, đồng môn hay thân nhân của họ.

b/ Nhiệm vụ của các Thành Viên trong Ban Điều Hành:

- * Thủ Quỹ: Dương Thị Tiến.

- * Website: Quách Huệ Anh

- * Văn Nghệ: Hà Kim Tinh, Phạm Quang

- * Tổ chức các phiên họp và du lịch: Mã Phương Liễu, Nguyễn Thị Mậu Quế, Dương Thị Tiến.

- * Báo chí: Nguyễn Vạn Bình, Mã Phương Liễu.

- * Video và Nhiếp Ảnh: Quách Huệ Anh, Ngô Bình Kỳ, Lê Quang Truật.

- * Trang Trí: Ngô Bình Kỳ, Huỳnh Văn Xôi, Huỳnh Minh Quang.

- * Tiếp Tân: Châu Minh Hoàng, Trịnh Như Bằng, Nguyễn Thị Bạch Yến, Nguyễn Thanh Hương, Trần Mai Hương, Võ Ngọc Hòa.

- * Xã Hội: Võ Thị Hạ, Nguyễn Thanh Hương, Lại Hà, Lê Minh Chúc, Huỳnh Văn Trai, Huỳnh Quang Khải.

- * MC: Phạm Mạnh Tuấn, Phạm Bách Phi, Nguyễn Thị Mậu Quế.

3-CÁC YẾM TRỢ VIÊN:

Những cựu sinh viên đồng môn Luật Khoa Sài Gòn, Huế, Cần Thơ cùng phối ngẫu cư ngụ tại hải ngoại có thể tham dự vào Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali với tư cách là Yểm Trợ Viên.

IV: THÀNH QUÀ:

1-Tổ chức 10 Kỳ Đại Hội Mùa Thu Luật Khoa vào đầu tháng 10 hàng năm, qui tụ trung bình 250 quan khách gồm các giáo sư, các cựu sinh viên cùng phối ngẫu của ba trường Luật Sài Gòn, Huế, Cần Thơ và các thân hữu. Đại hội với các chủ đề: Nhớ về Trường Luật, Tình Đồng Môn, Kỷ niệm 5 năm, Ghi Ơn Các Giáo Sư, Nền Tư Pháp của VNCH, Kỷ niệm 10 năm thành lập. Chương trình văn nghệ với các chủ đề: Tình Ca, Quê Hương, Tiễn Chiến cùng các nhạc cảnh được nhiều người khen ngợi gồm có: Cô Gái Việt, Nhớ về Sài Gòn, Còn Gặp Nhau, Nhà Việt Nam. Hai bài hợp ca được sử dụng trong ngày đại hội là: Hội Ngộ Mùa Thu được sáng tác bởi anh Hà Kim Tinh, cựu sinh viên Luật Cần Thơ và Luật Khoa VN Hành Khúc được sáng tác bởi Ls Võ Văn Dinh, cựu sinh viên Luật Sài Gòn.



Hợp ca Hội Ngộ Mùa Thu

2-Phát hành 16 đặc san Luật Khoa với nhiều hình ảnh của các giáo sư, các thẩm phán, các luật sư và các cựu sinh viên Luật Sài Gòn, Huế, Cần Thơ. Nhiều tài liệu về ba trường Luật Sài Gòn, Huế, Cần Thơ. Danh Biểu Luật Sư



Nhạc cảnh Luật Khoa Việt Nam

Đoàn Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn. Nguyên văn các bản Hiến Pháp đệ I, đệ II của VNCH và Hoa Kỳ, Hiệp Định Geneve 1954 và Hiệp Định



Ghi ơn các giáo sư



Nhạc cảnh Còn Gặp Nhau



Nhạc cảnh Cô Gái Việt



Nhạc cảnh Nhà Việt Nam



Nhạc cảnh Ghé Bến Sài Gòn

Paris 1973. Các bài bình luận chính trị, kinh tế, văn học cùng các bài tùy bút, thơ, truyện ngắn giá trị. Ngoài việc phân phối rộng rãi đến tận tay các cựu sinh viên Luật ở các nơi tại Hoa Kỳ, Úc, Canada, Pháp và VN còn được đăng trong web site: [www. luatkhoasanjose.com](http://www.luatkhoasanjose.com).

3-Tổ chức định kỳ 3 tháng một lần trong năm để mừng sinh nhật cho các thành viên, Hai lần tổ chức tiệc mừng ngày cưới tập thể cho các thành viên và thân hữu. Tổ chức các

cuộc du ngoạn trong nội địa Hoa Kỳ cho các thành viên và thân hữu.



Phiên họp vào tháng 5 năm 2015



Du ngoạn Monterey, Big Sur năm 2016

4-Tham dự các buổi tiệc mừng Xuân do các hội đoàn Luật Khoa bạn tổ chức tại Nam Cali, Houston và San Jose.



Phái đoàn GĐLKBC và Ls Hoàng Châu Qui

5- Giúp đỡ 5 gia đình nạn nhân bị lụt tại San Jose vào ngày 18-3-2017 và bữa ăn thân tình bún bò Huế với gần 100 đồng bào nạn lụt vào ngày 1-4-2017 tại Trung Tâm Sinh Hoạt Việt Mỹ San Jose.



Phát quà cho 5 gia đình nạn nhân lụt



Bữa ăn với gần 100 đồng bào nạn lụt

6-Dự tang lễ của giáo sư Nguyễn Quang Quỳnh tại nhà quận Oak Hill, San Jose, Cali. Dự tang lễ của phu nhân giáo sư Phan Tấn Chúc tại Stockton, Cali. Cùng thăm viếng các phu nhân của các giáo sư Nguyễn Quang Quỳnh và Phan Tấn Chúc lúc bà con sinh thời tại Stockton. Cali.



*Dự tang lễ của Gs Nguyễn Quang Quýnh
ngày 3-8-2013*



*Thăm phu nhân Gs Nguyễn Quang Quýnh
vào ngày 20-11-2016*



*Thăm phu nhân của Gs Phan Tấn Chúc vào
ngày 20-11-2016*

7- Chia buồn và dự tang lễ của các thành viên, thân nhân của các thành viên. Chia buồn và dự tang lễ các cựu sinh viên Luật, những người đã tham dự Đại Hội Mùa Thu Luật Khoa. Gửi lời phân ụ đến các giáo sư, các thẩm phán, luật sư và cựu sinh viên Luật qua đời ở hải ngoại.

V- NHỮNG MẮT MẮT:



Nguyễn Toàn , Nguyễn T. Hà, Đoàn P. Hữu



Trương Gia Vy Ngô Văn Bằng

Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali đã mất đi 5i thành viên quý mến trong Ban Điều Hành là anh Nguyễn Toàn vào ngày 1- 6- 2017, chị Nguyễn Thu Hà vào ngày 7-3-2018, anh Đoàn Phúc Hữu vào ngày 6-5-2020. Chị Trương Gia Vy vào ngày 9-4-2023 và anh Ngô Văn Bằng vào ngày 8-9-2023.

VI - KẾT LUẬN:

Mọi sinh hoạt của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali được đặt trên tinh thần tương kính, tương ái và dân chủ nhằm giữ sự liên lạc cùng phát huy tình Thầy Trò và Đồng Môn giữa các cựu sinh viên Luật Sài Gòn, Huế, Cần Thơ.

Gia Đình Luật Khoa xin cảm ơn những cảm mến và sự yểm trợ quý báu của các giáo sư, các cựu sinh viên Luật Sài Gòn , Huế, Cần Thơ cùng các thân hữu đã giúp cho Gia Đình Luật Khoa mạnh tiến trong thời gian qua.

Gia Đình Luật Khoa có web site là:
[www. luatkhoasanjose.com](http://www.luatkhoasanjose.com).

Và Email là: hoingoluatkhoa@yahoo.com

HỘI ÁI HỮU LUẬT KHOA VIỆT NAM

VIETNAMESE AMERICAN LAW FOUNDATION



Ls NGUYỄN VIỆT ĐÌNH

Vào những năm 1980-1981, số anh chị em luật sư, thẩm phán Việt Nam qui tụ về sống tại Quận Cam (Orange County) và Los Angeles County, miền Nam California rất đông. Trong số đó có Ls. Lê Tất Hào, Phạm Nam Sách, chị Đào NgọcThụy, Đào Thị Tuyền, Nguyễn Bích Ngọc, các anh Nguyễn Hải, Nguyễn Kế Nghiệp, Lê Quang Cường, Nguyễn Hữu Công, Lê Công Tâm, Đỗ Xuân Hiệp, Đỗ Xuân Hòa, Nghiêm Thế Đức...



Do hoàn cảnh tha hương nơi xứ lạ, các cựu thẩm phán, luật sư đã tự động tìm đến nhau. Trước là có dịp gặp nhau ôn lại chuyện cũ, chuyện kể ở người đi, chuyện vượt biên vượt biển...Sau là trao đổi với nhau những thông tin về chuyện học hành, công việc làm, để có tiền nuôi sống gia đình trong thời gian hiện tại và hy vọng có dịp nhanh chóng hòa nhập vào xã hội Mỹ.

Buổi họp đầu tiên tại nhà anh chị Nguyễn Viết Đình-Bích Ngọc trên đường Geraldine, thành phố Huntington Beach, California. Số

anh chị tham dự khoảng trên 15 người.

Phiên họp lần thứ hai cũng cùng trên đường Geraldine. Số khách tới dự có khoảng trên 25 người. Kết quả sau phiên họp, quý vị thẩm phán và luật sư đã bầu một ban chấp hành lâm thời, gồm có các thành viên:

Chủ Tịch: Ls Đào Ngọc Thụy

Phó CT: Ls Lê Quang Cường, Đỗ Xuân

Hiệp

Tổng Thư Ký: Ls Nguyễn Viết Đình



Năm 1984 kỳ đại hội Luật Khoa đầu tiên đã tổ chức tại một nhà hàng sang trọng trên đường Harbor, thành phố Garden Grove, miền Nam California. Số anh chị thẩm phán, luật sư và quan khách tham dự rất đông, khoảng trên 250 người. Ngoài số anh chị sống trong vùng Los Angeles, Orange county và San Diego, còn có một số anh chị từ vùng San Jose, San Francisco cũng lái xe xuống dự phần. Trong số này phải kể đến các anh Hoàng Đức Trí, Nguyễn Hữu Thi, vợ chồng Trần Đình Tấn-

Hoàng Vân và một số anh chị khác.

Trong buổi đại hội này đã ra mắt một ban chấp hành mới, gồm quý anh:

Chủ Tịch: Ls Lê Tất Hào

PCT: Ls Nguyễn Viết Đĩnh, Lê Quang Cường

Tổng Thư Ký: Đỗ Xuân Hiệp

Sau hai nhiệm kỳ kéo dài 2 năm, Đại hội đồng đã bầu lên một ban chấp hành mới, gồm các quý anh:

Chủ Tịch: Ls Phạm Nam Sách

PCT: Ls Nguyễn Viết Đĩnh, Lê Quang Cường, Nguyễn Kế Nghiệp

Tổng Thư ký: Ls Đỗ Xuân Hiệp



Sau nhiệm kỳ của anh Phạm Nam Sách, anh chị em trong hội đã liên tiếp xuống San Diego mời giáo sư khoa trưởng trường Luật Sài Gòn ra đảm nhiệm chức vụ hội trưởng hầu mang lại sinh khí mới cho hội. Ban Chấp hành mới gồm có:

Chủ tịch: GS Nguyễn Cao Hách

PCT: Ls Nguyễn Viết Đĩnh, Lê Quang Cường, Nguyễn Kế Nghiệp

TTK: Ls Đào Ngọc Thụy

Phó TTK: Ls Đỗ Xuân Hiệp

Vào những năm 1990-1996, Hội đã ấn hành được 6 số ĐẶC SAN LUẬT KHOA, do anh Nguyễn Viết Đĩnh làm chủ bút, đã đăng tải những bài khảo luận có giá trị của các Giáo sư Nguyễn Cao Hách, Vũ Quốc Thúc, Nguyễn Trọng Liệu (Giám Đốc Nha Quân pháp), Ls

Trần Thanh Hiệp, Võ Văn Quan, Nguyễn Hữu Thống, Phạm Nam Sách, Ngô Tăng Giao, Đoàn Văn Tiên...



Các cựu Hội Trưởng Hội Ái Hữu LK

Cũng vào thời gian tiếp theo, trong nhiệm kỳ của Ls Đào Ngọc Thụy, Nguyễn Hồng Nhuận, Đoàn Văn Tiên, Hội đã tổ chức nhiều buổi thuyết trình và giảng dạy về hệ thống Luật Pháp Hoa Kỳ cho những cựu TP và LS Việt Nam muốn tìm hiểu và học tập để thi bằng hành nghề Luật sư tại California.

Sau đó không lâu, chị Đào Ngọc Thụy thiết lập website ÁI HỮU LUẬT KHOA làm cầu nối đăng tải những tin tức và sinh hoạt của Hội cho các cựu thẩm phán, luật sư và các cựu sinh viên luật sống tại Mỹ và trên toàn thế giới.

Hằng năm theo thông lệ, Hội đã tổ chức buổi họp mặt mừng tân niên và ra mắt TÂN BAN CHẤP HÀNH với sự tham dự của trên 300 cựu thẩm phán và luật sư cùng thân hữu.

Đặc biệt nhất là vào năm 1993, Hội đã có buổi đại tiệc GALA EVENING vào ngày 21/12/1993 tại đại sảnh đường CERRITOS PERFORMING ARTS CENTER tại thành phố LA MIRADA, bang California, qui tụ trên 400 trăm người.



Trong buổi tiệc đó anh chị Ls. Lê Công Tâm và Đào Thị Tuyền, nhân danh chủ nhân International Nutrit Meals đã cung cấp bữa ăn có chất lượng tuyệt vời giá tượng trưng cho Hội.

Những thành viên luôn luôn gắn bó với Hội từ lúc mới thành lập cho đến nay gồm quý anh chị Đào Ngọc Thụy-Hiệp, Lê Công Tâm- Đào Thị Tuyền, Nguyễn Thị Oanh- Trần Nguyên Cường, , Lê Trọng Nghĩa, Nguyễn Hữu Thụy, Lê Trọng Uyên, Nguyễn Văn Bảo, Trần Sơn Hà, Nguyễn Viết Đình-Bích Ngọc, Đỗ Đức Hậu, Đỗ Xuân Hiệp-Kiều Nga, Đỗ Xuân Hòa, Nguyễn Đình Sơn-Lan, Võ Văn Dinh, Nguyễn Hồng Nhuận, chị Tổ Ngọc, Lê Chí Hiếu-Châu, Nguyễn Đình Tăng, Hà Ngọc Phúc Lưu, Đặng Tiến Đạt, Nguyễn Thị Quý, Hoàng Thị Châu Qui, TP Phạm Văn Hàm, TP Hoàng Tuấn Lộc, TP Nguyễn Quốc Sứ, TP Đặng Đình Long, TP Nguyễn Thế Cường, TP Lê Tài Bồn, TP Trần Gia Tá, TP Lê Văn Tiến, TP Nguyễn Văn Đệ...

Một số đã ra đi sớm như quý anh Lê Tất Hào, Phùng Văn Tuệ, Đỗ Năng An, TP Nguyễn Văn Thông, TP Lương Đức Hợp, TP Phạm Kim Bình, TP Nguyễn Quốc Chân, TP Nguyễn Hồng Nhuận Tam, TP. Phạm Văn Phú, TP Nguyễn Càn, các Ls Nguyễn Hải, Tô Thế Liệu, Lê Quang Cường , Nguyễn Kế Nghiệp , Đoàn Văn Tiên, Nguyễn Minh Hiền...

Hội cũng thường xuyên tiếp đón các cựu thẩm phán và luật sư từ phương xa tới thăm vùng Little Saigon như Ls Trần Thanh Hiệp, Hồng Thị Hảo Thanh (Pháp), TP Trịnh Ngọc Dung (Đức,) Ls Chu Văn Viện (Canada), TP Hoàng Mạnh Hải (Việt Nam), cùng các anh chị khác từ nhiều tiểu bang Hoa Kỳ ghé thăm. Riêng với Ls Trần Thanh Hiệp, mỗi lần từ Pháp sang thăm Little Saigon, một nhóm anh chị em cựu luật gia trong hội đã tổ chức những buổi hội ngộ bỏ túi, để nghe anh tường trình về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam và các biến chuyển chính trị tại Pháp và trên thế giới.

Kể từ ngày thành lập đến nay, Hội đã trải qua cuộc hành trình dài trên 40 năm. Những thành viên trẻ nhất giờ đây cũng đã trên 75 tuổi đời. Mỗi năm trong những lần hội ngộ, số thành viên tham dự cứ liên tiếp giảm dần.

Ưu điểm của hội là tạo mối liên kết giữa các cựu thẩm phán và luật sư Việt Nam, các cựu sinh viên Luật, không những tại vùng Nam California, mà còn lan tỏa khắp Hoa Kỳ và trên toàn thế giới..

Nhờ vào mạng lưới của hội, các anh chị em trong ngành tư pháp, kể cả các cựu sinh viên Luật của ba trường luật Sài Gòn, Huế, Cần Thơ , có một diễn đàn chung để gởi gắm những tâm tư và hình ảnh thời xa xưa, san sẻ cho nhau những kỷ niệm vui buồn trong cuộc sống hiện tại nơi xứ người.

Vì tôn chỉ của hội là ái hữu và tương trợ. Hội không làm chính trị, do đó hội không có tiếng nói và ảnh hưởng sâu rộng trong cộng đồng người Việt hải ngoại.

Qui mô và nhân lực của hội suy giảm theo thời gian theo qui luật tuần hoàn của kiếp nhân sinh. Không biết rồi đây tương lai hội sẽ đi về đâu?

Hội Ái Hữu Luật Khoa được thành lập và hoạt động từ rất lâu. Do đó, nhiều sự kiện đã trôi dần vào quên lãng. Nếu có sai sót, xin quý anh chị vui lòng sửa đổi và cập nhật cho chính xác thêm./.

Dã Thảo Trang, ngày 7/2/2025
LS NGUYỄN VIẾT DĨNH

SỰ HÌNH THÀNH VÀ SINH HOẠT **CÂU LẠC BỘ LUẬT KHOA VIỆT NAM** 25 NĂM QUA (2000 – 2025)



Đại Hội LK toàn cầu năm 2010

Sau cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân năm 2000 của cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn vào ngày Chủ Nhật 12-3-2000 tại Houston, Texas, Hoa Kỳ, một số cựu sinh viên cảm thấy có nhu cầu hình thành một tổ chức để qui tụ, củng cố, phát huy tình huynh đệ đồng môn luật khoa, thông qua các sinh hoạt ái hữu và hoạt động tri thức.

Sau nhiều phiên họp qui tụ đông đảo các cựu sinh viên, bàn thảo sôi nổi về tính chất, danh hiệu và hoạt động tương lai của tổ chức, đa số đã đồng thuận hình thành một tổ chức vừa mang tính ái hữu tương thân tương ái, vừa mang tính trí thức xứng hợp với phẩm chất của một tập thể trí thức Luật khoa.

Sau khoảng 3 tháng bàn luận, một bản Nội Quy được thông qua vào ngày 27-8-2000, định danh cho tổ chức là Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam, viết tắt theo tiếng Anh là VILAS (Vietnamese Law Society). Một tổ chức phi chính trị nhưng có lập trường và thái độ chính trị minh bạch đã được khẳng định trong Tuyên Ngôn Thành Lập được thông qua với

Bản Nội Quy VILAS. Theo đó “**Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam không phải là tổ chức chính trị như một chính đảng hay tổ chức đấu tranh, nhưng có lập trường chính trị: Quốc Gia Dân Tộc, Dân Chủ Tự Do, không chấp nhận mọi hình thái độc tài, áp bức, bất công xã hội...**”

Căn cứ trên Nội Quy, cơ chế tổ chức và nhân sự điều hành cùng các sinh hoạt chính của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam theo thời gian được ghi nhận

I/- CƠ CHẾ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ ĐIỀU HÀNH.



Chào Cờ Mỹ-Việt ngày Đại Hội 2025

Theo Nội Quy khởi đầu có 3 cơ chế tổ chức bao gồm: Ban Thường Vụ Hội Đồng Sáng Lập gồm từ 3 đến 5 ủy viên do các hội viên sáng lập bầu ra, nhiệm kỳ là 2 năm, tương đương với nhiệm kỳ của các thành viên Hội Đồng Điều Hành và Hội Đồng Giám Sát. Hội Đồng Điều Hành và Hội Đồng Giám Sát đều do Đại Hội khoáng Đại Câu Lạc Bộ Luật Khoa bầu ra.

Về các nhân sự điều hành qua các nhiệm kỳ chúng tôi đã giới thiệu trong Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa Saigon nhân sự từ nhiệm kỳ đầu (2000-2002) đến nhiệm kỳ 2012-2016. Vì vậy trong Đặc San Luật Khoa 2025 này, chúng tôi chỉ giới thiệu thành phần nhân sự nhiệm kỳ



Ls Ngô Hữu Liên Ls Nguyễn Văn Thắng

đầu tiên và từ nhiệm kỳ 2016-2020 đến nay như sau:

THƯỜNG VỤ HỘI ĐỒNG SÁNG LẬP (2000-2002)

- Chủ tịch : Luật sư Nguyễn Thế 1nh
- Phó Chủ tịch : CSVLK Nguyễn Trần Quý
- Thư Ký : CSVLK Nguyễn Văn Cung
- Ủy viên : Bà Kim Nix Trương
- Ủy Viên : CSVLK Nguyễn Minh Triết

HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT:

- Chủ tịch : Ls. Nguyễn Ngọc Hải
- Phó Chủ tịch: Ls. Ngô Hữu Liên
- Thư Ký : CSVLK Phạm Minh Tân
- Ủy Viên : CSVLK Tạ Văn Khánh
- Ủy Viên : CSVLK Nguyễn Văn Quát

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH:

- Chủ tịch : Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng
- Phó Nội vụ : Ls. Nguyễn Hiếu
- Phó Ngoại vụ : Ls. Phạm Ánh Nguyệt
- Phó Kế hoạch : CSVLK Peter Trần Dũng
- Tổng Thư Ký : Ls. Phạm Ngọc Bảo
- Thủ quỹ : Bà Dương Quế Lan (Phu nhân Ls. Phan Tự Trọng)

Sau khi tu chính Nội Quy trong Đại Hội ngày 8-12-2002, danh hiệu Câu Lạc bộ Luật Khoa Việt Nam tiếng Việt không thay đổi, tên tiếng Anh thay từ "Society" bằng "Assosiation" (Vietnamese Law Association) vẫn viết tắt là VILAS. Đồng thời tu chính đã hủy bỏ Hội Đồng Sáng Lập nên không còn Ban Thường Vụ Hội Đồng Sáng Lập và Hội Đồng Giám Sát cũng hủy bỏ. Thay vào đó là Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội, làm nhiệm vụ giám sát



*Hợp ca Luật Khoa VN Hành Khúc
Trong Đại Hội Luật Khoa năm 2025*

bên cạnh Hội Đồng Điều hành. Tất cả do Đại Hội khoáng đại bầu ra.

Trong Đại Hội thường niên tháng 12-2017, nhiệm kỳ tăng lên 4 năm với các nhân sự trong hai Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội và Hội Đồng Điều Hành nhiệm kỳ 2016-2020 như sau

HỘI ĐỒNG THƯỜNG VỤ ĐẠI HỘI: (2016-2020)

- Chủ tịch : Ls. Nguyễn Thế Linh
- Phó Chủ tịch: LK. Nguyễn Trần Quý
- Tổng thư Ký: LK Nguyễn Văn Cung
- Ủy viên : Ls Nguyễn Mai
- Ủy viên : Ls Lương Quang Huy
- Ủy viên: LK. Dương Thông
- Ủy viên: LK. Lê Ngọc Liêng
- Ủy viên: LK Lê Thiên Hương
- Ủy viên: LK Đoàn Bốn.

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH: (2016-2020)

- Chủ tịch : Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng
- Phó Nội vụ : Ls Ngô Hữu Liên
- Phó Ngoại vụ : CSVLK Đỗ Kim Bảng
- Phó Kế hoạch : CSVLK Trần Hữu An
- Tổng Thư Ký : CSVLK Tạ Ngọc Quý
- Thủ quỹ : Bà Dương Quế Lan,
- Ủy viên xã hội : Ls Nguyễn Thị Chính.
- Ủy viên tài chánh; Ls Nguyễn Thị Muội.
- Ủy viên truyền thông Phạm Viết Minh.

BAN CỐ VẤN (2016-2020)

Tp. Trần Hạo
Tp. Nguyễn Hoan

Ls Trần Minh Lợi
Ls Nguyễn Ngọc Hải
Ls Phạm Ngọc Bảo

Trong Đại Hội thường niên tháng 12- 2020, các nhân sự trong hai Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội và Hội Đồng Điều Hành nhiệm kỳ 2020-2024 như sau

HỘI ĐỒNG THƯỜNG VỤ ĐẠI HỘI: (2020-2024)

- Chủ tịch : Ls. Ngô Hữu Liễn
- Phó Chủ tịch:LK. Nguyễn Trần Quý
- Tổng thư Ký LK Nguyễn Văn Tâm
- Ủy viên : Ls Nguyễn Mai
- Ủy viên:LK Nguyễn Văn Quất
- Ủy viên: LK. Lê Ngọc Liêng
- Ủy viên: LK Hồ Thị Năm.
- Ủy viên: LK Đỗ Hữu Phương
- Ủy viên LK.Nguyễn Hữu Quý.

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH: (2020-2024)

- Chủ tịch : Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng
- Phó Nội vụ : Ls Đình Đắc Thuận
- Phó Ngoại vụ :LK Đỗ Kim Bảng
- Phó Kế hoạch :LK Trần Hữu An
- Tổng Thư Ký :LK Phạm Viết Minh
- Thủ quỹ : LK Vũ Phương Thảo.
- Ủy viên tài chánh: Bà Dương Quế Lan.
- Ủy viên xã hội : Ls Nguyễn Thị Chính.
- Ủy viên tài chánh; Ls Nguyễn Thị Muội.

BAN CỔ VẤN (2020-2024)

Tp. Trần Hạo
Ls Trần Minh Lợi
Ls Phạm Ngọc Bảo

Trong Đại Hội thường niên tháng 12- 2024, các nhân sự trong hai Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội và Hội Đồng Điều Hành nhiệm kỳ 2024- 2028 như sau

HỘI ĐỒNG THƯỜNG VỤ ĐẠI HỘI: (2024-2028)

- Chủ tịch : Ls. Ngô Hữu Liễn
- Phó Chủ tịch:LK, Nguyễn Trần Quý
- Tổng thư Ký LK Hồ Thị Năm
- Ủy viên : Ls Nguyễn Mai
- Ủy viên:LK Nguyễn Văn Quất
- Ủy viên: LK. Lê Ngọc Liêng
- Ủy viên: LK Đỗ Hữu Phương
- Ủy viên. LK Phạm Đình Khuyển
- 3 Ủy viên dự khuyết: Ls Đình Khắc Tín, LK, Nguyễn Đức Định và LK. Đặng Thị Thiện.

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH: (2024-2028)

- Chủ tịch : Thiện Ý Nguyễn Văn Thắng
- Phó Nội vụ : Ls Đình Đắc Thuận
- Phó Ngoại vụ :LK Đỗ Kim Bảng
- Phó Kế hoạch :LK Trần Hữu An
- Tổng Thư Ký : LK. Nguyễn Văn Tâm
- Thủ quỹ : LK Vũ Phương Thảo.
- Ủy viên xã hội : LK Tạ Quý Đường
- Ủy viên tài chánh : Bà Dương Quế Lan
- Ủy viên truyền thông : LK Trần Kim Trọng.
- 3 Ủy viên dự khuyết: LK. Trần Văn Mỹ, LK Nguyễn Thị Hạnh và LK.Phạm Viết Minh.

BAN CỔ VẤN (2016-2020)

- TP.Trần Hạo
- Lg. Nguyễn Mạnh San
- Ls Trần Minh Lợi.
- Ls Phạm Ngọc Bảo

II/- HOẠT ĐỘNG:

Để thực hiện tôn chỉ và mục đích được quy định trong Nội Quy, có ba lãnh vực hoạt động: Ái hữu, tri thức và nội quy hay sinh hoạt điều hành

1.-Về sinh hoạt ái hữu:

a) Hội Ngộ Mùa Xuân Cựu Sinh Viên

Luật Khoa:Thể hiện hàng năm qua cuộc Hội Ngộ Mùa Xuân thường diễn ra vào tháng 3 Dương lịch hàng năm, quy tụ đông đảo các cựu sinh viên luật khoa, gia đình và thân hữu tại Houston.

Nội dung chương trình Hội Ngộ, ngoài phần nghi thức chào cờ mặc niệm các anh hùng

hào kiệt của lịch sử Việt Nam, tưởng niệm các giáo sư và các cựu sinh viên luật khoa đã quá vắng, là dạ tiệc với các tiết mục văn nghệ đặc sắc do các cựu sinh viên Luật khoa tự biên tự diễn, xen kẽ các tiết mục kể chuyện về trường xưa bạn cũ, với những kỷ niệm khó quên của một thời vàng son đầy ấp ước mơ hoài bão của tuổi trẻ... Tất cả nhằm thể hiện chủ đề “Hoài niệm”, “Bóng thời gian”. . . qua các ca khúc, thơ văn thịnh hành trong giới sinh viên ngày xưa và thường được kết thúc bằng tiết mục dạ vũ.

Đây là dịp hàn huyên giữa các cựu sinh viên nhằm thắt chặt tình thân ái. Sinh hoạt này đã thực hiện đều đặn hàng năm từ ngày thành lập đến nay (2000-2009) (Xin xem tường thuật và hình ảnh các cuộc Hội Ngõ Mùa Xuân Cựu sinh viên Luật khoa Việt Nam trong tiểu mục sinh hoạt ái hữu Web Site Vilas)

b) Thăm Thầy thăm Bạn Vui buồn có nhau: Cũng nằm trong sinh hoạt ái hữu là những cuộc thăm viếng , , vui buồn có nhau giữa các cựu sinh viên luật khoa và gia đình. Hàng năm thường tổ chức thăm viếng cựu giáo sư Luật khoa Mai Văn Lễ, hiện nghỉ hưu tại Houston, trong các dịp lễ Thanksgiving hay Tết Âm lịch. . . Thời gian đầu có tổ chức mừng sinh nhật các hội viên trong một bữa ăn tại nhà hàng, với sự tham sự của các hội viên. Sau đây là một số hình ảnh tiêu biểu.

c) Đón tiếp đồng môn Luật khoa từ xa đến:

Mỗi khi được biết có một đồng môn cựu sinh viên luật khoa đến thăm gia đình hay bè bạn ở Houston, Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam thường tổ chức tiệc khoản đãi tại nhà hàng hay tại tư gia cựu sinh viên. Trong thời gian qua đã có những bữa ăn khoản đãi các Niên Trưởng và các bạn CSVLK từ các tiểu bang khác của Hoa Kỳ, từ các nước Âu Châu, Úc Châu, Canada hay từ Việt Nam đến Houston... (Xin coi các bản tường trình và hình ảnh đăng trong Đặc san này)

2.- Về sinh hoạt tri thức:

a) Thuyết trình & Hội luận:

Lúc đầu dự hoạch hàng tháng sẽ tổ chức

một cuộc Thuyết trình & Hội luận về một đề tài hữu ích, có thể mời các giáo sư luật khoa, các vị thức giả tại địa phương hay ở xa đến thuyết trình.



Gs Nguyễn Mạnh Hùng Gs Phạm Văn Thuyết
* **Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng và Gs Phan Văn Thuyết**

Buổi thuyết trình hội luận đầu tiên vào tháng 10-2001, với Gs. Nguyễn Mạnh Hùng được mời đến thuyết trình về một đề tài chính trị liên quan đến Việt Nam. Gs. Nguyễn Mạnh Hùng. nguyên Giáo sư học viện Quốc Gia HànH Chánh và Luật khoa Sài Gòn, hiện là giáo sư chính trị tại đại học tri tại một đại học Hoa Kỳ

Sau đó là buổi thuyết trình của Gs. Phạm Văn Thuyết về một đề tài kinh tế Việt nam. Gs. Phạm Văn Thuyết nguyên Giáo sư Đại học Luật khoa Sài Gòn, Cố vấn kinh tế Ngân Hàng Thế Giới. Sau đó chỉ thực hiện được thêm vài buổi thuyết trình nữa rồi ngừng luôn vì những trở ngại thực tế chủ quan cũng như khách quan.

Cũng trong sinh hoạt tri thức, Câu Lạc Bộ cũng đã thực hiện chương trình hội luận “Những Vấn Đề Của Chúng Ta” thực hiện mỗi tháng một giờ trên làn sóng phát thanh của một Đài phát thanh tại Houston. Chương trình này đã thực hiện 2 năm 2006 và 2007.

b) Mỗi tháng ra một Ban Tin Luật Khoa và mỗi năm ra một Đặc San Luật Khoa như những sản phẩm tri thức của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam.

Về Bản Tin Luật Khoa cũng ấn hành được 4 số trong năm 2002. Đặc san cũng ấn hành được 5 tập Đặc San Luật Khoa 2001, 2002, 2004 và 2007 và Đặc san Luật khoa 2010. Quan trọng nhất là vào Năm 2015 đã ấn



hành Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa Saigon bìa cứng mạ vàng nhân kỷ niệm 50 năm thành lập Luật khoa Đại học đường Saigon (1955-2015). Nay là Đặc San Luật Khoa 2025 được phát hành nhân kỷ niệm 70 năm thành lập của Luật khoa Đại học Đường Saigon (1955-2025), 25 thành lập Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam (2000-2025) và 10 năm ấn hành Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa Saigon (2015-2025).

c) Nguyệt san Luật pháp & Đời sống:

Đầu năm 2004, Câu Lạc Bộ Luật Khoa chủ trương và cho ấn hành số đầu tiên Tạp chí chuyên đề **luật pháp & Đời sống**. Tạp chí này đã phát hành đều đặn vào thượng tuần mỗi tháng, nội dung phong phú, với các tiết mục thường xuyên thực dụng, hữu ích và giải trí lành mạnh, như Câu chuyện luật pháp, Diễn đàn pháp lý, Giải đáp luật pháp, An Ninh Cộng Đồng, Di trú & Nhập tịch, An sinh Xã Hội, Nghiên cứu luật pháp. Ngoài ra còn có các tiết mục Bình luận, Tham luận các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, xã hội, lịch sử, khoa học và các sáng tác văn thơ, nghệ thuật, các vụ án hình hồ quốc tế và ở Việt Nam. . . Sau 5 năm ấn hành (2004-2009), báo đã tạm đình bản vào đầu năm 2009, sau khi phát hành đủ 60 số báo trong 5 năm.

d) Đề án Nghiên cứu:

Một số đề án nghiên cứu dự hoạch như: Dự thảo Hiến Pháp chế độ dân chủ pháp trị cho Việt Nam tương lai. Dự thảo Hệ Thống Tư pháp trong nền dân chủ pháp trị Việt Nam

tương lai; Dự thảo chế độ an sinh xã hội, văn hóa giáo dục... trong chế độ dân chủ pháp trị Việt Nam tương lai.v.v.. Một hội nghị đã được tổ chức vào cuối năm 2001 tại phòng hội khách sạn Hilton ở Houston, thành lập một Ủy Ban Đặc Nhiệm thực hiện Đề Án Nghiên Cứu đầu tiên: Dự thảo Hiến Pháp chế độ dân chủ pháp trị Việt Nam.... Đề án này tiến hành chậm, song vẫn đang tiếp tục, hy vọng sẽ hoàn tất và công bố vào năm 2010 nhân kỷ niệm 10 năm thành lập Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam.

3.- Về sinh hoạt Nội Quy hay sinh hoạt điều hành:



Ban Tiếp Tân Đại Hội LK



Hợp ca trong ngày Đại Hội LK

Thời gian đầu, vì phát động nhiều sinh hoạt, trong tinh thần hăng say phấn khởi, nên Hội Đồng Điều hành đã mở các phiên họp hàng tuần để triển khai công tác. Nhưng phiên họp định kỳ giảm dần, để chỉ còn họp định kỳ mỗi



Song ca trong ngày Đại Hội LK

tháng một lần, và một số cuộc họp bất thường liên Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội và Hội Đồng Điều Hành để bàn công việc chung. Đại Hội Thường Niên được triệu tập vào cuối tháng 12 hàng năm để Hội Đồng Điều Hành tường trình kết quả hoạt động trong năm, tổng kết thu chi tài chánh và đưa ra chương trình sinh hoạt năm tới. Vào Picture 5sinh hoạt clblkvn071Picture 6sinh hoạt clblkvn075năm cuối nhiệm kỳ thì thêm phần bầu cử các tân Hội Đồng Thường Vụ Đại Hội và Hội Đồng Điều Hành. Sinh hoạt này được giữ đều đặn mỗi năm từ ngày thành lập đến nay (2000-2009).

Tóm lại, tham vọng khi thành lập Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam thì thật nhiều. Muốn quy tụ các cựu sinh viên luật khoa và thân hữu thức giả, ngoài mục đích thắt chặt tình tương thân tương ái, qua các sinh hoạt ái hữu, những người sáng lập còn có hoài bão vận dụng được “chất xám” của giới luật khoa nói riêng, giới thức giả nói chung, để cùng nhau làm ra một số sản phẩm tri thức hữu dụng, góp phần kiến tạo một chế độ dân chủ đích thực cho Quê Mẹ Việt Nam, tạo tiền đề thuận lợi phát triển toàn diện đất nước đến phú cường, văn minh tiến bộ ngang tầm cao thời đại; để các thế hệ nhân dân, thuộc mọi giai tầng xã hội Việt Nam được sống trong công bình, tự do, ấm no, hạnh phúc.

Tham vọng và hoài bão trên được công bố rõ trong Tuyên Ngôn Thành Lập Câu Lạc Bộ

Luật Khoa Việt Nam như sau:

“ Vì vậy, chúng tôi:

-Những cựu sinh viên các trường Luật Việt Nam, Hoa Kỳ cũng như các quốc gia khác trên thế giới và thân hữu, do sự thôi thúc của lòng yêu nước, sự gắn bó của tình huynh đệ đồng môn và thân hữu, đã tự nguyện đứng ra thành lập CÂU LẠC BỘ LUẬT KHOA VIỆT NAM (VILAS), tạo môi trường để những nhà tri thức Việt Nam có chung lý tưởng, cùng nhau góp phần vào công cuộc thực hiện những khát vọng chân chính của người Việt Nam.”

Và ghi trong Điều II và III Nội Quy như sau:

“ĐIỀU II: TÔN CHỈ

Đặt trên căn bản đồng môn luật khoa và thân hữu, CÂU LẠC BỘ LUẬT KHOA VIỆT NAM (VILAS) hoạt động trên nền tảng dân chủ và trọng pháp trong tinh thần độc lập, khách quan, trung thực, công bình và yêu quê hương.

ĐIỀU III: MỤC ĐÍCH

Mục đích của CÂU LẠC BỘ LUẬT KHOA VIỆT NAM (VILAS) phù hợp với điều 501(3)(c) của bộ luật thuế vụ Hoa Kỳ, được quy định như sau:

- Thắt chặt tình thân ái, tương trợ giữa các hội viên qua những sinh hoạt Giáo Dục, Văn Hóa và Xã Hội.
- Góp phần vào công cuộc kiến tạo một quê hương Việt Nam TỰ DO, DÂN CHỦ TIẾN BỘ, và PHÚ CƯỜNG qua các hoạt động Tri Thức.
- Tất cả mục đích trên cần được thực hiện trong khuôn khổ luật lệ của địa phương nơi hoạt động.”

Houston, ngày 4 Tháng 5 năm 2025

Trích tư liệu lưu trữ của
Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam



If...

If you can keep your head when all about you
Are losing theirs and blaming it on you,
If you can trust yourself when all men doubt you,
But make allowance for their doubting too;
If you can wait and not be tired by waiting,
Or being lied about, don't deal in lies,
Or being hated, don't give way to hating,
And yet don't look too good, nor talk too wise:

If you can dream—and not make dreams your master;
If you can think—and not make thoughts your aim;
If you can meet with Triumph and Disaster
And treat those two impostors just the same;
If you can bear to hear the truth you've spoken
Twisted by knaves to make a trap for fools,
Or watch the things you gave your life to, broken,
And stoop and build 'em up with worn-out tools:

If you can make one heap of all your winnings
And risk it on one turn of pitch-and-toss,
And lose, and start again at your beginnings
And never breathe a word about your loss;
If you can force your heart and nerve and sinew
To serve your turn long after they are gone,
And so hold on when there is nothing in you
Except the Will which says to them: 'Hold on!'

If you can talk with crowds and keep your virtue,
Or walk with Kings—nor lose the common touch,
If neither foes nor loving friends can hurt you,
If all men count with you, but none too much;
If you can fill the unforgiving minute
With sixty seconds' worth of distance run,
Yours is the Earth and everything that's in it,
And—which is more—you'll be a Man, my son!

RUDYARD KIPLING

1865 -1936]

Nếu...

Nếu con tự tại an nhiên
Khi người chao đảo và phiên trách con;
Nếu con tin tưởng mình luôn
Mặc người nghi kỵ không buồn tin con;
Nếu con quyết chí chờ trông,
Hay người gian dối, mình không theo người,
Ai sân hận, mình thanh thoi,
Không khoe bản ngã, không lời tự kiêu;
Nếu con mơ ước đủ điều
Không sùng bái mộng, sớm chiều buông lợi;
Nếu con suy nghĩ chuyện đời
Không dùng, lại bỏ ra ngoài mục tiêu;
Nếu con đối xử hai điều
Thành Công, Hoạn Nạn đồng đều như nhau;
Nếu con nhẫn nhục trước sau
Nghe chân lý vốn từ lâu đẹp lời
Nay phùng gian xảo dong chơi
Cổ tình xuyên tạc bấy người vô minh;
Hay con nhìn sự nghiệp mình
Cả đời xây dựng, tan tành phút giây,
Và con quyết tạo lại ngay
Dù không phương tiện, trắng tay, tiêu điều;

Nếu thấu góp của rất nhiều
Đổ đen nướng hết khi liều ăn thua
Rồi con khởi nghiệp như xưa
Không than tài sản mình vừa tiêu tan;
Nếu con tâm trí lờ làng
Sức tàn, lực kiệt chẳng màng làm chí,
Rồi vươn lên tiếp bước đi
Giữ nguyên Ý Chí kiên trì: "Quyết tâm!"

Nếu con đạo hạnh vẹn phần,
Không phân Vua hoặc thường dân cận kẻ;
Nếu thù hay bạn đôi bề
Khó làm con bị nã nê tổn thương,
Nếu người tính toán đủ đường
Nhưng con vẫn thấy tâm thường đáng chí;
Nếu từng phút lắng trôi đi
Con đều tận dụng không hề bỏ qua;
Thì con ơi, cõi Ta Bà
Cùng muôn sự vật: con là chủ nhân
Và hơn nữa quý bội phần
Con sẽ là kẻ Thành Nhân con à!

LS. NGÔ TĂNG GIAO

(chuyển ngữ)

NỀN TƯ PHÁP

VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ ĐẶC BIỆT CỦA VNCH



NGUYỄN VĂN BÌNH

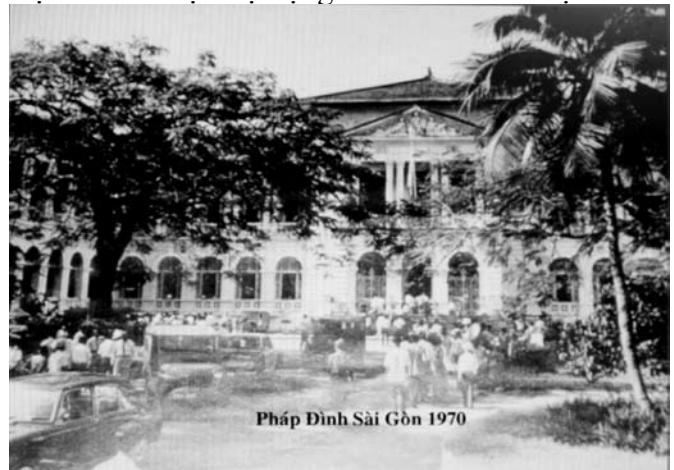
(Với sự góp ý của Thẩm Phán TRẦN AN BÀI, các Luật Sư NGÔ VĂN TIỆP và PHẠM NGỌC ANH)

Việt Nam Cộng Hòa trước biến cố 30-4-1975 là một quốc gia theo chế độ tự do, dân chủ pháp trị. Hiến Pháp ngày 26-10-1956 của nền Đệ Nhất Cộng Hòa dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Hiến Pháp ngày 18-3-1967 của nền Đệ Nhị Cộng Hòa dưới thời Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đều qui định tam quyền Lập Pháp, Hành Pháp và Tư Pháp phân lập và độc lập với nhau.

Lập Pháp do Quốc Hội điều hành có nhiệm vụ làm luật. Hành Pháp do Tổng Thống và nội các điều hành lo thi hành luật. Tư Pháp có hệ thống Tòa Án do các thẩm phán điều hành phân xử những vụ vi phạm luật để bảo vệ an ninh trật tự quốc gia và quyền lợi của mọi người dân. Tất cả ba ngành đều có chung mục đích là duy trì trật tự quốc gia và phục vụ cho đất nước cùng toàn dân.

Trong bài viết này, chúng tôi chú trọng sự tổ chức của nền Tư Pháp dưới thời VNCH. Việc tổ

chức này có đôi chút khác biệt giữa hai nền Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa. Dưới thời Đệ Nhất



Pháp đình Sài Gòn



Pháp đình Huế

Cộng Hoà chưa có Tối Cao Pháp Viện mà chỉ có Tòa Phá Án. Tại các tỉnh lỵ nhỏ, dưới nền Đệ Nhất Cộng Hòa có Tòa Hòa Giải Rộng Quyền, tuy nhiệm vụ tương tự như của Tòa Sơ Thẩm

Trong bài này, chúng tôi nói sơ quát về nền Tư Pháp dưới thời Đế Nhị Cộng Hòa bao gồm hệ thống tổ chức các Tòa Án và thành phần nhân sự. Hy vọng qua bài viết này, các cựu sinh viên Luật Khoa và các độc giả sẽ hiểu biết hơn về hệ thống Tư Pháp của Miền Nam VN trước đây. VNCH được xem có một nền Tư Pháp tiến bộ trong một thể chế dân chủ tự do, hoàn toàn khác với nền Tư Pháp của chế độ Cộng Sản Việt Nam hiện nay, chỉ phục vụ cho quyền lợi của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Nền Tư Pháp của VNCH được đặt trên hai nguyên tắc căn bản là: **mọi người được bình đẳng trước pháp luật và sự độc lập của thẩm phán xử án.**

Hiến Pháp nền đệ II Cộng Hoà năm 1967 qui định:

Quyền Tư Pháp độc lập được ủy nhiệm cho Tối Cao Pháp Viện và được hành xử bởi các Thẩm Phán xử án.

Mọi Tòa Án phải do một đạo luật thiết lập với một thành phần Thẩm Phán Xử Án, Thẩm Phán Công Tố chuyên nghiệp và theo một thủ tục tôn trọng quyền biện hộ.

Thẩm Phán Xử Án và Thẩm Phán Công Tố được phân nhiệm rõ rệt và có qui chế riêng biệt.

Thẩm Phán Xử Án quyết định theo lương tâm và pháp luật dưới sự kiểm soát của Tối Cao Pháp Viện.

Thẩm Phán Công Tố theo dõi sự áp dụng luật pháp để bảo vệ trật tự công cộng dưới sự kiểm soát của Bộ Tư Pháp.

Tại quận hạt của mỗi Tòa Thượng Thẩm bên cạnh có một Luật Sư Đoàn. VNCH có hai Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn và Huế, nên có hai Luật Sư Đoàn. Các luật sư thuộc Luật Sư Đoàn Sài Gòn và Luật Sư Đoàn Huế có nhiệm vụ biện hộ cho các thân chủ giúp cho nền công lý được thực thi.

I - TỔ CHỨC CÁC TOÀ ÁN

1- CƠ QUAN TÀI PHÁN TƯ PHÁP

1.1: TÒA VI CẢNH

Tòa Vi Cảnh xét xử những vụ vi cảnh. Quyền công tố được giao cho chỉ huy trưởng cảnh sát sở tại. Nếu trong quận hạt có nhiều Bộ chỉ huy cảnh sát, Chương Lý sẽ chỉ định một Chỉ Huy

cảnh sát đảm nhiệm chức vụ công tố. Tại những địa phương không có Tòa Vi Cảnh, các vụ vi cảnh sẽ do Tòa Sơ Thẩm xét xử tại một phiên tòa riêng hay cùng chung với phiên tòa tiểu hình. Trong phiên tòa này sẽ có một Chánh Thẩm, một Phó Biện Lý và một Lục Sự.

Nếu bị can chịu đóng tiền phạt điều đình theo đúng thời hạn thì công tố quyền sẽ bị tiêu diệt. Nếu bị can không chịu đóng tiền phạt theo thời hạn, tòa vi cảnh sẽ xét xử.

1.2: TÒA HOÀ GIẢI:

Tòa Hòa Giải có tại các quận, phủ, huyện, đô thị hay tỉnh lỵ. Tại Tòa Hòa Giải có một Thẩm Phán Hòa Giải và một Lục Sự. Tòa có thẩm quyền xét xử các vụ về dân sự và thương sự. Về các vi phạm tiểu hình, thẩm phán hòa giải là cảnh sát tư pháp, phải chuyển hồ sơ và bị can lên tòa Sơ Thẩm.

Về dân sự, cần phân biệt:

- Quyền tài phán phi tụng: hòa giải các vụ tương tranh dân sự và thương sự bất cứ giá ngạch bao nhiêu.

- Quyền tài phán hữu tụng: hòa giải các vụ tương tranh dân sự và thương sự có giá ngạch tài chánh nhỏ nhoi. Xử chung thẩm, nếu giá ngạch vụ kiện không quá mười ngàn đồng (10.000\$). Xử sơ thẩm nếu giá ngạch vụ kiện không quá ba mươi ngàn đồng (30.000 \$).

1.3: TÒA HOÀ GIẢI RỘNG QUYỀN

Tòa Hòa Giải Rộng Quyền được thiết lập tại các tỉnh lỵ nhỏ. Thẩm quyền xét xử như các Tòa Sơ Thẩm. Vì thiếu thẩm phán, nên tại các Tòa Hòa Giải Rộng Quyền chỉ có một Thẩm Phán trực thuộc thẩm quyền của Bộ Tư Pháp. Vị thẩm phán này đảm nhận luôn ba nhiệm vụ của Chánh Án, Biện Lý và Dự Thẩm.

1.4 :TÒA SƠ THẨM:

Dưới thời Đế II Cộng Hoà, khi có khá đầy đủ các Thẩm Phán, các Tòa Hòa Giải Rộng Quyền được thay bằng các Tòa Án Sơ Thẩm.

Đây là tòa án cấp tỉnh được đặt tại các tỉnh lỵ, thị xã hay đô thành Sài Gòn. Cũng có khi hai hay nhiều tỉnh mới có một Tòa Án Sơ Thẩm mà quận hạt gồm hai hay nhiều tỉnh ấy. Trước năm 1975 tại miền Nam VN có các tòa sơ thẩm Sài Gòn, Gia Định, Biên Hoà, Bình Dương, Mỹ Tho, Cần Thơ, Long Xuyên, Rạch Giá v.v..

Tòa Sơ Thẩm có thẩm quyền giống Tòa

Giải Rộng Quyền, chỉ có khác là Tòa Sơ Thẩm quan hệ hơn và có Biện Lý Cuộc.

Tòa Sơ Thẩm được điều hành gồm có một Chánh Án, một Biện Lý, một Dự Thẩm và một Chánh Lục Sự có nhiều lục sự và thư ký giúp việc.

Nếu nhu cầu công vụ bắt buộc, Tòa Sơ Thẩm có thể có thêm một hay nhiều Chánh Án Dự Khuyết, Thẩm Phán hay Thẩm Phán phụ khuyết, một hay nhiều Dự Thẩm, một hay nhiều Phó Biện Lý.

A - Nhân Sự Điều Hành:

A.1-Chánh Án và các Thẩm Phán Tòa Xử:

Các Thẩm Phán tòa xử gồm có Chánh Án, các Chánh Án dự khuyết, Thẩm Phán và Dự Thẩm. Trừ Dự Thẩm có nhiệm vụ thẩm cứu, Chánh Án và các Thẩm Phán tòa xử khác chủ tọa các phiên tòa và xử án.



TP Tôn Thất Hiệp - Nguyễn Văn Thành- Lê Thế Hiến

Hai công việc nặng nhất của Chánh Án là ký Án Lệnh phê đơn và xử cấp thẩm.

A.2:Biện Lý :

Chức vụ Công Tố được giao cho Biện Lý có Phó Biện Lý phụ giúp.Phó Biện Lý chỉ hành động với sự uỷ quyền công nhiên hay mặc nhiên của Biện Lý.

Về Hình Sự, Biện Lý có trách nhiệm tầm nã và truy tố các tội phạm về tiểu hình và đại hình đã xảy ra trong quần hạt. Biện Lý nhận các đơn thưa, tố cáo các vi phạm đến an ninh, trật tự quốc gia và đến tính mệnh, tài sản của tư nhân.

Về Dân Sự, Biện Lý đứng chánh tố khi thay mặt cho con cháu để kiện ông, bà, cha, mẹ nếu không có trưởng tộc hay trưởng tộc từ chối.hay vắng mặt.Biện Lý đứng phụ tố trong các vụ kiện dân sự khác.



Các thẩm phán của Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn 1971



Biện Lý Lương Đức Hợp, Các Phó Biện Lý Nguyễn Đức Huy và Phạm Văn Hàm

A.3-Dự Thẩm:

Dự Thẩm được lựa chọn trong các Thẩm Phán xử án Tòa Sơ Thẩm, có tối thiểu 5 năm đảm trách nhiệm vụ thẩm phán. Dự Thẩm chuyên về việc thẩm cứu.Dự Thẩm có thể tự mình thụ lý trực tiếp các vụ vi phạm quả tang. Ngoài trường hợp này, Dự Thẩm chỉ thụ lý do Biện Lý yêu cầu bằng Khởi Tố Lệnh Trạng hay do đơn Khiếu Tố của người bị thiệt hại đứng dân sự nguyên cáo. Nhưng đơn khiếu tố

của người bị thiệt hại phải chuyển cho Biện Lý để lập Khởi Lệnh Trạng.

Trong việc thẩm cứu, Dự Thẩm phải mở cuộc điều tra, hỏi nhân chứng, truy cứu bị can, hỏi cung bị can, mở cuộc giám định, khám nhà các bị can và tông phạm, tịch thu tang vật v.v....tức là làm tất cả mọi công việc để tìm ra bằng chứng của sự phạm pháp.



Dự Thẩm Trần An Bài - Dự Thẩm Vũ Mạnh

Dự Thẩm cũng có thể tuyên Án Lệnh Từ Thẩm nếu quyền công tố bị tiêu diệt, nếu đã có đại xá, uy lực quyết tụng, vô thẩm quyền hay nếu các sự kiện không có tánh cách hình sự .

B- Thẩm Quyền:

Tòa Sơ Thẩm có thẩm quyền xử sơ thẩm về Dân Sự và Hình Sự.

Các việc kiện về Dân Sự như tranh chấp về động sản, bất động sản, bồi thường thiệt hại do sự phạm pháp gây ra, khánh tận, thừa tự v.v...

Về hình sự liên quan đến các vụ vi phạm về tiểu hình và đại hình.

Tòa Sơ Thẩm Tiểu Hình xử các tội tiểu hình. Tòa gồm có một Chánh Án hay một thẩm phán chủ tọa để xét xử. Biện Lý hay một Phó Biện Lý ngồi ghé Công Tố Viện để buộc tội và một Lục Sự giữ bút lục. Bị can có thể nhờ Luật Sư biện hộ. Tuy nhiên, trong trường hợp vì nhu cầu công vụ, Chánh Nhất có thể cho phép Chánh Án đặc biệt uỷ nhiệm cho Dự Thẩm chủ tọa các phiên tòa tiểu hình.

Tòa Tiểu Hình có thẩm quyền xét xử các việc kháng cáo của Tòa Vi Cảnh.

Có những tội tiểu hình dành cho các tòa đặc biệt như Tòa Án Quân Sự hoặc Tòa Thiếu Nhi thì Tòa Tiểu Hình không có thẩm quyền.

Tòa Sơ Thẩm Đại Hình xử các tội đại hình. Tòa gồm có một Chánh Án, hai Thẩm Phán Phụ



Các Thẩm Phán trong phiên xử



Các Luật Sư tham dự phiên tòa tại Sài Gòn



Thẩm Phán, các Luật sư tại Tòa án Đà Lạt

Thẩm xử án. Công Tố Viện thì buộc tội. Lục Sự để ghi chép và giữ bút lục.

Ngoài ra, tại các tòa án lớn như ở thủ đô Sài Gòn và thành phố Huế, vì có nhiều vụ tranh tụng, nên Tòa Sơ Thẩm mở thêm các phiên tòa chuyên biệt, nhưng thành phần của tòa vẫn là thành phần của Tòa Dân Sự. Đó là Tòa Thương Mại và Tòa

Khẩn Cấp.

1.5 : TÒA ÁN THƯƠNG MẠI

Xét xử các vụ kiện về những hành vi thương mại và nghề nghiệp thương gia. Hành vi thương mại là những hành vi chế tạo, lưu chuyển, trung gian có mục đích kiếm lời trực tiếp hay gián tiếp, còn thương gia là những người làm những hành vi thương mại cho chính mình và lấy những hành vi ấy làm nghề nghiệp thường xuyên của mình .

1.6 :TÒA KHẨN CẤP

Nếu vụ tranh tụng cần được giải quyết một cách đặc biệt nhanh chóng, chánh án Tòa Khẩn Cấp có thể cho triệu hoán ngắn hạn bằng một Án Lệnh Phê Đơn đến phiên tòa hay tư dinh của chánh án bất cứ vào ngày giờ nào kể luôn những ngày lễ chính thức .

Hoặc nếu chủ nợ nào có lý do sợ rằng tài sản của con nợ sẽ bị tiêu tán trước khi mình có chứng khoán chấp hành, có thể xin chánh án Tòa Khẩn Cấp (Cấp Thẩm) truyền Án Lệnh Khẩn Cấp (Cấp Thẩm) để sai áp bảo toàn, sai áp chỉ phó, ộp bộ đối với các động sản và tiên chủ đối với các bất động sản. Án Lệnh khẩn cấp chỉ quyết định tạm thời và không thể trong bất cứ trường hợp nào tiên phán đến chánh vụ và được đương nhiên thi hành tạm án vẫn trên nguyên bản mặc dầu có kháng tố hay kháng cáo. Án lệnh khẩn cấp cũng ấn định thời hạn bắt buộc chủ nợ phải khởi tố trước tòa án có thẩm quyền để kiện về nội dung chánh vụ và xin xác hiệu sự sai áp.

1.7 TÒA THƯỢNG THẨM

VNCH có hai Tòa Thượng Thẩm.Tòa Thượng Thẩm Huế có quản hạt kéo dài từ Quảng Trị đến Nha Trang.Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn có quản hạt từ Phan Thiết đến Cà Mau.

Mỗi Tòa Thượng Thẩm có một Chánh Nhất, một hay hai Chánh Án Phòng và nhiều Hội Thẩm.

Chức vụ công tố do Chương Lý đảm nhận và tùy theo nhu cầu có một hay hai Phó Chương Lý, một hay nhiều Tham Lý phụ giúp.

Phòng Lục Sự do một Chánh Lục Sự cùng một số Lục Sự và thư ký giúp việc.

1- Chánh Nhất:

Chánh Nhất là vị chỉ huy tất cả các thẩm phán tọa xử không những tại Tòa Thượng Thẩm



mà tại các tòa án trong quản hạt nữa.

*Chánh Nhất
Tòa TT Sài Gòn, Đinh Văn Huân*

1-Chương Lý:

Trong quản hạt của Tòa Thượng Thẩm, Chương Lý giữ nhiệm vụ Giám Đốc Sở Tư Pháp.Chương Lý được Tổng Trưởng Bộ Tư Pháp uỷ nhiệm việc tư pháp hành chánh trong quản hạt của mình.

Phó Chương Lý Tòa TT Sài Gòn, Nguyễn Mạnh Nhựt

Công việc chính của Chương Lý là công việc chỉ huy Công Tố Viện.Chương

Lý có quyền điều khiển tất cả Thẩm Phán Công Tố thuộc quản hạt Tòa Thượng Thẩm nơi mình cư ngụ.Tất cả quyền công tố được trao cho một mình Chương Lý.Phó Chương Lý và Tham Lý chỉ dự vào việc thi hành quyền công tố khi nào được Chương Lý uỷ quyền.

2- Thành Phần Tổ Chức:

Mỗi Toà Thượng Thẩm được tổ chức gồm có: Phòng Nhất, Phòng Nhì và Phòng Luận Tội.



Phòng Nhất (lo về Dân Sự):Do Chánh Nhất chủ tọa có hai Hội Thẩm phụ lực xét xử các vụ kháng cáo các bản án Dân Sự và Thương Sự do các Toà Sơ Thẩm tuyên xử

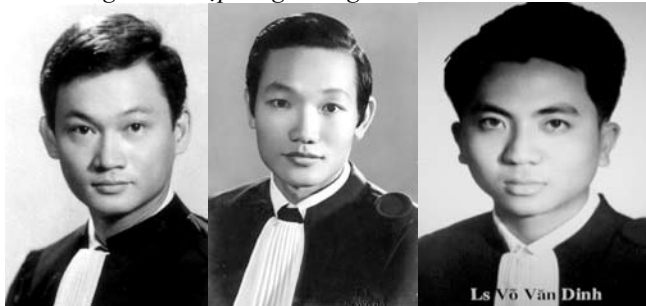


Phòng Nhì (lo về Hình sự): Do một Chánh Án Phòng chủ tọa có hai Hội Thẩm phụ lục xét xử các vụ kháng cáo các bản án hình sự do các Tòa Sơ Thẩm tuyên xử. Phòng Nhì có hai Ban:

- Ban Tiểu Hình: chuyên xử kháng cáo các bản án tiểu hình



Các LS Ngô Văn Tiếp - Ngô Tăng Giao - Bùi Trần Phú



Các LS Lê Công Tâm - Phạm Ngọc Anh- Võ V.Đình



LS Bùi Lê Khanh- Nguyễn SỹThụy -Trương H. T. Trinh



LS Đỗ Doãn Quế - Đỗ Xuân Hòa - Nam Thị Hồng Vân

- Ban Đại Hình: chuyên xử kháng cáo các bản án đại hình. Ban này gồm một chánh thẩm, hai thẩm phán phụ thẩm và có bốn phụ thẩm nhân dân (theo bộ Hình Sự Tổ Tụng năm 1972). Phụ Thẩm Nhân Dân được chọn từ danh sách các thân hào, nhân sĩ. Danh sách này được lập hàng năm tại quân hạt mọi tòa đại hình. Các thân hào, nhân sĩ này phải là công dân VN, đủ 30 tuổi, không có tiền án, không phải là nhân viên các cơ quan tư pháp, tu sĩ hay binh sĩ tại ngũ. Phụ Thẩm Nhân Dân được lãnh 3000 đồng cho mỗi ngày công tác.

Phòng Luận Tội (lo về Thẩm Cứu): Do Chánh Nhất, Chánh Án Phòng hay một Hội Thẩm chủ tọa với hai Hội Thẩm phụ lục. Phòng Luận Tội có thẩm quyền:

- Kiểm soát, đốc biện việc điều hành các phòng Dự Thẩm trong quân hạt Tòa Thượng Thẩm.
- Thẩm vấn các vụ đại hình
- Xét xử các kháng cáo Án Lệnh của Dự Thẩm
- Chấp đơn xin khôi phục công quyền
- Khám xét các trại giam trong quân hạt
- Kiểm soát hoạt động của các sĩ quan, nhân viên cảnh sát tư pháp cùng các công chức dân chính và quân nhân thi hành nhiệm vụ hình cảnh lại về các tác vụ do các Dự Thẩm giao phó.

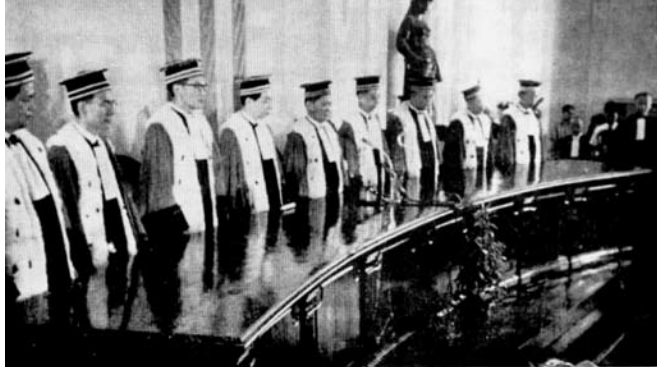
1.8 :TỐI CAO PHÁP VIỆN:

Tối Cao Pháp Viện gồm từ chín (9) đến mười lăm (15) Thẩm Phán. Tối Cao Pháp Viện do Quốc Hội tuyển chọn và Tổng Thống bổ nhiệm theo một danh sách ba mươi (30) người do Thẩm Phán Đoàn, Công Tố Đoàn và Luật Sư Đoàn bầu lên.

Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện phải là những Thẩm Phán hay Luật Sư đã hành nghề ít nhất mười (10) năm trong ngành Tư Pháp.

Nhiệm kỳ của Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện là sáu (6) năm

Thành phần cử tri thuộc Thẩm Phán Đoàn, Công Tố Đoàn và Luật Sư Đoàn phải đồng đều



Members of the new Supreme Court (from left: Justices Nguyen Van Bien, Tran Van Linh, Nguyen Mong Bich, Trinh Xuan Ngan, Nguyen Van Si, Mai Van An, Tran Minh Tiet, Nguyen An Thuong and Tran Van Lien).

9 Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện

Tối Cao Pháp Viện có thẩm quyền giải thích Hiến Pháp, phán quyết về tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, sắc luật; tính cách hợp hiến và hợp pháp của các sắc lệnh, nghị định và quyết định hành chánh. Tối Cao Pháp Viện có thẩm quyền phán quyết về việc giải tán một chánh đảng có chủ trương và hành động chống lại chính thể Cộng Hòa.

Những quyết định của Tối Cao Pháp Viện tuyên bố một đạo luật bất hợp hiến hoặc giải tán một chánh đảng phải hội đủ đa số ba phần tư (3/4) tổng số Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện.



TP Trần Minh Tiết, TP Trần Khương Trinh và TP Trần Văn Liêm

Tối Cao Pháp Viện có thẩm quyền phán quyết về các vụ thượng tố các bản án chung thẩm.

Tối Cao Pháp Viện tổ chức các cuộc tuyển chọn và điều hành các thẩm phán xử án.

Tối Cao Pháp Viện có ngân sách tự trị và có quyền lập qui để quản trị ngành Tư Pháp.

Tối Cao Pháp Viện tọa lạc tại Dinh Gia Long thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm trước đây.

2-CƠ QUAN TÀI PHÁN HÀNH CHÁNH

2.1:TÒA CẤP DƯỠNG

Thẩm quyền xét xử các vụ khiếu nại về việc cấp dưỡng cho các thương binh hay thân nhân của các cựu chiến binh đã tử trận.

Tại quận hạt mỗi Tòa Thượng Thẩm sẽ thiết lập một Tòa Sơ Thẩm Cấp Dưỡng gồm có một Chánh Án do Chánh Nhất bổ nhiệm. Một bác sĩ và một cựu chiến binh đang hưởng cấp dưỡng. Một Ủy Viên Chính Phủ và một Lục Sự. Phán quyết của Tòa Cấp Dưỡng sơ thẩm cũng có thể kháng cáo lên Tòa Thượng Thẩm Cấp Dưỡng.

2.2: TÒA ÁN HÀNH CHÁNH

Tòa án Hành Chánh xử sơ thẩm:

- Đòi bồi thường liên quan đến các pháp nhân hành chánh.

- Các vụ kiện xin thủ tiêu các quyết nghị hành chánh có tính cách cá nhân

- Các vụ tranh tụng liên quan đến mọi cuộc tuyển cử hàng tỉnh, quận, xã.

Tòa xử sơ thẩm và chung thẩm các vụ kiện liên quan đến mọi vấn đề thuế trực thu và các thứ thuế đồng hoá với thuế trực thu.

2.3:THAM CHÍNH VIỆN

Quản hạt của Tham Chính Viện gồm toàn cõi miền Nam VN. Trụ sở đặt tại Sài Gòn.

Thành phần của Tham Chính Viện gồm có những cơ quan sau đây;

- Một Ban Tài Phán
- Một Ban Hành Chánh
- Một Đại Hội Đồng Tham Chính Viện
- Một phòng Tổng Thư Ký

Nhân viên của Tham Chính Viện gồm có một Chủ Tịch, một hai Phó Chủ Tịch, một số cố vấn và Tham Nghị. Một Tổng Thư Ký có một hay nhiều thư ký trợ lực.

Ban Tài Phán gồm có một Chánh Thẩm, hai Hội Thẩm và một Ủy Viên Chính Phủ. Chánh Thẩm chọn trong hàng Chủ Tịch hay Phó Chủ Tịch. Hội Thẩm và Ủy Viên Chính Phủ chọn trong hàng Cố Vấn.

Ban Hành Chánh gồm có một Chủ Tịch, hai

Cố Vấn, một số Tham Nghị nhiều hay ít tùy theo nhu cầu công vụ.

Thẩm quyền của Tham Chính Viện gồm có:

- Phúc thẩm các bản án do toà án hành chánh xử sơ thẩm .

- Xét xử các việc xin phá án các toà án hành chánh hay những pháp đình có tính cách hành chánh xử chung thẩm.

- Sơ và chung thẩm những việc xin thủ tiêu các quyết định hành chánh, cá nhân hay lập quy có những tỳ tích như lạm quyền, vô thẩm quyền, vi luật, không có lý do hay căn cứ vào lý do không

3- CÁC TÒA ÁN ĐẶC BIỆT

3.1:TÒA ÁN THIẾU NHI:

Tòa án Thiếu Nhi xét xử các thiếu nhi dưới 18 tuổi can tội tiểu hình hay đại hình.Tuy nhiên, trong trường hợp có đồng phạm hay đồng lõa 18 tuổi hay trên 18 tuổi, tòa án Sơ Thẩm có thẩm quyền xét xử, nhưng phải áp dụng luật này cho thiếu nhi dưới 18 tuổi.

Tòa án Thiếu Nhi được đặt tại Sài Gòn và Mỹ Tho trong quận hạt Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn và đặt tại Nha Trang và Huế trong quận hạt của Tòa Thượng Thẩm Huế .

Vị thành niên 13 tuổi hay dưới 13 tuổi không thể bị phạt tù.

Chánh án Tòa Án Thiếu Nhi có thể kiêm nhiệm chức vụ Dự Thẩm. Dự Thẩm phải thông báo cho cha mẹ, người giám hộ việc truy tố đứa trẻ. Dự Thẩm phải yêu cầu Thủ Lãnh Luật Sư Đoàn chỉ định luật sư biện hộ, nếu gia đình đứa trẻ chưa chọn được luật sư. Nếu vi phạm điều này, thủ tục sẽ vô hiệu.

Mỗi vụ thiếu nhi được xử riêng, can phạm các vụ án khác không được có mặt trong phiên xử. Chỉ được dự phiên tòa, các nhân chứng, các thân thuộc của đứa trẻ, luật sư, đại diện các cơ quan lo về thiếu nhi và những người Tòa xét cần có mặt.

Cấm tường thuật cuộc tranh luận trước Toà án Thiếu Nhi trên các sách, báo, truyền thanh, truyền hình.

Thành phần thẩm phán của Tòa Thiếu Nhi như sau:- Cấp sơ thẩm tiểu hình: gồm 1 Thẩm phán làm chánh án.

- Cấp thượng thẩm tiểu hình: gồm 1 Hội Thẩm làm chánh án và 2 thẩm phán làm phụ thẩm.

- Cấp sơ thẩm đại hình: gồm có 1 thẩm phán làm chánh án và 2 phụ thẩm nhân dân.

- Cấp thượng thẩm đại hình: gồm có 1 Hội Thẩm làm Chánh Thẩm và 2 phụ thẩm nhân dân. Phụ thẩm nhân dân là những người am hiểu vấn đề thiếu nhi hoặc hoạt động trong các cơ quan cứu trợ thiếu nhi.

3.2:TÒA ÁN NHÀ PHỐ

Thẩm quyền xét xử các vụ tương tranh giữa người chủ cho thuê và người thuê nhà hay chiếm ngụ ngay tình nhà để ở hay để dùng về thủ công nghệ hay nghề nghiệp.

Những án của Tòa Nhà Phố cũng có thể kháng cáo lên Tòa Thượng Thẩm như án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm. Về thượng tố, các án này cũng theo như thủ tục cho các án dân sự.

3.3 :TÒA ÁN LAO ĐỘNG

Trong việc tổ chức nền Tư Pháp của VNCH còn cho thiết lập thêm các Tòa Án Lao Động xét xử các vụ tranh tụng về lao động giữa chủ nhân và nhân công trong khi thi hành khế ước lao động.

3.4 :TÒA ÁN ĐIỀN ĐỊA

Tòa Án Điền Địa xét xử các vụ vi phạm và tranh tụng xảy ra nhân khi thi hành chính sách cải cách điền địa.

3.5 : TÒA ÁN SẮC TỘC:

Toà án Sắc Tộc xét xử các vụ kiện liên quan đến đồng bào thiểu số.

3.6: TÒA ÁN QUÂN SỰ

Tòa Án Quân Sự được thiết lập tại Sài Gòn , Nha Trang và Huế. Quận hạt Tòa Án Quân Sự tại Sài Gòn gồm các tỉnh Nam Phần, Quận hạt Tòa Án Quân Sự tại Nha Trang là các tỉnh Cao Nguyên Trung Phần, Quận hạt Tòa Án Quân Sự tại Huế là các tỉnh Trung Nguyên Trung Phần.

Thẩm quyền xét xử các quân nhân vi phạm những điều ghi trong Bộ Quân Luật cùng các tội vi phạm đến người và tài sản cũng như liên quan đến an ninh trật tự công cộng.

Thành phần Tòa Án Quân Sự gồm có :

- Chánh thẩm là một Sĩ quan cấp tá trở lên có bằng cử nhân Luật .

- Một Phụ Thẩm Hành Chánh là Đô Trưởng hay Tỉnh Trưởng hay Thị Trưởng nơi tòa nhóm họp.

- Một Phụ Thẩm Quân Sự là một sĩ quan cấp tá trở lên.

- Ủy viên Chánh Phủ là sĩ quan cấp tá trở lên và một hay nhiều Phó Ủy Viên Chánh Phủ là sĩ quan cấp tá .

Chánh Thẩm, Phụ Thẩm Quân Sự, Ủy Viên Chánh Phủ sẽ do Bộ Trưởng Quốc Phòng hay Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng bổ nhiệm.

- Phòng Lục Sự sẽ do một Lục Sự Trưởng điều khiển với sự giúp đỡ của một số Lục Sự và thư ký

Các phán quyết của Tòa án Quân Sự là chung thẩm.

3.7: TÒA ÁN QUÂN SỰ MẶT TRẬN

Tòa Án Quân Sự Mặt Trận được thiết lập tại mỗi vùng chiến thuật I, II, III, IV.

Tòa có thẩm quyền xét xử các tội phạm bị bắt quả tang trong suốt thời gian có tình trạng khẩn cấp tại lãnh thổ vùng chiến thuật.

Xét xử các quân nhân phạm tội tiểu hình hay đại hình được qui định trong Bộ Quân Luật, Bộ Hình Luật và các luật lệ hiện hành khác

Xét xử các thường dân xâm phạm tội an ninh quốc gia.

Phán quyết của Tòa án Quân Sự Mặt Trận là chung thẩm. Mọi phương thức kháng án khác không áp dụng. Bản án sẽ được thi hành ngay sau khi tuyên án nếu không phải là án tử hình. Nếu là án tử hình, mặc dầu có đơn hay không có đơn xin ân xá của phạm nhân, Ủy Viên Chính Phủ phải lập đơn Ân Xá trong thời hạn 10 ngày lên Tổng Thống thẩm định.

Thành phần Tòa Án Quân Sự Mặt Trận gồm có:

-1 Chánh Thẩm thực thụ và 1 Chánh Thẩm dự khuyết là những sĩ quan có cấp bậc đại tá trở lên được tổng thống bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng. Chánh Thẩm phải có cấp bậc trên bị can là 2 cấp.

- 4 Phụ Thẩm: được tuyển chọn trong các sĩ quan, hạ sĩ quan tại vùng chiến thuật liên hệ.

- Cấp thượng thẩm tiểu hình: gồm 1 Hội Thẩm làm chánh án và 2 thẩm phán làm phụ thẩm.

- Cấp sơ thẩm đại hình: gồm có 1 thẩm phán làm chánh án và 2 phụ thẩm nhân dân.

- Cấp thượng thẩm đại hình: gồm có 1 Hội Thẩm làm Chánh Thẩm và 2 phụ thẩm nhân dân. Phụ thẩm nhân dân là những người am hiểu vấn đề thiếu nhi hoặc hoạt động trong các cơ quan cứu trợ thiếu nhi.

3.2:TÒA ÁN NHÀ PHỐ

Thẩm quyền xét xử các vụ tương tranh giữa người chủ cho thuê và người thuê nhà hay chiếm ngụ ngay tình nhà để ở hay để dùng về thủ công nghệ hay nghề nghiệp.

Những án của Tòa Nhà Phố cũng có thể kháng cáo lên Tòa Thượng Thẩm như án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm. Về thượng tố, các án này cũng theo như thủ tục cho các án dân sự.

3.3 :TÒA ÁN LAO ĐỘNG

Trong việc tổ chức nền Tư Pháp của VNCH còn cho thiết lập thêm các Tòa Án Lao Động xét xử các vụ tranh tụng về lao động giữa chủ nhân và nhân công – trong khi thi hành khế ước lao động.

3.4 :TÒA ÁN ĐIỀN ĐỊA

Tòa Án Điền Địa xét xử các vụ vi phạm và tranh tụng xảy ra nhân khi thi hành chính sách cải cách điền địa.

3.5 : TÒA ÁN SẮC TỘC:

Toà án Sắc Tộc xét xử các vụ kiện liên quan đến đồng bào thiểu số.

3.6: TÒA ÁN QUÂN SỰ

Tòa Án Quân Sự được thiết lập tại Sài Gòn , Nha Trang và Huế. Quản hạt Tòa Án Quân Sự tại Sài Gòn gồm các tỉnh Nam Phần, Quản hạt Tòa Án Quân Sự tại Nha Trang là các tỉnh Cao Nguyên Trung Phần, Quản hạt Tòa Án Quân Sự tại Huế là các tỉnh Trung Nguyên Trung Phần.

Thẩm quyền xét xử các quân nhân vi phạm những điều ghi trong Bộ Quân Luật cùng các tội vi phạm đến người và tài sản cũng như liên quan đến an ninh trật tự công cộng.

Sau khi bị truất quyền, đương sự có thể bị truy tố trước các tòa án có thẩm quyền.

A- GIÁM SÁT VIỆN

Giám Sát Viện có thẩm quyền :

- Thanh tra, kiểm soát và điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân đồng phạm hay tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phương hại đến quyền lợi quốc gia.

- Thẩm tra kế toán đối với các cơ quan công quyền và hợp doanh.

- Kiểm kê tài sản các nhân viên các cơ quan công quyền kể cả Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, Dân Biểu, Nghị Sĩ, Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện.

- Riêng đối với Chủ Tịch Giám Sát Viện và các Giám Sát Viên, việc kiểm kê tài sản do Tối Cao Pháp Viện đảm trách.

- Giám Sát Viện có quyền đề nghị các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với nhân viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước tòa án có thẩm quyền.

- Giám Sát Viện có quyền công bố kết quả cuộc điều tra.

Thành phần Giám Sát Viện gồm từ chín (9) đến mười tám (18) Giám Sát viên, một phần ba (1/3) do Quốc Hội, một phần ba (1/3) do Tổng Thống và một phần ba (1/3) do Tối Cao Pháp Viện chỉ định.

Giám Sát viên được hưởng những quyền hạn và bảo đảm cần thiết để thi hành nhiệm vụ.

Giám Sát Viện có ngân sách tự trị và có quyền lập qui chế tổ chức nội bộ và quản trị ngành giám sát.

KẾT LUẬN:

Nền Tư Pháp của VNCH được phân định độc lập với hai cơ quan Lập Pháp và Hành Pháp. Cơ quan Tư Pháp có thẩm quyền xét xử các vụ vi phạm luật pháp. Mục đích của nền Tư Pháp VNCH là đem lại công lý cho mọi người. Chính vì thế, mọi người dân được bình đẳng trước pháp luật và các thẩm phán xét xử, các luật sư biện hộ luôn giữ được sự độc lập.

Trong một vụ kiện tranh tụng, Công Tố Viên nắm quyền truy tố, Dự Thẩm lo về điều tra, thẩm

cứu, Luật Sư biện hộ và cuối cùng Thẩm Phán Xử Án ra phán quyết. Chính vì vậy, tránh được nhiều bản án độc đoán và sai lầm.

Trái với chế độ Cộng Sản Việt Nam hiện nay, các thẩm phán và ngay cả các luật sư không có quyền độc lập thi hành chức vụ mà lệ thuộc vào sự chỉ đạo của đảng Cộng Sản Việt Nam. Tất cả các bản án đã được Đảng ấn định sẵn, nên vai trò biện hộ của luật sư trở thành vô nghĩa, chỉ còn là trang trí cho chế độ độc tài. Do đó, các phiên xử diễn ra như một vở tuồng thật lố bịch. Chánh Án, Viện Kiểm Soát chỉ biết thi hành lệnh của Đảng, bất chấp luật lệ và mọi lời biện hộ của Luật Sư.

Dưới chế độ VNCH, nền tư pháp có mục đích đem lại Công Lý cho mọi người. Vì thế, chế độ VNCH luôn tránh cho mọi người dân cảnh bị kết án và ngồi tù oan uổng. Trái lại, dưới chế độ Cộng Sản Việt Nam thì nền tư pháp chỉ phục vụ cho quyền lợi của Đảng. Do đó, khi người dân và nhiều nhà ái quốc bày tỏ thái độ và hành động yêu nước chống lại sự xâm lăng của Trung Cộng, bảo vệ lãnh thổ đã bị các thẩm phán bù nhìn tuyên án thật nặng nề. Họ bị kết án, chỉ vì họ có những tư tưởng hay hành động tuy phù hợp với bản Hiến Pháp, nhưng chống lại quyền lợi của Đảng và Nhà Nước Cộng Sản Việt Nam. Thật nực cười, khi cương lĩnh của đảng Cộng Sản Việt Nam lại ngồi xổm trên bản Hiến Pháp của cả nước !/.

NGUYỄN VĂN BÌNH

GHI CHÚ:

- Tham khảo các bản văn về Tổ Chức Nền Tư Pháp của Bộ Tư Pháp VNCH.

- Hiến Pháp đệ I năm 1956 và đệ II năm 1967 của VNCH

- Bộ Luật Hình Sự Tổ Tụng năm 1972 com .



NGHỆ THUẬT BIỆN HỘ TRƯỚC TOÀ



LS VÕ VĂN ĐÌNH

Các anh chị luật sư tập sự vào tập sự tại các văn phòng luật sư có bao giờ được ông Patron của mình chỉ cho vài chiêu biện hộ để ra trước Toà bênh vực thân chủ hay không ? Phải nói rằng rất ít , chỉ những chủ văn phòng nào thương yêu luật sư tập sự của mình mới chỉ vẽ cho vài nghệ thuật biện hộ trước Toà . Truyện Kiều của Nguyễn Du có mô tả cảnh tú bà dạy Thuý Kiều nghệ thuật chiêu khách . Nghề chơi còn có lắm nghệ thuật công phu như vậy , thì tại sao việc bênh vực một khách hàng của mình trước Toà lại không được xem là quan trọng . Người thân chủ , khách hàng tin tưởng vào sự bênh vực của mình trước Toà để bảo vệ quyền lợi của họ . Một nhiệm vụ không thể xem thường . Luật sư yêu nghề thì không thể không trau dồi nghệ thuật biện hộ của mình . Thường thì các anh chị luật sư tập sự sẽ nghiên cứu những quyển sách “ Thuật hùng biện” của ông Hoàng Xuân Việt hay quyển “Nghệ thuật nói chuyện trước công chúng” của Nguyễn Hiến Lê để học những phương pháp lý luận như tam đoạn luận , qui nạp , liên đoạn , song quan , phản chứng . Tuy nhiên những phương pháp này vẫn chưa đầy đủ cho một luật sư khi hùng biện trước Toà . Những luật sư cải hình sự nổi

tiếng có những chiêu thức phức tạp mà người hành nghề luật sư phải tìm hiểu .

1- Luật sư một nghề hào hoa :



Các Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn

Hào hoa là gì ? Theo từ điển Nguyễn Văn Khôn thì hào hoa là người liberal và generous , là người có tinh thần tự do và tấm lòng đại lượng yêu người . Nói về hào hoa thì anh luật sư Nguyễn viết Đình cho rằng luật sư ăn mặc quý phái xinh đẹp cũng gây sự tin tưởng nơi khách hàng . Theo anh Đình thì luật sư đoàn Sài Gòn có luật sư Hoàng quốc Tân , một luật sư lớn tuổi và thâm niên văn phòng ông ở số 182 Pasteur Sài Gòn là người ăn mặc đẹp nhất . Ông ghi tên vào danh biểu Luật sư Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn vào năm 1952 , ông thường đến Toà với veste trắng , thắt nơ cánh bướm rất đẹp . Anh Nguyễn đình Tuấn sau này cũng thường thắt nơ cánh bướm . Các nam luật sư mặc quần tây, sơ mi và cravate là đã quý phái và nghiêm trang rồi . Những luật sư thâm niên như luật sư Vương văn Bắc , luật sư Trần văn Tuyên , luật sư kính mến Lê trọng Nghĩa (tuyên thệ 1958, ghi tên danh biểu Luật sư đoàn 1961, văn phòng số 69 Gia Long Sài Gòn), ... đến Toà trong những chiếc xe hơi bóng lộn có tài xế lái Những anh chị trẻ tuổi như chị luật sư Dương Mỹ Linh lái chiếc Mazda màu bordeaux, chị luật sư Tuý Lang lái chiếc Datsun màu đỏ , anh Nguyễn Viết Đình lái Volkswagen màu cà phê nhạt rất quý phái . Xã hội bấy giờ người lái

xe bốn bánh rất hiếm. Những anh chị luật sư tự lái xe đến Tòa thì có phải rất là hào hoa phong nhã hay không .



Nói về tấm lòng yêu tự do , yêu người thì nhiều luật sư đã từng là Dân biểu , Nghị sĩ , Tổng Bộ trưởng trong chính quyền và đã xây dựng những luật pháp tôn trọng con người . Cũng có những luật sư không làm chính trị mà chỉ chú ý giúp đỡ những người bị oan ức, nghèo khổ , mẹ goá con cô . Tôi đã thấy nhiều anh chị luật sư đang đi rôlê các phòng xử dân sự phải xin đình vụ dân sự để đến phòng xử hình sự biện hộ cho những người nhà quê , nghèo khổ , oan ức không biết luật pháp . Có lần vào năm 2012 , chúng tôi gồm có chị luật sư Trần thị Cẩm (mẹ Bác sĩ Daniel Trương), chị luật sư Hoàng thị Châu Qui , chị luật sư Nguyễn thị Chính và tôi đến thăm thẩm phán Tôn thất Hiệp ở Los Angeles . Chị luật sư Chính có nhắc lại một vụ xử hình sự trước năm 1975 do thẩm phán Tôn thất Hiệp ngồi ghế Chánh án . Chị Chính nói chị đang đi rôlê dân sự thì có người đến khóc nhờ chị giúp đỡ cho con của người này bị truy tố về tội trộm vừa bị ông Chánh án Hiệp tuyên phạt 3 tháng tù ở.Luật sư Chính đến xin Chánh án Hiệp cho xử lại và luật sư nộp đơn nhiệm cách . Sau lời biện hộ của luật sư thì bị cáo được tuyên án 3 tháng tù treo . Chúng tôi có hỏi thẩm phán Tôn thất Hiệp rằng vụ đã xử rồi mà có thể xử lại sao ? Thẩm phán Tôn thất Hiệp mỉm cười trả lời chúng tôi rằng khi một vụ kiện có luật sư nhiệm cách thì phải cho xử lại và nghe lời biện hộ của luật sư .



Nói về tài ứng biến của luật sư thì luật sư Lê Tất Hào có kể lại câu chuyện về luật sư Nguyễn văn Sáng như sau Luật sư Sáng là một luật sư thâm niên văn phòng ở số 47 Thủ Khoa Huân Sài Gòn , ông gia nhập Luật sư đoàn Sài Gòn từ năm 1944 . Hôm đó là phiên xử do thẩm phán Trần thúc Linh ngồi ghế Chánh án , và luật sư Nguyễn văn Sáng nhận biện hộ cho bị cáo . Không biết sao luật sư Sáng lại đưa ra những lý lẽ bênh vực nguyên cáo . Thẩm phán Trần thúc Linh ngạc nhiên nên hỏi luật sư Sáng rằng ông đang biện hộ cho ai , cho nguyên cáo hay bị cáo . Lúc bấy giờ luật sư Sáng mới tỉnh ngộ nhớ ra là ông đã làm . Nhưng là một luật sư nhiều kinh nghiệm , luật sư Sáng bình tĩnh trả lời rằng những điều ông vừa nói chỉ là lý lẽ của nguyên cáo . Và bây giờ mới thật sự là lý lẽ của bị cáo . Sau đó luật sư Sáng đã hùng hồn biện hộ cho bị cáo với những lý lẽ thuyết phục . Ông Trần thúc Linh cuối cùng cũng mỉm cười mà tha bổng bị cáo .

2- Chiếc áo luật sư :



Vào năm 1968 , khi tập sự tại văn phòng luật sư Lâm Lễ Trinh , luật sư Trinh giao tôi nhiệm vụ hướng dẫn ca sĩ Thanh Tuyền đến Tòa Sơ thẩm Sài Gòn xin án thế vì khai sinh. Trong lúc chờ đợi phiên xử , ca sĩ Thanh Tuyền hỏi tôi rằng :” Áo luật sư của anh may bằng vải gì mà đẹp vậy” . Tôi chợt nhớ đến câu nói của luật sư Bùi Chánh Thời , khi thuyết trình cho các luật sư tập sự tại phòng xử C của Tòa Sơ thẩm Sài Gòn trước đây về điều thứ 22 Sắc lệnh tổ chức Luật sư đoàn . Luật sư mặc sắc phục khi biện hộ trước các cấp tài phán , thì không ai có quyền dẫn giải hay bắt giam khi đang biện hộ . Luật sư Bùi Chánh Thời nói rằng áo của luật sư và áo của thẩm phán phải may cùng một loại vải . Đó là vải của sự công bằng và nhân ái . Nghe ca sĩ Thanh Tuyền hỏi câu trúng tử tôi liền ra vẽ quan trọng mà nói rằng : Chị hỏi câu hỏi rất hay . Chị có biết rằng vải áo của tôi đang mặc và vải áo của vị thẩm phán trên kia là phải may cùng một loại vải hay không ? Ca sĩ Thanh Tuyền hỏi lại . May bằng vải khác không được sao anh ? Tôi trả lời , không , không thể được , nhất định phải cùng một loại vải, đó là vải của sự công bằng và nhân ái . Ca sĩ Thanh Tuyền ngẫm nghĩ và nói, thì ra người mặc áo cần có tấm lòng nhân ái và kiến thức luật pháp phải không .



Trong những lần trò chuyện cùng luật sư tập sự về Nội Quy Luật sư đoàn , Thủ lãnh Hồ Tri Châu có nhắc đến điều 24 qui định về tiền công luật sư. Tiền công luật sư được tự do qui định giữa luật sư và thân chủ . Theo ông Thủ

lãnh Hồ Tri Châu thì cũng không nên đòi hỏi quá đáng , cũng không phải làm áp phe chạy việc, hùn hạp hoặc bắt cứ những công việc nào khác . Trong lúc vui ông có kể lại truyền thuyết về nghề luật sư . Vào thời cổ Hy Lạp và cổ La Mã, những nhà hiền triết hùng biện như Platon , Socrate mở trường học dạy học trò về những triết thuyết và lý luận . Những học trò này sau đó nhận những nhiệm vụ như ngồi xét xử hay biện hộ giúp cho công việc xử án được công bằng. Người biện hộ thường sau khi bênh vực cho thân chủ xong thì quay lưng bỏ đi và không nhận tiền công . Vì vậy những thân chủ được biện hộ thường mang theo vài con thỏ vài con gà , phải chạy theo vị hiền triết kia vừa bênh vực cho mình rồi nhét vào túi mang sau lưng của vị hiền triết đó xem như tiền phí luật sư . Đó là truyền thuyết khởi nguồn cho lệ phí của luật sư mà sau này trở thành cánh tay lỏng thỏ trên chiếc áo luật sư xem như chiếc túi mà các nhà hiền triết xưa mang trên vai .

3- Luật sư, một kịch sĩ hay nhà đạo diễn :



Trong giới luật sư biện hộ hình sự và chính trị tại Sài Gòn trước đây. ông Võ Văn Quan là luật sư biện hộ cho những vụ án nổi tiếng. Ông có một qui luật làm việc như sau. Khi nhận biện hộ cho một thân chủ ông phải đến gặp thân chủ, bảo thân chủ viết một memoire đầy đủ chi tiết của sự kiện ,những lý lẽ mà thân chủ muốn biện hộ , và ông cũng đề nghị những lời khai và chiến thuật ông sẽ cùng thân chủ xử dụng trước Tòa .

Luật sư được báo chí đánh giá là hay nhất phải kể đến luật sư Nguyễn Văn Chức.

Ông được báo chí khen ngợi khi cải cho Mỹ kiều Kimbal trong vụ giết người yêu là cô gái Việt Nam . Báo chí mô tả về mối tình đầm lệ đầy nước mắt khi luật sư Chúc trình cho Toà một bao tóc thề mà cô gái nạn nhân đã thề non hẹn biển với chàng Mỹ kiều Kimbal : “ Đã lòng quân tử đã mang . Một lòng vâng tạc đá vàng thủy chung . Rằng trăm năm cũng từ đây . Của tin gọi một chút này làm ghi” . Luật sư Chúc khi hùng hồn , khi tha thiết để thuyết phục Toà về tình yêu say mê của Kimball để rồi sau đó ghen tương đến độ phải giết người yêu . Luật sư Chúc xuất thần như một kịch sĩ : “Khúc đầu Tư Mã phượng cầu . Nghe qua như oán như sầu phải chăng . Tiếng khoan như gió thoảng ngoài . Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa” .

Luật sư Lâm Lễ Trinh cũng có cách dàn xếp những cảnh xúc động để lung lạc Toà án . Bị can là một kỹ sư bị buộc tội phản quốc khi cung cấp một số chất cấm cho địch quân . Bị can khai trong lần về thăm gia đình cha mẹ trong vùng xôi đậu , bị can được mồi nui nếu muốn cho cha mẹ an toàn không bị giết hại thì bị can phải cung cấp cho địch quân những chất cấm mà họ cần thiết . Gia đình bị can đã nhiều lần xin tại ngoại nhưng đều bị từ chối vì đây là tội đại hình . Thời gian lâu sau , cha của bị can qua đời , luật sư Trinh cho rằng đây là cơ hội để bị can được đem ra xét xử . Luật sư Trinh căn dặn gia đình bị can phải tham dự đầy đủ, phải bày tỏ cảm xúc khi luật sư nêu lên cái chết của người cha . Trong phiên xử, luật sư Trinh đã nói về người con vì hiếu thảo mà phải phải hoạt động cho đối phương . Luật sư Trinh cũng nói lên hoàn cảnh của người cha đau khổ lo buồn khi con bị tù tội không biết ngày về . Và vì quá đau buồn nên người cha nay đã qua đời. Luật sư Trính nêu lên cái chết của người cha và sự đau khổ của gia đình này, cũng đáng chuộc tội cho bị can . Khi nói đến cái chết của người cha , gia đình bị can có mặt đều than khóc và bị can đập đầu xuống đất bất tỉnh . Trước hoàn cảnh này, luật sư Trinh thỉnh cầu Toà cho bị can một bản án vừa đủ với thời gian bị giam giữ để bị can về tham dự tang lễ trả hiếu cho cha .

4- Cần có một triết thuyết lúc biện hộ :

Theo luật sư Nguyễn Phương Minh ,

muốn hùng hồn biện hộ trước Toà, người biện hộ cần có một triết thuyết đúng đắn, một định nghĩa đúng đắn, mọi việc đúng sẽ đưa đến kết luận đúng . Mọi sự việc trên đời đều tập trung vào 3 yếu tố là bản thể, nhận thức và phương pháp . Về bản thể phải xét xem đó là tự nhiên , là tự tưởng hay môi trường xã hội . Về nhận thức thì kết quả đưa đến tốt hay xấu. Khi định nghĩa đã đúng, nhận thức đã đúng thì phương pháp lý luận phải đúng . Ví dụ tội trộm , yếu tố cấu thành tội phạm là gì . Yếu tố tội trộm là lấy một đồ vật không phải của mình , dùng thủ đoạn mờ ám để xâm nhập nhà cửa người khác, không có sự đồng ý của nạn nhân ... Khi đã có một triết thuyết đúng về sự kiện thì luật sư căn cứ vào đó mà biện hộ cho thân chủ hay buộc tội kẻ tội phạm .

5- KẾT LUẬN:

Luật sư Võ văn Quan , một luật sư nổi tiếng về những vụ biện hộ hình sự và chánh trị đã tâm sự . Ông muốn viết lại những vụ xử mà ông nhận biện hộ để ghi nhớ thời gian hành nghề và những kỷ niệm với các đồng nghiệp. Tuy nhiên ông sợ nhiều người nghĩ lầm là có ý đề cao mình . Một người tài giỏi và nổi tiếng như luật sư Võ Văn Quan mà còn e ngại dư luận . Vậy bài viết này “Nghệ thuật biện hộ trước Toà” chỉ là chuyện giúp vui các bạn đồng nghiệp mà thôi . Chỉ xin ghi lại đây những kinh nghiệm và kỷ niệm của các luật sư đàn anh, đàn chị , chớ không dám hướng dẫn ai về nghệ thuật biện hộ .

Luật sư Võ Văn Quan đã thuật lại câu nói của luật sư Nguyễn văn Vinh , một luật sư kỳ cựu và thâm niên làm việc trong văn phòng luật sư Thủ lãnh Vương quang Nhường. Luật sư Vinh đã nói với luật sư Võ văn Quan trước khi ra Toà. “Hồ sơ này chắc phải thua . Nhưng anh rán tung ra đủ thứ chường để đánh tới cùng . Dầu có thua thì cũng được như người thuyền trưởng của chiếc chiến hạm bị địch bắn tan tành, nhưng khi chìm vẫn giữ lá cờ ngạo nghễ phất trên cột buồm” . Hết lòng và tận tâm với lý tưởng bảo vệ thân chủ , đó là tư cách tốt đẹp nhất của một luật sư yêu nghề ./.

LS VÕ VĂN DINH

Người Tình Luật Khoa

Nhạc và lời : Võ Văn Đình





SỰ LỰA CHỌN LUẬT SƯ



Luật gia NGUYỄN MẠNH SAN

Sống trong một xã hội tập chủng như xã hội Hoa Kỳ hiện nay là một xã hội pháp trị, chính quyền lấy pháp luật để cai trị người dân nên chúng ta thường thấy những người chung quanh đối xử với nhau bằng lý nhiều hơn bằng tình, không giống như người Việt-Nam chúng ta khi còn ở quê nhà, là nếu lỡ có đụng chạm đến quyền lợi của nhau một chút không đáng gì, thì cũng đòi thưa kiện nhau ra Tòa.

Nhiều trường hợp xảy ra không có một yếu tố pháp lý xác đáng nào để buộc tội đối phương, hoặc đôi khi rõ ràng như ban ngày là nếu có thưa kiện nhau ra Tòa cũng chẳng đi tới đâu, ấy thế mà họ vẫn đưa nhau ra tranh tụng trước Tòa. Nhiều khi bên nguyên cáo bị thua đứt đuôi con nòng nọc, phải trả án phí và tiền thuê mướn luật sư cả năm cũng chưa hết nợ. Nhưng nhiều người vẫn thích đi kiện để thỏa mãn tự ái cá nhân, nghĩ rằng ta đây hiểu biết nhiều về luật lệ hơn người khác. Chính vì thế mà Tổng Thống quá cố Abram Lincoln Hoa Kỳ cũng là một vị luật sư nổi tiếng nhất trong thời kỳ Hoa Kỳ lập quốc, đã phải thốt lên rằng: “Hãy cố tránh vấn đề tranh tụng trước Tòa. Hãy thuyết phục những người bạn láng giềng của chúng ta nên hòa giải với nhau bất cứ khi nào chúng ta có thể thuyết phục họ được. Hãy chỉ cho họ hiểu rõ thế nào là người thắng kiện



thường cũng là người thật sự bị thua kiện vì phải trả các chi phí, án phí và còn lãng phí thời giờ của mình. Là một người đứng ra hòa giải, người luật sư có một cơ hội uy thế để tỏ ra là một người tốt, thì đừng bao giờ khơi động lên sự tranh tụng. Thật khó có thể kiếm ra một người xấu hơn là kiếm ra một người hành xử việc tranh tụng này” (Discourage litigation. Persuade your neighbors to compromise whenever you can. Point out to them how the nominal winner is often the real loser in fees, expenses and waste of time. As a peacemaker, the lawyer has a superior opportunity of being a good man. Never stir up litigation. A worse man can scarcely be found than one who does this). Tuy nhiên vấn đề tranh tụng nhau trước Tòa, rất ít xảy ra trong các cộng đồng người Việt chúng ta tại Hoa Kỳ nói riêng và tại quốc ngoại nói chung. Vì chúng ta đã quen đối xử với nhau bằng tình cảm theo câu châm ngôn “Chín bỏ làm mười” hoặc “Vô phúc cho những ai phải đao tụng đình”. Cục chẳng đã chúng ta mới phải đưa nhau ra Tòa nhờ pháp luật phân xử mà thôi. Cũng chính vì lẽ đó mà trong nhiều trường hợp xảy ra, quả thực làm cho chúng ta phải gánh chịu nhiều điều thiệt thòi mỗi khi có sự va chạm về quyền lợi cá nhân giữa người đồng hương của chúng ta đối với người bản xứ. Chẳng hạn như trẻ con của chúng ta nghịch ngợm, lỡ tay vắt rác sang nhà bên cạnh, mở tiệc mời bạn bè về nhà ăn mừng ngày sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới, rồi ca hát

hay nói chuyện to tiếng vang sang nhà hàng xóm v.v... cũng đều có thể bị đe dọa thưa ra Tòa về tội làm ồn ào mất trật tự công cộng.

Vậy thì, mặc dầu trong thâm tâm chúng ta thật sự không muốn kiện cáo ai, nhưng xin đừng quên câu: “Nhập gia tùy tục”, chúng ta nên sẵn sàng trong tư thế phòng thân, tự bảo vệ quyền bình đẳng tối thiểu trước pháp luật (Due process) để chúng ta tập làm quen với một số vấn đề pháp lý thường thức nhất mà nó có thể xảy đến với chúng ta bất cứ lúc nào và bất cứ trong hoàn cảnh nào. Vì đôi khi “Cây muốn lặng mà gió không muốn ngừng” và dù cố tình hay vô ý bởi một hành động của một người khác gây ra, có thể dẫn đưa chúng ta đến tình trạng bị thưa kiện trước Tòa nếu chúng ta không chuẩn bị kỹ càng trước để đối phó với vấn đề pháp lý này.

Phản ứng đầu tiên của chúng ta để đối phó với tình trạng này là đi tìm kiếm một luật sư chuyên môn về vấn đề mình bị kiện. Thật vậy, luật pháp xứ này quá mệnh mông như biển cả và phức tạp hơn bất cứ luật pháp của một quốc gia nào khác trên thế giới. Luật pháp Hoa Kỳ thay đổi nhanh chóng như gió bão để kịp thời thích ứng ngay tức khắc với hoàn cảnh xoay chiều của một xã hội văn minh tấp chùng. Hơn thế nữa, luật pháp Hoa Kỳ cần thay đổi để thích ứng với môi trường sinh sống của mỗi địa phương, có những tập quán khác nhau tại mỗi Tiểu Bang. Đó là Luật Hiến Pháp Hoa Kỳ, Luật Liên Bang, Luật Tiểu Bang, luật lệ của các địa phương như cấp Quận (District), Hạt (County), Tỉnh (Town) và Thành Phố (City). Do đó, nhiều luật sư ở xứ này vì muốn thành công trên phương diện nghề nghiệp chuyên môn của mình, nhất là để đề phòng trong tương lai không bị rút bằng hành nghề tạm thời hoặc bị rút bằng hành nghề vĩnh viễn vì hành xử nội vụ không đúng với khả năng chuyên môn và trách nhiệm của một người luật sư theo luật lệ và nội quy của Hội Luật Sư Đoàn Liên Bang hay Tiểu Bang đã quy định.

Có 2 ngành chuyên môn chính để cho người luật sư tự mình muốn lựa chọn: Luật Hình Sự (Criminal Law) và Luật Dân Sự (Civil

Law), rồi trong luật hình sự lại được chia ra làm 2 nhánh: Đại Hình (Felony) và Tiểu Hình (Misdemeanor) cũng như trong luật dân sự lại bao gồm rất nhiều môn khác biệt nhau mà trong phạm vi của bài này, chúng tôi không thể kể rõ các chi tiết của từng môn được, cũng giống như bên ngành y khoa, có bác sĩ gia đình, bác sĩ chuyên về tim, về thận, về dạ dày, về phổi v.v... Giả thử khi chúng ta bị thưa kiện ra Tòa, việc đầu tiên chúng ta hãy tự tìm hiểu hoặc nên tham khảo với bạn bè có khái niệm về luật pháp, để xem chúng ta bị thưa kiện về vấn đề gì. Nếu về xe cộ, chúng ta nên tìm đến luật sư chuyên về tai nạn giao thông, nếu về khế ước, về mua bán nhà cửa, sang nhượng tiệm buôn, thì nên tìm các luật sư chuyên môn về ngành thương mại. Có như vậy, chúng ta mới thực sự có một luật sư đại diện cho chúng ta về pháp lý đúng mức, hữu hiệu và có như thế chúng ta mới có thể vững tin và nghe theo lời chỉ dẫn của vị luật sư này mà không sợ bị sai lầm mỗi khi chúng ta phải đối diện với bị cáo hay đương cáo trong các phiên Tòa xử án. Ngược lại, nếu chúng ta không biết chọn lựa một luật sư chuyên môn về vấn đề pháp lý mà chúng ta đang gặp phải, thay vì phải tìm một luật sư chuyên môn về ngành thương mại như khế ước (Contract), thì chúng ta lại nhờ một luật sư chuyên về ly dị (divorce) hay di trú (Immigration) chẳng hạn, là chúng ta đã đi theo con đường phiêu lưu mạo hiểm, có khi tiền mất tật mang, đôi khi không còn đủ thời gian để cứu vãn tình thế thua thiệt. Đúng như câu người đời thường nói: “Nên chọn mặt gửi vàng”. Sau đây là một trong những trường hợp điển hình đã xảy ra:

Có một người định mua một căn nhà mới xây cất gồm 4 phòng ngủ và đã ký hợp đồng với một công ty địa ốc. Trong hợp đồng có ghi rõ hạn định trong vòng 90 ngày, nếu người mua bán được căn nhà cũ của họ đang ở, thì họ sẽ ký giấy tờ lãnh nhận căn nhà mới này. Sau đó 2 tháng đương sự lại ký một hợp đồng bán căn nhà cũ của đương sự cho một người mua khác, cũng qua trung gian cùng một công ty địa ốc và trong hợp đồng này cũng ghi rõ hạn định 30 ngày để cho người mua căn nhà cũ này tiến hành thủ tục vay tiền và người mua

sẽ ký nhận căn nhà ngay sau khi được sự chấp thuận của cơ quan cho vay tiền. Nhưng sau 30 ngày, người mua căn nhà cũ vẫn chưa nhận được sự chấp thuận của cơ quan cho vay tiền. Công ty địa ốc yêu cầu đương sự mua căn nhà mới hãy ký gia hạn hợp đồng thêm một thời gian nữa, để người mua căn nhà cũ có thêm đủ thời giờ bổ túc hồ sơ xin vay tiền. Dù bị công ty địa ốc dùng mọi thủ đoạn làm áp lực mạnh, cố ép đương sự phải bằng lòng ký hợp đồng gia hạn cho căn nhà cũ, nhưng đương sự nhất quyết không chịu ký vì nhận thấy công ty địa ốc đã không thành thật trong vấn đề này, đã cố tình đánh giá căn nhà cũ của đương sự xuống thấp hơn giá thị trường rất nhiều, so với giá căn nhà có cùng một tình trạng trong cùng một khu vực của căn nhà cũ đang được để bán. Lý do công ty địa ốc này làm như vậy cốt làm sao bán căn nhà cũ của đương sự cho mau chóng, để bán được căn nhà mới cho đương sự trong thời gian hợp đồng mua căn nhà mới vẫn còn hiệu lực.

Nhờ người Mỹ hàng xóm chỉ dẫn cho biết, là quyền hạn gia hạn hay không gia hạn hoàn toàn tùy thuộc vào người bán, chứ không tùy thuộc vào công ty địa ốc. Do đó, hợp đồng đầu tiên đương sự ký với công ty địa ốc để mua căn nhà mới đương nhiên hết hiệu lực sau 90 ngày mà người mua không bán được căn nhà cũ và cũng không đồng ý gia hạn hợp đồng cho người mua căn nhà cũ có thêm thời giờ bổ túc hồ sơ xin vay tiền để mua căn nhà cũ của đương sự.

Sau khi biết chắc đương sự tháo lui không muốn mua căn nhà mới nữa, công ty địa ốc báo cho đương sự biết, là sẽ tiến hành thủ tục truy tố đương sự ra Tòa về tội bội ước, để đòi bồi thường sự thiệt hại như tiền quảng cáo in trong sách bán nhà, tiền xăng nhớt, thì giờ đưa đón khách đến coi căn nhà cũ, tiền lời cộng với tiền nhà trả 3 tháng cho căn nhà mới để không, tiền thiệt hại vì phải rút tên căn nhà mới ra khỏi thị trường trong 3 tháng, làm mất dịp may bán cho người khác, tiền phí tổn thuê luật sư tiến hành thủ tục giấy tờ truy tố đương sự ra Tòa v.v...(Tới đây chúng tôi cần lưu ý thêm là nếu đương sự mua nhà mới là người

Mỹ, chắc chắn công ty địa ốc sẽ không dám đòi kiện đương sự ra Tòa như vậy. Vì mọi yếu tố pháp lý đều rõ rệt như sự việc đã xảy ra). Thoạt tiên khi nghe công ty địa ốc cho biết như vậy, đương sự rất băn khoăn và lo lắng, không biết phải giải quyết cách nào đây? Sau đó, qua sự giới thiệu của một người bạn, đương sự đến gặp một luật sư chuyên về tai nạn xe cộ để hỏi ý kiến. Sau khi đọc bản hợp đồng đã ký với công ty địa ốc, vị luật sư này đã khuyên đương sự nên thương lượng với công ty địa ốc, dù có phải thiệt thòi đền bù thêm một số tiền nhỏ cho công ty, còn tốt hơn là để bị kiện ra Tòa vừa tốn kém mà có thể bị thua kiện. Trong lúc đương sự còn đang phân vân do dự, không biết có nên nghe theo lời khuyên của vị luật sư này hay không, thì được một người bạn Mỹ cùng sở đến nhà chơi, biết được câu chuyện này nên đã sẵn lòng giới thiệu đương sự đến gặp một vị luật sư, là bạn thân của ông ta để yêu cầu được giúp đỡ mà không cần phải trả tiền thù lao. Sau khi đã gặp được vị luật sư chuyên về di trú và vị luật sư này cũng có những lời khuyên tương tự, giống như những lời khuyên của vị luật sư chuyên về tai nạn xe cộ trước đây.

Vì nhận thấy lời khuyên của 2 vị luật sư đều giống nhau nên đương sự thấy chẳng cần gì phải nghĩ ngợi thêm cho một óc. Do đó đương sự đã dự trù vào tuần lễ kế tiếp, sẽ đến gặp công ty địa ốc để thương lượng vấn đề này cho ổn thỏa. Thế nhưng, chỉ còn vài tiếng đồng hồ nữa là đến giờ đi gặp công ty địa ốc, thì vừa tan Lễ ở Nhà Thờ ra về, đương sự đã gặp Cha Chánh Xứ họ đạo ở cuối của Nhà Thờ, liền tâm sự cho Cha Chánh Xứ nghe câu chuyện này, Cha đã giới thiệu đương sự đến gặp một luật sư cũng là một giáo dân trong xứ đạo, vị luật sư này đang làm cho một hãng luật (Law Firm), lớn vào hàng thứ 3 trong Tiểu Bang của đương sự ở và là một luật sư chuyên phụ trách về các loại khế ước hoặc các loại hợp đồng về thương mại, đặc biệt hơn nữa ông ta chuyên biệt về các giao kèo địa ốc cho hãng. Sau khi đọc xong bản hợp đồng và nghe đương sự trình bày tất cả các sự kiện tuần tự đã xảy ra



xong, ông bảo đương sự là không cần gì phải thương lượng cả (Vì khuôn khổ tờ báo có hạn nên chúng tôi không thể kể lại hết ra đây những lời giải thích chi tiết của vị luật sư này).

Ngay sau đó, vị luật sư đã gọi điện thoại nói chuyện trực tiếp với công ty địa ốc của đương sự, với một giọng nói ôn tồn nhã nhặn, nhưng không kém phần cương quyết, ông ta đã thay mặt đương sự để yêu cầu công ty địa ốc phải hoàn toàn trả lại cho đương sự số tiền \$500 đặt cọc mua căn nhà mới trước đây. Thế rồi chỉ vài tuần lễ sau đương sự đã nhận được chi phiếu hoàn trả đủ số tiền đặt cọc của công ty địa ốc gửi tới.

Như quý vị độc giả đã nhận thấy: 2 vị luật sư trước đương sự nhờ cậy, một vị chuyên về tai nạn xe cộ, còn một vị về di trú nên những lời khuyên của hai vị luật sư này đã không giúp giải quyết được vấn đề rắc rối giữa đương sự và công ty địa ốc và xuýt tí nữa, nếu nghe lời khuyên của hai vị này, đương sự không những đã mất số tiền đặt cọc mà còn phải trả thêm một số tiền khác nữa để khỏi bị truy tố ra Tòa như công ty địa ốc cho biết.

Ngay phần đầu của bài này, chúng tôi đã nêu lên là luật pháp của Hoa Kỳ quá phức tạp và uyển chuyển mau lẹ để thích ứng với trào lưu tiến hóa nhanh chóng của một đại xã hội được coi là văn minh nhất thế giới. Thế nên chúng ta không lấy gì làm ngạc nhiên khi thấy đại đa số các luật sư tại Hoa Kỳ đều đi chuyên biệt một ngành, để họ nắm vững được những yếu tố pháp lý chính yếu của từng vấn đề trong mỗi trường hợp xảy ra cho bị cáo (Defendant) cũng như cho đương cáo (Plaintiff). Có như thế, vị luật sư chuyên biệt này mới dám tự tin vào khả năng chuyên môn của mình, để đáp ứng đúng mức với các nhu cầu và sự tín nhiệm



của quần chúng nói chung và của thân chủ nói riêng.

Có nhiều người cho rằng hễ một luật sư nổi tiếng tài giỏi là có thể đem lại sự thắng lợi cho thân chủ của mình. Nói như thế chỉ đúng về một phương diện chuyên biệt của vị luật sư do khi nhận lãnh bênh vực cho thân chủ về một vụ kiện nằm trong sự chuyên biệt của mình. Chẳng hạn như một vị luật sư chuyên về hình sự, đang tranh luận bênh vực trước Tòa cho một tội phạm giết người có chủ mưu, để hy vọng bị cáo khỏi bị lãnh án tử hình. Nhưng khổ một nỗi, vị luật sư này chưa bao giờ có kinh nghiệm để tranh luận, bênh vực cho một tội phạm giết người có chủ mưu như thế này, thì chúng ta hãy thử tự hỏi mình xem vị luật sư này sẽ đem lại sự hy vọng thắng lợi cho bị cáo được bao nhiêu phần trăm so với một vị luật sư đã từng kinh nghiệm nhiều lần tranh cãi trước Tòa cho những vụ án tử hình?

Để kết thúc bài này, chúng tôi thiết nghĩ chắc mọi người cũng đồng ý rằng việc tìm kiếm một luật sư tài giỏi và nổi tiếng hầu như không quan trọng bằng tìm cho đúng một luật sư hành nghề chuyên biệt cho từng sự việc có nội dung khác nhau xảy ra mới là điều quan trọng. Thật rất đúng như câu tục ngữ Việt Nam của chúng ta là Trăm Tay Không Bằng Một Tay Quen..!.

Trích Tuyển Tập Luật Pháp Hoa Kỳ Thực Dụng Của Luật gia Nguyễn Mạnh San Phó tế GHCG Hoa Kỳ

NHỚ VỀ TÒA SƠ THẨM SÀI GÒN

(HỒI KÝ CỦA MỘT THẨM PHÁN XỬ ÁN)



TP HOÀNG TUẤN LỘC

Nhân chuyển về thăm quê nhà cùng con cháu, ngay giữa trung tâm Sài Gòn, tấp nập người qua lại và với cảm giác như một người khách lạ lạc loài giữa quê hương, tôi chậm rãi đi đến Pháp Đình Sài Gòn. Nơi đây, 55 năm về trước, tôi đã từng làm việc mỗi ngày trong suốt gần 10 năm liên tục cho đến khi di tản vì mất nước. Tôi tần ngần đứng ở sân Tòa, bồi ngùi thả hồn về dĩ vãng.

Sau khi rời trường Luật, tôi làm việc tại Ngân Hàng Quốc Gia một thời gian trước khi nộp đơn dự kỳ thi tuyển Tuy Viên Công Tố năm 1964 do Bộ Tư Pháp tổ chức. Đây là kỳ thi đầu tiên tuyển dụng Thẩm Phán ngành Tư Pháp của VNCH. Khi còn mài dũa quill ở Đại Học Luật Khoa, tôi hằng mơ ước tương lai sẽ được khoác chiếc áo toga đen của giới hành nghề phục vụ công lý. Vì vậy, dù đã có công việc vững chắc tại Ngân Hàng Quốc Gia, tôi vẫn không ngần ngại nộp đơn thi vào ngành thẩm phán. Kỳ thi tuyển Tuy Viên Công Tố năm 1964 gồm 2 phần: thi viết và vấn đáp. Phần thi viết vì sĩ tử quá đông đảo nên Bộ Tư Pháp đã mượn giảng đường trường Luật để cho chúng tôi thi. Tôi không còn nhớ rõ đề bài thi viết, nhưng đại khái chúng tôi phải làm bài thi về Hình Sự Tố Tụng và về Luật Di Sản.

Tôi may mắn trúng tuyển kỳ thi viết cùng 14 thí sinh khác. Chúng tôi vào thi vấn đáp tại Bộ Tư Pháp. Giám khảo là các Chánh Thẩm của Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn. Chúng tôi được sát hạch khả năng hiểu biết về Hình Luật, Dân Luật và phê bình Án Lệ. Tất cả chúng tôi đều qua được kỳ thi



Pháp đình Sài Gòn

vấn đáp và chỉ vài tuần lễ sau, chúng tôi được tuyển dụng. Vì tôi là công chức nên thủ tục hành chánh chuyển tôi từ Ngân Hành Quốc Gia về Bộ Tư Pháp rất đơn giản và dễ dàng.

Trước khi được bổ nhiệm đi các nhiệm sở khắp cả nước, chúng tôi phải qua một thời gian tập sự tại Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn khoảng một năm. Chúng tôi lần lượt học việc tại phòng Biện Lý, Dự Thẩm và tập viết án văn tại phòng Chánh Án. Tôi được bổ nhiệm làm Dự Thẩm kiêm Chánh Án Tòa Lao Động ở Đà Nẵng một thời gian trước khi về làm Thẩm Phán Xử Án tại Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn. Tôi đã làm việc liên tục tại đây suốt gần 10 năm trời cho đến ngày ra đi khỏi Việt Nam.

Là Thẩm Phán Xử Án tại Tòa Sài Gòn, tôi được phân công làm Chánh Án hai phiên tòa hình sự và hai phiên tòa dân sự mỗi tuần. Hồi thập niên 60, quận hạt Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn bao gồm địa phận đồ thành Sài Gòn, Chợ Lớn và tỉnh Gia Định nên công việc rất nhiều. Mỗi phiên xử về hình sự thường gồm có từ 30 đến 40 vụ, nhiều nhất là các phiên xử về quả tang và trực tố. Các vụ quả tang là những hồ sơ do các Ty Cảnh Sát bắt giữ những nghi can đang phạm pháp và lập biên bản giải tòa. Hồ sơ trực tố thì do các cá nhân nhờ Thừa Phát Lại lập biên bản và xin Biện Lý Cuộc truy tố. Hồ sơ trực tố nhiều nhất ở tòa Sài Gòn là các vụ xây cất bất hợp pháp, giựt hụi, mạ lỵ hay phỉ báng bằng báo chí v.v.. Ngoài ra, còn các phiên xử Thẩm Vấn, xét xử những vụ án do các phòng Dự Thẩm của Tòa Sài Gòn đã điều tra xong và gửi qua. Các phiên tòa Dân Sự thường gồm từ 20 đến 30 vụ kiện về vi

phạm khế ước, tranh chấp về tài sản, bồi thường thiệt hại v.v... Trong các phiên xử khẩn cấp, Chánh Án các vụ kiện dân sự có thể ra Án Lệnh Khẩn Cấp hay Án Lệnh Sai Áp nếu cần thiết, trước khi phán xử về chính vụ.

Các phiên tòa Hình Sự thường kéo dài từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều, vì cần có nhiều thời gian để hỏi cung bị cáo, nghe lời khai dân sự nguyên cáo, Công Tố Viên buộc tội và Luật Sư biện hộ. Nhưng các phiên tòa Dân Sự thì thời gian ngồi tòa rất ngắn vì các vấn đề pháp lý của vụ kiện đã được luật sư trình bày bằng lý đoán trong hồ sơ. Chánh Án phiên tòa chỉ tuyên đọc bản án tại phiên xử mà thôi, không cần phải nghe tranh luận nữa. Khác với bản án dân sự, tại phiên tòa hình sự, sau khi nghe Công Tố Viên buộc tội và Luật Sư biện hộ xong, Chánh Án tuyên bố quyết định của mình ngay. Nếu bản án hình sự bị kháng cáo, Chánh Án mới phải viết bản án văn trình bày quan điểm pháp lý của mình, hầu Tòa Thượng Thẩm sẽ căn cứ vào đó để tái xét. Khác với hệ thống tư pháp Hoa Kỳ, Chánh Án tòa hình sự của VNCH có thẩm quyền truyền bị can đã bị tuyên hình phạt, phải bồi thường thiệt hại cho nguyên cáo. Cũng khác hẳn với Chánh Án Hoa Kỳ, các Chánh Án VNCH không bao giờ tuyên giảng đạo lý hay nói lời trách cứ với bị can trước khi tuyên án như các Chánh Án Mỹ thường làm.

Ngoài 4 phiên tòa chính thức kể trên, mỗi tuần vào 2 buổi chiều, chúng tôi phải ngồi phiên tòa thời gian khoảng 1 giờ, để xác nhận trát giam. Trong các vụ quả tang, Biện Lý thường ra trát giam bị can vào khám Chí Hòa để chờ ngày ra tòa lãnh án. Vì trát giam chỉ có giá trị trong thời gian rất ngắn mà ngày ra tòa khá lâu, nên các trát giam này phải được Chánh Án xác nhận tại một phiên tòa. Sau khi đọc hồ sơ do cảnh sát lập, Chánh Án có thể quyết định y trát giam của Biện Lý hay cho bị can được tại ngoại hầu tra để chờ ngày xét xử.



Từ trái; Ls Đỗ Xuân Hiệp, Ls Nguyễn Văn Bình, TP Hoàng Tuấn Lộc, Ls Võ Văn Dinh

Vì công việc quá nhiều nên Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn đã lập ra hai phiên tòa riêng biệt: phiên xử thiếu nhi phạm pháp và phiên xử về ly hôn. Các thiếu nhi phạm pháp được xét xử trong một phiên tòa chỉ dành riêng cho vị thành niên mà thôi. Hình phạt đối với thiếu nhi là bị gởi vào Trung Tâm Cải Huấn Thiếu Nhi, nặng nhất là giam giữ cho đến tuổi trưởng thành. Trong các vụ kiện ly hôn, Chánh Án phiên xử phải hai lần hòa giải vợ chồng xin ly hôn, hòa giải bất thành mới xét đơn ly hôn. Vì vậy mà các vụ kiện ly hôn thường kéo rất lâu. Vì thẩm quyền quản hạt của Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn quá rộng và dân số quá đông, nên hồ sơ ly dị rất nhiều mà chỉ có một thẩm phán phụ trách nên một vụ kiện thường kéo dài từ 2 đến 3 năm mới xong. Mãi đến năm 1972, bộ Dân Luật VNCH được ban hành, cho phép đôi vợ chồng được thuận tình ly hôn thì các hồ sơ ly dị mới được giải quyết nhanh hơn nhiều. Các vợ chồng trẻ nộp đơn ly hôn, vì muốn được giải quyết sớm để còn làm lại cuộc đời, đã chuyển qua thủ tục thuận tình ly hôn, đồng ý phân chia tài sản và con cái với nhau từ trước, nên khi nộp đơn ra Tòa, chỉ vài tháng là xong. Vì vậy, mà mấy ngàn hồ sơ còn tồn đọng, chỉ khoảng thời gian hơn một năm đã thanh toán gần hết.

Nhân đề cập đến bộ Dân Luật 1972, tôi cũng nêu ra đây vấn đề các bộ luật được áp dụng tại VN. Tuy nước VNCH được thành lập từ 1954, nhưng nền Tư Pháp VNCH vẫn tiếp tục dùng các bộ luật để lại từ thời Pháp thuộc. Các tòa án VNCH vẫn tiếp tục áp dụng các điều luật của các bộ Dân Luật, Hình Luật và Hình Sự Tố Tụng của Pháp. Quốc Hội của hai nền Cộng Hòa vẫn không soạn thảo một bộ luật nào, ngoài bộ Luật Gia Đình 1959 được ban hành với mục đích duy nhất là ngăn cấm ly hôn đã bị bãi bỏ vào năm 1963. Mãi đến năm 1972, bộ Tư

Pháp và một phái đoàn thẩm phán xử án do Tối Cao Pháp Viện bổ nhiệm, cùng nhau soạn thảo 5 bộ Hình Luật, Dân Luật, Hình Sự Tố Tụng, Luật Thương Mãi, Dân Sự & Thương Sự Tố Tụng và được Tổng Thống ban hành bằng một sắc luật đặc biệt. Tôi được may mắn tham gia phái đoàn thẩm phán xử án trong việc soạn thảo 5 bộ luật này tại Dinh Gia Long. Nhờ tham gia việc soạn thảo các điều khoản của bộ luật này, năm 1973 tôi xuất bản cuốn Hình Sự Tố Tụng Chú Giải mà tôi và TP Đào Minh Lương cùng soạn thảo để góp phần nghiên cứu của mình vào văn khố tư pháp của VNCH.

Vào năm 1972, tôi được lãnh nhiệm vụ làm chánh án xét xử các vụ kiện ly hôn, nên được chứng kiến nhiều cảnh đau lòng của những gia đình tan vỡ mà nạn nhân đáng thương nhất là những đứa trẻ còn non dại. Năm mươi năm qua rồi, nhưng tôi còn nhớ một vụ kiện ly hôn mà tôi đã suy nghĩ nhiều vì có sự giằng co giữa lương tâm và luật pháp ở trong tôi. Theo hồ sơ vụ kiện thì đôi vợ chồng trẻ sống với nhau có được 2 con, người chồng làm tư chức, người vợ làm sở Mỹ. Người vợ ngoại tình với một thanh niên Mỹ làm cùng cơ quan. Người vợ có thai và sinh ra đứa con thứ 3 được lập khai sinh là con của hai vợ chồng. Khi đứa con càng lớn thì ngoại hình thấy rõ là một đứa con lai: da trắng, tóc vàng, mắt xanh. Người chồng nộp đơn xin ly hôn vì vợ ngoại tình. Người vợ thú nhận sự ngoại tình, bằng lòng ly hôn lỗi về phần mình chỉ xin được nuôi giữ đứa con lai. Người chồng không đồng ý, xin Tòa cho nuôi giữ cả 3 đứa con, viện dẫn điều luật “con sinh ra trong thời kỳ hôn thú là con chung chính thức của 2 vợ chồng”. Nay ly hôn lỗi về người vợ thì người chồng có quyền nuôi con. Hồi thập niên 70, DNA chưa được khám phá nên sự truy tầm phụ hệ rất khó khăn. Trong vụ này, về phương diện pháp lý thì luận cứ của người chồng rất chính xác, nhưng về tình lý thì ai cũng biết là người chồng cố tình làm vậy để trả thù người vợ. Nạn nhân đáng thương nhất là đứa bé chỉ vừa tròn 3 tuổi. Là Chánh Án xét xử, tôi phải quyết định như thế nào? Giao con cho người vợ thì trái với luật định, mà giao con cho người chồng thì trái với lương tâm. Vì xót thương cho thân phận của đứa bé còn non dại, tôi đành phải bỏ qua vấn đề pháp lý, tuyên án ly hôn lỗi về người vợ và căn cứ vào ngoại hình của đứa trẻ mà suy đoán được rằng người chồng chắc chắn không phải là cha ruột của đứa bé nên truyền giao đứa bé cho người mẹ nuôi giữ. Tuyên án xong, tôi thấy lòng mình nhẹ nhõm, mặc dù biết rằng mình đã xử không đúng luật, chỉ thấy mình không then

với lương tâm. Một kỷ niệm khác trong đời xử án mà tôi không quên được là trong một phiên xử hình sự, khi đang ngồi nghe luật sư biện hộ thì một cơn đau kinh khủng ập đến trong thân thể, tôi không thể tiếp tục phiên tòa và anh Biện Lý đã đưa tôi gấp vào bệnh viện St Paul để được giải phẫu ngay căn bệnh đau ruột thừa cấp tính, tôi không kịp cởi chiếc áo tòng đang mặc trên người.

Làm thẩm phán xử án tại Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn, tôi đã có rất nhiều cơ hội thưởng thức tài hùng biện của các luật sư nổi tiếng nhất VN. Tôi cũng có rất nhiều dịp được chứng kiến tài năng của các giáo sư trường Luật, những ông thầy cũ của mình, tranh luận trong phiên tòa của mình với tư cách luật sư biện hộ cho thân chủ.

Trong bối cảnh này, tôi vẫn có cảm giác của một sinh viên Luật đang ngồi nghe giáo sư thuyết giảng, vì cái hình ảnh quen thuộc của ông thầy mình.

Vì cùng làm việc với nhau trong một môi trường quan hệ giữa thẩm phán xử án và luật sư rất là tương thân tương kính. Chúng tôi kính trọng lẫn nhau và đối xử với nhau vô cùng lễ phép. Làm thẩm phán tại tòa án Sài Gòn, tôi có nhiều cơ hội gặp lại bạn bè đồng trang lứa tại trường Luật nên có được một nơi làm việc rất vui vẻ.

Làm công việc xử án, tôi hay có tâm tư là những quyết định của mình thường gây hậu quả là có những người vui thì cũng có nhiều người buồn. Mỗi khi chấm dứt phiên tòa, nhất là những phiên tòa hình sự, trên đường về nhà, lòng tôi lúc nào cũng có chút ngậm ngùi cho số phận những người phạm pháp vừa lãnh án tù giam, vì tôi cũng quan niệm như mọi người là: “nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại”. Tôi vẫn tin theo lý thuyết Khổng Giáo là “nhân chi sơ, tính bản thiện” con người được sinh ra, không ai muốn làm điều bất lương, nhưng chỉ vì thiếu suy nghĩ nên trong một phút lỡ lầm mà gây nên thiệt hại cho bản thân, tha nhân và xã hội.

Tôi viết ra đây những điều tôi đã trải qua trong cuộc đời làm thẩm phán xử án khi còn trong tuổi thanh xuân. Ngày nay, mái tóc đã bạc trắng cả rồi, tuổi đời đã khá lớn, sức khỏe đã mỗi mòn, chiều chiều tôi thường hay ra bờ biển, ngồi nhìn về chân trời xa xăm phía bên kia bờ Thái Bình Dương, để nhớ về một Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn của ngày xưa thân ái./.

HOÀNG TUẤN LỘC

Ngày 30-4-2020

LỆNH TRỰC XUẤT NHỮNG DI DÂN XÂM NHẬP HOA KỲ BẤT HỢP PHÁP



Luật gia NGUYỄN MẠNH SAN



Mấy tháng nay vấn đề các Thường Trú Nhân đã phạm pháp các tội hình sự khác nhau hoặc các cư dân ngoại quốc đã xâm nhập vào biên giới Hoa Kỳ bất hợp pháp mới đây, cả hai loại di dân này đều cảm thấy bất an và lo sợ đối với thân phận của mình là một thường trú nhân hợp pháp (Legal Permanent Resident), nhưng trước kia có vi phạm luật hình sự (Criminal Law) trong quá khứ hay khi còn trẻ tuổi. Những người này khác hẳn những cư dân lậu, vượt biên giới Hoa Kỳ bất hợp pháp vào sinh sống tại nơi này đã bị trục xuất trả về nguyên quán mới đây, thì cả 2 loại cư dân này nếu chưa bị trục xuất, thì đều phải lo lắng, không biết trong tương lai sẽ có bị ảnh hưởng gì bởi Lệnh Trục Xuất Di Trú mới này không? Vì như chúng ta thấy trong mấy tháng vừa qua, chính quyền Hoa Kỳ đã ra lệnh thi hành sắc lệnh hành chính trên toàn quốc, áp dụng nghiêm khắc trục xuất các cư dân cư ngụ ở đây bất hợp pháp ra khỏi Hoa Kỳ. Nhưng nếu công tâm mà nói, biện pháp áp dụng cứng rắn này của chính quyền rất hữu lý chính đáng vì những điều kiện trục xuất đã được quy định trong đạo luật trục xuất này, rất hợp lý hợp tình đối với những ai đã vi phạm luật di trú Hoa Kỳ. Tuy nhiên cũng vì có một số chính trị gia thuộc các đảng phái bất đồng chính kiến với nhau, nên lợi dụng dịp này, thừa nước đục thả câu, làm cho dư luận quần chúng không hiểu rõ luật pháp, nên lôi kéo

một số khá đông người vô tình, đã trực tiếp hay gián tiếp hỗ trợ cho vụ bạo loạn kinh hoàng, đáng tiếc mới xảy ra ở Los Angeles, Californiatrong những ngày vừa qua.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ muốn đề cập đến các chi tiết căn bản pháp lý vững chắc của đạo luật di trú Hoa Kỳ, để quý độc giả hiểu rõ, ngõ hầu tránh được sự hiểu lầm đáng tiếc đã xảy ra, chứ hoàn toàn chúng tôi không hề muốn phân tích hay phê bình gì về cuộc bạo loạn chống lại lệnh trục xuất cư dân đang cư ngụ tại Hoa Kỳ, đòi chính phủ liên bang phải ngừng thi hành lệnh trục xuất đang áp dụng trên toàn quốc. Hơn thế nữa nếu muốn giải thích luật di trú Hoa Kỳ, thì cần phải viết ra ít nhất trên vài chục trang giấy, mới có thể tạm cung ứng đầy đủ các chi tiết cần thiết cho độc giả hiểu về đạo luật phức tạp này. Dưới đây chúng tôi chỉ liệt kê những điều quan trọng nhất và định nghĩa những điều then chốt nhất trong Đạo Luật Di Trú Hoa Kỳ để quý vị độc giả cần hiểu rõ thêm.

Vậy trước tiên, chúng ta cần nên phân định rõ rệt một cách rõ ràng: Trường hợp nào được công nhận là Thường Trú Nhân Hợp Pháp (Legal Permanent Resident? Và trường hợp nào sẽ bị coi là Thường Trú Nhân Bất Hợp Pháp (Illegal Permanent Resident?

A. Trường hợp thứ nhất là những người

đã được Cơ Quan Di Trú Hoa Kỳ duyệt xét hồ sơ cá nhân và chấp thuận đơn xin cư ngụ của từng cá nhân, yêu cầu được quyền sinh sống lập nghiệp tại Hoa Kỳ và được cấp thẻ thường trú vĩnh viễn hay tạm thời 2 năm, thì đều là những thường trú nhân hợp pháp (Permanent Resident). Loại này bao gồm nhiều dạng (Categories) khác nhau: Nào là đoàn tụ gia đình với vợ hay chồng là công dân Hoa Kỳ, lấy vợ hay lấy chồng là công dân Hoa Kỳ, Cha Mẹ bảo trợ cho con cái dưới tuổi vị thành niên, dù Cha Mẹ chưa có quốc tịch Hoa Kỳ, anh em có quốc tịch Hoa Kỳ bảo trợ cho nhau v.v...

B. Trường hợp thứ nhì là những người nhập cảnh vào Hoa Kỳ một cách bất hợp pháp. Chẳng hạn lén lút vượt biên giới Hoa Kỳ bằng đường thủy hay đường bộ, giả vờ lấy nhau thành vợ chồng trên giấy tờ nhưng không chung sống với nhau một ngày nào, dùng thẻ thường trú và số an ninh xã hội của người đã qua đời v.v... Loại nhập cảnh Hoa Kỳ bất hợp pháp này rất phức tạp, không thể liệt kê hết ra đây được vì trang viết đề tài này có giới hạn. Tuy nhiên chúng ta cần phải lưu ý rằng tất cả những ai nhập cảnh Hoa Kỳ bất hợp pháp, đều bị trục xuất về nguyên quán đâu. Thực ra lệnh trục xuất đang được chính quyền áp dụng thi hành triệt để, chỉ cốt trục xuất bất cứ cư dân tạm trú bất hợp pháp nào đã vi phạm tội hình sự, như cướp của, giết người, hiếp dâm, buôn bán cần sa ma túy gây nguy hiểm cho nền an ninh quốc gia Hoa Kỳ. Nhưng cách thức và thủ tục thi hành lệnh trục xuất đã làm cho dư luận quần chúng hiểu lầm đạo luật mới này là độc tài, vô nhân đạo, thiếu lòng bác ái thương người.

Vậy tác giả xin được tạm kết thúc đề tài này ở đây và mọi người đều biết rõ Hoa Kỳ là một quốc gia luôn luôn biết tôn trọng quyền sống cá nhân con người và quyền bình đẳng cá nhân trước pháp luật. Điều này không có ai có thể chối cãi được./.

Luật gia Nguyễn Mạnh San

Cựu Phụ Tá Trưởng Phòng Tố Tụng
Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ
Oklahoma City, Oklahoma

THĂM MỘ CHA

(Viết cho ngày Father's Day)

Trời tháng Sáu nắng Hạ về gay gắt
Nghĩa trang buồn làn gió thoảng vi vu
Trời Denver sáng sớm đọng sương mù
Giữa hoang vắng thấy lòng buồn khôn tả

Cơn nắng cháy giữa trưa Hè mùa Hạ
Con đến mồ khẩn nguyện đọc vài kinh
Bên cỏ xanh con đứng lặng một mình
Nhìn nắm mộ lòng con buồn tự hỏi

Rồi tự trách sao đời người ngắn ngủi ?
Bao năm dài chung sống đã chia xa
Làm sao quên hình bóng Cha Mẹ già
Nay thân xác vùi chôn nơi xứ lạ

Có những lúc cơn mưa chiều tháng Hạ
Từng giọt buồn rơi ướt gọi niềm đau
Tiếng mưa rơi nghe đau xót nghẹn ngào
Tình Phụ Mẫu bao giờ con quên được

Giờ ghi lại lời thơ buồn ngày trước
Phút chia tay con chẳng nói nên lời
Chỉ cúi đầu lặng lẽ giọt lệ rơi
Con chỉ biết nguyện cầu xin ơn Chúa

...

Con mong ước Ba về miền đất hứa
Những lỗi lầm xin Chúa Mẹ thứ tha
Đời gian nan trần thế sống xa hoa
Chúa nhân hậu, bao dung Ngài tha thứ

Mộ Mẹ Cha khi Đông về tuyết phủ
Lòng thêm buồn cho kiếp sống tha hương
Tình người thân chia cách nỗi đoạn trường
Nguyện xin Chúa đoái thương ban
hồng phúc...

NGUYỄN VĂN THẮNG

ĐỜI TÔI VÀ NGÀNH LUẬT



GS VŨ QUỐC THÚC

Tôi đậu Tú Tài, ban Triết Học, khóa tháng 6 năm 1939. Trong buổi gặp gỡ chia tay ông Rossignol giáo sư Triết của tôi ở Trường Trung Học Albert Sarraut, Hà Nội, hỏi tôi: “Anh định làm gì ?” Khi tôi trả lời “Có lẽ tôi học Luật !”, ông ta nói: “Ngành Luật có thể đưa Anh tới mọi địa vị và cũng có thể không đưa Anh tới đâu cả!” (Le Droit peut mener à tout et à rien !). Lời khuyên này khiến tôi hoang mang: tôi quyết định ghi danh vào ban Toán Lý Hóa (P.C.B.) với hy vọng sau đó sẽ học Y Khoa, như vậy còn có thể “làm chủ” tương lai của mình hơn là với bằng cử nhân Luật. Nhưng số Trời đã định: học được hai tuần tôi chịu không nổi ! Vào lớp học chỉ ngáp dài: lời thầy giảng chẳng khác chi nước đổ đầu vịt, thế là tôi vội vã bỏ ban PCB và ghi danh học Luật vì chỉ còn vài ngày là hết hạn. Vào trường này tôi cảm thấy thoải mái hơn nhiều, lĩnh hội dễ dàng, do đó tốt nghiệp cử nhân luật đúng kỳ hạn 3 năm (1939-1942).

Cũng như đa số bạn đồng học khác, ưu tư của tôi sau khi tốt nghiệp là làm sao kiếm được kế sinh nhai để khỏi nhờ vả gia đình. Trong hoàn cảnh chính trị của nước ta vào thời điểm ấy (Quân đội Nhật chiếm đóng, Toàn Quyền Decoux theo chính phủ Vichy nên vẫn

tiếp tục cai trị, các tổ chức ái quốc của ta thì chỉ có thể hoạt động ở Trung Hoa, trong những vùng do quân đội Tưởng Giới Thạch kiểm soát, hoặc hoạt động bí mật trong nước để đợi thời) lối thoát đương nhiên của các tân cử nhân luật là làm công chức hay dạy học ở các trường trung học tư thực. Làm luật sư ư? Nghề này mặc nhiên là một độc quyền của những tiến sĩ hay cử nhân luật có Pháp tịch, do đó tôi không dám nghĩ tới! Thay vì thi Tri Huyện để rồi làm quan như hầu hết các bạn đồng khoa, tôi thi Biên Tập Viên hành chánh là một ngạch mới được Chính quyền Thuộc địa Pháp đặt ra để chuẩn bị cho người Việt thay thế dần dần công chức Pháp trong các công sở trực thuộc Pháp. Tôi thành thực thú nhận rằng lý do “thâm kín” của tôi chỉ là để có thể kiếm tiền mà vẫn ở lại các thành phố lớn như Hà Nội, Huế hay Sài Gòn. Tâm trạng của tôi dễ hiểu: Tôi hãy còn là một thanh niên độc thân nên tha thiết với nếp sống thành thị, không muốn vui thân ở một huyện lỵ nơi thôn quê... Đây lại là một cơ may nữa cho tôi vì đúng lúc ấy Trường Luật Hà Nội đặt thêm hai bằng Cao Học: Cao học Tư Pháp (Droit Privé) và Cao Học Kinh Tế Chính Trị (Economie Politique). Với hai bằng Cao học này, sinh viên có thể xuất trình một luận án để lấy học vị Tiến sĩ Luật. Trước đó, sau khi tốt nghiệp cử nhân, sinh viên nào muốn học Tiến sĩ phải sang Pháp. Tại sao chỉ có 2 chuyên khoa Tư Pháp và Kinh Tế? Lý do: Nhà trường chỉ có 2 giáo sư thực thụ còn hiện diện ở Hà Nội: G.s. Camerlynck (Tư Pháp) và G.s. Kherian (Kinh Tế). Dĩ nhiên, tôi đã ghi danh theo học ban Tư Pháp để năm sau sẽ học Kinh Tế. Số sinh viên có thể đếm trên đầu ngón tay: ngoài tôi còn có bạn thân của tôi là anh Nguyễn Cao Hách.

Tháng 5 năm 1944, tôi đậu song 2 bằng Cao Học và bắt đầu nghĩ tới việc soạn thảo luận án Tiến sĩ mặc dù chưa biết bao giờ mới có thể sang Pháp xuất trình! Chính lúc này, quân đội Đồng Minh đổ bộ ở Normandie và công cuộc

giải phóng lục địa Âu Châu bắt đầu .

Tôi đang tòng sự ở Phủ Toàn Quyền Hà Nội: nếu Chế độ Vichy sụp đổ tất nhiên Toàn Quyền Decoux sẽ mất chức ! Tôi đệ đơn dự kỳ thi Tri Huyện tổ chức tháng 9 năm ấy , không phải vì tiên đoán sẽ có biến cố chính trị : sự thực là tôi chẳng biết chi hết , chỉ nghĩ đến tình trạng riêng tư của mình thôi ! Tôi muốn về một vùng quê để thu thập dữ kiện cần thiết cho cuốn luận án tôi đang soạn : ở chức vụ huyện trưởng tôi hy vọng có thể thu thập dễ dàng những dữ kiện ấy , có thể thôi ! Nhìn lại quá khứ , tôi không khỏi nhận định là mình vô cùng khờ khạo ! Nếu hồi đó tôi có một kiến thức sâu sắc hơn về chính trị , có lẽ tôi đã hành động khác hẳn và cuộc đời cũng đã khác hẳn ! Âu cũng là Định Mệnh và biết đâu “ thánh nhân “ chẳng đã “ đãi kẻ khù khờ “ !

Thế rồi các biến cố đã dồn dập xảy ra : cũng như nhiều dân Việt khác , tôi bị lôi cuốn theo cơn lốc chính trị . Sau khi đậu thủ khoa kỳ thi Tri Huyện tôi được bổ nhiệm tập sự ở Phủ Tổng Đốc Hà Đông - nghĩa là ngay cạnh thành phố Hà Nội . Tháng 5 năm 1945 , tôi được cử làm Huyện Trưởng ở Hà Nam . Nơi đây , cuối tháng 8 năm 1945 , tôi đã “ hân hoan “ chuyển giao quyền hành cho Ủy Ban Cách Mạng Việt Minh để trở về Hà Nội làm Luật sư tập sự ở Tòa Thượng Thẩm . Sau cuộc đột biến quân sự đêm 19 tháng 12 năm 1946 , tôi tản cư ra Chiến Khu 3 và tới mùa thu 1947 thì được cử làm Ủy Viên Hành Chính trong Ủy Ban Kháng Chiến tỉnh Hưng Yên . Chính nhờ ở chức vụ này mà tôi đã biết rõ thực chất của Mặt Trận Việt Minh : đó chỉ là một bình phong để Đảng Cộng Sản Đông Dương thao túng cuộc kháng chiến chống Pháp với mục đích không còn che dấu nữa là thực hiện cuộc cách mạng vô sản trên toàn cõi Đông Dương . Cũng nhờ ở chức vụ này mà tôi đã có thể theo sát các cuộc vận động để đưa Cựu Hoàng Bảo Đại lên ngôi vị Quốc Trưởng của nước Việt Nam tái thống nhất . Một khi biết rõ tình hình là như vậy , tôi đã không ngần ngại trở về Hà Nội cùng toàn thể gia đình vào tháng 7 năm 1948 . Đây quả thực là một hành động táo bạo , nếu không muốn nói là liều lĩnh . Nhưng lúc đó , lòng tôi đã quyết...

Tháng 8 năm 1948 , tôi gửi một lá đơn lên Thủ Tướng của Chính Phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam , mới thành lập , để xin cấp một học bổng sang Pháp trình luận án Tiến sĩ Luật . Sau khi nhận được đơn , Thủ Tướng Nguyễn Văn Xuân mời tôi tới , cho tôi hay rằng trong tình trạng của tân chính phủ lúc ấy , ông chưa thể cấp học bổng nhưng đề nghị tôi làm việc trong văn phòng ông với tư cách Công Cán Ủy Viên và hứa rằng sau 6 tháng ông sẽ phái tôi sang Pháp làm việc : như vậy tôi vừa có cách sinh sống vừa soạn thảo luận án Tiến sĩ . Tôi đã nhận lời . Cơ may này đối với tôi hoàn toàn bất ngờ : phải chăng là số Trời ?

Thủ Tướng Xuân đã giữ đúng lời hứa : tháng 4 năm 1949 tôi được phép sang Pháp cùng vợ bằng đường biển . Lợi dụng thời gian hiện diện ở Paris , tôi soạn thảo một luận án về chủ đề “ Ảnh hưởng của định chế làng xã trong sự tiến hóa của nền kinh tế và xã hội Việt Nam “ (Tựa Pháp ngữ vẫn tắt là L'Economie communaliste du Vietnam) . Tháng 5 năm 1950 , tôi được phép xuất trình luận án và được cấp học vị Tiến sĩ Luật . Đồng thời tôi thi và đậu bằng Cao Học mới thiết lập ở Pháp là Cao Học Kinh Tế Học (Diplôme d'études supérieures de Science Economique) : với bằng Cao Học Kinh Tế Chính Trị tôi đã có , tôi được phép đổi học vị Tiến sĩ Luật thành học vị Tiến sĩ Kinh Tế vì luận án của tôi liên can đến kinh tế và chính trị nhiều hơn là với Tư Pháp . Cũng trong thời gian này , Chính phủ Việt Nam chấm dứt công tác của tôi ở Pháp và cho phép tôi hồi hương bằng đường biển (như khi ra đi) .

Trong khi đợi tàu (khởi hành vào tháng 12 năm 1950) , ngẫu nhiên tôi thấy một bản thông cáo ở trường Luật Khoa Đại Học Paris loan tin là vào trung tuần tháng 9 năm 1950 sẽ có kỳ thi tuyển giáo sư thạc sĩ kinh tế học chung cho các trường đại học trong Liên Hiệp Pháp . Muốn dự thi , phải có học vị Tiến sĩ Kinh Tế và 3 bằng Cao Học (Luật hay Kinh tế) và phải là công dân Pháp hay công dân Liên Hiệp Pháp . Nhận thấy tôi hội đủ điều kiện nên nảy ý kiến : Tại sao mình không thử thời cơ nộp đơn dự thí ? Biết đâu ... không ngáp được ruồi ! Và chẳng , đảng nào cũng phải ở Pháp cho tới

tháng 12 : như vậy có mất gì đâu ! Tôi nói thử thời cơ vì việc dự thi của tôi có thể coi là liều lĩnh , 10 phần chắc hỏng đến 9 . Theo thường lệ , để chuẩn bị kỳ thi , các ứng viên phải thực tập thuyết trình và tranh luận cả năm dưới sự hướng dẫn của những giáo sư lão thành , phải có những công cuộc khảo cứu đã được công bố , và nhất là phải lập thành những nhóm thí sinh gồm 3 , 4 .. người để giúp đỡ nhau trong việc tìm kiếm tài liệu . Kỳ thi thạc sĩ mở hàng năm nhưng chia ra bốn chuyên ngành : Tư Pháp , Công Pháp , Pháp Chế Sử và Kinh Tế Học . Hai ngành Tư Pháp và Pháp Chế Sử thì những năm lẻ còn hai ngành Công Pháp và Kinh Tế Học thì thi những năm chẵn : do đó nếu rớt thì phải đợi 2 năm mới có thể thi lại . Dĩ nhiên , tôi đã phải dự thí “ đơn phương độc mã ” vì mới đầu Tiến Sĩ được mấy tháng nên không thể gia nhập những nhóm đã có sẵn . Hành động liều lĩnh của tôi không ngờ đã là một cơ may vì trong số hơn năm chục thí sinh chỉ có một mình tôi là ngoại quốc , được phép dự thi với tư cách công dân Liên Hiệp Pháp : nhờ vậy mà ai nấy đều hiếu kỳ xem “ thằng da vàng mũi tẹt ” này khả năng ra sao mà dám đơn thương độc mã ứng thi giáo sư giảng dạy Kinh tế học bằng tiếng Pháp . Khóa thi này chỉ có 4 người trúng tuyển , trong đó có ông Raymond Barre , đến năm 1976 được cử làm Thủ Tướng Pháp. Dĩ nhiên , tôi đã rớt nhưng được vào tới kỳ thuyết trình chót (admissible) , như vậy cũng là một thành tích bất ngờ đối với một kẻ vừa đầu tiến sĩ được mấy tháng lại thi trong hoàn cảnh cô đơn không bạn bè nào giúp đỡ. Chính vì vậy mà sau kỳ thi , Ban giám khảo muốn giúp tôi , đề nghị cho tôi ở lại Pháp để làm việc trong Trung Tâm Quốc Gia Khảo Cứu Khoa Học (C.N.R.S.) với tư cách nghiên cứu sinh . Nhưng tôi từ chối vì đã quyết định trở về nước . Cơ may của tôi là nhờ vậy mà 27 năm sau kỳ thi , ông Raymond Barre còn nhớ tên tôi can thiệp với Thủ Tướng Phạm Văn Đồng để tôi được di cư sang Pháp ... Âu cũng là Định Mệnh !

Chiếc tàu chở tôi hồi hương lại cũng chính là chiếc André Lebon đã chở tôi sang Pháp . Tàu đi thẳng tới Hải Phòng nhưng ghé

bến Sài Gòn . Lợi dụng cơ hội này tôi tới thăm ông Khérian , giáo sư cũ của tôi ở Hà Nội , lúc đó giữ chức Khoa Trưởng Luật Khoa Đại Học . Nên biết rằng sau cuộc đảo chính Nhật ngày 9 tháng 3 năm 1945 Phân khoa Luật của Viện Đại Học Hà Nội ngưng hoạt động , tới đầu năm 1947 mới hoạt động trở lại . Phân khoa gồm 2 trung tâm, trung tâm chính ở Sài Gòn nơi ông Khérian , Khoa Trưởng , cư ngụ , trung tâm thứ hai ở Hà Nội giao cho một nhóm giáo sư được gửi từ Pháp sang công tác . Thời gian công tác giới hạn trong một niên học , từ tháng 11 năm trước tới tháng 6 năm sau. Lý do : Hà Nội bị coi là một nhiệm sở ở tiền tuyến vì đang có chiến tranh với Việt Minh . Ông Khérian gặp tôi vui mừng khôn siết vì lúc đó trung tâm Hà Nội không có ai phụ trách 2 môn kinh tế toàn niên (ở lớp Cử nhân 1 và Cử nhân 2) : ông Khérian mời tôi làm giảng sư (chargé de cours) để phụ trách cả hai môn kinh tế ở Hà Nội . Như vậy sự hồi hương của tôi thật đúng lúc , chẳng khác chi có một bàn tay vô hình (main invisible) sắp đặt trước ! Riêng đối với tôi thì đúng câu tục ngữ “ buồn ngủ gặp chiếu manh ” : Vì tôi cũng đang băn khoăn chưa biết sẽ kiếm việc gì khi về tới Hà Nội

Tôi khởi sự dạy học từ trung tuần tháng 01 năm 1951 , nghĩa là chỉ mười ngày sau khi về Hà Nội . Đối với một kẻ “ chân ướt chân ráo ” vào nghề dạy đại học mà phải phụ trách hai môn toàn niên - mỗi ngày 1 giờ - quả thật là vất vả vì muốn giảng 1 giờ cần soạn bài cả một buổi , có khi lâu hơn nữa . Tôi dạy hơn 2 tuần thì nhận được quyết định của ông Viện Trưởng Viện Đại Học bổ nhiệm tôi làm giảng sư với số lương tháng 5.000\$ IC (đồng bạc Đông Dương) trong khi một đồng sự khác của tôi ở trường Luật Hà Nội , người Pháp , có bằng Tiến sĩ Luật , được trả 17.000\$ IC . Tôi lập tức tới gặp G.s. Heyraud , Giám Đốc Trung Tâm Hà Nội , cho ông ta biết rằng tôi không nhận quyết định và ngừng dạy học kể từ hôm sau vì lý do Viện Đại Học Hà Nội không tôn trọng một nguyên tắc cơ bản của ngành đại học là “ làm việc như nhau thì thù lao như nhau ” (A travail égal salaire égal) . G.s. Heyraud hoảng sợ , yêu cầu tôi hoãn từ chức để ông ta gặp ông Viện Trưởng

đã . Ông Viện Trưởng lúc đó mới hiểu là đã bị văn phòng của ông “ đánh lạc hướng “ : Điều khiển văn phòng này là một nhóm công chức người Việt , làm việc ở Nha Học Chính Pháp từ thời Toàn Quyền Decoux , đầu óc còn nặng tinh thần “ dân thuộc địa “ : họ tưởng rằng một giảng sư Việt Nam thì phải thù lao giống như mọi công chức Việt Nam tòng sự ở các công sở trước năm 1945 chứ không thể trả lương như người Pháp . Phản ứng mạnh mẽ của tôi bắt buộc Viện Đại Học phải xét lại toàn diện vấn đề thù lao . Rút cục Viện đề nghị trả các giảng sư người Việt 10.000\$, tức 10/17 số thù lao của giảng sư người Pháp vì số sai biệt là tiền phụ cấp ly hương (indemnité d'expatriation) từ lâu được ấn định là 7/10 lương căn bản . Tôi chấp nhận đề nghị này vì thấy hợp lý : tôi là người Việt làm việc ở nước mình , đâu có phải dân Pháp ly hương !

Cuối tháng 5 năm 1951 , toàn thể nhóm giáo sư người Pháp ở Trường Luật Hà Nội trở về Pháp vì hết hạn công tác : tôi được ủy quyền xử lý thường vụ . Tới tháng 9 năm đó , không thấy một giáo sư nào được Paris gửi sang trong khi giáo sư Khoa Trưởng Khérian bận việc ở Sài Gòn , tôi đành phải tự mình tổ chức khóa thi mùa thu : Lợi dụng cơ hội này tôi đã mời một số nhân vật Việt Nam có bằng Tiến sĩ Luật tham gia ban giám khảo như quý vị Luật sư Vũ Văn Hiến , Luật sư Bùi Tường Chiếu , Luật sư Nguyễn Huy Chiếu , cùng một số thẩm phán cao cấp Pháp thuộc toà Thượng Thẩm Hà Nội . Các vị này đều vui vẻ hưởng ứng lời mời của tôi : Ông Khérian chỉ cần ra Hà Nội một tuần lễ để chủ tọa . Khóa thi diễn tiến rất đẹp đẽ . Sau đó tôi đã ngỏ ý mời các nhân vật trên tiếp tục cộng tác với trường Luật Hà Nội , để dạy một số môn luật . Ai nấy đều nhận lời , coi đó là một công tác thích thú mặc dù thù lao chẳng được bao nhiêu . Nhờ vậy Niên khóa 1951-1952 có thể khởi sự mặc dù nhóm giáo sư của Paris vẫn chưa sang như đã hứa ! Mãi tới tháng 12 , một giáo sư thực thụ có nhiều kinh nghiệm về Đông Dương là Le Breton , mới được cử tới Hà Nội để phụ trách việc giảng huấn : ông này tưởng rằng với ngạch trật khá cao của mình , thì đương nhiên có quyền điều

khiển Trung Tâm và tôi phải “ khúm núm “ lãnh chỉ thị của ông . Ông ta nói thẳng với tôi :” Trong Đại học , một vị giáo sư thực thụ có thể coi như một tướng lĩnh còn một kẻ đang thi thạc sĩ thì ngang với một chuẩn úy . Như vậy Anh thừa biết bổn phận của Anh ra sao rồi “ . Tôi trả lời ngay : “Tôi hiện diện trong trường này là để thực thi Thỏa Ước về Văn Hóa Giáo Dục ký kết giữa nước Pháp và Quốc gia Việt Nam năm 1950 theo đó nếu Khoa Trưởng là một người Pháp thì phải có một Phó Khoa Trưởng người Việt . Khoa Trưởng của Phân Khoa Luật Học là ông Khérian, người Pháp , hiện điều khiển Trung Tâm Sài Gòn : như vậy tôi có trách nhiệm điều khiển trung tâm Hà Nội với tư cách Phó Khoa Trưởng mặc dù tôi chỉ mới dự tuyển Thạc sĩ “ . Ông ta dọa tôi: “ Anh còn dự định thi thạc sĩ nữa không ? “ Tôi nổi sùng trả lời : “ Je me fous pas mal de votre agrégation !” (Tôi bất cần học vị thạc sĩ của các ông !) . Trước thái độ cứng cỏi của tôi , Ông ta đành nhượng bộ nhưng tôi cũng đề nghị là ông ta dùng chung với tôi văn phòng giám đốc cũng như chiếc công xa : tôi dùng buổi sáng , ông ta buổi chiều . Cách xử sự của tôi được ban lãnh đạo Viện Đại Học Hà Nội (trong đó có G.s. Huard , Khoa Trưởng Y Khoa) rất tán thưởng : tuy nhiên tôi không khỏi e ngại là Le Breton sẽ thuật lại vụ này cho Bộ Giáo Dục Pháp và tôi sẽ không còn hy vọng gì trúng tuyển Thạc sĩ nếu sang Pháp thi lần thứ 2 vào năm 1952 .

Mặc dù vậy, tháng 6 năm 1952 , tôi vẫn xin từ chức giám đốc Trung tâm Luật Khoa Hà Nội để sang Paris dự kỳ thi Thạc sĩ Kinh Tế Học : tôi muốn chứng tỏ rằng tôi muốn vào ngành giáo chức đại học “ bằng cửa chính “ , không phải “ bằng cửa ngách “ ! Ra đi một mình tôi đã định tâm nếu thi rớt, tôi sẽ bỏ nghề dạy học để ghi danh làm luật sư !

Đến đây tôi phải thẳng thắn công nhận rằng Ban Giám Khảo kỳ thi Thạc sĩ năm 1952 đã có thái độ rất “ quân tử “ : trong số 7 người được tuyển tôi được xếp thứ 6 nghĩa là có quyền làm việc ở trường Đại Học Bordeaux trên đất Pháp chứ không bắt buộc phải đi Hà Nội Dĩ nhiên, không chút do dự, tôi tình nguyện đi Hà Nội. Trước khi hồi hương, tôi đích thân tới

chào vị Cao Ủy của Quốc Gia Việt Nam đương nhiệm ở Pháp là Hoàng Thân Bửu Lộc. Ông này cũng là Tiến sĩ Luật. Khỏi nói là ông ta rất mừng thấy tôi về nước phục vụ.

Các bạn đồng sự của tôi đồng thanh bầu tôi chính thức làm Phó Khoa Trưởng Phân Khoa Luật Học, phụ trách điều khiển Trung Tâm Hà Nội. Đầu năm 1954, Hoàng Thân Bửu Lộc được cử làm Thủ Tướng : ông đã mời tôi tham gia Nội các với chức vụ Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục và Thanh Niên. Ngoài tôi còn một số nhân vật từ trước vẫn ở Pháp như Giáo sư Nguyễn Quốc Định, Luật sư Nguyễn Đắc Khê ... Từ 1/1/1954 tới cuối tháng 6 /1954, tôi nghỉ dạy học, nhưng lại hồi ngạch, ngay sau khi Nội Các Bửu Lộc từ chức.

Sau khi Hiệp định Genève ngày 20.07.1954 được ký kết, toàn thể Viện Đại Học Hà Nội, dưới sự điều khiển của Giáo sư Y Khoa Trần Quang Đệ, di chuyển vào Sài Gòn và trả lại chính quyền Quốc Gia : Phân Khoa Luật Học được Việt hóa, điều này có nghĩa là chuyển ngữ chính thức là tiếng Việt và chương trình giảng huấn phải thay đổi cho phù hợp với các mục tiêu của quốc gia Việt Nam. Các môn kinh tế tài chính vì có tính cách quốc tế nên không phải đổi nhiều : như vậy tinh thần cũng như nội dung có thể duy trì nguyên vẹn.

Tôi chưa kịp dạy học trở lại thì được Tân Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cử tham gia phái đoàn Việt Nam sang Paris họp Hội Nghị Tứ Phương (Pháp, Việt, Miên, Lào) nhằm thanh toán các định chế chung của Liên Hiệp Đông Dương cũ như ; Viện Phát hành (đồng bạc Đ.D), Viện Hối Đoái, Tổng Nha Ngân Khố, Tổng Nha Quan Thuế, Cơ Quan Quản Lý Thương Cảng Sài Gòn ...). Hội nghị kéo dài từ tháng 8 tới ngày 29 tháng 12/1954 mới kết thúc Chính Phủ Quốc Gia Việt Nam lấy lại chủ quyền tiền tệ và tài chánh. Về tới Sài Gòn ngày 31 tháng 12, tôi được bổ nhiệm Phó Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia để cùng ông Thống Đốc Dương Tấn Tài, ngay ngày hôm sau 1/1/1955, lãnh nhận Viện Phát Hành và Viện Hối Đoái do Pháp chuyển giao. Tháng 7 /1955, tôi được cử làm Thống Đốc thay ông Dương Tấn Tài để thực hiện công tác đối toàn thể giấy bạc Đ.D đang lưu hành bằng giấy bạc

của Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam. Đồng thời tôi đã cùng một số chuyên gia kinh tế du học ở Pháp và ở Mỹ về thiết lập Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín ngõ hầu yểm trợ giới doanh nghiệp Việt Nam.

Một lần nữa tôi lại phải xin nghỉ giả hạn ở Viện Đại Học để đảm nhiệm các chức vụ mới. Rất may là bạn đồng sự của tôi, giáo sư Vũ Văn Mẫu, sau khi trúng tuyển Thạc sĩ ngành Tư Pháp, cuối tháng 12/1953, đã hồi hương đảm nhiệm chức vụ Khoa Trưởng Trường Luật. Dưới sự điều khiển khéo léo của G.s. Mẫu, công việc Việt hóa trường Luật Sài Gòn đã hoàn thành mỹ mãn.

Tháng 9 năm 1956, tôi thôi làm Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia và được bổ nhiệm làm Cố Vấn cạnh Tổng Thống Ngô Đình Diệm : tôi thỉnh cầu ông Diệm coi đó chỉ là một danh hiệu để tôi có thể dành toàn thời gian vào công cuộc dạy học. Sau khi G.s. Vũ Văn Mẫu được bổ nhiệm Bộ Trưởng Ngoại Giao (1957) tôi được anh em đồng sự bầu làm Khoa Trưởng trường Luật Sài Gòn và giữ chức vụ này tới ngày 1/11/1963. Sau ngày này tôi tiếp tục dạy học ở Trường Luật và còn nhận làm giảng viên ở Học Viện Quốc Gia Hành Chánh cũng như ở Trường Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt. Ngay sau khi được bổ nhiệm làm Trưởng Nhóm Nghiên Cứu kế Hoạch Hậu Chiến (1967) rồi làm Quốc Vụ Khanh (1968 - 1971) tôi vẫn không ngừng giảng dạy vì tôi luôn luôn coi đó chỉ là những công tác nhất thời.

Duyên nợ của tôi với trường Luật Sài Gòn chỉ thực sự chấm dứt vào tháng 5 năm 1975. Tôi còn nhớ mãi cái ngày “ trời đẹp lên cao “* ấy ! Sài Gòn mới thất thủ : chế độ Việt Nam Cộng Hoà không còn nữa. Trường Luật Sài Gòn sửa soạn đổi thành Trường Kinh Tế cho phù hợp với chế độ mới. Thủ Trưởng nhà trường là một người miền Bắc hình như đã từng du học ở Pháp. Anh ta mời tôi tới văn phòng, báo cho tôi biết rằng tôi không còn làm việc nữa và đưa cho tôi một bao thư, nói là tiền bồi thường. Trong bao thư có một số tiền tương đương với 2 tháng lương của tôi. Tôi chợt nhớ lại câu thơ của Thế Lữ cảm đề tiểu thuyết Đoạn tuyệt :

« Anh đi đường anh, tôi đường tôi :

Tình nghĩa đôi ta có thể thôi ! »

trích ở câu thơ :

« Hôm nay trời đẹp lên cao :

« Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn ! »

Gs VŨ QUỐC THÚC

Ba Lê, năm Ất Dấu 2006

HIẾN PHÁP VIỆT NAM CỘNG HÒA

1967



LỜI MỞ ĐẦU

Tin tưởng rằng lòng ái quốc, chí quật cường, truyền thống đấu tranh của dân tộc bảo đảm tương lai huy hoàng của đất nước. Ý thức rằng sau bao năm ngoại thuộc, kể đến lãnh thổ qua phân, độc tài và chiến tranh, dân tộc Việt Nam phải lãnh lấy trách nhiệm trước lịch sử, tiếp nối ý chí tự cường, đồng thời đón nhận những tư tưởng tiến bộ để thiết lập một chánh thể Cộng Hòa của Dân, do Dân và vì Dân, nhằm mục đích đoàn kết dân tộc, thống nhất lãnh thổ, bảo đảm độc lập, tự do, dân chủ trong công bằng bác ái cho các thế hệ hiện tại và mai sau.

Chúng tôi, 117 Dân biểu Quốc hội Lập hiến, đại diện nhân dân Việt Nam, sau khi thảo luận, chấp thuận bản Hiến Pháp sau đây :

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CĂN BẢN

ĐIỀU 1

1. Việt Nam là một nước Cộng Hòa, độc lập, thống nhất lãnh thổ bất khả phân.
2. Chủ quyền Quốc gia thuộc về toàn dân.

ĐIỀU 2

1. Quốc gia công nhận và bảo đảm những quyền căn bản của mọi công dân.
2. Quốc gia chủ trương sự bình đẳng giữa các

công dân không phân biệt nam nữ, tôn giáo, sắc tộc, đảng phái. Đồng bào Thiểu số được đặc biệt nâng đỡ để theo kịp đà tiến hóa chung của dân tộc.

3. Mọi công dân đều có nghĩa vụ góp phần phục vụ quyền lợi Quốc gia dân tộc.

ĐIỀU 3

Ba cơ quan Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp phải được phân nhiệm và phân quyền rõ rệt. Sự hoạt động của ba cơ quan công quyền phải được phối hợp và điều hòa để thực hiện trật tự xã hội và thịnh vượng chung trên căn bản tự do, dân chủ và công bằng xã hội.

ĐIỀU 4

1. Việt Nam Cộng Hòa chống lại chủ nghĩa Cộng Sản dưới mọi hình thức.
2. Mọi hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng Sản đều bị cấm chỉ.

ĐIỀU 5

1. Việt Nam Cộng Hòa chấp nhận các nguyên tắc Quốc Tế Pháp không trái với chủ quyền Quốc gia và sự bình đẳng giữa các dân tộc.
2. Việt Nam Cộng Hòa cương quyết chống lại mọi hình thức xâm lược và nỗ lực góp phần xây dựng nền an ninh và hòa bình thế giới.

CHƯƠNG II

QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN

ĐIỀU 6

1. Quốc gia tôn trọng nhân phẩm.
2. Luật pháp bảo vệ tự do, sinh mạng, tài sản và danh dự của mọi công dân.

ĐIỀU 7

1. Quốc gia tôn trọng và bảo vệ quyền an toàn cá nhân và quyền biện hộ.
2. Không ai có thể bị bắt bớ, giam giữ, nếu không có mệnh lệnh hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền luật định ngoại trừ trường hợp quá tang phạm pháp.
3. Bị can và thân nhân phải được thông báo tội trạng trong thời hạn luật định. Mọi sự câu lưu

phải đặt dưới quyền kiểm soát của cơ quan tư pháp.

4. Không ai có thể bị tra tấn, đe dọa hay cưỡng bách thú tội.

Sự nhận tội vì tra tấn, đe dọa hay cưỡng bách không được coi là bằng chứng buộc tội.

5. Bị can phải được xét xử công khai và mau chóng.

6. Bị can có quyền được luật sư biện hộ dự kiến trong mọi giai đoạn thẩm vấn kể cả trong cuộc điều tra sơ vấn.

7. Bị can về các tội tiểu hình, chưa có tiền án quá 3 tháng tù về các tội phạm cố ý, có thể được tại ngoại hầu tra nếu có nghề nghiệp và địa chỉ chắc chắn. Nữ bị can về các tội tiểu hình, có nghề nghiệp và địa chỉ chắc chắn, có thể được tại ngoại hầu tra, nếu có thai trên 3 tháng.

8. Bị can được suy đoán là vô tội cho đến khi bản án xác nhận tội trạng trở thành nhứt định. Sự nghi vấn có lợi cho bị can.

9. Bị can bị bắt giữ oan ức, sau khi được tuyên bố vô tội, có quyền đòi Quốc gia bồi thường thiệt hại trong những điều kiện luật định.

10. Không ai có thể bị câu thúc thân thể vì thiếu nợ.

ĐIỀU 8

1. Đồi tư, nhà cửa và thư tín của công dân phải được tôn trọng.

2. Không ai được quyền xâm nhập, khám xét nơi cư trú và tịch thu đồ vật của người dân, trừ khi có lệnh của Tòa án hoặc khi cần bảo vệ an ninh và trật tự công cộng trong phạm vi luật định.

3. Luật pháp bảo vệ tính cách riêng tư của thư tín; những hạn chế, nếu có phải do một đạo luật qui định.

ĐIỀU 9

1. Quốc gia tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tự do truyền giáo và hành đạo của mọi công dân miễn là không xâm phạm đến quyền lợi Quốc gia, không phương hại đến an ninh trật tự công cộng và không trái với thuần phong mỹ tục.

2. Quốc gia không thừa nhận một tôn giáo nào là quốc giáo. Quốc gia vô tư đối với sự phát triển các tôn giáo.

ĐIỀU 10

1. Quốc gia công nhận quyền tự do giáo dục.

2. Nền giáo dục cơ bản có tính cách cưỡng bách và miễn phí.

3. Nền giáo dục đại học được tự trị.

4. Những người có khả năng mà không có phương tiện sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học vấn.

5. Quốc gia khuyến khích và nâng đỡ các công dân trong việc nghiên cứu và sáng tác về khoa học, văn học và nghệ thuật.

ĐIỀU 11

1. Văn hóa giáo dục phải được đặt vào hàng quốc sách trên căn bản dân tộc, khoa học và nhân bản.

2. Một ngân sách thích đáng phải được dành cho việc phát triển văn hóa giáo dục.

ĐIỀU 12

1. Quốc gia tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, báo chí và xuất bản, miễn là sự hành xử các quyền này không phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc phòng hay thuần phong mỹ tục.

2. Chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận, ngoại trừ các bộ môn điện ảnh và kịch trường.

3. Một đạo luật sẽ ấn định qui chế báo chí.

ĐIỀU 13

1. Mọi công dân đều có quyền tự do hội họp và lập hội trong phạm vi luật định.

2. Mọi công dân đều có quyền bầu cử, ứng cử và tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng theo điều kiện và thể thức luật định.

3. Quốc gia tôn trọng các quyền chính trị của mọi công dân kể cả quyền tự do thỉnh nguyện, quyền đối lập công khai bất bạo động và hợp pháp.

ĐIỀU 14

Mọi công dân đều có quyền tự do cư trú, đi lại, xuất ngoại và hồi hương ngoại trừ trường hợp luật pháp hạn chế vì lý do y tế, an ninh và quốc phòng.

ĐIỀU 15

1. Mọi công dân đều có quyền, có bổn phận làm việc và được hưởng thù lao tương xứng để bảo đảm cho bản thân và gia đình một đời sống hợp với nhân phẩm.

2. Quốc gia nỗ lực tạo công việc làm cho mọi

công dân.

ĐIỀU 16

Quyền tự do nghiệp đoàn và quyền đình công được tôn trọng trong phạm vi và thể thức luật định.

ĐIỀU 17

1. Quốc gia công nhận gia đình là nền tảng của xã hội. Quốc gia khuyến khích, nâng đỡ sự thành lập gia đình, săn sóc sản phụ và hài nhi.
2. Hôn nhân được đặt căn bản trên sự ưng thuận, sự bình đẳng và sự hợp tác giữa vợ chồng.
3. Quốc gia tán trợ sự thuần nhất gia đình.

ĐIỀU 18

1. Quốc gia nỗ lực thiết lập chế độ an ninh xã hội.
2. Quốc gia có nhiệm vụ thiết lập chế độ cứu trợ xã hội và y tế công cộng.
3. Quốc gia có nhiệm vụ nâng đỡ đời sống tinh thần và vật chất của các chiến sĩ quốc gia, bảo trợ và dưỡng dục các quốc gia nghĩa tử.

ĐIỀU 19

1. Quốc gia công nhận và bảo đảm quyền tư hữu.
2. Quốc gia chủ trương hữu sản hóa nhân dân.
3. Sở hữu chủ các tài sản bị truất hữu hoặc trưng dụng vì lý do công ích phải được bồi thường nhanh chóng và thoả đáng theo thời giá.

ĐIỀU 20

1. Quyền tự do kinh doanh và cạnh tranh được công nhận nhưng không được hành xử để nắm giữ độc quyền, độc chiếm hay thao túng thị trường.
2. Quốc gia khuyến khích và tán trợ sự hợp tác kinh tế có tính cách tương trợ.
3. Quốc gia đặc biệt nâng đỡ những thành phần xã hội yếu kém về kinh tế.

ĐIỀU 21

Quốc gia chủ trương nâng cao đời sống nông dân và đặc biệt giúp đỡ nông dân có ruộng đất canh tác.

ĐIỀU 22

Trên nguyên tắc quân bình giữa nghĩa vụ và quyền lợi công nhân có quyền cử đại biểu tham gia quản trị xí nghiệp đặc biệt về những vấn đề

liên quan đến lương bổng và điều kiện làm việc trong phạm vi và thể thức luật định.

ĐIỀU 23

1. Quân nhân đăc cử vào các chức vụ dân cử hay tham chính tại cấp bậc Trung ương phải được giải ngũ hay nghỉ giả hạn không lương, tùy theo sự lựa chọn của đương sự.
2. Quân nhân tại ngũ không được sinh hoạt đảng phái.

ĐIỀU 24

1. Quốc gia công nhận sự hiện hữu của các sắc tộc thiểu số trong cộng đồng Việt Nam.
2. Quốc gia tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào thiểu số. Các Tòa án phong tục phải được thiết lập để xét xử một số các vụ án phong tục giữa các đồng bào thiểu số.
3. Một đạo luật sẽ qui định những quyền lợi đặc biệt để nâng đỡ đồng bào thiểu số.

ĐIỀU 25

Mọi công dân đều có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và Chính thể Cộng Hòa.

ĐIỀU 26

Mọi công dân đều có nghĩa vụ bảo vệ Hiến pháp và tôn trọng luật pháp.

ĐIỀU 27

Mọi công dân đều có nghĩa vụ thi hành quân dịch theo luật định.

ĐIỀU 28

Mọi công dân đều có nghĩa vụ đóng thuế theo luật định.

ĐIỀU 29

Mọi sự hạn chế các quyền công dân căn bản phải được qui định bởi một đạo luật có ấn định rõ phạm vi áp dụng trong thời gian và không gian. Tuy nhiên trong mọi trường hợp, tính cách thiết yếu của các quyền công dân căn bản vẫn không được vi phạm.

CHƯƠNG III LẬP PHÁP

ĐIỀU 30

Quyền lập pháp được quốc dân ủy nhiệm cho Quốc hội. Quốc hội gồm hai viện:

- Hạ nghị viện và
- Thượng nghị viện.

ĐIỀU 31

Hạ nghị viện gồm từ một trăm đến hai trăm Dân biểu:

1. Dân biểu được bầu theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp và kín, theo thể thức đơn danh, trong từng đơn vị lớn nhất là tỉnh.
2. Nhiệm kỳ Dân biểu là bốn năm. Dân biểu có thể được tái cử.
3. Cuộc bầu cử tân Hạ nghị viện sẽ được kết thúc chậm nhất là một tháng trước khi pháp nhiệm cũ chấm dứt.

ĐIỀU 32

Được quyền ứng cử Dân biểu những công dân:

1. Có Việt tịch từ khi mới sanh, hoặc đã nhập Việt tịch ít nhất bảy năm, hoặc đã thủ đắc hoặc hồi phục Việt tịch ít nhất năm năm tính đến ngày bầu cử.
2. Đủ hai mươi lăm tuổi tính đến ngày bầu cử.
3. Được hưởng các quyền công dân.
4. Ở trong tình trạng hợp lệ quân dịch.
5. Hội đủ những điều kiện khác dự liệu trong đạo luật bầu cử Dân biểu.

ĐIỀU 33

Thượng Nghị viện gồm từ ba mươi đến sáu mươi Nghị sĩ.

1. Nghị sĩ được cử tri toàn quốc bầu lên trong một cuộc phổ thông đầu phiếu trực tiếp và kín theo thể thức liên danh đa số. Mỗi liên danh gồm từ một phần sáu đến một phần ba tổng số Nghị sĩ.
2. Nhiệm kỳ Nghị sĩ là sáu năm, mỗi ba năm bầu lại phân nửa. Nghị sĩ có thể được tái cử.
3. Các Nghị sĩ trong pháp nhiệm đầu tiên sẽ được chia làm hai nhóm đều nhau theo thể thức rút thăm. Nhóm thứ nhất có nhiệm kỳ sáu năm, nhóm thứ hai có nhiệm kỳ ba năm.
4. Cuộc bầu cử các tân Nghị sĩ phải được tổ chức chậm nhất là một tháng trước khi phân nửa tổng số Nghị sĩ chấm dứt pháp nhiệm.

ĐIỀU 34

Được quyền ứng cử Nghị sĩ những công dân đủ ba mươi tuổi tính đến ngày bầu cử, hội đủ các điều kiện dự liệu trong đạo luật bầu cử Nghị sĩ và các điều kiện qui định ở điều 32.

ĐIỀU 35

1. Trong trường hợp không khuyết Dân biểu vì bất cứ nguyên nhân nào, cuộc bầu cử thay

thế sẽ được tổ chức trong hạn 3 tháng, nếu sự không khuyết xảy ra trên hai năm trước ngày chấm dứt pháp nhiệm.

2. Trong trường hợp không khuyết Nghị sĩ vì bất cứ nguyên nhân nào, cuộc bầu cử thay thế sẽ được tổ chức chung với cuộc bầu cử phân nửa tổng số Nghị sĩ gần nhất.

ĐIỀU 36

Các thể thức và điều kiện ứng cử, bầu cử Dân biểu và Nghị sĩ, kể cả Dân biểu đồng bào thiểu số, sẽ do những đạo luật qui định.

ĐIỀU 37

1. Không thể truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử một Dân biểu hay Nghị sĩ vì những sự phát biểu và biểu quyết tại Quốc hội.
2. Trong suốt thời gian pháp nhiệm, ngoại trừ trường hợp quả tang phạm pháp, không thể truy tố, tạm nã, bắt giam hay xét xử một Dân biểu hay Nghị sĩ, nếu không có sự chấp thuận của ba phần tư tổng số Dân biểu hay Nghị sĩ.
3. Trong trường hợp quả tang phạm pháp, sự truy tố hay bắt giam sẽ được đình chỉ nếu có sự yêu cầu của Viện sở quan.
4. Dân biểu và Nghị sĩ có quyền bảo mật về xuất xứ các tài liệu trình bày trước Quốc hội.
5. Dân biểu và Nghị sĩ không thể kiêm nhiệm một chức vụ công cử hay dân cử nào khác.
6. Dân biểu và Nghị sĩ có thể phụ trách giảng huấn tại các trường Đại học và Cao đẳng Kỹ thuật.
7. Dân biểu, Nghị sĩ và người hôn phối không thể tham dự những cuộc đấu thầu hay ký hợp đồng với các cơ quan chính quyền.

ĐIỀU 38

1. Trong trường hợp can tội phản quốc hay các trọng tội khác, dân biểu hay Nghị sĩ có thể bị Viện sở quan truất quyền.
2. Sự truất quyền phải được hai phần ba tổng số Dân biểu hay Nghị sĩ đề nghị.
3. Quyết định truất quyền phải được ba phần tư tổng số Dân biểu hay nghị sĩ chấp thuận.
4. Đương sự được quyền biện hộ trong mọi giai đoạn của thủ tục truất quyền.

ĐIỀU 39

Quốc hội có thẩm quyền:

1. Biểu quyết các đạo luật.
2. Phê chuẩn các hiệp ước và hiệp định quốc

tế.

3. Quyết định việc tuyên chiến và nghị hòa.
4. Quyết định việc tuyên bố tình trạng chiến tranh.
5. Kiểm soát Chánh phủ trong việc thi hành chánh sách quốc gia.
6. Trong phạm vi mỗi Viện, quyết định hợp thức hóa sự đắc cử của các Dân biểu hay nghị sĩ.

ĐIỀU 40

1. Mỗi Viện, với một phần ba tổng số Dân biểu hay Nghị sĩ có quyền yêu cầu Thủ Tướng hay các Nhân viên Chánh phủ ra trước Viện sở quan để trả lời các câu chất vấn về sự thi hành chánh sách quốc gia.
2. Chủ tịch Ủy ban của mỗi Viện có quyền yêu cầu các nhân viên Chánh phủ tham dự các phiên họp của Ủy ban để trình bày về các vấn đề liên quan đến Bộ sở quan.

ĐIỀU 41

Thượng Nghị viện có quyền mở cuộc điều tra về sự thi hành chánh sách quốc gia và yêu cầu các cơ quan công quyền xuất trình các tài liệu cần thiết cho cuộc điều tra này

ĐIỀU 42

1. Quốc hội có quyền khuyến cáo thay thế từng phần hay toàn thể Chánh phủ với đa số hai phần ba tổng số Dân biểu và Nghị sĩ.
2. Nếu Tổng Thống không có lý do đặc biệt để khước từ, sự khuyến cáo sẽ có hiệu lực.
3. Trong trường hợp Tổng Thống khước từ, Quốc hội có quyền chung quyết sự khuyến cáo với đa số ba phần tư tổng số Dân biểu và Nghị sĩ. Sự khuyến cáo sau này của Quốc hội có hiệu lực kể từ ngày chung quyết.

ĐIỀU 43

1. Dân biểu và Nghị sĩ có quyền đề nghị các dự án luật.
2. Tổng Thống có quyền đề nghị các dự thảo luật.
3. Các dự án luật và dự thảo luật, gọi chung là dự luật phải được đệ nạp tại Văn phòng Hạ nghị viện.
4. Trong mọi trường hợp Hạ nghị viện chấp thuận hoặc bác bỏ một dự luật, Viện này đều chuyển dự luật sang văn phòng Thượng nghị viện trong thời hạn ba ngày tròn.
5. Nếu Thượng nghị viện đồng quan điểm với

Hạ nghị viện, dự luật hoặc sẽ được chuyển đến Tổng Thống để ban hành hoặc sẽ bị bác bỏ.

6. Nếu Thượng nghị viện không đồng quan điểm với Hạ nghị viện, dự luật sẽ được gửi về Văn phòng Hạ nghị viện trong thời hạn ba ngày tròn, kèm theo quyết nghị có viện dẫn lý do.
7. Trong trường hợp sau này, Hạ nghị viện có quyền chung quyết dự luật với đa số hai phần ba tổng số Dân biểu.
8. Nếu Hạ nghị viện không hội đủ đa số hai phần ba nói trên, quan điểm của Thượng nghị viện được coi là chung quyết.
9. Thời gian thảo luận và biểu quyết một dự luật tại Thượng nghị viện chỉ có thể bằng phân nửa thời gian thảo luận và biểu quyết tại Hạ nghị viện. Thời gian thảo luận và chung quyết một dự luật tại Hạ nghị viện chỉ có thể gấp đôi thời gian thảo luận và biểu quyết tại Thượng nghị viện.

ĐIỀU 44

1. Các dự luật được Quốc hội chung quyết sẽ được chuyển sang Tổng Thống trong thời hạn ba ngày tròn.
2. Thời gian ban hành là mười lăm ngày tròn kể từ ngày Tổng thống tiếp nhận dự luật.
3. Trong trường hợp khẩn cấp do Quốc hội thẩm định, thời hạn ban hành là bảy ngày tròn.
4. Nếu Tổng Thống không ban hành trong các thời hạn kể trên, dự luật đã được Quốc hội biểu quyết đương nhiên thành luật và sẽ được Chủ tịch Thượng nghị viện ban hành.

ĐIỀU 45

1. Trong thời hạn ban hành, Tổng Thống có quyền gửi Thông điệp có viện dẫn lý do yêu cầu Quốc hội phúc nghị một hay nhiều điều khoản của dự luật.
2. Trong trường hợp này, Quốc hội sẽ họp khoáng đại lưỡng viện để chung quyết dự luật với đa số quá bán tổng số Dân biểu và Nghị sĩ. Nếu Quốc hội chung quyết bác bỏ lời yêu cầu phúc nghị của Tổng Thống, dự luật đương nhiên thành luật và được chuyển sang Tổng Thống để ban hành.

ĐIỀU 46

1. Dự thảo ngân sách được đệ nạp tại Văn phòng Hạ nghị viện trước ngày ba mươi tháng chín.

2. Dân biểu và Nghị sĩ có quyền đề nghị các khoản chi mới nhưng đồng thời phải đề nghị các khoản thu tương đương.

3. Hạ nghị viện phải biểu quyết dự thảo ngân sách trước ngày ba mươi tháng mười một và chuyển bản văn đã được chấp thuận đến Văn phòng Thượng nghị viện chậm nhất là ngày một tháng mười hai.

4. Thượng nghị viện phải biểu quyết dự thảo ngân sách trước ngày ba mươi một tháng mười hai.

5. Trong thời hạn nói trên, nếu Thượng nghị viện yêu cầu Hạ nghị viện phúc nghị một hay nhiều điều khoản trong dự thảo ngân sách, thủ tục qui định tại điều 43 phải được áp dụng. Trường hợp này, Tổng Thống có quyền ký sắc luật cho thi hành từng phần ngân sách tương đương với một phần mười hai ngân sách thuộc tài khoá trước, cho đến khi Hạ nghị viện chung quyết xong dự thảo ngân sách.

ĐIỀU 47

1. Mỗi viện họp những khóa thường lệ và những khóa bất thường.

2. Hằng năm mỗi Viện họp hai khóa thường lệ; một khóa họp bắt đầu ngày thứ hai đầu tiên trong tháng tư dương lịch, một khóa họp bắt đầu ngày thứ hai đầu tiên trong tháng mười dương lịch.

Mỗi khóa họp thường lệ không thể lâu quá chín mươi ngày. Tuy nhiên Hạ nghị viện có thể triển hạn khóa họp để chung quyết dự thảo ngân sách.

3. Mỗi Viện có thể triệu tập các khóa họp bất thường khi có sự yêu cầu của Tổng Thống hoặc một phần ba tổng số Dân biểu hay Nghị sĩ. Nếu khóa họp bất thường do Tổng Thống yêu cầu triệu tập, nghị trình khóa họp do Tổng Thống ấn định.

ĐIỀU 48

1. Quốc hội họp công khai trừ khi quá bán tổng số Dân biểu hay Nghị sĩ hiện diện yêu cầu họp kín.

2. Trong các phiên họp công khai, biên bản tường thuật toàn vẹn cuộc thảo luận và các tài liệu trình bày tại Quốc hội sẽ được đăng trên công báo.

ĐIỀU 49

1. Mỗi Viện bầu Chủ tịch và các nhân viên Văn phòng.

2. Mỗi Viện thành lập các Ủy ban thường trực và các Ủy ban đặc biệt.

3. Mỗi Viện trọn quyền ấn định nội quy.

4. Văn phòng hai Viện ấn định thủ tục liên lạc và sinh hoạt giữa hai Viện.

ĐIỀU 50

1. Chủ tịch Thượng nghị viện triệu tập và chủ tọa các phiên họp khoáng đại lưỡng Viện.

2. Trường hợp Chủ tịch Thượng nghị viện bị ngăn trở Chủ tịch Hạ nghị viện sẽ thay thế Chủ tịch Thượng nghị viện trong nhiệm vụ này.

CHƯƠNG IV HÀNH PHÁP

ĐIỀU 51

Quyền Hành pháp được quốc dân ủy nhiệm cho Tổng Thống.

ĐIỀU 52

1. Tổng Thống và Phó Tổng Thống cùng đứng chung một liên danh, được cử tri toàn quốc bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp và kín.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Thống và Phó Tổng Thống là bốn năm. Tổng Thống và Phó Tổng Thống có thể được tái cử một lần.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Thống và Phó Tổng Thống chấm dứt đúng 12 giờ trưa ngày cuối cùng tháng thứ bốn mươi tám kể từ ngày nhậm chức, và nhiệm kỳ của tân Tổng Thống và tân Phó Tổng Thống bắt đầu từ lúc ấy.

4. Cuộc bầu cử tân Tổng Thống và tân Phó Tổng Thống được tổ chức vào ngày chúa nhật, bốn tuần lễ trước khi nhiệm kỳ của Tổng Thống tại chức chấm dứt.

ĐIỀU 53

Được quyền ứng cử Tổng Thống hoặc Phó Tổng Thống những công dân hội đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Việt tịch từ khi mới sanh và liên tục cư ngụ trên lãnh thổ Việt Nam ít nhất mười năm tính đến ngày bầu cử.

— Thời gian công cán và lưu vong chính trị tại ngoại quốc được kể như thời gian cư ngụ tại nước nhà.

2. Đủ 35 tuổi tính đến ngày bầu cử.

3. Được hưởng các quyền công dân.
4. Ở trong tình trạng hợp lệ quân dịch.
5. Hội đủ những điều kiện khác dự liệu trong đạo luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

ĐIỀU 54

1. Tối cao Pháp viện lập danh sách ứng cử viên, kiểm soát tánh cách hợp thức của cuộc bầu cử và tuyên bố kết quả.
2. Các ứng cử viên được hưởng đồng đều phương tiện trong cuộc vận động tuyển cử.
3. Một đạo luật sẽ qui định thể thức ứng cử và bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

ĐIỀU 55

Khi nhậm chức, Tổng Thống tuyên thệ trước quốc dân với sự chứng kiến của Tối cao Pháp viện và Quốc hội: « Tôi long trọng tuyên thệ trước quốc dân sẽ bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng Hiến pháp, phục vụ quyền lợi Quốc gia dân tộc và tận lực làm tròn nhiệm vụ Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa. »

ĐIỀU 56

1. Nhiệm kỳ của Tổng Thống và Phó Tổng Thống có thể chấm dứt trước kỳ hạn trong những trường hợp:
 - a) Mệnh chung
 - b) Từ chức
 - c) Bị truất quyền.
 - d) Bị bệnh tật trầm trọng và kéo dài không còn năng lực để làm tròn nhiệm vụ. Sự mất năng lực này phải được Quốc hội xác nhận với đa số ba phần tư tổng số Dân biểu và Nghị sĩ sau các cuộc giám định và phản giám định y khoa.
2. Trong trường hợp nhiệm vụ của Tổng Thống chấm dứt trên một năm trước kỳ hạn, Phó Tổng Thống sẽ tạm thời đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống trong thời hạn ba tháng để tổ chức cuộc bầu cử tân Tổng Thống và tân Phó Tổng Thống cho nhiệm kỳ mới.
3. Trong trường hợp nhiệm vụ Tổng Thống chấm dứt dưới một năm trước kỳ hạn, Phó Tổng Thống sẽ đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống đến hết nhiệm kỳ, ngoại trừ trường hợp Tổng Thống bị truất quyền.
4. Nếu vì một lý do gì, Phó Tổng Thống không thể đảm nhiệm chức vụ Tổng Thống, Chủ tịch Thượng nghị viện sẽ đảm nhiệm chức vụ này

trong thời hạn ba tháng để tổ chức cuộc bầu cử tân Tổng Thống và tân Phó Tổng Thống.

ĐIỀU 57

Tổng Thống ban hành các đạo luật trong thời hạn qui định ở điều 44.

ĐIỀU 58

1. Tổng Thống bổ nhiệm Thủ Tướng; theo đề nghị của Thủ Tướng, Tổng Thống bổ nhiệm các nhân viên Chánh Phủ.
2. Tổng Thống có quyền cải tổ toàn bộ hay một phần Chánh phủ, hoặc tự ý, hoặc sau khi có khuyến cáo của Quốc hội.

ĐIỀU 59

1. Tổng Thống bổ nhiệm với sự chấp thuận của Thượng nghị viện:
 - a) Các Trưởng nhiệm sở Ngoại giao.
 - b) Viện trưởng các Viện Đại học.
2. Tổng Thống thay mặt Quốc gia trong việc giao thiệp với ngoại quốc, tiếp nhận ủy nhiệm thư của các đại diện ngoại giao.
3. Tổng Thống ký kết và sau khi được Quốc hội phê chuẩn ban hành các Hiệp ước và Hiệp định Quốc tế.

ĐIỀU 60

Tổng Thống là Tổng Tư lệnh Tối cao Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

ĐIỀU 61

1. Tổng Thống ban các loại huy chương.
2. Tổng Thống có quyền ân xá, và ân giảm hình phạt các phạm nhân.

ĐIỀU 62

1. Tổng Thống hoạch định chánh sách Quốc gia.
2. Tổng Thống chủ tọa Hội đồng Tổng trưởng.

ĐIỀU 63

1. Tổng Thống tiếp xúc với Quốc hội bằng Thông điệp. Vào mỗi khóa họp thường lệ và mỗi khi thấy cần, Tổng Thống thông báo cho Quốc hội biết tình hình Quốc gia và chánh sách đối nội, đối ngoại của Chánh phủ.
2. Thủ Tướng và các nhân viên Chánh phủ có thể tham dự các phiên họp của Quốc hội hoặc của các Ủy ban để trình bày và giải thích về các vấn đề liên quan đến chánh sách Quốc gia, và sự thi hành chánh sách Quốc gia.

ĐIỀU 64

1. Trong các trường hợp đặc biệt, Tổng Thống

có thể ký sắc luật tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm hay khẩn trương trên một phần hay toàn lãnh thổ.

2. Quốc hội phải được triệu tập chậm nhất mười hai ngày kể từ ngày ban hành sắc luật để phê chuẩn, sửa đổi hoặc bãi bỏ.

3. Trong trường hợp Quốc hội gọi bãi bỏ hoặc sửa đổi sắc luật của Tổng Thống, các tình trạng đặc biệt đã được ban hành sẽ chấm dứt hoặc thay đổi hiệu lực.

ĐIỀU 65

Trong tình trạng chiến tranh không thể tổ chức bầu cử được với sự chấp thuận của hai phần ba tổng số Dân biểu và Nghị sĩ, Tổng Thống có quyền lưu nhiệm một số các cơ quan dân cử và bổ nhiệm một số Tỉnh trưởng.

ĐIỀU 66

1. Phó Tổng Thống là Chủ tịch Hội đồng Văn hóa Giáo dục, Hội đồng Kinh tế xã hội và Hội đồng các Sắc tộc Thiểu số.

2. Phó Tổng Thống không thể kiêm nhiệm một chức vụ nào khác trong Chánh phủ.

ĐIỀU 67

1. Thủ Tướng điều khiển Chánh phủ và các cơ cấu hành chánh Quốc gia.

2. Thủ Tướng chịu trách nhiệm về sự thi hành chánh sách Quốc gia trước Tổng Thống.

ĐIỀU 68

1. Tổng Thống, Phó Tổng Thống và các nhân viên Chánh phủ không thể kiêm nhiệm một chức vụ nào thuộc lãnh vực tư, dù có thù lao hay không.

2. Trong mọi trường hợp, người hôn phối của các vị này không được tham dự các cuộc đấu thầu hoặc kết ước với các cơ quan chánh quyền.

ĐIỀU 69

1. Hội đồng An ninh Quốc gia có nhiệm vụ:
— Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến an ninh quốc phòng.

— Đề nghị các biện pháp thích ứng để duy trì an ninh Quốc gia.

— Đề nghị tuyên bố tình trạng báo động, giới nghiêm, khẩn trương hoặc chiến tranh.

— Đề nghị tuyên chiến hay nghị hòa.

2. Tổng Thống là Chủ tịch Hội đồng an ninh Quốc gia.

3. Một đạo luật sẽ quy định sự tổ chức và điều hành Hội đồng an ninh Quốc gia.

ĐIỀU 70

1. Nguyên tắc địa phương phân quyền được công nhận cho các tập thể địa phương có tư cách pháp nhân như: Xã, Tỉnh, Thị xã, và Thủ đô.

2. Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành nền hành chánh địa phương.

ĐIỀU 71

1. Các cơ quan quyết nghị và các vị chỉ huy các cơ quan chấp hành các tập thể địa phương phân quyền sẽ do cử tri bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp và kín.

2. Riêng ở cấp Xã, Xã trưởng có thể do Hội đồng Xã bầu lên trong số các hội viên Hội đồng xã.

ĐIỀU 72

Các vị chỉ huy các cơ quan chấp hành của các tập thể địa phương nhân quyền là:

— Xã trưởng ở cấp Xã.

— Tỉnh trưởng ở cấp Tỉnh.

— Thị trưởng ở cấp Thị xã.

— Đô trưởng ở Thủ đô.

ĐIỀU 73

Các cơ quan quyết nghị của các tập thể địa phương phân quyền là:

— Hội đồng xã ở cấp xã.

— Hội đồng Tỉnh ở cấp Tỉnh.

— Hội đồng Thị xã ở cấp Thị xã.

— Hội đồng Đô thành ở Thủ đô.

ĐIỀU 74

Chánh phủ bổ nhiệm bên cạnh các Đô trưởng, Thị trưởng, Xã trưởng hai viên chức có nhiệm vụ phụ tá về hành chánh và an ninh cùng các nhân viên hành chánh khác.

ĐIỀU 75

Nhân viên các cơ quan quyết nghị và các vị chỉ huy các cơ quan chấp hành của các tập thể địa phương phân quyền có thể bị Tổng Thống giải nhiệm trong trường hợp vi phạm Hiến pháp, luật pháp Quốc gia hay chánh sách Quốc Gia.

CHƯƠNG V

TƯ PHÁP

ĐIỀU 76

1. Quyền Tư pháp độc lập, được ủy nhiệm cho

Tối cao Pháp viện và được hành xử bởi các Thẩm phán xử án.

2. Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành ngành Tư pháp.

ĐIỀU 77

Mọi Tòa án phải do một đạo luật thiết lập với một thành phần Thẩm phán xử án và Thẩm phán công tố chuyên nghiệp và theo một thủ tục tôn trọng quyền biện hộ.

ĐIỀU 78

1. Thẩm phán xử án và Thẩm phán công tố được phân nhiệm rõ rệt và có qui chế riêng biệt.

2. Thẩm phán xử án quyết định theo lương tâm và pháp luật dưới sự kiểm soát của Tối cao Pháp viện.

3. Thẩm phán Công tố theo dõi sự áp dụng luật pháp để bảo vệ trật tự công cộng dưới sự kiểm soát của Bộ Tư Pháp.

ĐIỀU 79

Thẩm phán xử án chỉ có thể bị giải nhiệm trong trường hợp bị kết án, vi phạm kỷ luật hay bất lực về tinh thần hoặc thể chất.

ĐIỀU 80

1. Tối cao Pháp viện gồm từ chín đến mười lăm Thẩm phán Tối cao Pháp viện do Quốc hội tuyển chọn và Tổng Thống bổ nhiệm theo một danh sách ba mươi người do thẩm phán đoàn, Công tố đoàn và Luật sư đoàn bầu lên.

2. Thẩm phán Tối cao pháp viện phải là những Thẩm phán hay luật sư đã hành nghề ít nhất mười năm trong ngành Tư pháp.

3. Nhiệm kỳ của Thẩm phán Tối cao Pháp viện là sáu năm.

4. Thành phần cử tri thuộc Thẩm phán đoàn, Công tố đoàn và Luật sư đoàn phải đồng đều.

5. Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành Tối cao Pháp viện.

ĐIỀU 81

1. Tối cao Pháp viện có thẩm quyền giải thích Hiến pháp, phán quyết về tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, sắc luật; tính cách hợp hiến và hợp pháp của các sắc lệnh, nghị định và quyết định hành chánh.

2. Tối cao Pháp viện có thẩm quyền phán quyết về việc giải tán một chánh đảng có chủ trương và hành động chống lại chánh thể Cộng Hòa.

3. Trong trường hợp này Tối cao Pháp viện sẽ họp khoáng đại toàn viện, các đại diện Lập pháp hoặc Hành pháp có thể tham dự để trình bày quan điểm.

4. Những quyết định của Tối cao Pháp viện tuyên bố một đạo luật bất hợp hiến hoặc giải tán một chánh đảng phải hội đủ đa số ba phần tư tổng số Thẩm phán Tối cao Pháp viện.

ĐIỀU 82

Tối cao Pháp viện có thẩm quyền phán quyết về các vụ thượng tố các bản án chung thẩm.

ĐIỀU 83

Tối cao Pháp viện có ngân sách tự trị và có quyền lập quỹ để quản trị ngành Tư Pháp.

ĐIỀU 84

1. Hội đồng Thẩm phán có nhiệm vụ:

— Đề nghị bổ nhiệm, thăng thưởng, chuyển và chế tài về kỷ luật các Thẩm phán xử án.

— Cố vấn Tối cao Pháp viện về các vấn đề liên quan đến ngành Tư pháp.

3. Hội đồng Thẩm phán gồm các Thẩm phán xử án do các Thẩm Phán xử án bầu lên.

4. Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành Hội đồng Thẩm phán.

CHƯƠNG VI

CÁC ĐỊNH CHẾ ĐẶC BIỆT

Đặc Biệt Pháp Viện

ĐIỀU 85

Đặc biệt pháp viện có thẩm quyền truất quyền Tổng Thống, phó Tổng Thống, Thủ Tướng, các Tổng Bộ trưởng, các Thẩm phán Tối cao Pháp viện và các Giám sát viên trong trường hợp can tội phản quốc và các trọng tội khác.

ĐIỀU 86

1. Đặc biệt Pháp viện do Chủ tịch Tối cao Pháp viện giữ chức Chánh thẩm và gồm năm Dân biểu và năm Nghị sĩ.

2. Khi Chủ tịch Tối cao Pháp viện là bị can, Chủ tịch Thượng nghị viện giữ chức Chánh thẩm.

ĐIỀU 87

1. Đề nghị khởi tố có viện dẫn lý do phải được quá bán tổng số Dân biểu và Nghị sĩ ký tên. Quyết nghị khởi tố phải được đa số hai phần ba tổng số Dân biểu và Nghị sĩ biểu quyết chấp thuận.

Riêng đối với Tổng Thống và Phó Tổng Thống đề nghị khởi tố có viện dẫn lý do phải được hai phần ba tổng số dân biểu và Nghị sĩ ký tên. Quyết định khởi tố phải được đa số ba phần tư tổng số Dân biểu và Nghị sĩ biểu quyết chấp thuận.

2. Đương sự phải đình chỉ nhiệm vụ từ khi Quốc hội biểu quyết truy tố đến khi Đặc biệt pháp viện phán quyết.

3. Đặc biệt Pháp viện phán quyết truất quyền theo đa số ba phần tư tổng số nhân viên. Riêng đối với Tổng Thống và Phó Tổng Thống, phán quyết truất quyền theo đa số bốn phần năm tổng số nhân viên.

4. Đương sự được quyền biện hộ trong mọi giai đoạn của thủ tục truy tố.

5. Sau khi bị truất quyền đương sự có thể bị truy tố trước các Tòa án có thẩm quyền.

6. Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức, điều hành và thủ tục trước Đặc biệt Pháp viện.

Giám Sát Viện

ĐIỀU 88

Giám Sát Viện có thẩm quyền:

1. Thanh tra, kiểm soát và điều tra nhân viên các cơ quan công quyền và tư nhân, đồng phạm hay tòng phạm về mọi hành vi tham nhũng, đầu cơ, hối mại quyền thế hoặc phung phí đến quyền lợi Quốc gia.

2. Thẩm tra kế toán đối với các cơ quan công quyền và hợp doanh.

3. Kiểm kê tài sản các nhân viên các cơ quan công quyền kể cả Tổng Thống, Phó Tổng Thống, Thủ Tướng, Dân biểu, Nghị sĩ, Chủ tịch Tối cao Pháp viện.

4. Riêng đối với Chủ tịch Giám sát Viện và các Giám sát viên, việc kiểm kê tài sản do Tối cao Pháp viện đảm trách.

ĐIỀU 89

1. Giám sát Viện có quyền đề nghị các biện pháp chế tài về kỷ luật đối với nhân viên phạm lỗi hoặc yêu cầu truy tố đương sự ra trước tòa án có thẩm quyền.

2. Giám sát Viện có quyền công bố kết quả cuộc điều tra.

ĐIỀU 90

1. Giám sát Viện gồm từ chín đến mười tám

Giám sát viên, một phần ba do Quốc hội, một phần ba do Tổng Thống và một phần ba do Tối cao pháp viện chỉ định.

2. Giám sát viên được hưởng những quyền hạn và bảo đảm cần thiết để thi hành nhiệm vụ.

ĐIỀU 91

Giám sát Viện có ngân sách tự trị và có quyền lập qui để tổ chức nội bộ và quản trị ngành giám sát.

Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành Giám sát Viện.

Hội Đồng Quân Lực

ĐIỀU 92

1. Hội đồng Quân lực cố vấn Tổng Thống về các vấn đề liên quan đến Quân lực, đặc biệt là việc thăng thưởng, chuyển chuyển và trừng phạt quân nhân các cấp.

2. Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành Hội đồng Quân lực.

Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục

ĐIỀU 93

1. Hội đồng Văn hóa giáo dục có nhiệm vụ cố vấn Chánh phủ soạn thảo và thực thi chánh sách Văn hóa giáo dục.

Một Hàn lâm viện Quốc gia sẽ được thành lập.

2. Với sự chấp thuận của Quốc hội, Hội đồng Văn hóa giáo dục có thể cử đại diện thuyết trình trước Quốc hội về các vấn đề liên hệ.

3. Các dự luật liên quan đến Văn hóa giáo dục có thể được Hội đồng tham gia ý kiến trước khi Quốc hội thảo luận.

ĐIỀU 94

1. Hội đồng Văn hóa giáo dục gồm:

— Một phần ba hội viên do Tổng Thống chỉ định.

— Hai phần ba hội viên do các tổ chức Văn hóa giáo dục công và tư, các Hiệp hội phụ huynh học sinh đề cử.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng Văn hóa giáo dục là bốn năm.

3. Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành Hội đồng Văn hóa giáo dục.

HỘI ĐỒNG KINH TẾ XÃ HỘI

ĐIỀU 95

1. Hội đồng Kinh tế xã hội có nhiệm vụ cố vấn Chánh phủ về những vấn đề kinh tế và xã hội.
2. Với sự chấp thuận của Quốc hội, Hội đồng Kinh tế xã hội có thể cử đại diện thuyết trình trước Quốc hội về các vấn đề liên hệ.
3. Các dự luật kinh tế và xã hội có thể được Hội đồng kinh tế xã hội tham gia ý kiến trước khi Quốc hội thảo luận.

ĐIỀU 96

1. Hội đồng Kinh tế xã hội gồm:
 - Một phần ba hội viên do Tổng Thống chỉ định.
 - Hai phần ba hội viên do các tổ chức công kỹ nghệ, thương mại, nghiệp đoàn, các hiệp hội có tính cách kinh tế và xã hội đề cử.
2. Nhiệm kỳ Hội đồng Kinh tế xã hội là bốn năm.
3. Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành Hội đồng Kinh tế xã hội.

Hội Đồng các Sắc Tộc

ĐIỀU 97

1. Hội đồng các Sắc tộc đại diện các Sắc tộc thiểu số sống trên lãnh thổ Việt Nam có nhiệm vụ cố vấn Chánh phủ về các vấn đề liên quan đến đồng bào thiểu số.
2. Với sự chấp thuận của Quốc hội, Hội Đồng các Sắc tộc có thể cử đại diện thuyết trình trước Quốc hội về các vấn đề liên hệ.
3. Các dự luật liên quan đến đồng bào thiểu số có thể được Hội đồng các Sắc tộc tham gia ý kiến trước khi đưa ra Quốc hội thảo luận.

ĐIỀU 98

1. Hội đồng các Sắc tộc gồm có:
 - Một phần ba hội viên do Tổng Thống chỉ định.
 - Hai phần ba hội viên do các Sắc tộc thiểu số đề cử.
2. Nhiệm kỳ Hội đồng các Sắc tộc là 4 năm.
3. Một đạo luật sẽ qui định sự tổ chức và điều hành Hội đồng các Sắc tộc.

CHƯƠNG VII

CHÁNH ĐẢNG VÀ ĐỐI LẬP

ĐIỀU 99

1. Quốc gia công nhận chánh đảng giữ vai trò thiết yếu trong chế độ dân chủ.
2. Chánh đảng được tự do thành lập và hoạt

động theo các thể thức và điều kiện luật định.

ĐIỀU 100

Quốc gia khuyến khích việc tiến tới chế độ lưỡng đảng.

ĐIỀU 101

Quốc gia công nhận sự định chế hóa đối lập chính trị.

ĐIỀU 102

Một đạo luật sẽ ấn định quy chế chánh đảng và đối lập chính trị.

CHƯƠNG VIII

TU CHÍNH HIẾN PHÁP

ĐIỀU 103

1. Tổng Thống, quá bán tổng số Dân biểu hay quá bán tổng số Nghị sĩ có quyền đề nghị tu chính Hiến pháp
2. Đề nghị phải viện dẫn lý do và được đệ nạp tại Văn phòng Thượng nghị viện.

ĐIỀU 104

Một Ủy ban lưỡng viện sẽ được thành lập để nghiên cứu về đề nghị tu chính Hiến pháp và thuyết trình trong những phiên họp khoáng đại lưỡng viện.

ĐIỀU 105

Quyết định tu chính Hiến pháp phải hội đủ hai phần ba tổng số Dân biểu và Nghị sĩ.

ĐIỀU 106

Tổng Thống ban hành đạo luật tu chính Hiến pháp theo thủ tục quy định ở điều 44.

ĐIỀU 107

Không thể huỷ bỏ hoặc tu chính điều một và điều này của Hiến pháp.

CHƯƠNG IX

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

ĐIỀU 108

Hiến pháp bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày ban hành và Ước pháp tạm thời ngày mười chín tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm đương nhiên hết hiệu lực.

ĐIỀU 109

Trong thời gian chuyển tiếp, Quốc hội dân cử ngày mười một tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu đại diện Quốc dân trong phạm vi Lập pháp:

1. Soạn thảo và chung quyết:

— Các đạo luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống, Thượng nghị viện, Hạ nghị viện.
— Các đạo luật tổ chức Tối cao Pháp viện và Giám sát Viện.

— Các qui chế chánh đảng và báo chí.

2. Phê chuẩn các Hiệp ước.

ĐIỀU 110

Kể từ khi Tổng Thống và Phó Tổng Thống nhiệm kỳ một nhậm chức, Quốc hội dân cử ngày mười một tháng chín năm một nghìn chín trăm sáu mươi sáu đảm nhiệm quyền Lập pháp cho đến khi Quốc hội pháp nhiệm một được triệu tập.

ĐIỀU 111

Trong thời gian chuyển tiếp, Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia và Ủy ban Hành pháp Trung ương lưu nhiệm cho đến khi Tổng Thống và Phó Tổng Thống nhiệm kỳ một nhậm chức.

ĐIỀU 112

Trong thời gian chuyển tiếp, các Tòa án hiện hữu vẫn tiếp tục hành xử quyền Tư pháp cho đến khi các định chế Tư pháp qui định trong Hiến pháp này được thành lập.

ĐIỀU 113

Quốc hội dân cử ngày mười một tháng chín năm một nghìn chín trăm sáu mươi sáu sẽ lập danh sách ứng cử viên, kiểm soát tính cách hợp thức và tuyên bố kết quả cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống nhiệm kỳ một.

ĐIỀU 114

Trong nhiệm kỳ đầu tiên, Tổng Thống có thể bổ nhiệm các Tỉnh Trưởng.

ĐIỀU 115

Cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống phải được tổ chức chậm nhất sáu tháng kể từ ngày ban hành Hiến pháp này.

ĐIỀU 116

Cuộc bầu cử Quốc hội Lập pháp, việc tổ chức Tối cao Pháp viện và Giám sát Viện phải được thực hiện chậm nhất là mười hai tháng kể từ ngày Tổng Thống nhiệm kỳ một nhậm chức.

ĐIỀU 117

Các cơ cấu khác do Hiến pháp qui định phải được thiết lập chậm nhất là hai năm kể từ ngày Quốc hội pháp nhiệm một được thành lập.

./.

GHEN

Nàng Tiên bé nhỏ của anh ơi ,
Người anh yêu quý nhất trên đời .
Anh muốn đời em luôn hạnh phúc ,
Mỗi ngày mỗi đẹp mỗi xinh tươi .
Anh muốn rằng không có một ai ,
Theo em trong suốt quãng đường dài .
Không ai được đến nhà em đây ,
Chỉ để riêng mình anh đến thôi !
Anh muốn em ngay cả nụ cười ,
Đừng cho kẻ lạ ngắm môi tươi .
Ra đường trang điểm sơ sài nhé ,
Kẻo không lấm kẻ bám theo người .
Em đừng tựa cửa mỗi sớm mai ,
Mấy anh hàng xóm ngó sang hoài .
Phòng em nhớ buông rèm đóng cửa ,
Để không thấp thoáng bóng ai ngoài .
Anh muốn chân em bước trên hoa ,
Đi trên nhung thảm thật kiêu sa ,
Gót sen yếu điệu như thực nữ ,
Chỉ để mình anh ngắm thôi nha !
Anh muốn anh là tấm thảm nhung ,
Để bước chân em khỏi ngại ngùng ,
Em đẹp để mình anh chiêm ngưỡng ,
Đừng cho ai thấy phải siêu lòng !
Anh muốn rằng trong cả giấc mơ ,
Những gì thật đẹp thật nên thơ ,
Cũng đều có cả chung hai đứa ,
Em và... một mình anh thôi cơ !
Chắc em không tưởng tượng được đâu
Nhớ em nhiều lúc muốn điên đầu ,
Thơ thần cứ như người mất trí ,
Ngồi đây mà hồn tợn đầu đầu ...
Anh muốn một ngày rất gần đây ,
Cùng em sóng bước tay trong tay ,
Duy Tân , Trường Luật con đường cũ ,
Tìm lại hương yêu những tháng ngày ...

Sài Gòn, Đầu gió nắng – 10 - 4 - 1980

Gửi về T4

LS . PHẠM NGỌC ANH

TIỂU SỬ TỔNG THỐNG NGUYỄN VĂN THIỆU

Trích website: NGƯỜI KỂ SỬ



TT Nguyễn Văn Thiệu (5 tháng 4 năm 1923 - 29 tháng 9 năm 2001) nguyên là một sĩ quan trong Quân đội Quốc gia Việt Nam trực thuộc Pháp, từng được cả quân đội Pháp và Hoa Kỳ đào tạo, sau đó trở thành tướng lĩnh trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, mang cấp bậc Trung tướng. Sau vụ đảo chính năm 1963 lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm, ông tham chính làm Chủ tịch Ủy ban Lãnh Đạo Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa thời kỳ (1965 - 1967) và trở thành Tổng thống Việt Nam Cộng hòa thời kỳ (1967 - 1975).

Tiểu sử

Nguyễn Văn Thiệu sinh ngày 5 tháng 4 năm 1923 tại Phan Rang, Tháp Chàm, có quê gốc tại làng Tri Thủy, xã Tân Hải, quận Thanh Hải, tỉnh Ninh Thuận, (nay là xã Tân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận), được rửa tội theo Công Giáo với tên thánh là *Martino*. Ông là con út trong gia đình có bảy người con (*năm trai, hai gái*) nên lúc nhỏ được gọi là cậu Tám. Ông có hai người anh: Nguyễn Văn Hiếu (*hơn ông Thiệu 16 tuổi*) và Nguyễn Văn Kiếu. Nguyễn Văn Hiếu thời Đế Nhị Cộng Hòa được bổ làm đại sứ ở Ý còn Nguyễn Văn Kiếu làm đại sứ ở Đài Loan.

Khi đi học ông lấy ngày sinh là ngày 24 tháng 12 năm 1924. Học hết lớp Đệ Tứ ở quê



TT Nguyễn Văn Thiệu và phu nhân

nhà ông lên Sài Gòn để học nghề ở Trường Kỹ Thuật Đỗ Hữu Vị (sau đổi là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng). Sau đó, ông được người anh cả Nguyễn Văn Hiếu giúp đưa vào học trong một trường dòng Công giáo của Pháp là Pellerin tại Huế. Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, ông hoàn thành khóa học và quay trở về nhà. Trong ba năm Nhật Bản chiếm đóng, ông làm nông cùng với gia đình. Quan điểm của ông về chủ nghĩa dân tộc ngày càng gia tăng cùng với sự bại trận của Nhật Bản và sự quay lại của quân đội Pháp ở Đông Dương. Ông thông thạo hai ngoại ngữ: tiếng Anh và tiếng Pháp

Binh nghiệp

Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc năm 1945, ông tham gia lực lượng Việt Minh do Hồ Chí Minh đứng đầu. Ông cùng các đồng chí được huấn luyện quân sự trong rừng dùng gậy tre vì họ không có súng. Năng lực quản lý của ông sớm được công nhận, sau đó được bổ nhiệm trở thành một người đứng đầu Huyện. Nhưng sau chưa đến một năm, ông đào ngũ. Sau này, trong một cuộc phỏng vấn,

ông nói lý do đào ngũ là “Tôi biết rằng Việt Minh là cộng sản” và rằng: “họ bắn người dân, họ lật đổ các ủy ban xã, họ tịch thu đất đai”. Ông bí mật vào Sài Gòn, rồi với sự giúp đỡ của anh là Nguyễn Văn Hiếu, ông được nhận vào học Trường Hàng Hải (1946-1947). Sau hai năm, ông được mang cấp sĩ quan, nhưng từ chối làm việc trên một con tàu khi biết được chủ người Pháp sẽ trả lương cho ông thấp hơn lương của sĩ quan Pháp.

Từ đó ông bỏ hẳn ý định theo nghiệp hàng hải và nhập ngũ vào Quân đội Liên Hiệp Pháp, mang số quân: 43/300.661, ghi danh khóa đầu tiên khai giảng ngày 1 tháng 10 năm 1948 (Khóa Bảo Đại, sau đổi tên thành Khóa Phan Bội Châu) tại Trường Võ Bị Huế, tiền thân của Trường Võ bị Đà Lạt.

Tham gia quân đội Quốc Gia Việt Nam (thuộc Liên hiệp Pháp)

Tháng 6 năm 1949, ông tốt nghiệp với cấp bậc Thiếu úy, thuộc lực lượng Quân đội Quốc gia Việt Nam thuộc Liên hiệp Pháp; chức vụ đầu tiên ông đảm nhiệm là Trung đội trưởng đồn trú tại Mỏ Cà, Bến Tre. Cùng năm đó, ông sang Pháp học ở Trường bộ binh Coedquidan (Võ bị Liên quân Saint Cyr).

Trong những trận giao chiến với Việt Minh, ông có tiếng là có năng lực chỉ huy. Do chính sách chế tài đối với những sĩ quan ở miền Trung và miền Nam nên ông được điều ra Bắc. Đầu năm 1951 ông được thăng cấp Trung úy đi học khóa Chỉ huy Chiến thuật tại Hà Nội. Cũng trong năm này ông kết hôn với Nguyễn Thị Mai Anh, con gái của một người hành nghề y thành đạt gốc ở Mỹ Tho thuộc tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang). Bà là một tín đồ Công giáo Roma. Sau đó ông đã cải đạo, theo tôn giáo của vợ. Ông bà Thiệu có ba người con: một gái, Nguyễn Thị Tuấn Anh và hai trai, Nguyễn Quang Lộc và Nguyễn Thiệu Long. Tháng 7 cùng năm ông được điều về Trường Võ Bị Đà Lạt làm Trung đội trưởng khóa sinh của khóa 5.

Năm 1952, sau khóa đào tạo Tiểu đoàn trưởng & Liên đoàn lưu động tại Hà Nội, ông được thăng cấp Đại úy và được điều chuyển

cùng với Trung úy Cao Văn Viên, Đại úy Đỗ Mậu về Bộ chỉ huy Mặt trận Hưng Yên do Trung tá Dương Quý Phan làm Chỉ huy trưởng. Tại đó Đỗ Mậu giữ chức Tham mưu trưởng, còn ông giữ chức Trưởng phòng 3, và Cao Văn Viên giữ chức Trưởng phòng Nhì.

Năm 1954, được thăng cấp Thiếu tá chỉ huy Liên đoàn Bộ binh số 11 và đã dẫn đầu một cuộc hành quân đánh vào làng quê Thanh Hải, nơi ông từng sinh sống. Việt Minh rút lui vào căn nhà cũ của gia đình ông và tin rằng ông sẽ không tấn công tiếp, nhưng họ đã nhầm. Ông đã cho nổ mìn đánh bật được lực lượng Việt Minh ra khỏi khu vực, nhưng đồng thời căn nhà nơi ông sinh ra và lớn lên cũng bị phá hủy. Tháng 7, làm Trưởng phòng 3 Đệ Nhị Quân khu Trung Việt do Đại tá Trương Văn Xương làm Tư lệnh. Tháng 10 ông làm Tham mưu trưởng Đệ Nhị Quân khu sau khi bàn giao chức Trưởng phòng 3 cho Thiếu tá Trần Thiên Khiêm. Cuối năm đi làm Tiểu khu trưởng Ninh Thuận thay Thiếu tá Đỗ Mậu.

Quân đội Việt Nam Cộng Hòa

Sang thời Đệ Nhất Cộng Hòa năm 1955 ông được thăng cấp Trung tá với chức Chỉ huy trưởng Trường Võ bị Đà Lạt thay Trung tá Nguyễn Văn Chuân sau khi bàn giao Tiểu khu Ninh Thuận lại cho Thiếu tá Thái Quang Hoàng. Tháng 7-1957 ông bàn giao Trường Võ Bị cho Đại tá Hồ Văn Tổ du học khóa Chỉ huy & Tham mưu cao cấp tại Leavenworth, Kansas, Hoa Kỳ. Năm 1958 Nguyễn Văn Thiệu tái nhiệm Chỉ huy trưởng trường Võ bị thay lại cho Đại tá Tổ đi làm Chỉ huy trưởng Trung tâm huấn luyện Quang Trung.

Năm 1959, ông bàn giao Trường Võ Bị cho Thiếu tướng Lê Văn Kim để đi học khóa Tình Báo Tác chiến tại Okinawa, Nhật Bản. Mãn khóa học về làm Tham mưu trưởng Hành quân tại Bộ Tổng Tham Mưu. Ngày 26-10 cùng năm ông được thăng cấp Đại tá, ngay sau đó đi du học lớp Phòng không tại Trường Fort Bliss, Texas, Hoa Kỳ.

Năm 1961, Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh thay Đại tá Nguyễn Đức Thắng đi làm Tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ binh. Cuối năm 1962 bàn giao

Sư đoàn 1 lại cho Đại tá Đỗ Cao Trí (*nguyên Chỉ huy trưởng Trường Hạ sĩ quan Đồng Đế*) để đi làm Tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ binh thay Đại tá Nguyễn Đức Thắng về Bộ Tổng Tham Mưu làm Trưởng phòng Hành quân.

Tham gia đảo chính và trở thành Quốc Trưởng

Năm 1963, ông tham gia lực lượng đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Sau đảo chính, ông được thăng lên Thiếu tướng kiêm Ủy viên Hội đồng Quân nhân Cách Mạng.

Đầu năm 1964, ông cũng tham gia cùng tướng Nguyễn Khánh thực hiện một cuộc đảo chính khác, gọi là “chỉnh lý năm 1964”; Tướng Khánh nắm quyền lãnh đạo chính quyền, ông được cử giữ chức Tổng Thư Ký Hội Đồng Quân nhân Cách Mạng sau khi bàn giao Sư đoàn 5 cho đại tá Đặng Thanh Liêm (*nguyên Chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Quang Trung*), cùng ngày nhậm chức Tham Mưu Trưởng Liên quân Bộ Tổng Tham Mưu thay thế trung tướng Trần Thiện Khiêm. Ngày 8-2 kiêm Thứ trưởng Quốc phòng. Lần lượt ngày 9 và 15-9 từ nhiệm Thứ trưởng Quốc phòng, bàn giao chức Tham mưu trưởng Liên quân cho Thiếu tướng Cao Văn Viên (*nguyên Tư lệnh Lữ đoàn Nhảy dù*). Cùng ngày nhận chức Tư lệnh Quân Đoàn IV & vùng 4 chiến thuật thay thế trung tướng Dương Văn Đức.



Đầu năm 1965 ông được thăng Trung tướng và giữ chức đệ Nhị Phó Thủ tướng nội các Trần Văn Hương. Bàn giao Quân đoàn IV cho Thiếu tướng Đặng Văn Quang (*nguyên Tư lệnh Sư đoàn 21 Bộ binh*). Ông được bổ nhiệm làm Đệ nhất Phó Thủ tướng trong nội các Phan

Huy Quát kiêm Tổng trưởng Quân Lực thay Trung tướng Trần Văn Minh, kiêm làm Tổng

Thư ký Ủy ban Thường vụ Hội đồng Quân Lực. Cũng năm này, chính phủ của Thủ tướng Phan Huy Quát đã giải tán và trao quyền lãnh đạo quốc gia lại cho Hội Đồng Quân Lực. Hội đồng tướng lĩnh đã bầu ông giữ chức Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc gia và tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương. Nguyễn Văn Thiệu trở thành Quốc trưởng và Nguyễn Cao Kỳ trở thành Thủ tướng của chính phủ mới.

Trở thành Tổng Thống

Năm 1967, dưới sự hậu thuẫn từ phía Mỹ và lực lượng đảng Dân Chủ do chính ông thành lập, ông được bầu làm Tổng thống, tuyên bố thành lập nền Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam, với 34,8% số phiếu. Ông giữ chức này cho đến khi chính thể Đệ Nhị Cộng hòa sắp sụp đổ vào cuối tháng 4 năm 1975. Thời kỳ này chính phủ Việt Nam Cộng Hòa càng lệ thuộc vào sự giúp đỡ của Hoa Kỳ nhiều hơn cả chính phủ tiền nhiệm của Ngô Đình Diệm. Ông đã tập trung quyền lực vào ngành hành pháp



TT Thiệu tuyên thệ nhậm chức trong khi làm suy yếu quyền lập pháp của Quốc Hội.

Năm 1969, với tư cách Tổng thống, ông kêu gọi hòa bình bằng cách đề nghị bầu cử bao gồm cả lực lượng Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam nhưng phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ cảnh báo rằng bất kỳ nỗ lực nào để liên minh với Mặt trận Dân tộc Giải

phóng miền Nam Việt Nam đều rất “nguy hiểm” do sẽ làm phật ý Mỹ. Cũng trong năm này, ông đã vượt quyền hiến pháp, cụ thể là điều luật quy định sự bất khả xâm phạm của dân biểu, để bắt giữ và mở tòa án quân sự kết án dân biểu Trần Ngọc Châu 10 năm khổ sai, sau khi vị dân biểu này đề nghị lập một đoàn gồm các nhà lập pháp Việt Nam Cộng hòa ra Bắc để đàm phán với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa



TT Thiệu và TT Nixon

Trong những năm tại vị, ông đã ký tại Cần Thơ lệnh số 003/60 ban hành luật “Người Cày Có Ruộng”. Ông nói: “Hôm nay là ngày vui sướng nhất của đời tôi”. Báo chí Hoa Kỳ ca ngợi, tờ *Washington Evening Star* gọi đó là “Tin tức tốt đẹp nhất đến từ Việt Nam kể từ khi kết thúc sự chiếm đóng của người Nhật”. Còn tờ *New York Times* cho rằng “Có lẽ đây là cuộc cải cách ruộng đất không cộng sản mang nhiều tham vọng và tiến bộ nhất của thế kỷ 20”. Theo ông Nguyễn Tiến Hưng trong sách *Khi đồng minh tháo chạy* thì nhiều quan sát viên quốc tế đã cho chương trình “Người cày có ruộng” là một trong những chương trình cải cách điền địa thành công nhất ở các nước đang phát triển. Chương trình này đã tạo ra một tầng lớp tiểu nông đông đảo, thúc đẩy kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp phát triển. Nông dân hăng hái sản xuất và năng suất lao động trong sản xuất lúa gạo tăng lên, đời sống của nông dân được cải thiện.

Năm 1971, Việt Nam Cộng Hòa tổ chức bầu cử Tổng thống một lần nữa. Sau cố gắng bất thành của Nguyễn Văn Thiệu trước kia nhằm gạt hẳn Nguyễn Cao Kỳ ra khỏi cuộc đua, trong kỳ này Dương Văn Minh rút lui không tham gia tranh cử và Nguyễn Cao Kỳ cũng từ chối ra tranh cử nên cuộc bầu cử chỉ có duy nhất một ứng cử viên là chính Nguyễn Văn Thiệu. Do chỉ có duy nhất ông Thiệu ứng cử nên kết quả đã được xác định từ trước khi bầu cử diễn ra. Nguyễn Văn Thiệu đắc cử với 94% số phiếu.

Năm 1973, sau khi ký kết Hiệp định Paris, Quân đội Mỹ rút khỏi miền Nam, chỉ để lại lực lượng cố vấn để giúp Việt Nam Cộng hòa. Một thời gian ngắn sau đó Hoa Kỳ cũng cắt giảm một nửa các kinh phí viện trợ cho chính quyền Việt Nam Cộng Hòa khiến khả năng quân sự của chính quyền này bị suy giảm nặng. Dầu vậy, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu vẫn đưa ra Chính sách Bốn Không làm căn bản trong chiến lược chống những người Cộng sản.

Năm 1975

Tháng 3 năm 1975, sau khi Ban Mê Thuột bị Quân đội Nhân dân Việt Nam đánh chiếm và quân đội Việt Nam Cộng Hòa phản kích thất bại, TT Nguyễn Văn Thiệu tỏ ra lúng túng rồi quyết định rút bỏ toàn phần Cao nguyên Trung phần. Sai lầm chiến lược đó đã đưa đến những cuộc tháo chạy hỗn loạn khỏi các tỉnh Tây Nguyên và bị Quân giải phóng miền Nam tấn công gây thiệt hại nặng. Sau đó các tỉnh duyên hải miền Trung cũng thất thủ.

Để ngăn chặn các nhà báo đưa tin về việc việc thất trận tại Tây Nguyên, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh bỏ tù 19 nhà báo và đóng cửa 5 tờ báo. Sự gia tăng thù địch của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đối với báo chí nước ngoài đã đưa tới việc cảnh sát Sài Gòn ra lệnh cho ký giả của Agence France-Presse là Paul Leandri phải tới Tổng Nha Cảnh Sát để thẩm vấn. Leandri đã cương lại cuộc thẩm vấn, toan lái xe bỏ đi, và đã bị cảnh sát Sài Gòn bắn chết. Paul Leandri chết khi mới 37 tuổi, để lại vợ trẻ mới mang bầu 4 tháng

Vài tuần cuối cùng trước khi cuộc chiến kết thúc, ông Thiệu lui vào trong dinh Độc Lập

ngày càng nhiều hơn, ngày càng ít nói chuyện với các cố vấn hơn, ngay cả với cố vấn cao cấp Mỹ, người mà ông đã duy trì trong nhiều năm cũng hiếm khi thấy ông trong những ngày tháng 4/1975.

Trong cuộc khủng hoảng, TT Nguyễn Văn Thiệu đã cố gắng lần cuối trước khi từ chức, viết thư van nài Tổng thống Ford “cho vay nợ vì tự do”, trong cơn tuyệt vọng, Nguyễn Văn Thiệu đã không cần mặc cả lãi suất vay nợ và còn đem cả tài nguyên đất nước ra thế chấp :

“Thưa Ngài Tổng thống,

Tôi đề nghị Ngài yêu cầu Quốc hội (Mỹ) đồng ý cho chúng tôi vay dài hạn lần cuối cùng số tiền 3 tỉ Mỹ kim được phân chia trong 3 năm và kỳ hạn hoàn trả là 10 năm, với mức lãi suất do Quốc hội Mỹ tự quyết định.

Tiềm năng về dầu hỏa và nguồn lợi về nông nghiệp của chúng tôi sẽ thế chấp cho món nợ này. Số tiền vay này được gọi là “Freedom Loan”, sẽ cho phép chúng tôi có một cơ hội để được tồn tại... Trong giờ phút vô cùng khẩn thiết này, chúng tôi mong muốn Ngài thúc giục Quốc hội xem xét dễ dàng và cấp bách lời yêu cầu được vay “số tiền vì tự do” nêu trên của chúng tôi. Đây là hành động cầu xin cuối cùng mà chúng tôi, một người bạn đồng minh, gửi đến nhân dân Mỹ”.

Tuy nhiên đề nghị vay nợ này bị Quốc hội Mỹ bác bỏ. Khi các lực lượng quân sự của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam sắp giành được chiến thắng, do sức ép lớn từ các tướng dưới quyền như Trần Văn Đôn, Cao Văn Viên, thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn, bộ trưởng kinh tế Nguyễn Văn Hảo. Ông từ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 1975, trao quyền cho Phó tổng thống Trần Văn Hương lên thay làm tổng thống.

Khi từ chức, TT Nguyễn Văn Thiệu đã xuất hiện trên truyền hình suốt 3 giờ đồng hồ tuyên bố từ chức, ông trách móc việc thoái thác trách nhiệm của chính phủ Mỹ bằng những lời cay cú công khai như:



Các ông đã tìm đường rút lui trong danh dự. Hiện nay khi quân đội chúng tôi thiếu vũ khí, đạn dược, máy bay trực thăng, không có máy bay B-52 yểm trợ, các ông đòi hỏi chúng tôi làm một điều không thể làm được giống như dùng đá lấp biển, giống như các ông đưa tôi chỉ có 3 đôla mà thúc giục chúng tôi đi bằng máy bay, ghế hạng nhất, mướn phòng 300 đôla một ngày ở khách sạn, ăn ba hay bốn miếng bít-tết và uống bảy tám ly rượu Tây một bữa. Đây là điều kỳ quặc không bao giờ làm được.

Ông Thiệu đổ lỗi thất bại là do người Mỹ bằng những lời lẽ nửa tức giận, nửa thách thức

“Mỹ đánh không lại Cộng sản nên bỏ mặc Việt Nam Cộng Hòa đánh một mình thì làm sao ăn. Có giỏi thì Mỹ vô đây lần nữa...”.

Và trong cuộc diễn thuyết cuối cùng trên tivi đó, ông Thiệu cũng đã lên án thẳng Hoa Kỳ là “một đồng minh vô nhân đạo với những hành động vô nhân đạo.”

Cũng trong bài diễn văn từ chức, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố mạnh mẽ rằng ông sẽ cầm súng tham gia chiến đấu: “Dù mất một tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, quân đội vẫn còn trung tướng Nguyễn Văn Thiệu, đồng bào còn một chiến sĩ Nguyễn Văn Thiệu. Tôi nguyện sẽ chiến đấu kề bên anh em chiến sĩ...”. Nhưng những tuyên bố đó đã không được Nguyễn Văn Thiệu thực hiện. Chỉ 4 ngày sau, Nguyễn Văn Thiệu đã bí mật lên máy bay thoát khỏi Sài Gòn vào đêm ngày 25/4/1975. Cuộc ra đi của Nguyễn Văn Thiệu diễn ra bí mật trong đêm tối,

dưới sự sắp đặt của Thomas Polgar - trưởng CIA ở Sài Gòn

Đêm 25 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Văn Thiệu rời Việt Nam. Để cho việc ra đi danh chính ngôn thuận, Trần Văn Hương ký quyết định cử Nguyễn Văn Thiệu là đặc sứ của Việt Nam Cộng Hòa đến Đài Bắc để phúng điếu Tưởng Giới Thạch (dù thực ra Tưởng Giới Thạch đã chết từ trước đó 3 tuần).

Lưu vong



Sau đó, TT Nguyễn Văn Thiệu đến Anh định cư. Đầu những năm 1990, ông Thiệu chuyển sang định cư tại Foxborough, bang Massachusetts, Mỹ và sống một cuộc sống thầm lặng trong quãng đời còn lại ở đây.

Ngày 16 tháng 6 năm 1990, ông Thiệu có một cuộc trả lời phỏng vấn mang tính lịch sử tại Orange County, California, với hơn 500 khách mời, cùng thời lượng 1 tiếng đồng hồ. Trong bài phỏng vấn này ông có nói rõ hoàn cảnh rời bỏ đất nước năm 1975, về lời đồn đại 16 tấn vàng.

Vào năm 1992, ông đã lên tiếng tố cáo sự xích lại gần nhau giữa chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhưng ít lâu sau ông lại có ý muốn tham gia vào các cuộc thảo luận hòa giải dân tộc, điều này đã làm một số người cực đoan tức giận, còn tướng Trần Văn Đôn nhận xét qua hồi ký của mình (xuất bản năm 1997) thì ông Thiệu là người thức thời với chủ trương đối thoại với chính quyền trong nước.¹

Ông Thiệu qua đời vào ngày 29 tháng 9 năm 2001 tại Trung tâm Y tế Beth Israel Deaconess Medical Center tại Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ, sau khi đột quỵ tại nhà, thọ 78 tuổi. Ông được chôn cất tại Boston./.

LUYẾN TIẾC



Đọc lại vần thơ viết tặng nhau ,
Lòng em xúc động thoáng vương sầu .
Ngày nào hai đứa còn tươi trẻ ,
Thắm thoát mà nay tóc ngả màu !
Giờ đây mình đã quá bảy mươi ,
Cuộc đời thay đổi lắm buồn vui .
Nhớ lại tuổi xuân đầy hoa mộng ,
Luyến tiếc mà sao thấy ngậm ngùi !
Thời gian vùn vụt thoáng qua mau ,
Nào ai níu kéo được gì đâu .
Thôi đành phó thác cho duyên phận ,
Vui sống cùng nhau tới bạc đầu .
Rồi đến một ngày ta ra đi ,
Đau buồn tiễn biệt khóc phân ly .
Thương người ở lại sầu cô quạnh ,
Hương ấm tình nồng mãi khắc ghi ...

San Jose , 12 – 3 - 2025

LS. TRẦN THỊ THANH THỦY

SƠ SÁNH NỀN GIÁO DỤC CỦA VNCH VÀ CSVN



GS NGUYỄN THANH LIÊM

I -VỀ GIÁO DỤC:

Giáo Dục Quốc Gia phải tựa trên triết lý căn bản: Nhân Bản, Dân Tộc, Khoa Học , Khai Phóng. Lấy con người làm gốc, tôn trọng quyền làm người, tôn trọng những quyền căn bản của con người, không phân biệt giới tính, tôn giáo, sắc tộc, ngôn ngữ, giai cấp xã hội.... Con người là cứu cánh chứ không phải là phương tiện, không phải là công cụ để phục vụ cho nhà nước hay đảng phái nào. Lấy văn hóa Việt Nam (sử, địa lý, ngôn ngữ, văn học) làm phần chính yếu để đừng quên nguồn gốc, quốc gia, bản sắc dân tộc. Mặt khác cũng phải chú trọng nhiều đến lãnh vực khoa học, kỹ thuật, theo kịp các quốc gia tân tiến trong chương trình toán và khoa học ở các bậc học.

Giáo Dục Quốc Gia nhằm phát triển cá nhân toàn diện cá nhân toàn diện (đức, trí, thể) . Giúp con người học hỏi, phát triển để tạo dựng hạnh phúc cá nhân và gia đình và có thể phụng sự cho quốc gia xã hội. Giáo dục quốc gia không nhằm mục đích đào tạo cán bộ, đảng viên phục vụ cho đảng.

Giáo Dục Quốc Gia phải do những nhà giáo dục lãnh đạo, điều hành từ địa phương đến trung ương, từ Tiểu Học đến Đại Học . Giáo chức giữ chức vụ điều hành (viện trưởng, khoa trưởng, hiệu trưởng, giám học, thanh tra ,



Đại học Luật Khoa Sài Gòn

chánh sở, giám đốc v.v..) cần phải qua khóa tu nghiệp về quản trị học đường (school administration) . Cần tân quyền về địa phương hơn là tập trung quyền hành về trung Ương. Cần tổ chức Hội Đồng Giáo Dục , Hội Phụ Huynh Học Sinh từ địa phương (Quận, Tỉnh, Khu) đến Trung Ương để yểm trợ tiếp tay với các cơ quan giáo dục trong mục tiêu phục vụ cho học sinh, sinh viên. Giáo Dục phải được độc lập đối với cơ quan hành chánh, áp lực tôn giáo, đảng phái. Nên chia khu vực để linh động áp dụng, gia giảm chương trình, niên khóa sao cho thích hợp với mỗi địa phương (Miền Đông Nam Phần, Miền Tây Nam Phần, Cao Nguyên Trung Phần, Duyên Hải Trung Phần)

Giáo chức phải được Đào tạo về sự phạm, phải được trau dồi về đạo đức, phẩm hạnh, phải được trả lương đúng mức. Trong phương pháp dạy học cần phải chú trọng đến phát huy sáng kiến, khuyến khích suy tư, thảo luận hơn là thụ động, học thuộc lòng . Hướng dẫn học sinh suy luận khoa học hơn là phê bình chủ quan, vô đoán, Giúp học sinh tự mình suy xét, phán đoán. Nhà giáo không nên đóng vai nhà độc tài tư tưởng, không làm nhà truyền giáo, không làm cán bộ nhồi nhét mớ kiến thức tiền định vào đầu óc học sinh.

Đại học nên được tự trị, có nhiều tự do trong việc thiết lập chương trình. Cần chú



Trường trung học Trưng Vương

trông nhiều về sáng tác ở giáo sư và sinh viên.

Nên tổ chức gần với đại học Mỹ. Nên có đại học cộng đồng 2 năm (Community college) ở mỗi tỉnh và đại học quốc gia 4 năm trở lên (university) ở mỗi khu vực (Saigon, Cần Thơ, Đà Lạt, Huế, Hà Nội)

Trường học phải có không khí học đường, phải là một trường thuận lợi để cho tiến trình giảng dạy/ học hỏi gặt hái kết quả khuyến khích, đề cao, Nhân phẩm và tình người là quan trọng. Không nên biến học đường thành ra nơi tranh đấu giai cấp, rình rập, cáo buộc tố khổ lẫn nhau, không nên tạo không khí nghi kỵ, chèn ép, xung đột giữa thầy trò, bạn bè đồng nghiệp. Không nên khuyến khích, đề cao hận thù, không nên xúi giục sự khinh miệt, chửi bới, chà đạp nhân phẩm.

Vấn đề lượng giá (evaluation) phải được chú trọng đúng mức. Tất cả các giáo chức đều phải được biết qua khái niệm và phương cách đo lường tâm lý (Psychology measurement) để có ý niệm về lượng giá khoa học, khách quan để tránh những sai lầm nhất là tính cách chủ quan, thiên lệch, bất công trong việc ra đề tài và chấm bài thi. Tuyệt đối cố tránh mọi hình thức gian lận từ đề thi, trường thi đến chấm thi, công bố kết quả. Cần áp dụng kỹ thuật tân tiến vào vấn đề thi cử.

GIÁO DỤC VNCH TRƯỚC 1975:

Có nhiều cải tiến đáng kể về tổ chức, về thi cử, về chương trình, về đào tạo giáo chức vẫn chưa hoàn hảo. Còn nhiều khó khăn chưa

vượt qua được.

Về trường sở: Thiếu thôn phải tận dụng trường sở. Mỗi ngày có đến 3 đợt học ở một trường ở Đô thành. Lớp học quá đông có khi quá 65. Còn nhiều trường tư (bậc trung học)

Thiếu giáo chức (tốt nghiệp sư phạm). Còn dùng nhiều dạy giờ. Ở những nơi xa xôi không có giáo sư giỏi.

Thiếu an ninh:- Thiếu phương tiện- Ngân sách eo hẹp- Lương giáo chức vẫn còn thấp- Chưa địa phương hóa đúng mức – Chưa có Hội Đồng Giáo Dục địa phương - Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục chưa hoạt động hữu hiệu.

GIÁO DỤC CỘNG SẢN;

Nhiều khuyết điểm, phẩm chất kém so với Giáo Dục ở các quốc gia tân tiến, thua hẳn Giáo Dục VNCH.

Sai lầm trong quan niệm, triết lý, mục đích giáo dục. Coi con người như cái máy, như công cụ phục vụ cho Đảng và Nhà Nước, Không có tinh thần nhân bản, không tin người.

Hồng hơn chuyên – Không hiểu biết về giáo dục. Chương trình tài liệu giáo khoa không thích hợp với dân chủ, tân tiến. Dạy hận thù, dạy giết chóc, dạy tranh đấu giai cấp, dạy chửi bới.

Tham nhũng: Giáo chức nghèo đói đưa đến nhiều hậu quả xấu làm mất uy tín, phẩm cách nhà giáo. Nhà giáo bị kiểm soát, bị theo dõi, bắt buộc làm giáo án, rập theo khuôn khổ không có tự do trong việc giảng bài, hướng dẫn học sinh. Thầy trở thành máy giảng bài. Học trò là cái máy học bài, học thuộc lòng để trả bài thuộc lòng, không còn suy tư, không có câu hỏi, trau dồi.

Gian lận thi cử: Văn bằng không còn giá trị, Học sinh, sinh viên tốt nghiệp không việc làm, không có khả năng thật sự.

Tất cả đều do sự cai trị độc tài, thiếu hiểu biết của Đảng Cộng Sản.

II- VỀ VĂN HÓA:

Văn hóa là đời sống của con người trong xã hội. Văn hóa bao gồm mọi khía cạnh sinh hoạt từ lời nói, cách ăn mặc, cách xử sự ở

đời, đến tín ngưỡng, thờ phượng, phong tục, kỹ thuật, cách làm ăn sinh sống, tổ chức cai trị v.v.. Ở đâu có con người là có xã hội, có văn hóa, Không có con người ngoài xã hội. Không có xã hội loài người nào mà không có văn hóa. Chỉ có xã hội loài thú như ong, như kiến mới không có văn hóa.

Con người khi được sinh ra đời là đã ở trong một xã hội, một nền văn hóa. Con người lớn lên, học hỏi mọi thứ trong đời sống từ xã hội, văn hóa mà con người được sinh ra. Văn hóa thành hình trong mỗi người qua tiến trình học hỏi, thu nhập từ những người khác trong xã hội, Văn hóa không phải là phải là những sinh hoạt có tính cách bẩm sinh. Tiến trình học hỏi đó là tiến trình xã hội hóa (socialization) giúp con người có những hiểu biết, những kỹ năng (skills) để sinh sống. Qua tiến trình xã hội hóa này, con người mang căn cước (hay bản sắc) văn hóa của mình.

Con người học hỏi, thu nhập những cái đã có trong xã hội. Nhưng con người cũng có thể sửa đổi những cái đã có. Con người có thể góp phần xây dựng một nền văn hóa đã có. Cái tiến sửa đổi luôn có thể xảy ra.

Cộng Sản có thể xóa bỏ một nền văn hóa cổ truyền để thay thế bằng một nền văn hóa Cộng Sản, Bằng ép buộc, bằng kim kẹp, bằng sức mạnh người ta có thể cải đổi, uốn nắn một nền văn hóa theo ý muốn của mình. Bậc thang giá trị (value system) có thể bị xáo trộn, bị đảo lộn, bị quan niệm lại một cách khác hơn. Những trẻ em sinh ra và lớn lên trong xã hội Cộng Sản được xã hội hóa trong xã hội Cộng Sản, chỉ biết bậc thang giá trị Cộng Sản mang căn cước Cộng Sản sẽ khó chấp nhận những ý kiến, tư tưởng ngoài thế giới Cộng Sản.

Văn hóa là nền tảng của mọi sinh hoạt của con người. Chính trị, kể cả tín ngưỡng, nghệ thuật đều tựa trên nền tảng văn hóa. Văn hóa có nền tảng tốt, có tinh thần nhân bản, tự do khoa học tiến bộ sẽ tạo được những con người tốt, nghệ thuật tốt, tín ngưỡng tốt.

Người Việt Nam xuất phát từ miền Nam tự do đã có một nền văn hóa tốt. Khi rời khỏi Việt Nam tự do Cộng sản định cư ở nước

ngoài cần bảo tồn, phát huy nền văn hóa tốt đẹp đó. Giữ nó làm nền tảng xây dựng một cộng đồng VN tốt ở hải ngoại để ngày kia khi chế độ Cộng sản không còn thì chúng ta có thể về nước xây dựng lại. Căn cước quốc gia, nhân bản, tự do cần bảo vệ, giữ gìn cho mai sau. Tương lai VN sẽ phải tựa trên những người mang căn cước và nền văn hóa tốt đẹp đó. Các hội đoàn, cơ quan ngôn luận, chương trình truyền thanh, truyền hình, các lớp dạy tiếng Việt, các tổ chức văn hóa, nghệ thuật v.v.. cần hợp tác, tổ chức những ngày lễ cổ truyền, các buổi trình diễn, triển lãm hàm sách báo, tổ chức những buổi sinh hoạt nhằm duy trì, bảo tồn và phát huy những sắc thái đặc biệt của nền văn hóa tốt đẹp của cha ông, để lưu truyền căn cước quốc gia, nhân bản cho các thế hệ nối tiếp.

Dĩ nhiên là không ai có thể bảo tồn nguyên vẹn văn hóa cổ truyền của mình. Khi tiếp xúc với văn hóa khác, khai lờn lên trong xã hội Mỹ, tất nhiên người ta phải thêm nhiễm văn hóa Mỹ/ Nhưng nếu được phần nào cái gốc văn hóa Việt thì sự tổng hợp văn hóa đó vẫn tốt cho những người Mỹ gốc Việt hơn văn hóa Cộng Sản trong nước.

III - VẤN ĐỀ CĂN CƯỚC:

Căn cước gắn liền với văn hóa. Người được xã hội hóa vào nền văn hóa nào mang căn cước nền văn hóa đó. Người Việt Quốc Gia tự do Cộng Sản mang căn cước quốc gia. Người Cộng Sản mang căn cước Cộng sản. Họ gọi căn cước A là căn cước người Việt Quốc Gia tự do Cộng Sản chống Cộng quyết liệt với Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ đó là biểu tượng. Hãy gọi căn cước B là căn cước Cộng sản, căn cước của những đảng viên Cộng sản và tay sai với lá cờ Đỏ Sao Vàng là biểu tượng. Những thế hệ trẻ Việt Nam ở hải ngoại hay ở trong nước mà có cơ hội xuất ngoại du học là những người mang căn cước C.

Qua nghị quyết 36 ta thấy mục tiêu chính của chính quyền hiện hữu là muốn biến tập thể người Việt hải ngoại thành một tập thể nhận mình là người VN, trở về với truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam, trung thành

với tổ quốc, hết lòng phụng sự quê hương , xây dựng xã hội, giúp quốc gia tiến mạnh trên đường hiện đại hóa. Đó là căn cước loại B, mà nhãn hiệu là “Người Việt Nam yêu nước” (mà thật sự chỉ là người Việt Nam Cộng Sản). Với nhãn hiệu mới này người Việt hải ngoại sẽ chỉ biết có một điều là nước Việt Nam và văn hóa truyền thống VN để tận tụy phụng sự quốc gia dân tộc và không chen vào hay chống đối việc làm của Đảng và Nhà Nước trong vai trò lãnh đạo cai trị của họ. Đó cũng là chủ trương hòa giải hòa hợp theo định hướng của Cộng Sản. Trong tập thể người Việt hải ngoại này, họ nhắm vào loại căn cước C nhiều nhất, rồi kể đó mới đến loại A, loại B dĩ nhiên là theo họ nên không thành vấn đề. Những người Quốc Gia (QG) những người mang căn cước loại A thấy sự “hòa giải/hòa hợp” , “đại đoàn kết” , “xóa bỏ hận thù” mà nhà cầm quyền VN đề xướng thật sự chỉ có nghĩa là chấp nhận những gì Cộng Sản làm là đúng và như vậy thì không khác gì là đầu hàng Cộng Sản (CS). Do đó mà họ phản ứng mạnh mẽ trước chủ trương hòa hợp. Lý luận của người mang căn cước loại A là: Làm sao có hòa giải/hòa hợp được khi người CS vẫn giữ nhãn hiệu và bang hiệu và căn cước của người QG. Có phải người CS vẫn còn nghĩ rằng chỉ có CS là có chính nghĩa còn người QG chỉ là kẻ Ngụy mà thôi chẳng? Nếu còn mang nặng quá khứ , còn đề cao và hãnh diện với những chiến thắng đã qua, còn mang mặc cảm tự tôn như vậy thì khó mà xóa bỏ dĩ vãng, xóa đi sự cách biệt để nhìn đến tương lai của đất nước. Ngày nào người CS còn mang nặng nhãn hiệu và bang hiệu của CS thì ngày đó người QG vẫn còn phải giữ vững nhãn hiệu và bang hiệu của người QG và như thế CS vẫn là CS mà QG vẫn là QG và không có cách gì hai người đó có thể ngồi lại với nhau để bàn chuyện tương lai của xứ sở được, Người CS nói: *“xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử do quá khứ hay thành phần giai cấp xây dựng tinh thần cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai”* . Nếu thực hiện đúng câu nói đó thì mọi người, bên này cũng như bên kia đều phải quên đi dĩ vãng, vứt bỏ căn cước cũ để cùng xây dựng lại

căn cước mới, cùng hướng đến tương lai như nhau.

Đó là lý do khiến chủ thuyết hòa giải/ hòa hợp và việc xây dựng lại căn cước cho người Việt không được nhiều người chấp nhận. Chẳng những thế mà nó còn thức tỉnh nhóm A để nhóm này hoạt động tích cực hơn trong việc hướng dẫn đàn em và lo gây dựng căn cước A cho lớp trẻ, Nhất là lúc bên phía Cộng Sản nhờ tay Trần Trường tunh nhãn hiệu CS với bang hiệu Cờ Đỏ Sao Vàng và hình ảnh Hồ Chí Minh ở Nam Cali đến nay người ta thấy ý thức nêu cao tinh thần QG với bang hiệu Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ đã được công nhận ở một số tiểu bang và nhiều thành phố trên nước Mỹ, nơi có người Việt cư ngụ. Các hội đoàn sinh viên của tổng hội sinh viên VN ở các nơi trên nước Mỹ đã nêu cao nhãn hiệu QG . Các phái đoàn CS xuất ngoại đi tới đâu thường bị biểu tình chống đối tới đó. Các tòa đại sứ và tổng lãnh sự Cộng Sản thường xuyên chứng kiến cảnh xa lánh chống đối của Việt kiều. Từ Hoa Kỳ đến Gia Nã Đại, Âu Châu, Úc Châu đến Liên Hiệp Quốc, chỗ nào cũng có tiếng nói của người Việt QG chống chế độ độc tài, độc đảng , áp bức của Đảng và Nhà Nước CS,, đòi tự do, dân chủ và nguyên cho người dân Việt. Căn cước A có vẻ càng ngày càng vững chắc với members càng đông. Nhiều người thuộc nhóm C cũng bắt đầu ý thức về những sai lầm của chủ nghĩa CS nhất là về phương diện tự do, dân chủ và nhân quyền.

Chính sách hòa hợp không đạt được kết quả mong muốn vì một lý do rất quan trọng này: không thay đổi được căn cước đã có của người Việt hải ngoại. Không xây dựng được căn cước mới chung cho cả cộng đồng. A vẫn là A và B là B. Nỗ lực biến A thành B rất khó thành tựu. Giải pháp hay nhất là làm thế nào là xây dựng căn cước mới cho tập thể người Việt, không phải là A hay B mà là một cái gì khác hẳn A và B.

Đối với những người trẻ , những người mang căn cước loại C không biết gì về chiến tranh ở Việt Nam trong thời gian 1945-1975 không hiểu rõ chính sách/ đường lối chính trị của các chính quyền, không có hận thù gì

đối với CS, không mang rõ ràng “identity” của người Việt tỵ nạn Cộng Sản, thì việc tạo ra một “identity” VN mới không phải là một điều gay go khó thực hiện.

Nếu như, có thể đây là một chữ **NẾU** thật to... Nếu như cả A lẫn B và chính quyền VN đừng vì quyền lợi riêng tư của cá nhân, đừng vì quyền lợi của Đảng mình, thật tình nghĩ đến đất nước và dân tộc VN, đặt quyền lợi quốc gia lên trên hết, thật tình muốn làm cho xã hội tiến bộ, người dân ấm no, nước giàu mạnh lên như Đài Loan, Đại Hàn, Nhật bản... thì mọi người nên tin thật và làm đúng ý nghĩa của sự hòa giải / hòa hợp, đại đoàn kết quốc gia nhìn về tương lai như đã nêu ra trong nghị quyết 36. Điều kiện tiên quyết là nên bỏ đi nhãn hiệu Cộng Sản, bỏ đi hàng hiệu Cờ Đỏ Sao Vàng, quên đi những chiến thắng đã qua, dẹp bỏ thần tượng HCM, Mác Lê, Mao Trạch Đông, xóa đi những hận thù và mặc cảm tự tôn, những hẹp hòi của chủ nghĩa cộng sản và định hướng xã hội theo xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ, mở rộng vòng tay đón nhận, để người QG cũng có cơ hội nghĩ đến việc bỏ nhãn hiệu và bang hiệu của mình nếu có để cùng ngồi lại với nhau xây dựng một nhãn hiệu mới chung cho tất cả nếu có (VIỆT NAM MỚI chẳng hạn ?) và bang hiệu mới chung cho tất cả mọi người Việt Nam trên khắp thế giới. Từ đó, đại đoàn kết quốc gia được thành hình và từ đó mọi người sẽ bắt tay nhau mà xây dựng tương lai. Được như thế thì thật là một sự may mắn và cũng là một vinh hạnh lớn lao cho dân tộc mình. Nói như vậy có nghĩa là mong muốn rằng căn cước B lẫn A đều được mọi người đồng ý xóa bỏ để cùng xây dựng lại căn cước mới cho người Việt Nam (ở ngoài nước và ở trong nước) hướng đến tương lai dân chủ, tự do tiến bộ để có thể hiện đại hóa xứ sở đưa nước nhà đến chỗ cường thịnh như các quốc gia khác trong vùng. Trong hoàn cảnh và điều kiện đó, những người mang căn cước loại C trong đó có rất nhiều người trẻ và tài giỏi có thể góp phần rất lớn trong việc tái xây dựng căn cước mới cho người Việt trong nước cũng như hải ngoại./.

Gs NGUYỄN THANH LIÊM

XIN EM HÃY NÓI ...



Em hãy nói ...ngại gì sao không nói ??
Để anh chờ, anh đợi lời thương trao
Hãy nói đi, bằng lời nói ngọt ngào
Đừng cúi mặt ... quên đi lời đã hứa

Em hãy nói ...để tim lòng chan chứa
Lời dịu dàng anh cất giữ trong tim
Sự lặng thinh chôn kín cả nỗi niềm
Mang tâm sự u hoài theo năm tháng

Dù lời yêu mặn nồng hay trái đắng
Lời dịu dàng em hãy nói hết ra
Lỡ mai sau ...tình mình có chia xa
Anh sẽ viết và ghi vào nhật ký

Em nói đi ... trao anh lời yêu quý
Ấp ủ lòng đêm trống vắng buồn thiu
Nỗi cô đơn, mưa rét lạnh tiêu điều
Lời em nói ... mong sưởi lòng ấm lại

Nếu lời tình tỏ bày em ái ngại
Cũng xin đừng đóng khép cửa con tim
Một lời thôi cho anh khỏi đi tìm
Lời em nói ...muôn đời anh nhớ mãi...

NGUYỄN VĂN THẮNG

NỀN VĂN HÓA GIÁO DỤC VNCH

G.S. TIẾN SỸ NGUYỄN THANH LIÊM



THANH THƯƠNG HOÀNG

Cách đây vài tháng, tôi vốn quý trọng giáo sư tiến sỹ Nguyễn Thanh Liêm từ lâu nên khi ông ngỏ lời muốn tôi giới thiệu cuốn **NGUYỄN THANH LIÊM TOÀN TẬP** trong một buổi sắp ra mắt sách tại San Jose tôi vui vẻ nhận lời ngay. Tôi định ninh cuốn sách này nếu dày lắm cũng chỉ 2, 3 trăm trang là cùng, đọc vài lần là xong. Nhưng thật không ngờ cuốn sách lại dày và nặng đến thế: dày ngót 600 trang đầy ắp những giòng chữ nhỏ. Tuy cuốn sách dày và nặng như vậy nhưng về phần nội dung lại còn nặng hơn nhiều, vì cuốn sách chuyên chở cả đời người trong ngót một thế kỷ, với những sự kiện to lớn và quan trọng nhất của một quốc gia một dân tộc: đó là nền Văn Hóa Giáo Dục đầy tính Nhân bản của Nước Việt Nam Cộng Hòa trước năm 1975. Và đây cũng là công trình tim óc một đời người của giáo sư Nguyễn Thanh Liêm. Tiến sĩ Nguyễn Thanh Liêm ở tuổi ngoài 80, tức là đang trên bước đường chiều của cuộc đời, vẫn còn ngày đêm trăn trở, khắc khoải đem tim óc và những ngày tháng hiếm hoi vô cùng quý báu còn lại của đời mình để biểu lộ tâm tư, để biểu lộ ước muốn, để biểu lộ lý tưởng và nhất là vẫn quyết dấn thân xây dựng một nền văn hóa, một nền giáo dục Nhân bản, Dân tộc, Khai phóng và Tự Do toàn hảo toàn thiện cho các thế hệ mai sau để đất nước Việt Nam chúng ta trở thành một quốc gia đạo đức có hơn 4000 năm văn hiến, một quốc gia



văn minh tân tiến hùng cường, khiến thế giới phải ngưỡng mộ khâm phục. Chứ không nhục nhã ê chề như ngày hôm nay, đi đâu cũng phải cúi đầu che mặt hổ thẹn không dám nhận mình là người Việt Nam. Đây là

tấm lòng của một nhà trí thức lớn tha thiết yêu quê hương đất nước, yêu đồng bào dân tộc mình, nhất là quyết tâm dẫn đường chỉ lối đi đúng các thế hệ mai sau tiến bước, khiến chúng ta ngưỡng mộ và kính phục.

&

Cuốn sách gồm nhiều chương nói về giáo dục, Văn hoá, Tôn giáo, chính trị, những danh nhân, Thơ Văn vv....

Vì tiến sỹ Nguyễn Thanh Liêm là người sinh trưởng ở miền Nam nên ông đã đặt nặng về sự khai phóng Miền Nam, về Nhân văn, địa danh chiếm gần nửa cuốn sách. Những danh nhân miền Nam có công lớn trong việc xây dựng miền Nam nói riêng và phát huy nền học thuật như nhà bác học Petrus Ký, Tả quân Lê Văn Duyệt, Tiến sĩ Phan Thanh Giản, Thi hào Nguyễn Đình Chiểu, Tổng thống Trần Văn Hương, tiến sỹ Trần Hữu Thế, Học giả Phan Văn Hùm, Học giả Nguyễn An Ninh, Học giả Đỗ Bá Khê, Nhà văn Hồ Hữu Tường, Bác sỹ Trần Ngươn Phiêu, Giáo sư Nguyễn Văn Trường, Dược sư Ngô Khắc Tĩnh, Tiến sỹ Nguyễn Duy Xuân, Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy và một số nhà thơ nhà văn miền Nam vv... Theo giáo sư Nguyễn Thanh Liêm nét đặc trưng của văn hóa Đồng Nai Cửu Long là linh hồn của người dân Miền Nam. Cuốn sách Nguyễn Thanh Liêm

toàn tập theo tiêu đề Văn hoá Giáo dục nhưng nói nhiều, rất nhiều về lịch sử miền Nam Việt Nam từ buổi mở mang bờ cõi của cha ông chúng ta tới hai nền đệ nhất đệ nhị Việt Nam Cộng Hoà về mọi phương diện chính trị, xã hội, tôn giáo, đảng phái, nghề nghiệp. Có thể nói đây là một cuốn sách biên khảo nhận định vô cùng công phu viết đầy đủ về mọi phương diện của Miền Nam Việt Nam dính liền với sinh mệnh quốc gia dân tộc mà hiện nay đang bị một bọn người vong bản chịu làm thân phận nô lệ cho lũ giặc Bắc phương, tìm mọi cách đập đổ hủy diệt những tinh hoa đất nước kết tụ từ bao đời của chúng ta. Nhưng với ý chí quật cường bất khuất của tổ tiên từ mấy ngàn năm truyền lại, liệu chúng ta có bị tiêu vong? Xin quý vị đọc câu trả lời với những luận lý sắc bén của giáo sư tiến sĩ Nguyễn Thanh Liêm trong cuốn sách này.

Ngoài ra trong cuốn sách tác giả cũng đề cập tới nhiều vấn đề thời sự chính trị nóng bỏng hiện nay của Việt Nam cũng như các nước cộng sản trên thế giới, nhất là trước hiểm họa cộng sản Trung quốc đang dùng mọi thủ đoạn cướp nước chúng ta, mặc dầu tác giả tôn trọng đức Khổng Tử và tôn vinh ngài là bậc thầy của muôn đời. Và tác giả muốn phục hồi tinh thần tôn sư trọng đạo của đức Khổng Tử tới các thế hệ mai sau để đào tạo con người xây dựng đất nước trong tinh thần Nhân bản, Dân tộc, Khai phóng. Đồng thời trong vai trò Thứ trưởng Bộ Văn Hóa Giáo Dục nền đệ nhị VNCH ông cố công phát huy nền giáo dục nhân bản của VNCH trước đây mà ông đã dày công xây dựng, đồng thời ông cũng đề cập nhiều tới nền giáo dục đào tạo của Hoa Kỳ hiện nay, theo ông đó là một nền giáo dục tân tiến nhân bản phóng khoáng đã đào tạo rất nhiều nhân tài cho nước Mỹ cũng như toàn Thế giới.

Có một điều tưởng cũng nên nhấn mạnh ở đây là cũng như những con người công chính Việt Nam, giáo sư Nguyễn Thanh Liêm với tấm lòng sắt son vô cùng yêu quý quê hương đất nước miền Nam, nhất là thành phố Saigon, theo ông, muôn đời vẫn là thủ đô nước VNCH, dù có vật đổi sao dời. Mặc dầu đã xa cách quê hương nửa thế kỷ với tuổi già sức yếu ông vẫn

cố gắng duy trì những tập tục lễ nghi ông cha truyền lại trong những buổi sinh hoạt thường xuyên của cộng đồng.

Cho tới ngày hôm nay sau mấy chục năm bị cộng sản cai trị đàn áp người Việt Miền Nam vẫn đứng vững trên đôi chân mình, vẫn ngừng cao đầu chống trả lại một nền văn hóa đồi trụy phi đạo đức của cộng sản. Tôi nghĩ rằng ánh sáng đạo đức nhân bản của nhân dân miền Nam đang tỏa sáng lan tràn khắp miền Bắc và đang đè bẹp xóa sạch cái nền văn hóa ngoại lai vô đạo đức của cộng sản. Sở dĩ được như vậy, theo tôi, đó là do tâm huyết của những nhà giáo dục, những nhà văn hóa Miền Nam xuất sắc đầy lòng yêu nước từ những đời trước tới ngày nay trong đó có giáo sư Nguyễn Thanh Liêm. Tiến sĩ Nguyễn Thanh Liêm xứng đáng vinh danh là một Nhà Văn Hóa Giáo Dục Nhân Bản Việt Nam với công trạng giáo dục đào tạo bao thế hệ thanh niên. Chúng tôi vô cùng ngưỡng mộ và quý trọng ông. Có một điều tôi hơi bất ngờ, giáo sư tiến sĩ Nguyễn Thanh Liêm ngoài chức năng một nhà giáo dục, một nhà văn hóa, một học giả, một viên chức cao cấp của Nhà Nước, ông lại còn là một nhà thơ và viết bình luận về thơ. Thơ ông làm không nhiều nhưng khi đọc tôi thấy xúc động, nhất là những bài thơ nói về cái kiếp nhân sinh, về tuổi già giữa sự sống và sự chết. Và tôi muốn nói thêm một điều, đọc hết cuốn sách tôi không thấy xuất hiện một chữ mà theo tôi vô cùng to lớn và quan trọng mà suốt đời giáo sư Nguyễn Thanh Liêm dùng làm hành trang mang theo trong suốt cuộc đời mình. Đó là chữ TÂM. Tôi nghĩ có lẽ cái TÂM của giáo sư Nguyễn Thanh Liêm đã bàng bạc trải dài, đã nằm trong từng giòng chữ trên mỗi trang sách nên ông không cần phải viết ra?

Cuốn sách này là tim là óc là xương là máu của cả một đời người nặng lòng với nền giáo dục nền văn hóa nước nhà, chúng ta hết lòng trân trọng.

Nói tóm lại những ai muốn tìm hiểu về nền giáo dục trước đây của nước VNCH, về con người đất đai cũng như lịch sử Miền Nam Việt Nam đều cần có cuốn sách này. Nhất là đối với các bạn sinh viên học sinh, những hạt

tiếp xây dựng nền giáo dục nhân bản của con người Việt Nam.

Buổi ra mắt sách của giáo sư tiến sỹ Nguyễn Thanh Liêm tại San Jose hôm đó rất thành công. Thấy ông vui vẻ khỏe mạnh mọi người đều mừng cho ông, nhất là khi ông lên tiếng hứa hẹn sẽ viết một cuốn hồi ký dày khoảng 100 trang sẽ hoàn thành cuối năm nay. Ông còn nói vui:” trong cuốn này không có viết về những câu chuyện tình đâu nhé!”. Rồi trong đêm đó ông đáp xe trở về quận Cam ngay vì “ngày mai tôi còn nhiều công việc đang chờ”. Quả đúng như ông nói, tôi nghe bạn bè ở quận Cam phone cho biết ông giáo sư hoạt động “hăng” lắm. Hết công việc hội đoàn lại họp hành hội thảo với các đoàn thể chính trị, văn hóa, xã hội, từ thiện rồi viết sách in sách...bận rộn suốt ngày kể cả ngày lễ, ngày chủ nhật... Phải chăng ông linh cảm thời gian của mình chẳng còn bao nhiêu?!

Tuần trước tôi nghe nói ông ra mắt sách tại quận Cam và cũng rất thành công, nhất là thấy ông vui vẻ chuyện trò không có một dấu hiệu nào mệt mỏi hoặc những triệu chứng bất thường trong cõi vô thường này. Mặc dầu ông đã một lần giải phẫu tim nhưng tất cả bạn bè ai cũng tin ít nhất ông cũng sống trên 10 năm nữa. Thế mà...hôm vừa qua tôi được anh bạn thân phone báo tin giáo sư Nguyễn Thanh Liêm đã “ra đi”. Tôi nghe mà không tin ở tai mình. Thế là cộng đồng Việt Nam hải ngoại và dân tộc Việt Nam đã mất đi một nhân tài, một nhà giáo dục, một nhà văn hóa suốt đời chỉ biết phục vụ nhân dân, tổ quốc và hết lòng xây dựng các thế hệ tương lai. Đất nước chúng ta đang cần và rất cần những nhân tài như giáo sư Nguyễn Thanh Liêm. Ông mất đi giữa thời điểm này là một mất mát lớn cho cộng đồng người Việt chúng ta nơi hải ngoại. Nhưng những tác phẩm của ông, nhất là những đề cương về văn hóa giáo dục (tràn đầy tính nhân bản) tôi tin sẽ tồn tại mãi cùng thời gian./.

THANH THƯƠNG HOÀNG.

GỌI TÊN NHAU LẦN CUỐI



Có những lúc chiều buồn trên phố vắng
Nắng bên đường chiếu rọi trên lối đi
Dấu chân anh, lạc bước trên đi về
Thương hình bóng một thời ta chung lối

Hè sắp sang, nắng Thu vàng đang tới
Chỉ mình anh thơ thẩn tìm vãn thơ
Người phương xa có còn nhớ đợi chờ
Thân lữ khách với nỗi buồn xa xứ

Đã từ lâu biết cùng ai tâm sự ?
Con phố buồn tìm lại dấu chân xưa
Nghe đâu đây có tiếng gió gọi đùa
Như quán quít đan tay vào lối mộng
Gió nào hiểu lòng tôi giờ lắng đọng
Bước âm thầm trĩu nặng dấu cô liêu
Vạt nắng rơi như thương tiếc thật nhiều
Đường vạn nẻo, lòng ta buồn thương nhớ

Ngày rời Nước ra đi từ dạo đó
Đường trở về mộng ước vẫn xa xôi
Vội ra đi, chẳng từ giã một lời
Giờ nuối tiếc tình ta giờ xa cách

Em có giận, dối hờn hay oán trách
Hai phương trời cách biệt nỗi buồn vương
Tình ta giờ ngăn cách bởi Đại dương
Xin người hãy ...gọi tên nhau lần cuối

NGUYỄN VĂN THẮNG

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA T.T. NGUYỄN VĂN THIỆU TẠI SÀI GÒN



NGUYỄN TẤN PHẤN
(Tùy Viên của TT Nguyễn Văn Thiệu)



, tin tức hàng đầu vẫn là câu hỏi bao giờ Tổng thống Thiệu từ chức. Những người quan tâm đến thời cuộc đều biết vào lúc đó Tòa Đại sứ và cơ quan tình báo Hoa Kỳ đang tìm mọi cách để loại Tổng thống Thiệu hầu dựng

lên một khuôn mặt ôn hòa hơn. Đại tướng Dương Văn Minh là người hùng của cuộc Cách mạng 1 tháng 11, một nhân vật được nhiều cảm tình của một số đông dân chúng miền Nam, có chủ trương mềm dẻo đối với những đòi hỏi của Cộng sản, đang được tòa Đại sứ Mỹ đánh giá là một ứng cử viên của tình thế mới.

xxx

Buổi trưa ngày 21 tháng Tư, Đại tướng Khiêm được Tổng thống Thiệu triệu tập vào Dinh Độc Lập họp cùng với Phó Tổng thống Trần Văn Hương trong gần một giờ đồng hồ. Tôi theo Đại tướng vào dinh Độc Lập cho tới lúc ra về. Tôi biết đây là một buổi họp rất quan trọng nhưng hoàn toàn không đoán ra chuyện gì. Mỗi khi về tới nhà, Đại tướng Khiêm bước xuống xe tại bậc tam cấp, ông không đi thẳng vào nhà mà dừng lại chờ tôi bước tới rồi nói với nét mặt vui hơn mọi khi: “Chiều nay mặc đồ đẹp, vào Dinh Độc Lập nghe Tổng thống Thiệu đọc diễn văn từ chức!”.

Đó là vào khoảng gần 1 giờ trưa ngày 21 tháng Tư, tôi là người đầu tiên nhận được nguồn tin vô cùng quan trọng mà “cả thế giới” đang chờ đợi.

Sau này khi đọc các tài liệu và sách vở thì người đầu tiên biết được tin từ chức không phải là tôi. Tòa Đại sứ Mỹ đã biết trước tôi! Trong lúc Tổng thống Thiệu thông báo việc từ chức

SỨC ÉP

Tôi về trình diện Phủ Thủ tướng vào đầu tháng Tư năm 1975, chưa nhận nhiệm sở mới thì Đại tướng Trần Thiện Khiêm từ chức Thủ tướng Chính phủ. Tôi được chuyển qua làm việc tại văn phòng Cố vấn Quân sự của Tổng thống Trần Văn Hương. Tân Tổng Thống Trần Văn Hương ngay sau khi nhậm chức đã ký Sắc Lệnh bổ nhiệm Đại tướng Trần Thiện Khiêm làm Cố vấn Quân sự cho ông.

Nhiệm vụ của tôi là lo về an ninh cho Đại tướng và bà Trần Thiện Khiêm. Vào giai đoạn dầu sôi lửa bỏng này công việc rất là bề bộn. Phần lớn thời giờ tôi làm việc cho Đại tướng. Thỉnh thoảng bà Trần Thiện Khiêm chỉ thị tôi tháp tùng bà đi thăm viếng, cúng dường các chùa chiền ở vùng Thủ Đức và vài chùa ở ven đô Sài-gòn. Bà là người có đức tin tôn giáo mạnh mẽ và dường như bà hoàn toàn đặt số mệnh của mình vào sự phò trợ của Đấng Thế tôn. Có lẽ nhờ vậy mà làm dịu đi tánh năng động, tinh thần bà cũng bớt căng thẳng đối với sự lo âu của bà về tình hình lúc đó.

Nhưng chúng tôi cũng không thể ngờ, một vị Sư trụ trì một trong các ngôi chùa ở đây đã lợi dụng ảnh hưởng của bà để hoạt động tình báo cho Cộng sản.

Vào thời gian có quá nhiều xáo trộn chánh trị dồn dập của tháng Tư năm 1975

của ông cho Phó Tổng thống Trần Văn Hương và Đại tướng Trần Thiện Khiêm thì tại tòa Đại sứ Mỹ, hệ thống điện tử đã ghi âm rõ những gì Tổng thống Thiệu nói như Frank Snepp đã ghi trong sách của ông, trang 394. Chuyện nghe lén này dư luận cũng đặt ra nhiều giả thiết là người Mỹ bắt đầu nghe lén từ lúc nào và bằng cách nào, đặt máy ở đâu. Đó là câu hỏi không nằm trong bài viết này.

Tôi có mặt tại phòng Khánh Tiết trong dinh Độc Lập vào lúc Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đọc diễn văn từ chức trước một cử tọa rất đông đảo gồm các nhà lập pháp của hai viện Quốc Hội với đầy đủ các viên chức Chánh phủ và các cơ quan truyền thông. Ngay hôm đó Tổng thống Thiệu tuyên bố bàn giao chức vụ Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa lại cho Phó Tổng thống Trần Văn Hương theo như Hiến Pháp đã qui định...

Ngay sau khi Tổng thống Thiệu từ chức, Ngoại trưởng Kissinger liền gọi cho ông Graham Martin, Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài-gòn một điện văn.



Tổng Thống VNCH Nguyễn văn Thiệu,phải, Phó TT Nguyễn Cao Kỳ, trái, trong một cuộc họp báo tại Dinh Độc Lập năm 1970. Photo Time Life magazine

Tiến sĩ Kissinger yêu cầu ông đại sứ chuyển lời bày tỏ lòng “kính trọng” của ông đối với vị cựu Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa và đề nghị muốn giúp Tổng thống Thiệu rời khỏi Việt Nam.(Decent Interval trang 396) Cũng trong chiều hướng đó, sáng sớm hôm

sau là ngày 22 tháng Tư, tướng Charles Timmes vội vã đến tư dinh Đại tướng Khiêm xin được tiếp kiến.Đại tướng đã tiếp ông hơn nửa tiếng đồng hồ. Rồi ngay chiều hôm đó Đại tướng Khiêm vào dinh Độc Lập gặp Tổng thống Thiệu.

Chúng ta khó biết Đại tướng Khiêm nói gì với cựu Tổng thống Thiệu nhưng sẽ không loại bỏ những gì **Tướng Timmes muốn đề nghị lên ông Thiệu là nên ra đi khỏi nước.**

Sau này ở hải ngoại Đại tướng Trần Thiện Khiêm có cho tôi biết là ngay sau khi Tổng thống Thiệu từ chức “cụ Hương muốn Tổng thống Thiệu và dượng Tư” đi đường biển qua Singapore. Tiết lộ này trùng hợp với việc Thủ tướng Lý Quang Diệu đã yêu cầu ông Hoàng Đức Nhã qua Singapore gặp ông để thông báo là giới chức Mỹ muốn Tổng thống Thiệu phải đi lưu vong ở Singapore hoặc một thủ đô nào của các quốc gia vùng Đông Nam Á. (Decent Interval trang 383)

Tuy đã từ chức song cựu Tổng thống Thiệu vẫn còn ở trong Dinh Độc Lập và còn áp đặt nhiều ảnh hưởng khiến cho Tân Tổng thống Trần Văn Hương gặp nhiều khó khăn trong đường lối thương nghị với Cộng sản theo như Oliver Todd ghi lại trong cuốn sách Cruel April trang 32

xxx

Ngày 25 tháng Tư, Đại tướng Khiêm Lúc: 09:00 giờ sáng vào dinh gặp Tổng thống Hương, cựu Tổng thống Thiệu và Đại sứ Pháp Jean-Marie Mérillon của nước Pháp.

Ngoài ra theo Frank Sneep, **Đại tướng Dương Văn Minh** (lúc này Đại Tướng Minh chưa có vai trò gì trong chánh quyền) **cũng đã góp một phần lớn vào sức ép buộc cựu Tổng thống Thiệu phải rời khỏi nước.** Tướng Minh cho rằng sự có mặt của ông Thiệu làm cản trở tiến trình hòa bình do ông chủ trương nên ông yêu cầu tướng Timmes phải bằng mọi cách thúc bách cựu Tổng thống Thiệu sớm ra đi. Khi biết được điều này, Đại sứ Martin rất lấy

làm phần khởi; trước hết ông không muốn bị mang tai tiếng về việc ra đi của ông Thiệu, ông muốn cho dư luận tin rằng đó là sức ép từ các thể lực địa phương – không phải từ phía tòa Đại sứ Mỹ. (Decent Interval, trang 434)

Một tiết lộ khác của Oliver Todd, trong cuốn Cruel April, là cuối cùng Tổng thống Trần Văn Hương phải quyết định triệu hồi Đại sứ



Hình chụp lại từ đoạn phim tài liệu của đài ina/ Pháp cho thấy TT Nguyễn Văn Thiệu, đi đầu, Tùy viên Nguyễn Tấn Phận, phải, và ông Giám Đốc Nghi Lễ Phủ Tổng Thống, trái, tại cầu thang chính Dinh Độc Lập. Photo INA

Martin vào dinh Độc Lập. **Cụ Hương nêu ra nhiều lý do và nhấn mạnh với ông Martin là nếu còn có sự hiện diện của ông Thiệu ở Sài Gòn thì chánh quyền do ông lãnh đạo khó tiến hành các cuộc hòa đàm với phía bên kia. Tổng Thống Hương yêu cầu nước Mỹ nhận ông Thiệu sang sống lưu vong.** Ông Đại sứ hứa là chánh quyền Mỹ sẵn sàng chấp nhận ông Thiệu sang sinh sống ở Hoa Kỳ.

Nay nhìn lại các hoạt động của tướng Timmes và dựa vào các văn kiện của các Bộ Ngoại giao và Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, chúng ta thấy rõ ràng đã có áp lực mạnh mẽ từ Hoa Thịnh Đốn buộc ông Thiệu phải đi ra khỏi nước theo kế hoạch của họ ngay sau khi ông từ chức.

Văn kiện đầu tiên được gửi đi từ Hoa Thịnh Đốn, đúng 12 tiếng đồng hồ sau khi Tổng thống Thiệu từ chức, là:

Buổi sáng ngày 22 tháng 4, năm 1975, thừa lệnh Tổng thống Hoa Kỳ, Bộ Tư Pháp của chánh phủ này đã gửi điện văn ủy quyền cho tòa Đại sứ Mỹ tại Việt Nam cấp một số parole documents (giấy tạm cư) cho phái đoàn cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. (Cruel April, trang 327)

Giấy tạm cư này có phát cho chúng tôi; ngày phái đoàn rời Việt Nam là ngày 25 tháng 4, 1975 mà trên parole documents do tòa Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn cấp, lại đề ngày April 22, 1975.

* * * *

CHUẨN BỊ RA ĐI:

Tại tư dinh Đại tướng Trần Thiện Khiêm. Buổi sáng ngày 25 tháng Tư, tôi thức dậy trễ vì đêm rời Đại úy Mùi, sĩ quan tùy viên của Đại tướng và tôi xem tivi, nói chuyện rất khuya. Ăn mặc vội vàng rồi như thường lệ tôi đến phòng trực của Sĩ quan Tùy viên. Đây là một phòng nhỏ, chỉ kê có một bàn viết ngay cửa ra vào tư dinh của Đại tướng. Trung tá Đặng Văn Châu là Chánh Văn phòng đã có mặt tại đó. Ông vừa được chỉ định thay thế Đại tá Nguyễn Trọng Hồng. Tôi quan sát thấy ông có vẻ bận rộn hơn những ngày thường. Lúc này vào khoảng 8 giờ rưỡi. Bên ngoài trời có nắng đẹp. Tiếng người hối thúc nhau và tiếng ồn ào của đủ loại xe cộ chạy trên đường Võ Tánh trước cửa tư dinh Đại tướng trong thời gian gần đây càng dồn dập, hối thúc hơn. Từ khi tiền bà Trần Thiện Khiêm đi Đài Bắc, sau giờ làm việc tôi không về nhà bên vợ như thường lệ, theo lời dặn của bà là phải dành ưu tiên lo an ninh cho Đại tướng; do đó không lúc nào tôi rời ông trong bất cứ hoàn cảnh nào, lúc đi ra ngoài cũng như lúc ở nhà. Ngay khi ngủ ban đêm, để bảo đảm an ninh tối đa cho Đại tướng, Đại úy Mùi và tôi quyết định trải chiếu ngủ tại phòng ăn, ngay dưới chân cầu thang dẫn lên phòng ngủ của Đại tướng ở trên lầu. Phòng làm việc của Đại tướng cũng ở

trên đó, đặt cạnh phòng ngủ.

Trung tá Châu cho biết là chỉ thị của Đại tướng muốn tôi ra ngân hàng quốc gia đổi 3 triệu đồng bạc Việt Nam để lấy tiền Mỹ kim bằng bạc mặt (cash). Trung tá Châu còn lo xa và muốn cho việc đổi tiền được mau lẹ nên đã gọi điện thoại đến các cơ quan liên hệ trước vì tôi là người lạ mới về làm việc tại tư dinh chỉ mới hơn ba tuần lễ. Tài xế đưa tôi đến thẳng văn phòng ông Bộ trưởng Phủ Thủ tướng. Người đầu tiên tôi gặp là ông Nguyễn Văn Thân, bí thư của ông Bộ trưởng. Anh Thân hiện định cư ở thành phố San Jose, miền bắc California. Cũng may anh Thân và tôi đã quen nhau từ trước. Anh là người vui tánh, lanh lẹ và cởi mở. Tôi cho anh biết ngay là Đại tướng Cổ vấn cần mỹ kim, bằng tiền mặt, để dùng cho công tác đặc biệt. Anh bảo tôi chờ để anh trình lên ông Bộ trưởng. Anh và tôi ngồi nói chuyện thời sự khoảng 20 phút thì văn thư làm xong. Tôi cảm ơn anh Thân rồi xuống phòng phía dưới lầu gặp ông Phạm Văn Phàng, Chánh sự vụ Sở Công văn, để lấy văn thư đến Bộ Tài Chánh.

Lúc đó vào khoảng 10 giờ hơn. Tôi vội vã rời Phủ Thủ tướng đến thẳng Bộ Tài Chánh. Khi đến Bộ Tài chánh thì được giới chức tại đó cho biết là ông Tổng trưởng đang họp và buổi họp sẽ kéo dài lâu lắm.

Trong lúc tôi vắng mặt tại tư dinh, Đại tướng Trần Thiện Khiêm đã tiếp tướng Timmes lúc 11 giờ 50 trưa và sau đó tiếp ông Polgar vào lúc 1 giờ. Ông Thomas Polgar là Trưởng chi nhánh tình báo Hoa Kỳ tại Sài-gòn. Ông chỉ huy và điều hành một cơ quan tình báo rất hùng hậu gồm hàng ngàn nhân viên. Ngoài hoạt động điều nghiên, thu thập tin tức địch, họ còn có mặt ở mọi nơi, len lỏi vào mọi ngành, mọi cấp của chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa. Polgar là một nhân vật có ảnh hưởng rất lớn trong mọi sinh hoạt chánh trị và quân sự ở Sài Gòn. Tôi vừa về tới thì thấy ông này vừa ra về.

Lúc đang chờ tại văn phòng ông Tổng trưởng Tài chánh thì anh tài xế bắt chọt xô cửa

bước vào, cho biết lệnh của Đại tướng là phải trở về nhà gấp.

Trước khi trở về bộ Tổng Tham Mưu, tôi cho xe chạy vòng qua chợ Trương Minh Giảng, về nhà đưa em thứ Tám của tôi ở trong một đường hẻm nhỏ. Má tôi cũng ở đó. Tôi không gặp được ai ngoài anh Chứ, người anh thứ Tư của tôi. Tôi cho anh biết một số sự việc và báo là tôi có thể sẽ đi một mình thôi, không đem ai theo được. Các anh em còn lại chỉ còn có con đường duy nhất là hãy xuống phi trường Trà Nóc ở Cần Thơ nhờ Hưng lo liệu. Hưng là em trai kế của tôi, đại úy phi công lái Cessna. Tôi căn dặn thêm là nói với Hưng, chỉ có con đường cuối cùng là lái phi cơ thẳng qua phi trường Utapao, Thái Lan.

Trên đường về tư dinh Đại tướng Khiêm, theo thói quen, tài xế thường chạy xe qua đường Trương Quốc Dung – con đường dẫn vào cổng số 5 Bộ Tổng Tham Mưu là con đường nhỏ nối liền đại lộ Cách Mạng 1 tháng 11 và đường Võ Tánh. Khi chạy ngang qua nhà anh Nguyễn Thanh Vân thì tôi thấy anh đang đứng ngay trước cổng nhà có vẻ như trông chờ ai. Tôi cho xe dừng lại và cũng vì chỗ thân tình, tôi khuyên là “các anh em” có phương tiện gì thì cứ đi đi. Các anh em mà tôi nhắc ở đây là những bạn học cũ ở trường Petrus Ký trước kia, một số là sĩ quan Hải Quân và một số bạn dân sự khác gồm có anh Trần Khánh Vân. Lúc đó Vân đang là Tổng cục Trưởng Tổng Cục Gia Cư. Tôi không biết là vào lúc đó, trong số họ, nhiều người đã đi rồi! Mặc dầu không nói ra nhưng khi Đại tướng Khiêm muốn tôi đích thân đi đổi tiền cũng là một cách gián tiếp cho tôi biết là phải “sẵn sàng để đi.” Có một việc bất ngờ xảy ra trước đó hai hôm cũng cho tôi thấy Đại tướng có ngầm ý cho tôi biết là “phải chuẩn bị.” Thông thường Đại Tướng Khiêm ăn trưa xong là đi thẳng lên lầu nghỉ trưa, ít khi đi dạo phía sau vườn. Trưa ngày 23 tháng Tư, vừa ăn xong, Đại tướng không lên lầu mà lại đi ra phía sau nhà. Tôi đi theo sau ông. Đại tướng vừa bước ra khỏi cửa sau thì bỗng có chiếc xe Mazda từ ngoài chạy vào. Tài xế thấy ông, giật mình dừng xe lại. Liền sau đó vợ tôi bước

xuống. Cô này vừa khoanh tay khom mình chưa kịp thưa thì ông đã nạt lớn: “ Sao không đi đi, còn ở đây làm gì! ” Nhà tôi sợ quá, vội vàng leo lên xe. Trong khi xe đang quay đầu chưa kịp chạy thì Đại tướng lại la tiếp: “ Đi liền đi, còn chờ gì nữa!” Bà xã tôi và tôi chưa kịp nói với nhau lời nào. Ngày hôm sau, gia đình bên vợ tôi lên máy bay Air Việt Nam đi Pháp. Ba vợ tôi là ông Đinh Văn Re còn ở lại nên tôi mới có dịp gọi điện thoại cho ông vào phút chót, lúc Đại tướng Khiêm sắp sửa lên đường.

Khi tôi về đến tư dinh thì thấy mọi người đều lăng xăng trong bầu không khí khác thường. Thiếu tá Đinh Sơn Thông là em bà Khiêm và cũng là Bí thư của Đại tướng nói với

tôi là hãy đi nghỉ ngơi rồi ăn mặc chỉnh tề để chuẩn bị tiếp khách theo lệnh của thượng cấp. Đến đây thì tôi thấy chắc chắn hôm nay là ngày lên đường, nhưng cá nhân tôi thì vẫn chưa có quyết định.

XXXX



Hàng trước từ trái, TT Nguyễn Văn Thiệu, TT Hoa Kỳ Lyndon B Johnson, Phó TT Nguyễn Cao Kỳ cùng chào cờ tại căn cứ không quân Mỹ tại đảo GUAM. Life magazine

Nhìn qua phòng khách tôi thấy bàn ăn đang đặt tại đó. Tôi nghĩ bụng, đáng lẽ ra phải dọn tiệc tại phòng ăn, ai lại dọn lên phòng

khách. Phòng ăn rộng rãi và khang trang hơn. Dĩ nhiên đây là dấu hiệu bất thường. Rồi tôi đi về phía trước nhà.

Gần xế chiều thì có lệnh từ Sở An ninh hoàn trả Đại úy Vân và toán cận vệ của anh về phủ Thủ tướng. Toán quân nhân gác nhà cũng được trả về Liên đoàn An ninh Danh dự. Kể từ giờ phút này nhà Đại tướng Khiêm coi như bỏ ngõ. Tôi bắt đầu lo lắng.

Lúc này cũng đã hơn 6 giờ chiều.

Vì thấy tôi có vẻ dăm chiêu Trung tá Châu cho biết là chiều nay Đại tướng muốn chánh thức mời Tổng thống Thiệu, vài nhân vật trong nội các và ngoại giao đoàn đến dự tiệc để ông chào giã biệt vì từ ngày từ chức Thủ tướng đến nay chưa có dịp tổ chức. Tôi biết đó chỉ là lỗi ngụy trang cho chuyến đi. Tôi chỉ thắc mắc tại sao lại có Tổng thống Thiệu, tôi nghĩ Tổng thống Thiệu đã có kế hoạch ra đi riêng của ông.

Gói quà đặc biệt Tại tòa Đại Sứ Hoa Kỳ...

Tòa Đại sứ Mỹ nằm trên đường Thống Nhất, cách dinh Độc Lập vài khoảng đường, “từ đó có thể nhìn thấy các sinh hoạt của dinh Độc Lập.” “ Vào lúc 5 giờ Thomas Polgar gọi chúng tôi bốn người gồm có tướng Timmes, anh Joe Kingsley và một nhân viên khác rồi hỏi chúng tôi là các ông có rảnh đường phố Sài-Gòn ban đêm không. Chúng tôi đều gật đầu. Thế thì tốt, Polgar tiếp, tôi muốn các ông giúp tôi đưa Thiệu và cựu Thủ tướng Khiêm đi Đài Loan tối nay...”

Đó là theo lời kể của ông Frank Snepp trong cuốn Decent Interval, trang 434.

* * * *

Cũng khoảng thời gian trên tại dinh Độc Lập... Cựu Tổng thống Thiệu đang nghỉ ngơi ở phòng đọc sách tại lầu 3 bên cánh trái (từ trong dinh nhìn ra). Ông gọi Trung tá Tôn Thất Ái Chiêu, Sĩ quan Tùy viên thân cận nhất của ông, vào để chỉ thị mấy việc cần thiết và bảo

ông Chiêu đem bộ quần áo của ông về nhà riêng trong Bộ Tổng Tham mưu. Nhà này cũng nằm chung dãy nhà với Đại tướng Khiêm. Sau đó Tổng thống Thiệu gọi các vị sĩ quan thân cận gồm có: Đại tá Võ Văn Cầm, Chánh Văn phòng; Đại tá Nguyễn Văn Đức, Chánh Tùy viên; Đại tá Nhan Văn Thiệt, Chỉ huy trưởng Cảnh sát Quốc gia Vùng 4; Đại tá Trần Thanh Điền, Trưởng khối Cận vệ. Tổng thống Thiệu ra lệnh, “tất cả mấy chú phải thay thường phục, có mặt tại dinh lúc 7 giờ. Mỗi chú chỉ được mang theo một túi xách tay nhỏ, tuyệt đối giữ bí mật, không được thông báo cho gia đình.” Tổng thống Thiệu vừa dứt lời thì Đại tá Điền thưa, “Xin Tổng thống cho (Trung tá) Sáng và (Trung tá) Th. đi theo.” Thấy ông Thiệu không trả lời, ông Điền lặp lại thì cũng vừa lúc đó Đại tá Đức khều nhẹ. Điền hiểu ý. Sau này được biết Tổng thống Thiệu đã có chỉ thị cho Trung tá Sáng ở lại với công tác đặc biệt, còn Trung tá Thử thì ở lại tiếp tục lo an ninh cho Tổng thống Trần Văn Hương. Riêng Bác sĩ Minh lúc đó không có mặt trong dinh, Trung tá Chiêu phải gọi vào. Thói thường lệnh vua truyền là như vậy nhưng lệ làng thì khác. Mấy hôm nay tất cả các vị quan này, vì bị đặt trong tình trạng báo động nên lúc nào cũng túc trực tại dinh, khi nghe được lệnh trên, ai ai cũng đều vội vã chạy về nhà hoặc gom góp chút ít đồ đạc, giấy tờ cá nhân, và dĩ nhiên là có thông báo cho vợ con, rồi trở lại dinh Độc lập ngay.

Tại tư dinh đại tướng Khiêm...

Nghe đến đây, tôi đâm ra lo sợ cho sự an toàn của Đại tướng nhiều hơn vì dưới khía cạnh an ninh tôi hoàn toàn không tin tưởng bất cứ ai. Tôi để ý từ lâu hai ông Châu và Thông cũng không có chuẩn bị cho sự an toàn của cá nhân hai ông thì làm sao mà lo cho Đại tướng được. Hai vị này từ lâu đã trở thành mẫu người công chức – đúng hơn là những viên chức ngoại giao. Điều đó làm cho tôi lo ngại thêm. Nhưng các diễn tiến sau đó cho biết những gì tôi nhận xét là sai lầm.

Kiểm lại các sự việc đã diễn ra, tôi nghĩ là tôi đã được chọn cùng đi theo phái đoàn. Lúc

bà Trần Thiện Khiêm còn ở nhà, bà cũng có nói xa gần với tôi như vậy. Nhưng lúc đó cũng không có gì là chắc chắn vì tôi thấy trong nhà còn có Thiếu tá Đinh Sơn Tuyền là ruột thịt trong nhà, là người mà gia đình cần hơn tôi; vì vậy mà tôi chưa chuẩn bị tinh thần cho đến khi ông Tuyền đến chào từ giã Đại tướng thì thật sự mới biết là tôi có tên trong danh sách trình lên Tổng thống Trần Văn Hương.



Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu, thứ sáu từ phải, và Hội đồng chính phủ của ông năm 1965. Time Life magazine

Nhưng riêng cá nhân tôi thì cũng chưa có quyết định dứt khoát, đi cũng là điều may mà ở lại cũng không phải là điều gở; nếu đi thì tôi còn gần vợ con mà ở lại thì cũng là cơ hội cho tôi được lo cho bà Ngoại và Má tôi cùng nhiều anh em đang có hoàn cảnh sống khó khăn, họ cần sự có mặt của tôi. (Bây giờ nghĩ lại, mới biết là mình còn quá ngây thơ).

Cũng trong thời điểm này, tại cơ quan CIA...

“Khoảng 8 giờ 30, bốn người chúng tôi đi trên ba xe đến Bộ Tổng Tham Mưu của Nam Việt Nam nằm bên ngoài Tân Sơn Nhất. Đại tướng Khiêm có nhà riêng ở đây. Joe và tôi giấu vũ khí dưới chỗ ngồi. Chúng tôi lo sợ một việc không lành có thể tái diễn vụ ám sát anh em ông Diệm trước đây... trên đường đi nếu có những sĩ quan trẻ Việt Nam chặn chúng tôi lại, ra lệnh cho chúng tôi xuống xe và ... định hạ

thủ. Chúng tôi quyết định phải mang vài đứa theo chúng tôi...” Đó là dự tính của nhóm ông Frank Snapp trước khi đoàn xe lên đường vào nhà Đại tướng Khiêm. (Decent Interval, trang 435)

Tôi vừa bước ra tới cửa, giật mình thấy có ba chiếc xe Chevrolet to lớn màu đen, mang bản số ngoại giao, đang đậu ngay trước cổng nhà, sát bức tường phòng thủ của bộ Tổng Tham Mưu. Đoàn xe hướng đầu về phía cổng chánh.

Tôi liền đổi ý, trở vào nhà thì gặp Đại tướng đang ngồi ở phòng khách. Ông gọi tôi lại và giao cho tôi một gói đồ được gói trong giấy hồng điều thật đẹp. Gói quà có kích thước bề ngang khoảng 5 tấc, cao độ 3 tấc, dày một tấc. Đại tướng Khiêm dặn, “Phận, giữ cái này là món quà tặng. Một chút nữa Tổng thống Thiệu tới đi thì đem theo.” Tôi xách gói quà lên để cân sức nặng, không nặng mà cũng không nhẹ. Lúc Đại tướng Khiêm ra lệnh như vậy, qua thái độ và cử chỉ của ông, tôi nghĩ đó là món quà có thể dùng để tặng ông Đại sứ Mỹ, hay là phi hành đoàn, hoặc một nhân vật nào ở Đài Bắc...

Trong suốt cuộc hành trình vì là món quà quý nên tôi phải ôm nó trong người mà vẫn không tài nào đoán ra ở trong đó có cái gì cho tới khi đến Đài Bắc.

Khi nghe nói “Tổng thống Thiệu tới đi” thì tôi thấy rõ ràng không còn thời gian nhiều nữa. Tôi vội chạy lên lầu, vào phòng làm việc của Đại tướng, nhấc điện thoại gọi tổng đài Phủ Tổng thống, yêu cầu cho tôi nói chuyện với khối cận vệ. Thật may mắn là Sĩ, em rể của tôi, có mặt tại đó. Sĩ là cận vệ của Tổng thống Thiệu. Tôi bảo Sĩ lên nhà Tổng Tham Mưu ngay lập tức có việc cấp bách, không thể nói qua điện thoại được. Lúc này Bộ Tổng Tham Mưu có lệnh kiểm soát người ra vào nghiêm ngặt. Tôi phải ra cổng chánh đón Sĩ vào.

Tôi và Sĩ đứng nói chuyện ngay trước cửa nhà Đại tướng. Tôi cho biết là tôi sẽ đi nhưng chưa biết đi đâu và căn dặn tất cả anh em Lạc, Phát

nếu không đi được thì về Tây Ninh, sống gần gũi, nương tựa nhau. Tôi đưa cho Sĩ địa chỉ nhà của ông bà Đại tướng ở Đài Bắc. Chúng tôi cả hai đều khóc. Lúc này là vào khoảng 8 giờ 30.

Tại lầu ba dinh Độc Lập, bên cánh trái...

Vào khoảng 7 giờ 30 tối. Trong phòng ngủ, Tổng thống Thiệu thay đồ bốn túi, bộ đồ này may bằng vải gabardine màu nhà binh tại nhà may Huỳnh Hoan. Ông đi qua phòng nhỏ cạnh phòng ngủ, nghiêng đầu qua cửa sổ nhìn xuống. Dưới sân, bên cạnh thềm tam cấp một chiếc xe Mercedes màu xanh đậm đang đậu tại đó. Người cầm tay lái là Đại Tá Nhan Văn Thiệt. Ông Thiệt đã từng giữ chức vụ Trưởng khối An ninh Phủ Tổng thống. Khối An ninh là tiền thân của Khối Cận vệ sau này...

xxx

Thấy mọi việc đã sẵn sàng, Tổng thống Thiệu vội vã rút trong hộc tủ ra cây Browning đã lấp đầy đạn, ông khóa chốt an toàn rồi cho vào túi áo.

Xong xuôi ông bấm interphone gọi Sĩ quan Tùy viên trực lúc đó là HQ Đại úy Trần Anh Tuấn. Ông đưa cho Đại úy Tuấn một gói quà nhỏ và ra lệnh, “Chú mang cái hộp này qua cụ Hương. Nếu không gặp Cụ thì ngày mai đem qua cũng được. Nhớ đừng mở ra.” Có lẽ ông đã gọi thẳng Tổng thống Hương nên biết cụ còn đang bận tiếp Đại sứ Pháp, ông Jean-Marie Mérillon, nên mới dặn Đại úy Tuấn như vậy.

Khi ông và Đại úy Tuấn vừa bước ra khỏi phòng thì lúc đó Đại sứ Mérillon cũng vừa từ phòng làm việc của Tổng thống Hương bước ra. Thấy vậy ông Thiệu cùng với Đại úy Tuấn đi qua tận văn phòng, trao cái hộp quà này cho Tổng thống Hương. Trao quà xong, Tổng thống Thiệu và Đại úy Tuấn quay trở về bên cánh trái. Khi tới cầu thang máy, anh cận vệ bấm nút mở cửa cầu thang. Trước khi bước vào, ông Thiệu xoay lại dặn Đại úy Tuấn, “Tôi đi qua nhà Đại tướng ăn cơm rồi trở về, chú

khỏi đi theo.” Ông lanh lẹ bước vào thang máy, bấm nút tầng trệt.

Tại tầng trệt, khi cánh cửa cầu thang mở ra thì Đại tá Điền đã túc trực tại đó. Tổng thống Thiệu vừa bước xuống bậc tam cấp thì cũng vào lúc hai anh cận vệ xuất hiện, Sanh và Khinh vừa đến để đổi gác, làm ông giật mình. Tổng thống Thiệu và Đại tá Điền lanh lẹ bước vào xe. Đại tá Điền ngồi bên phải của Tổng thống Thiệu ở băng sau; Đại tá Điền ngồi vào chỗ ngồi chánh thức của Tổng thống Thiệu – Trần Thanh Điền muốn làm Lê Lai cứu Chúa! Vừa ngồi vào xe, Tổng thống Thiệu liền hỏi Đại tá Điền, “có mấy cây súng?” Đại tá Điền đáp, “có hai cây: một cây dài, một cây ngắn.” Đại tá Thiệu lập tức đập ga cho xe chạy vòng qua sân cỏ, lướt ngang qua thềm đại sảnh, rồi tiến thẳng ra cổng chánh là đầu đại lộ Thống Nhất.



Từ trái qua, Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu, đang bắt tay Đại tá Trần Thanh Điền, giữa là Bí thư Hoàng Đức Nhã, năm 1974 .Hình tài liệu VPTT

Đoàn xe rẽ trái trên đường Pasteur rồi theo đường Hiền Vương quẹo mặt trên đường Công Lý... tiến thẳng trên đại lộ Cách Mạng 1-11. Xe vào cổng chánh Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa rồi rẽ phải. Lúc xe Tổng thống Thiệu sắp chạy ngang nhà Đại tướng Khiêm thì tôi nhận ra ngay. Tôi nói với Sĩ, “xe Tổng thống tới.” Tôi vội tránh vào đoàn xe ngoại giao, nhưng không kịp nữa. Đèn xe Tổng thống chiếu ánh sáng màu vàng tím cực mạnh làm tôi chói mắt. Xe không vào nhà Đại tướng Khiêm mà chạy thẳng về nhà Tổng

thống Thiệu.

Thời giờ đã quá cấp bách nên tôi khuyên Sĩ hãy về đi.

Hai người Mỹ đứng bên cạnh xe bên kia đường làm cho tôi vững tâm hơn. (lúc đó tôi chỉ thấy có 2 người). Ít ra thì sự có mặt của họ cũng phần nào giúp tôi bớt lo ngại về mặt an ninh. Riêng có một mình tôi thì làm gì được nếu có manh động nào xảy ra. Thật là may mắn, không có tiếng súng nổ, không có tiếng pháo của địch.

Trên đường Võ Tánh mới đây người người tranh giành, chen lấn nhau chạy giặc, bóp kèn inh ỏi. Giờ này bắt đầu giới nghiêm nên hoàn toàn vắng lặng. Cả một vùng không gian yên lặng nặng nề. Tôi vội vã bước vào nhà.

Tôi chạy thẳng lên phòng làm việc của Đại tướng một lần nữa. Lúc này Đại Tướng đang ở phòng ngủ. Tôi lấy điện thoại gọi số 57340 là điện thoại nhà ba vợ tôi ở đường Sư Vạn Hạnh, khu An Đông. Khi nghe tiếng ông, tôi liền thưa: – “Dạ thưa Ba, một chút nữa con đi.” – “Dượng Tư đi phải không?” Ba tôi hỏi lại. – “Dạ, con đi.” Tôi đáp. Tôi không nói “dượng Tư đi” mà chỉ nhấn mạnh hai tiếng “con đi”. Tôi biết ông hiểu ý tôi muốn nói gì.

Trong lúc tôi nói chuyện điện thoại ở trên lầu thì:

“Một chiếc Mercedes màu xanh chạy vào cổng nhà Đại tướng Khiêm. Người có tầm vóc trung bình, tóc bạc, chải gọn ra sau, da mặt bóng láng, trong bộ quần áo xám chỉnh tề, bước xuống đất. Trong bóng đêm, Nguyễn Văn Thiệu giống như người mẫu trong tạp chí Gentleman’s Quarterly hơn là một cựu nguyên thủ quốc gia. Ông ta vội vã bước vào nhà mà không thèm nhìn chúng tôi.”

Tổng thống Thiệu đã về đến nhà ông, thay đồ lớn (bộ đồ Trung tá Chiêu đem về) rồi mới qua bên nhà Đại tướng Khiêm như Frank Snapp nói ở trên. (Decent Interval, trang 435)

xxx.

Từ trên lầu xuống, khi đi ngang qua phòng ăn tôi giật mình thấy Tổng thống Thiệu đang ngồi nói chuyện với Đại tướng Khiêm ở phòng khách..

Bước ra phía trước nhà, tôi thấy ông Thomas Polgar đang ngồi tại bàn viết của Sĩ quan Tùy viên. Ông kiểm soát lại danh sách phái đoàn để điền tên vào parole documents, dựa vào bản văn của Tổng thống Thiệu.

Danh sách phái đoàn do cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu trình lên Tổng thống Trần Văn Hương có nội dung như sau: (Tổng thống Thiệu viết tay)

Kính trình Tổng thống Trần Văn Hương,

Thưa Cụ,

Để thực hiện công tác cụ giao phó, tôi kính xin cụ chấp thuận cho những sĩ quan sau đây gọi là thành phần tối thiểu cần thiết để giúp tôi, đi theo tôi trong suốt thời gian công du:

1. Đại tá Võ Văn Cầm
2. Đại tá Nguyễn Văn Đức
3. Đại tá Nhan Văn Thiệt
4. Đại tá Trần Thanh Điền
5. Trung tá Tôn Thất Ái Chiêu
6. Bs Thiếu tá Hồ Vương Minh
7. Đại úy Nguyễn Phú Hải (giờ chót không có mặt)
8. Phục dịch viên Nghị (giờ chót không có mặt)

Ngoài ra, Cựu Thủ tướng Đại tướng Trần Thiện Khiêm cũng cần đem theo những sĩ quan và dân sự sau đây:

1. Trung tá Đặng Văn Châu
2. Thiếu tá Đinh Sơn Thông
3. Thiếu tá Nguyễn Tấn Phận
4. Ông Đặng Vũ (giờ chót không có mặt)

Đại tướng Trần Thiện Khiêm nhờ tôi trình cụ

chấp thuận ./.
Kính chào Tổng thống
(ký tên Thiệu)

Tổng thống Trần Văn Hương phê thuận,

Đề ngày 25/4/75

Và ký tên Trần Văn Hương

* * * *

Ở đây có một sự trùng hợp lịch sử. Khi viết danh sách phái đoàn để trình lên Tổng thống Trần Văn Hương, cựu Tổng thống Thiệu muốn Đại tá Cầm đánh máy, Đại tá Cầm không biết đánh máy, ông Thiệu đành phải viết tay; khi có lệnh của Đại sứ Martin là phải mang theo bàn đánh máy khi đến nhà Đại tướng Khiêm, ông Polgar quên đem theo bàn đánh máy. Thành ra hai văn kiện: một là danh sách phái đoàn của Tổng thống Thiệu và hai là tên điền vào mẫu parole documents đều không đánh máy, mà phải viết tay.

Cựu Tổng thống Thiệu, với bản tánh cố hữu, người luôn luôn nghĩ xa, ra lệnh cho Đại tá Cầm ở Đài Bắc làm nhiều bản photocopy danh sách phái đoàn do Tổng thống Trần Văn Hương chấp thuận, phát cho mỗi người một bản để trong trường hợp cần thì có thể làm bằng chứng với Sở Di trú của quốc gia sẽ đến định cư. Lúc đó chúng tôi chưa biết đi đâu

XXX

Tại hành lang trước nhà, trong ánh sáng mờ mờ ảo ảo, các ông Đại tá Cầm, Thiệt, Đức, Điền, Trung tá Chiêu, Bác sĩ Minh đang xúm xích bàn chuyện nhỏ to. Mọi người đều ăn mặc chỉnh tề có vẻ như là những quan chức lớn sắp lên đường đi công tác ở ngoại quốc hơn là sắp đi tỵ nạn. Tất cả chúng tôi cũng không ai tin là sẽ đi tỵ nạn. Trên tay mỗi người xách một túi xách nhỏ. Cũng cần nói thêm, Đại tá Cầm là người rất nhiệt thành với công vụ và cũng là cấp thừa hành “một cách triệt để.” Sau khi Tổng thống Thiệu ra lệnh “mỗi người chỉ được đem theo một xách tay nhỏ,” thì ông lại khuyên

anh em “không nên mang theo gì hết – nên đi tay không!”

* * * *

ĐOÀN ĐƯỜNG DÀI NHƯ VỎ TẸN

Đúng 9 giờ tối...

Vừa điền giấy xong thì ông Thomas Polgar phân phát tờ parole document (tờ tạm cư) cho từng người. Ngay khi vừa đến Đài Bắc, “Cơ quan Đại diện Mỹ” tại đây lập tức thu hồi lại tất cả, duy chỉ có mỗi Trung tá Chiêu, không hiểu sao ông vẫn còn giữ được tờ giấy này.

Chúng tôi lần lượt ra xe và yêu cầu họ mở cốp sau. Tôi bỏ cái samsonite vào, (Lúc ông Polgar đang viết, tôi đã bỏ cây K54 vào samsonite) hai khẩu súng nhỏ va chạm vào nhau khua lộp cộp. Trong sách của Frank Snepp có nhắc tới chuyện này. Ông có nghe tiếng kim loại khua khi chúng tôi xếp sách tay vào cốp xe, và có thể nghĩ đó là tiếng va chạm của vàng bạc, châu báu!

Liên sau đó Tổng thống Thiệu, Đại tướng Khiêm, Polgar, Timmes cùng ra xe. Đại tướng Khiêm ngồi xe trước với ông Polgar. Tổng thống Thiệu ngồi xe sau với tướng Timmes; ông ngồi giữa tướng Timmes và Đại tá Đức, Trung tá Chiêu ngồi ghế trước với tài xế là ông Frank Snepp. Chúng tôi chia nhau vào hai xe còn lại.

Thời gian từ lúc ông Thiệu đến nhà Đại tướng Khiêm đến khi bắt đầu ra xe kéo dài độ 10 phút!

Đoàn xe bắt đầu chạy hướng về cổng chánh Bộ Tổng Tham Mưu, vừa ra khỏi cổng thì quẹo phải, đi thẳng vào cổng phi trường Tân Sơn Nhứt.

Tôi giật mình khi nhận ra cả khu vực phi trường tối om. Dường như hệ thống điện hoàn toàn bị cắt. Nhìn vào cổng VIP – khu vực dành riêng cho các viên chức cao cấp – giờ này vắng tanh giống như cổng vào bãi tha ma. Đoàn xe chạy vòng qua khu dành riêng cho hãng Air America của cơ quan tình báo Mỹ. Khi sắp tới

đường băng, tất cả xe đều tắt đèn, di chuyển trong bóng đêm. Sau đó bóng một chiếc máy bay lù lù hiện ra dưới chân trời nhờ đèn trong buồng máy cháy sáng, một loại máy bay giống như DC6. Khi tới gần chiếc máy bay, đoàn xe bắt thần thẳng gấp vì thấy có bóng người. Xe thứ hai ủi tới suýt đụng vào xe đi trước vì trời tối. Hai xe sau tạt qua hai bên hông xe Tổng thống Thiệu. Chiếc xe tôi ngồi vừa thẳng gấp vừa bẻ tay lái kêu nghe ken két. Một cuộc biểu diễn ngoạn mục. Dù đó là do sắp xếp hay chỉ là một “tai nạn” nhưng dưới con mắt an ninh họ là những thành phần phải được liệt vào hàng các tay bảo vệ yếu nhân chuyên nghiệp. Xe Tổng thống Thiệu bị bao vây bởi ba chiếc xe Chevrolet to lớn. Xa xa trong bóng đêm, xung quanh chúng tôi xuất hiện có nhiều người Mỹ vạm vỡ, vận thường phục, súng M16 dựng đứng bên hông, trong thế tác chiến... Chúng tôi tông cửa xe, bước xuống mau. Tổng thống Thiệu đi trước, Đại tướng Khiêm theo sau, rồi Polgar, Timmes. Chúng tôi nối đuôi theo sau. Hình ảnh ông Đại sứ Graham Martin – một quan Khâm sai của Đại Vương quốc Hoa Kỳ – hiện ra tại chân cầu thang máy bay như một vị thần hộ mạng, giống với hình ảnh ông thần miếu Ông Tà ở Ô-Môn quê tôi mà hồi nhỏ tôi đã tưởng tượng ra: đôi mắt xanh, tóc bạc trắng, hai tay dài lòng thòng... ai cũng phải sợ. Tổng thống Thiệu bắt tay ông Đại sứ. Hai bên trao đổi mấy lời. Tất cả leo lên mau. Tổng thống Thiệu, Đại tướng Khiêm, tướng Timmes vào buồng danh dự. Tại đây có bốn ghế bành bọc vải trắng. (Sau này mới biết đó là máy bay riêng của đại sứ Martin) Đại sứ Martin vào tận buồng máy nói vài lời tiễn biệt rồi vội vã rời máy bay. Chúng tôi mạnh ai nấy tìm chỗ ngồi ở các hàng ghế phía sau. Vào thời điểm này, Trung tá Nguyễn Văn Phú Hiệp là phi công chiếc máy bay Air Việt Nam 727 có lệnh ứng trực, chuẩn bị sẵn sàng, chỉ dành riêng cho Tổng thống Thiệu sử dụng. Trung tá Hiệp trước kia là Trưởng phi hành đoàn trực thăng Phủ Tổng thống. Anh Hiệp, giờ chót không đi được, sau này chết trong trại tù Cộng sản. Cũng vào thời gian nói trên, một vài đơn vị trưởng các đơn vị phòng thủ Thủ Đô, và các đơn vị đóng quân gần khu

vực phi trường Tân Sơn Nhứt được nghe dư luận đồn đãi là có người rỉ tai: “ ông Thiệu sẽ dùng Air Việt Nam để ra khỏi nước. . .”

Khi tất cả chúng tôi ngồi vào chỗ rồi thì Tổng thống Thiệu từ phía trước bước ra sau chỗ chúng tôi. Ông đứng giữa hai hàng ghế với khuôn mặt không còn giống như hồi ở nhà Đại tướng nữa. Nét nghiêm nghị như giận dữ hiện rõ trên khuôn mặt như tôi đã từng chứng kiến nhiều lần trước kia. Các sĩ quan làm việc quanh ông đôi khi phải đón nhận những phản ứng dữ dội từ ông, thay cho các đối tượng mà ông vì cần phải giữ hòa khí ở một mức độ có thể coi được, ông thường “giận cá chém thớt” và hay “phang nhảm” chúng tôi. Với cái nhìn sáng quắc, mặt đỏ gay, Tổng thống Thiệu gần từng tiếng: “Nè, các chú nhớ là không được nói gì hết. Có ai hay báo chí hỏi thì trả lời là không biết gì hết! Nghe chưa! ” Nói xong ông liền trở về phía trước.

Đoạn đường từ Bộ Tổng Tham Mưu đến đây không xa, chỉ là một khoảng đường rất ngắn nhưng với tôi nó thật dài. Cho tới bây giờ, khi ngồi ghi lại những dòng này tôi vẫn còn cảm thấy mọi việc như vừa mới xảy ra!

Đúng 9 giờ 15 phút, giờ Sài-gòn.

Buồng máy bay tắt đèn. Phi cơ từ từ lăn bánh ra phi đạo, đem theo hai vị lãnh tụ quốc gia, một tướng lĩnh Mỹ và 9 “quan” tùy tùng, hộ vệ! Chiếc phi cơ lượn một vòng trên bầu trời “đen tối” của không phận Sài-Gòn, rồi hướng về biển Đông...

Tôi bật người ra thành ghế, hít một hơi thở thật dài, nhắm mắt lại; hai dòng lệ từ từ lăn xuống má...

Xin giã biệt quê hương... tạm biệt mọi người thân...

Bí mật của gói quà!

Tôi ôm cái món quà của Đại tướng trong suốt chuyến bay. Suy nghĩ vẫn vơ. Đi đâu làm gì ở xứ người. Một quân nhân Mỹ, đoàn viên

phi hành ngồi gần cửa cầu thang, luôn luôn bận rộn nhiệm vụ liên lạc. Thỉnh thoảng anh liếc tôi. Anh không cười cũng không nói gì. Có lẽ anh thông cảm hoàn cảnh của những kẻ sắp xa nhà. Thỉnh thoảng tôi nhìn ra cửa sổ. Cũng chỉ là một màu đen.

Chúng tôi không ai nói chuyện với ai. Mỗi người theo đuổi những ý nghĩ riêng tư của mình...

* * * *

Chiếc máy bay bắt đầu giảm độ cao, đảo một vòng rồi từ từ hạ cánh. Đường bay nằm dài trước mặt là phi trường Đà Nẵng. Chiếc C118 bốn động cơ của Không lực Hoa Kỳ đáp xuống nhẹ nhàng rồi từ từ dừng hẳn. Tôi nhìn đồng hồ. Đúng 3 giờ 40 sáng. Anh Hạ sĩ quan mở cửa cầu thang. Gió ùa vào nghe lạnh lạnh. Mọi người lần lượt xuống máy bay. Tại chân cầu thang, dưới ánh điện mờ mờ, tôi nhận ra bà Nguyễn Văn Kiều, phu nhân ông Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Đà Nẵng; một vị Trung tá, Tùy Viên Quân Sự tại tòa đại sứ Việt Nam; một nhân viên cao cấp của Bộ Ngoại giao Trung Hoa Dân quốc – ông này nói tiếng Việt rất giỏi; một hai người nữa tôi không biết tên; và một nhân vật không kém phần quan trọng, đó là Trưởng Chi nhánh tình báo Hoa Kỳ tại Đà Nẵng, tôi không biết tên. Gió ở Đà Nẵng lạnh hơn Sài-Gòn. Lại có những cảm giác là lạ lướt qua mau, khác hơn những cảm giác ở quê nhà. Lòng bồn chồn khó tả. Có một điều đặc biệt là không có mặt sĩ quan Di trú vào lúc này tại phi trường vì đây là một trường hợp ngoại lệ . . . Để cho mọi việc có danh chánh ngôn thuận, và vào giờ chót muốn dành cho cựu Tổng thống Thiệu và Đại tướng Khiêm một danh dự của chuyến đi, Tổng thống Trần Văn Hương ký Quyết định đề cử cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu hướng dẫn một phái đoàn đi Đà Nẵng. Bản văn có nội dung như sau: (bản văn này Đại tá Cầm viết tay)

Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa Trần Văn Hương

Quyết Định

1 – Nay đề cử cựu Tổng thống Nguyễn

Văn Thiệu và cựu Thủ tướng Trần Thiện Khiêm đại diện Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa đến Đài Bắc để phân ưu cùng Chánh phủ và Nhân dân Trung Hoa dân quốc nhân dịp Tổng thống Tưởng Giới Thạch tạ thế.

2 – Sau đó hai vị trên được đề cử tiếp tục viếng thăm các quốc gia trên thế giới xét cần thiết trong vòng 6 tháng để làm sáng tỏ thiện chí hòa bình của Việt Nam Cộng Hòa đồng thời vận động các Chánh phủ và nhân dân các quốc gia đó hỗ trợ lập trường hòa bình của Chánh phủ và nhân dân ta.

Chương trình thăm viếng sẽ do hai vị tùy nghi quyết định thể theo sự thuận lợi của tình hình đối với các quốc gia đó.

3 – Yêu cầu Bộ Ngoại giao chỉ thị các Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa yểm trợ cần thiết để nguyên Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và nguyên Thủ tướng Trần Thiện Khiêm cùng phái đoàn chu toàn nhiệm vụ giao phó.

4 – Chi phí công tác do Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc Phòng đài thọ trong khuôn khổ được luật lệ ấn định. (Tổng thống Hương viết thêm hàng chữ: trong khuôn khổ được luật lệ ấn định).

Sài-gòn, ngày 25 tháng 04, 1975

(ký tên Hương)

Khi ký tên trên văn bản này Tổng thống Trần Văn Hương, một lần nữa cho thấy sự cẩn trọng và nghiêm túc trong công việc, tác phong của một nhà lãnh đạo xuất thân từ giới mô phạm. Cụ Hương là một nhân sĩ, là một nhà chánh trị được đại đa số nhân dân miền Nam ngưỡng mộ. Cụ cũng là một nhà hành chánh nổi tiếng công bằng liêm khiết. Trần Văn Hương, một tên tuổi được đánh giá là một trong vài nhân sĩ cuối cùng của miền Nam Việt Nam, đã quyết định ở lại sau 30 tháng Tư 1975 và kết thúc cuộc đời trên quê hương của mình...

Vào thời kỳ bầu cử Tổng Thống năm 1967, lúc đó từ Đại đội Trinh sát / Sư đoàn 5 Bộ binh,

tôi được điều động khẩn cấp về Sài Gòn để bảo vệ an ninh cho Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu, Chủ tịch Ủy ban Lãnh Đạo Quốc Gia; khi đi bỏ phiếu tôi chọn Liên danh Trần Văn Hương – Mai Thọ Truyền thay vì Liên danh Nguyễn Văn Thiệu – Nguyễn Cao Kỳ. Tôi là một quân nhân trẻ mang nhiều lý tưởng cũng như nhiều bạn trẻ khác. Các anh em ấy hầu hết đã tốt nghiệp đại học ở trong nước cũng như từ ngoại quốc trở về, đang phục vụ trong mọi ngành, mọi giới; họ làm việc bên hành chánh cũng như đang phục vụ trong quân đội. Chúng tôi thường gặp gỡ, trao đổi ý kiến và cùng đi đến một nhận định chung là quần chúng Nam Việt Nam, lúc bấy giờ, chưa sẵn sàng đón nhận một Tổng thống và một Phó Tổng thống xuất thân từ quân đội.

Tổng thống Thiệu và đoàn tùy tùng của ông về nhà Đại sứ Nguyễn Văn Kiêu. Đại tướng Khiêm và chúng tôi về nhà Đại tướng Khiêm.

Sau khi gõ cửa vài phút thì có người ra mở cửa. Tôi nhìn vào thấy bà Đinh Thủy Nga, bà Trần Bạch Yến. . . đứng khép nép bên trong, vừa mừng vừa lo. Đại tướng bước vào trước. Chúng tôi lần lượt vào sau. Nghe có tiếng người nói chuyện ào ào, bà Trần Thiện Khiêm thức giấc. Bà bước ra khỏi phòng trong bộ áo ngủ, đứng tựa lan can nhìn xuống. Yên lặng trong vài giây rồi bà từ từ quy xuống sàn nhà. Bà cố gắng lần xuống tới giữa cầu thang, khi nhận ra Đại tướng, bà kêu lên, “Anh đó hả?” rồi òa lên khóc...

* * * *

Những ngày ở Đài Bắc Tại một villa nhỏ 3 phòng ngủ có lầu ở ngoại ô thành phố Đài Bắc, Đại tướng Khiêm và chúng tôi không có việc gì làm, buồn và nhớ nhà nên thường hay bắt đài phát thanh Sài-gòn để theo dõi tin tức. Các sự kiện đáng chú ý nghe được qua làn sóng đài phát thanh được tôi ghi chép như sau: Ngày 27 tháng 4 vào 20 giờ Tổng thống Trần Văn Hương yêu cầu quốc hội chọn người thay thế ông để thương thuyết với Cộng sản – 20 giờ 45 Quốc hội họp. – 2 giờ 25 Quốc hội biểu

quyết chọn Đại tướng Dương Văn Minh làm Tổng thống thế Tổng thống Trần Văn Hương. Ngày 28 tháng 4 – 17 00 giờ Lễ bàn giao chức vụ Tổng thống giữa cụ Hương và Đại tướng Dương Văn Minh được cử hành tại dinh Độc Lập Cụ Hương trao quyền Tổng thống lại cho Đại tướng Minh lúc 17 giờ 15. Tân Tổng thống Dương Văn Minh chọn cụ Huỳnh làm Phó Tổng thống, ông Vũ Văn Mẫu làm Thủ tướng... trong bài diễn văn cụ Hương nhấn mạnh “hãy quên oán thù, đừng tạo thêm oán thù”... Ngày 29 tháng 4 . . .sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm được thả. Lý Quý Chung được đề cử Tổng trưởng Thông tin. Cộng sản phá cảng Newport, đốt kho dầu gần xa lộ, chiếm vài xã ở Gò Vấp... Ngày 30 tháng 4... Lúc 11giờ 15, Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố trao quyền lại cho Chánh phủ “Cách Mạng Lâm Thời miền Nam Việt Nam”. Có tin VC đã cắm cờ trên thượng đài dinh Độc Lập lúc 13 giờ. (giờ Sài-gòn...)

Các tin trên được tôi ghi nhận qua chiếc máy thu thanh hiệu Zenith 4 băng, có băng tần làn sóng ngắn, và nghe rất rõ tiếng nói của đài phát thanh Sài-gòn.

Cái radio đó chính là món quà gói trong giấy màu hồng điều thật đẹp mà tôi trân trọng cất giữ từ khi Đại tướng Khiêm trao cho tôi ở Sài-Gòn như đã nói ở trên.

* * *

Một thời gian sau đó, bà Anna Chennault tuân hành lệnh của Tổng thống Hoa Kỳ Gerald Ford từ Hoa Thịnh Đốn qua Đài Bắc, Đài Loan để gặp Tổng Thống Thiệu và Đại tướng Khiêm.

Bà Anna Chennault là vợ của vị tướng anh hùng thời Đệ II Thế chiến, Trung tướng Claire Lee Chennault Tư lệnh Không đoàn 14 của Không Lực Hoa Kỳ hoạt động ở Trung Hoa lục địa. Bà Anna Chennault sau này là một nhân vật quan trọng trong Bộ Tham mưu tranh cử của ông Richard Nixon; bà là người trung gian trong sự liên hệ mật thiết giữa ông Nixon và Tổng thống Thiệu trong thời gian đó. Nhiệm vụ trong chuyến đi này của bà là chuyển lời

Tổng thống Hoa Kỳ yêu cầu Tổng thống Thiệu và Đại tướng Khiêm đừng vào nước Mỹ.

Như trước đã nói, Thủ tướng Lý Quang Diệu thông báo là giới chức Mỹ muốn ông Thiệu sống lưu vong ở các nước Đông Nam Á. Tổng thống Thiệu đã ở Đài Bắc trong một thời gian khá lâu là đúng với những gì chánh quyền Mỹ muốn. Gợi ý của Tổng thống Trần Văn Hương với Đại tướng Khiêm trước kia chắc có lẽ cũng do ý của tòa Đại sứ Mỹ ở Sài-gòn. Nhưng theo những gì bà Chennault biết trước đó thì Hoa Thịnh Đốn đã chấp thuận và có kế hoạch đưa Tổng thống Thiệu vào Mỹ. Điều này làm cho bà Chennault rất bất mãn khi được lệnh qua gặp ông Thiệu trong một tình huống thật khó xử vì chánh sách “nước đôi” của Hoa Kỳ; hơn nữa bà là bạn thân được Tổng thống Thiệu tin cậy trong mối liên hệ mật thiết giữa Tổng Thống Thiệu và Tổng Thống Richard Nixon, mà huyền thoại- hay là sự thật – về bà đối với việc đắc cử của Tổng Thống Richard Nixon năm 1968 còn đang được nhiều người đề cập tới.

Trước hết bà Anna Chennault qua nhà thăm Đại tướng và bà Trần Thiện Khiêm. Tôi nhận thấy bà không có gì thay đổi sau nhiều năm vắng mặt ở Sài-Gòn; bà vẫn giữ được vẻ đẹp quý phái như xưa trong chiếc áo dài sườn xám đậm màu với dáng người dài các của một nhà ngoại giao lỗi lạc đã một thời gây nên nhiều tranh cãi trong chánh giới Hoa Kỳ. Khi rời nhà Đại tướng Khiêm bà đi thẳng qua nhà Đại sứ Kiều thăm Tổng thống Thiệu. Bà Chennault kể trong cuốn hồi ký, The Education of Anna, như sau:

“Khi đến căn nhà nhỏ của Đại sứ Nguyễn Văn Kiêu tại Đài Bắc, tôi đi vào cửa hông. Ông Kiêu tiếp tôi tại sân cỏ. Ông nói ít lời rồi nắm tay tôi đi vào phòng khách. Ông Thiệu đã ngồi sẵn tại đó, xoay lưng về phía tôi. Thật hết sức là bất ngờ và ngạc nhiên về những gì xảy ra cho ông Thiệu...

“Tôi đã từng gặp gỡ ông vào các ngày cuối tuần ở Bạch Dinh là tòa nhà trắng đồ sộ của Hoàng đế Bảo Đại trước kia dùng để nghỉ



mát ở bãi biển xinh đẹp Vũng Tàu. Ông Thiệu cũng đã tiếp tôi tại dinh Độc Lập ở Sài-gòn, nơi mà trong một phòng khách vàng rộng lớn bên đại sảnh đường, ngay trước phòng làm việc của ông, có cặp ngà voi đứng châu, đây là cặp ngà voi được xếp vào hàng lớn nhất thế giới...

“ Một cảm giác đau buồn tràn ngập lòng tôi khi tôi bước tới vài bước để chào ông. Ông đứng lên và xoay lại nhìn tôi. Chúng tôi bắt tay và ôm chặt trong một giây yên lặng. Rồi cuối cùng nhìn lên mặt ông, tôi thấy nước mắt ông dâng trào.”

California, mùa Thu 2008

NGUYỄN TẤN PHẬN

- Sinh quán tại Cần Thơ, trú quán tại Tây Ninh.
- Cựu thiếu tá QLVNCH, Khóa 13 sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức.
- Đại đội trinh sát Sư Đoàn 5 Bộ Binh.
- Sĩ quan cận vệ/ Sĩ quan tù viên Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa
- Quận trưởng kiêm Chi khu trưởng Chi khu Hiếu Thiện (Gò Dầu Hạ)
- Đầu tháng 4-1975 được chuyển về phụ trách an ninh cho Đại Tướng Trần Thiện Khiêm.
- Tháp tùng phái đoàn cựu Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu và cựu Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm rời khỏi Việt Nam vào buổi tối ngày 25-4-1975.
- Hiện cư ngụ tại tiểu bang California.

DƯ' ÂM

Mùa lá bay hôm nào em có nhớ ?
Từng lá vàng cuối phố nhẹ nhẹ bay
Tóc em pha màu nắng xỏa buông dài
Con phố nhỏ gót chân hài in bóng

Chiều thứ Sáu, thư viện buồn đứng
ngóng
Lá vàng rơi thiếu vắng chỗ em ngồi
Anh một mình như mặt đất bờ môi
Tim chết lặng chơi vơi tình hụt hẫng

Đã bao năm tình thơ buồn quên lãng
Mượn giọt sầu theo ngày tháng qua mau
Hình bóng em trong giấc ngủ chiêm bao
Như khơi lại thuở nào ta bỏ ngõ

Sân trường Luật hôm nào vui với Nhỏ
Tay ôm chồng sách vở ngồi bên nhau
Nụ cười em ngần ngại phút ban đầu
Tại ai đó, tim lòng xao xuyến lạ

Đi bên anh, tóc dài em buông xỏa
Lối đi về ...nắng Hạ tủi hờn ghen
Anh hẹn lòng phải nói tiếng yêu em
Nhưng chỉ dám lặng im thôi không nói

Anh mãi sợ như lần đầu xưng tội
Sợ em cười đổ lỗi chỉ vu vơ
Giữa đam mê nghe như phút đại khờ
Nên vẫn mãi yêu thầm bờ môi Nhỏ

Có những lúc mượn vần thơ bày tỏ
Dệt nỗi lòng vương vấn tình chia xa
Nào ngờ đâu nỗi nhớ chẳng nhạt nhòa
Nên thơ mãi mang nỗi buồn dấu kín

NGUYỄN VĂN THẮNG

THIẾU TƯỚNG NGUYỄN KHẮC BÌNH

VÀ CUỘC DI TẢN VÀO NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG TẠI SÀI GÒN



NGUYỄN TIẾN HƯNG

(Trích từ quyển sách
TÂM TƯ CỦA TT NGUYỄN VĂN THIỆU)

Ngoài ra theo ông Nguyễn Văn Ngân (cựu Phụ Tá Tổng Thống) kể lại trong một bài phỏng vấn với kỳ giả Phan Thanh Tâm thì “ Trong một phiên họp với một số chủ tịch Ủy Ban và nghị sĩ nòng cốt của phân bộ Lập Pháp của Đảng Dân Chủ để thảo luận văn kiện đưa ra trước khoáng đạiThượng Nghị Viện, có một số nghị sĩ đưa ý kiến phải lật đổ TT Thiệu và bắt giữ đại sứ Martin để làm áp lực với Hoa Kỳ”. Nhưng ông đã bác bỏ đi vì “ Mỹ đã hy sinh 50 ngàn binh sĩ mà còn nhất quyết bỏ đi thì đâu đếm xỉa gì một mạng của ông đại sứ Martin”.

Chuyện này thì chắc phía Mỹ cũng phải biết. Nhận được nhiều thông tin tương tự nên tòa đại sứ Mỹ hết sức lo ngại về khả năng bị bắt làm con tin. Vào những phút căng thẳng nhất, ông Thomas Polgar, trùm CIA ở VN đến gặp thiếu tướng Nguyễn Khắc Bình.

-“Chúng tôi nghe thông tin là có những đoàn thể võ trang định bắt người Mỹ làm con tin?” Polgar gạ hỏi.

- “Tôi nghĩ là có, nhưng chưa có gì là cụ thể, hay tổ chức thành kế hoạch”. Ông Bình trả lời

- “Chúng tôi biết đã có một tiền lệ ở đây



*Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình, Tư Lệnh
Cảnh Sát Quốc Gia*

về việc bắt cóc”

- “Tiền lệ nào?”

- “Chắc thiếu tướng còn nhớ vụ “ Cité René Hérault ?”

- “ Tôi nhớ , nhưng ông đừng lo. Dù sao tôi cũng cho ông hay là cả thủ đô đang đặt vấn đề tại sao Mỹ chỉ cho một số nhỏ người Việt được di tản?”

- “Chúng tôi sẽ hết sức về việc này”

Biến cố “Cité René Hérault” xảy ra vào năm 1945. Cư xá này nằm ở Tân Định, phía tây phải trên đường từ Tân Sơn Nhất vào Sài Gòn. Phần đông là nơi người Pháp và lai Pháp cư ngụ. Tôi nghe nói có lúc đại tá Nguyễn Văn Y cũng ở cư xá này. Tình hình Sài Gòn vào mùa hè năm ấy hết sức sôi động. Bao nhiêu tranh chấp giữa các phe phái: Nhật, Pháp, Việt Minh, lực lượng Đồng Minh do D.D.Gracy (người Anh) chỉ huy. Ngoài Việt Minh lại còn có các phe phái Việt Nam khác.“Mở sáng ngày 25 tháng 9, lực lượng Bình Xuyên tấn công cư xá”.Theo sử gia Stanley Karnow, 150 người Pháp và lai Pháp bị hạ sát, trên 100 bị bắt làm con tin. Nhưng theo Vũ Ngự Chiêu viết về diễn tiến tại Sài Gòn (Đặc san Mũ Đỏ Xuân Bính



thành, ông nói tiếp:
 - “Tôi sẽ cố gắng tranh đấu hết sức của tôi để di tản một số người Việt đông nhất có thể, nhưng tôi vẫn cần ông giúp một việc quan trọng nhất lúc này.”
 - “Việc gì, thưa Đại Sứ?”
 - “Ông phải làm sao giữ được an ninh tại Sài Gòn cho tới giờ phút chót. Và quan trọng là chớ có để xảy ra vụ bắt cóc người Mỹ, dù quân

Tuất 2006) thì thực ra chỉ vài người bị giết, khoảng 50 người bị bắt làm con tin, rồi bị giết. “Nhưng “để hâm nóng dư luận quốc tế, các cơ quan tuyên truyền Pháp phóng đại số nạn nhân Pháp kiều vô tội”.

“Sẽ không một người Việt nào lên máy bay hay tàu Mỹ nếu”

- “Này thiếu tướng chúng ta là đồng minh đã mấy chục năm, chết sống với nhau trên chiến trường” Đại sứ Martin nói với tướng Bình. “Bây giờ đến lúc kết thúc, ta phải làm sao cho êm đẹp “terminer en beauté”



ĐS Graham Martin Ô. Thomas Polgar

Với một giọng nói nhỏ nhẹ và chân

sự hay dân sự “

- “Thưa Đại sứ, an ninh thủ đô là mối quan tâm lớn nhất của tôi. Và giờ phút này, theo lệnh của TT Thiệu, lực lượng Cảnh Sát Dã Chiến đóng ở Vườn Tao Đàn và ở một số các địa điểm chiến lược tại thủ đô dưới quyền điều khiển trực tiếp của tôi đang làm việc ngày đêm cho công tác này”

Đại sứ Martin nhìn thẳng mắt tướng Bình, rồi dần từng tiếng:

- “Cám ơn Thiếu Tướng vì nếu có xảy ra dù chỉ một vụ bắt cóc hay lộn xộn, tôi bảo đảm với ông là sẽ không một người Việt Nam nào bước lên máy bay hay tàu Mỹ”.

Sau một vài trao đổi, ông Martin tạm biệt ông Bình.

- “Tôi cam kết với ông rằng nếu mọi chuyện tốt đẹp, tôi là người cuối cùng lên máy bay”.

Đại sứ Martin đã giữ lời và ông là quan chức Mỹ cuối cùng bước lên chiếc trực thăng mang bang hiệu “Lady Ace 09” lúc 4 giờ 45 sáng ngày 30-4-1975 theo lệnh của Tổng Thống Gerald Ford. Nếu ông không chịu đi thì đã có lệnh của Tổng Thống là ông sẽ bị áp giải ./.

NGUYỄN TIẾN HƯNG

TRẢ LẠI EM YÊU



Em là con gái nhà giàu ,
Làm sao chịu nổi cơ cầu đắng cay .
Lấy anh hai bữa qua ngày ,
Cơm rau, cháo muối thân gầy còn xương !
Gian truân, khổ não vạn đường ,
Nhà không chỗ ở, tiền lương ba đồng ...
Dù cho nên đạo vợ chồng ,
Đói cơm, rách áo mà lòng em khinh !
Rồi ra anh chẳng vẹn tình
Vợ con nheo nhóc, thân mình ngựa trâu ...
Tình yêu còn đẹp gì đâu !
Lấy anh uống nước nhìn nhau cười trừ ?!
Nên anh gửi bức tình thư :
Khuyên em nghĩ kỹ, giã từ tình anh .
Có duyên, không nợ thôi đành ...
Em đừng uống phí ngày xanh đợi chờ !
Nhìn vào thực tế, đừng mơ !
Phận nghèo, anh chịu chết giờ chia tay .
Anh xin cảm tạ những ngày ...
“ Mừng em hạnh phúc trong tay một người ... ”

Sài Gòn, Một thời bo bo,
Ngày 4 - 5 - 1980

LS. PHẠM NGỌC ANH

TRẢ LẠI ANH YÊU



Anh ơi đừng nghĩ vắn vơ ,
Yêu anh em vẫn đợi chờ tình anh .
Hãy tin mộng ước sẽ thành ,
Tương lai hạnh phúc, an lành bên nhau .
Anh đừng nghĩ chuyện nghèo giàu ,
Giàu càng không nghĩa, nghèo sâu đậm tình .
Em nào dám nghĩ rẻ khinh :
Yêu anh, quý trọng chung tình cùng anh .
Lòng em đây rất chân thành
Biết bao kỷ niệm sao đành xa nhau ?!
Nhớ lời hẹn ước trước sau ,
Nguyện cùng kháng khí bên nhau trọn đời !
Không gì chia cách đôi nơi ,
Đã cùng lấy tạ ơn Trời xe duyên .
Tình yêu đâu phải do tiền ,
Dựng xây hạnh phúc tạo riêng nụ cười .
Anh đừng mặc cảm anh ơi !
Hãy can đảm sống qua thời khó khăn .
Ai ai cũng có số phận ,
Đau buồn gánh chịu, đường trần vẫn đi .
Xin anh hãy nhớ những gì :
Em anh đã nguyện khắc ghi cõi lòng .
Anh đừng nghĩ ngại viễn vông ,
“ Mừng em hạnh phúc ” đau lòng em thêm !
Mong tình ta mãi êm đềm ,
Đừng gây nghịch cảnh, tạo thêm nỗi sầu .
“ Lời khuyên “ em chẳng nghe đâu ,
Còn anh quyết định đầu đầu tuý anh !
Nếu anh đã gặp duyên lành ,
Mẹ cha đẹp ý, làm anh hài lòng .
Thì em xin chúc và mong :
“ Anh luôn hạnh phúc trong vòng tay ai ... ”
Sài Gòn , ngày 5 tháng 5 năm 1980 .

LS. TRẦN THỊ THANH THUY

ĐÔI LỜI VĨNH BIỆT TỔNG THỐNG NGUYỄN VĂN THIỆU



VÕ DUY THƯỜNG

Kính thưa Tổng Thống,

Được tin Tổng Thống qua đời, đối với tôi tựa như tin sét đánh ngang đầu, tâm tư bấn loạn. Ngồi tại văn phòng làm việc nhưng tâm trí tôi tựa như đầu đau, không làm sao tập trung được tư tưởng vào công việc đang làm. Sự ra đi quá đột ngột của Tổng Thống khiến cho tôi cảm thấy xót xa cho một kiếp người, dù một lần người ấy đã là Tổng Thống đứng đầu một quốc gia. Suốt bao năm qua, từ ngày Tổng Thống rời khỏi đất nước, Tổng Thống đã gánh chịu bao lời oán trách của chiến hữu, của đồng bào bị nạn hải ngoại, cộng thêm lời đổ tội của người bạn đồng minh Hoa Kỳ đối với trách nhiệm mất nước về tay cộng sản xâm lược.

Là kẻ hậu sanh, trong suốt thời gian Tổng Thống cầm quyền, tôi còn quá trẻ để có cơ hội tham gia chánh sự hoặc để được ân hưởng ơn mưa móc của Tổng Thống. Dù vậy, nay thì Tổng Thống đã ra đi về miền yên ổn, trong thâm tâm tôi tự cảm thấy cần phải bày tỏ đôi lời tâm tình cùng Tổng Thống, đôi lời bênh vực Tổng Thống đối với những chỉ trích đôi lúc vô lý và bất công. Tôi có thể bị gán buộc là tiếng nói của những người cận kề Tổng Thống, mang nặng những tình cảm riêng tư. Sở dĩ tôi nói muốn nói lên ý nghĩ của mình là vì có một vị sao sáng ngời vừa rơi rụng, một vị tổng thống



của miền Nam Việt Nam tự do vừa qua đời, một lãnh tụ chính trị yêu nước vừa tạ thế, người mà tôi có cơ hội làm việc chung trong công cuộc đấu tranh giành lại tự do, dân chủ cho dân tộc Việt Nam trong những năm sống lưu vong nơi

hải ngoại. Tôi thấy cần phải phát biểu ý nghĩ của mình vì cho tới nay vẫn còn có lắm người tiếp tục buộc tội một cách bất công đối với Tổng Thống, cốt để chạy tội cho phần mình và xót xa hơn nữa là có những người thân cận với Tổng Thống đã và đang tìm cách tách rời sự liên hệ với Tổng Thống hầu được an thân.

Tổng Thống bị cáo buộc là người lãnh đạo bất tài, điều hành một chế độ tham nhũng.

Tôi tự nghĩ trong hoàn cảnh của một đất nước chiến tranh, đầy hỗn loạn về phương diện chính trị, nếu người khác đứng vào địa vị của Tổng Thống tôi không biết họ có làm việc được hữu hiệu như Tổng Thống đã làm hay không? Trong 10 năm cầm quyền, Tổng Thống đã phải đương đầu với những biến cố chính trị và quân sự như biến động Phật Giáo miền Trung, cuộc tấn công ồ ạt của cộng sản trong Tết Mậu Thân, mùa hè đỏ lửa chiếm lại thành Quảng Trị, bảo vệ mảnh đất Bình Long anh dũng và còn phải đương đầu với người bạn đồng minh trong tiến trình ký kết hiệp định Ba-Lê với cộng sản Hà Nội. Thông thường, đối với những người đối lập chánh trị, hình như họ phải tìm đủ lý lẽ để tranh đoạt lấy chính quyền, họ có nhu cầu phải chê bai người đang cầm quyền là có những hoạt động kém cỏi trong vai trò lãnh đạo đất nước. Ai cũng biết đất nước



Việt Nam mình tan nát vì trải qua bao cơn binh lửa, chống giặc Tàu, chống giặc Tây, chống giặc Nhật và cuối cùng là chống lại sự xâm lăng của khối cộng sản quốc tế mà Hà Nội chỉ là kẻ thi hành âm mưu xâm lược. Thời gian dùng để bảo vệ lãnh thổ nhiều hơn thời gian dùng để phát triển quốc gia. Đó là cái kém may mắn của cả một dân tộc đứng trên phương diện nâng cao dân trí và phát triển đất nước, từ văn hóa đến chính trị, từ xã hội đến kinh tế. Lỗi này không thể chỉ quy trách hoàn toàn cho bất cứ ai đã lãnh trách nhiệm điều khiển quốc gia chỉ trong một thời gian ngắn ngủi so với giòng lịch sử lâu dài của dân tộc, như cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm hay ngay chính bản thân của Tổng Thống. Khi mà trình độ dân trí còn trong tình trạng thấp kém so với trình độ dân trí của những quốc gia Tây phương tiến bộ, cộng thêm các định chế quốc gia để cân bằng và kiểm soát còn lỏng lẻo, yếu kém thì việc tham nhũng trong guồng máy quản trị đất nước khó mà tránh khỏi. Phó Tổng Thống Trần Văn Hương có lần còn phải cất tiếng than rằng “đẹp hết tham nhũng thì còn ai làm việc nước!”. Nếu phải tìm một người để đổ lỗi hầu cứu vớt trách nhiệm cho nhiều người khác thì Tổng Thống đúng là một vật tế thần để cứu vớt trách nhiệm của nhiều chính khách, nhiều tướng lãnh trong nhiệm vụ bảo vệ lãnh thổ và xây dựng đất nước.



Tổng Thống bị cáo buộc là người lãnh đạo chính trị kém cỏi, không biết rõ chánh sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong việc điều hành chiến tranh Việt Nam.

Nhìn về bề mặt, tổng quát để chê trách thì dễ nhưng nếu thật sự lãnh trách nhiệm lãnh đạo quốc gia thì không biết ai có thể làm khác hoặc làm hay hơn Tổng Thống hay không? Tôi nghĩ rằng Tổng Thống không những biết mà còn biết rất rành rẽ về đường lối điều hành chiến tranh Việt Nam của Hoa Kỳ. Tôi có lần nghe kể lại, mỗi ngày Tổng Thống chỉ có dành được 4, 5 tiếng đồng hồ để lo phần bình định và phát triển đất nước. Còn số giờ còn lại kể cả trong giấc ngủ, Tổng Thống phải dùng đến để suy nghĩ cách đối phó với người bạn đồng minh. Tổng Thống đã nói “làm bạn với Hoa Kỳ khó hơn làm kẻ thù của họ”. Người bạn đồng minh này tìm mọi cách để kiểm soát và áp lực mọi hoạt động của chính phủ Việt Nam. Người bạn này cài người chung quanh Tổng Thống, từ như ngay cả trong Hội đồng An ninh quốc gia chẳng hạn, cốt để kiểm soát mọi tư tưởng và hoạt động của Tổng Thống. Nếu buổi sáng, ông đại sứ đồng minh đến yêu cầu Tổng Thống thì hành điều gì mà Tổng Thống nói rằng cần phải xét lại, thì buổi chiều hôm đó, ngoài đường phố, hoặc là đoàn thể tôn giáo hoặc là đoàn thể chính trị đối lập sẽ đòi hỏi cái điều mà ông đại sứ đồng minh vừa yêu cầu buổi sáng với Tổng Thống! Xa hơn nữa, trong thời gian thảo luận bản dự thảo hiệp ước Ba-Lê hồi cuối tháng 8 năm 1972, khi mà Mỹ muốn ký hiệp ước Ba-Lê với Cộng sản Bắc Việt bất kể sự tồn vong của nhân dân Miền Nam, khi mà Tổng Thống



phản kháng không chịu ký vào bản hiệp ước thì có mấy ai biết rằng lúc đó sinh mạng của Tổng Thống như “chỉ mảnh treo chuông” trước áp lực dữ dội của người bạn đồng minh. Nếu Tổng Thống không can đảm phản kháng việc ký kết hiệp định Ba-Lê lúc ấy trước khi nhận được lời cam kết của chính phủ Nixon hứa sẽ bảo vệ miền Nam nếu Công sản Hà Nội vi phạm hiệp định đã ký kết, thì miền Nam Việt Nam có lẽ đã mất sớm hơn chứ không đợi đến ngày 30/4/75 khi đại tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng chỉ sau một ngày lãnh trách nhiệm lãnh đạo quốc gia!

Tổng Thống bị chê trách là không quan tâm đến các thuyền nhân tị nạn

Trong khi Tổng Thống cũng là một người đang có kiếp sống lưu đày nơi xứ người. Trong một bài báo được phỏng vấn tại Anh Quốc, nơi mà Tổng Thống sống tạm dung trong mấy năm đầu xa xứ. Tờ báo đã cắt xén câu trả lời của Tổng Thống về việc cứu trợ người tị nạn và thuyền nhân. Kể từ đó, có những kẻ ác ý cố tình chê trách Tổng Thống đã nói “việc cứu giúp người tị nạn không liên quan gì tới ông”. Giả thiết, nếu câu trả lời này là câu trả lời của một người dân bình thường thì khi nghe qua ai cũng nhận thấy có phần nghịch lý rồi thì thử hỏi một vị cựu Tổng Thống lại có thể phát ngôn được như vậy hay sao? Có chăng là khi thương trái ấu cũng tròn, còn khi ghét thì trái bù hòn cũng méo! Có những người trước đây vì lý do này hay lý do khác, vốn không đồng chánh kiến với Tổng Thống và luôn cả Cộng sản Hà Nội đã khai thác triệt để lời vu khống trong bài



báo này với chủ tâm ngăn chặn mọi hoạt động đấu tranh hướng về Việt Nam của Tổng Thống. Người tị nạn vì quá khổ đau nên cũng dễ xúc cảm trước lời tuyên truyền phi nghĩa này. Thôi thì, âu cũng là một đại nạn khác cho Tổng Thống trong kiếp đời lưu xứ!

Tổng Thống còn bị chê trách là bỏ ngũ sau khi từ chức trách vụ Tổng Thống.

Nếu ai đã từng nắm những vai trò cấp lãnh đạo quốc gia, chắc cũng biết việc ra đi hay ở lại Việt Nam đôi lúc không phải do chính mình quyết định được. Có khi việc này còn tùy thuộc những lý do chính trị tiềm ẩn. Vào thời điểm của tháng 4/75, chính Hoa Kỳ đã áp lực Tổng Thống phải ra đi. Và ngay cả tân Tổng Thống Trần Văn Hương cũng nghĩ rằng Tổng Thống nên rời xứ để ông dễ dàng thành lập tân chánh phủ và để điều đình một giải pháp chính trị với Công sản Hà Nội, bằng không Cộng sản Hà Nội lại nói rằng chính phủ của cụ Hương là “chính phủ Thiệu mà không có Thiệu”. Hoàn cảnh của Tổng Thống lúc đó ở lại cũng không được mà ra đi thì phải lãnh chịu sự oán thù. Nói như nhà báo Bùi Bảo Trúc “Phải đợi cho đến khi cát bụi lắng xuống hoàn toàn thì lịch sử mới có thể phán xét những con người như ông Thiệu, khen cũng như chê một cách chính xác”.

Âu cũng là số trời, sự ra đi vội vã không định trước hồi cuối tháng 4/75 của Tổng Thống có khác nào như sự ra đi quá đột ngột của Tổng Thống trong mấy ngày vừa qua. Được biết ý định của Tổng Thống khi còn tại thế đã nhắm nhủ với một người cháu kêu bằng cậu là khi



Tang lễ của TT Thiệu

nào Tổng Thống qua đời thì hỏa thiêu thân xác của Tổng Thống. Tổng Thống là người Công giáo mà có ý định hỏa thiêu cũng là việc ít có. Nhưng Tổng Thống đã quyết định không muốn để thân xác vùi chôn nơi đất tạm dung mà muốn phần thân xác của Tổng Thống sau khi đã hóa thành tro bụi sẽ được đem về quê cha đất tổ rải trên đồng ruộng, may ra giúp được ít nhiều cho người nông dân nghèo khó Việt Nam có được cội lúa xanh tươi. Mong cho Tổng Thống đạt thành ước nguyện sau cùng.

Kính thưa Tổng Thống,

Tôi và nhà tôi đến Newton để nhìn mặt Tổng Thống lần sau cùng, để được đứng kề bên quan tài của Tổng Thống nói lên lời tiễn biệt, để giữ trọn “tình thầy trò”, để thắt chặt “tình chiến hữu” giữa người ra đi và những người ở lại. Tôi muốn nói với Tổng Thống là tôi rất danh dự có được cơ hội làm việc bên Tổng Thống nhằm đấu tranh giành lại tự do, dân chủ cho đất nước và dân tộc Việt Nam.

Kính xin Thiên Chúa nhân từ tiếp dẫn linh hồn Tổng Thống về nơi cõi Thiên Đàng và xin Thiên Chúa bang cho Tổng Thống Phụ nhân cùng gia đình thân tâm an lạc.

Kính chào vĩnh biệt Tổng Thống.

Mùa thu Cali, ngày 8 tháng 10 năm 2001

VÕ DUY THƯỜNG

TÌNH XA



Anh vẫn yêu em suốt một đời ,
Nhớ em không một lúc nào nguôi .
Gọi tên em cả khi ăn ngủ ,
Vui buồn đều nhớ đến em thôi !
Yêu em anh có được niềm tin ,
Được thêm nghị lực thật vô biên
Vượt bao trở ngại bao gian khổ ,
Nhờ có em nằm trong đáy tim .
Tên em có sức mạnh thần kỳ ,
Giúp anh vững tiến bước đường đi .
Những khi cảm thấy đời cô quạnh ,
Khẽ gọi tên em chẳng thiết gì !
Yêu em hơn cả bản thân mình ,
Mong em như mong ánh bình minh .
Bao đêm thức giấc sầu nhung nhớ ,
Se thắt trong tim một bóng hình .
Em biết rằng anh yêu lắm không ?
Yêu em chân thật tận đáy lòng .
Biết đến bao giờ anh gặp lại ?
Thoả lòng mong đợi ước mơ trông !
Nhưng ước chỉ là mơ ước thôi ,
Biết đâu em đã có ai rồi !
Xa mặt có cách lòng không nhĩ ?
Nghĩ thế lòng anh khổ mấy mươi...

Sài Gòn , Đầu đông 17 – 11 – 1979 -
Gửi về T4

LS. PHẠM NGỌC ANH

LỜI PHÁT BIỂU CỦA ÔNG VÕ DUY THƯỜNG



Nguyên Luật Sư, Chuyên Viên Đặc Nhiệm Bộ Tư Pháp chính phủ VNCH nhân Lễ Tưởng Niệm cố TT/VNCH Nguyễn Văn Thiệu ngày 06 tháng 10 năm 2012 tại San Jose, California

Kính thưa quý vị Quan Khách và các bậc Trưởng Thượng,

Trước hết, tôi xin cảm tạ ban tổ chức Lễ Tưởng Niệm cố tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu đã cho phép chúng tôi phát biểu đôi lời tưởng nhớ đến cố tổng thống, một nhân vật lãnh đạo tiêu biểu cho nền Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam.

Cuộc đời và trách nhiệm lãnh đạo quốc gia của ông gắn liền với **vận mệnh nổi trôi** của đất nước và **nỗi cay đắng đau xót** của dân tộc. Ông là người lãnh đạo quốc gia trong **thời kỳ cực kỳ cam go trong cuộc chiến đa diện** giữa khối Cộng sản đê tam quốc tế và các quốc gia của thế giới tự do, đứng đầu là Hoa Kỳ.

1. Là một lãnh tụ chính trị cương nghị và yêu nước, uy vũ bất năng khuất, ông luôn đặt quyền lợi đất nước và dân tộc trên hết.

- Như mọi người đều nhớ, năm 1971, Hoa Kỳ thay đổi đường lối chiến tranh tại Việt Nam để mở đường cho việc **“Rút quân trong danh dự”** qua chương trình Việt Nam hóa chiến tranh.

Trong **dự thảo** hiệp ước Ba-Lê đã cho phép 200,000 quân Bắc Việt đồn trú quân tại miền Nam trong khi các quân đội đồng minh của VNCH phải lần lượt rời khỏi Việt Nam



. Trước sự bất lợi về **cán cân quân sự** cho VNCH, **ngày 24-10-72**, ông chính thức bác bỏ việc ký kết vào bản dự thảo hiệp ước Ba-Lê do ngoại trưởng Hoa Kỳ Kissinger đề trình. Lúc ấy, sinh mệnh ông như chỉ mảnh treo chuông.

- Để cổ thuyết phục ông, Tổng thống Nixon đã viết tất cả 27 bức thư trong vòng ba năm, từ 1971 đến 1973, cam kết yểm trợ VNCH về kinh tế, chính trị và quân sự trong đó Hoa Kỳ sẽ trả đũa mau lẹ và ác liệt nếu Hà Nội vi phạm hiệp ước đã ký. Những lời hứa hẹn này chôn vùi theo sự từ chức của TT Nixon trong vụ Watergate.

2. Trong sách lược đối đầu với đảng cộng sản, để bảo vệ và xây dựng một nền hòa bình công chính trong Tự do và Dân chủ cho nhân dân Miền Nam, ông đưa ra lập trường 4 KHÔNG làm chỉ nam cho sách lược chính trị của chính phủ VNCH là KHÔNG THỪA NHẬN CỘNG SẢN, KHÔNG TRUNG LẬP HÓA MIỀN NAM, KHÔNG LẬP CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP và KHÔNG NHƯỢNG ĐẤT CHO CỘNG SẢN.

- **Và cũng để** giữ vững lập trường 4 không, trước áp lực của chính phủ Hoa Kỳ và Cộng sản Hà Nội, ông quyết định từ chức TT VNCH **ngày 21 tháng 4 năm 1975**. Ông bị buộc phải rời xứ để giúp cho tân chính phủ dễ dàng tìm một giải pháp chính trị cho miền Nam với Cộng sản Hà Nội.

3. Trong thời gian lãnh đạo quốc gia, thiết tưởng cũng nên nhắc lại, ông là người đã có công xây dựng nền tảng vững chắc cho một thể chế Dân chủ pháp trị tại miền Nam Việt Nam qua việc thực thi những điều khoản của Hiến Pháp VNCH ban hành năm 1967 với Tam Quyền Phân Lập.

Ông cũng đã ký Sắc luật ban hành các bộ **Hình luật**, **Hình Sự Tố Tụng**, **Dân Luật**, **Dân Sự Tố Tụng**, và **bộ luật Thương Mại**. Đây là nền tảng căn bản của hệ thống luật pháp nền đệ nhị cộng hòa Việt Nam.

4. Sau năm 1975, là một trong những cộng sự viên cho ông trong những **công tác đấu tranh chính trị**, chúng tôi nhận thấy :

Mặc dầu gặp những khó khăn và phức tạp trong sinh hoạt chính trị của cộng đồng người Việt hải ngoại, cộng thêm sự đánh phá của Cộng sản Hà Nội nhắm vào cá nhân ông, ông vẫn tiếp tục công cuộc đấu tranh cho **lý tưởng Tự do Dân chủ** hướng về đất nước và dân tộc Việt Nam.

Ngày 25 tháng 11 năm 1989, tại Bruxelles, Bỉ quốc, Ông công bố lập trường chính trị của ông như sau:

- **QUỐC GIA VIỆT NAM LÀ MỘT**
- **DÂN TỘC VIỆT NAM LÀ MỘT**

Với mục tiêu tối hậu của toàn dân: là xây dựng một **QUỐC GIA VIỆT NAM ĐỘC LẬP, THỐNG NHẤT và PHÚ CƯỜNG** trong một **THỂ CHẾ CHÍNH TRỊ DÂN CHỦ, CÔNG BẰNG và TIẾN BỘ; NHÂN QUYỀN** của mỗi người dân được triệt để tôn trọng và bảo vệ.

- Với lập trường chính trị nêu trên, ông đã lên tiếng tại diễn đàn của Liên Minh Thế Giới Chống Cộng, ông viết thư cho tổng thư ký Liên Hiệp Quốc **Boutros Boutros Ghali** ngày **27-01-1993**, hai lần ông viết thư cho tổng thống Hoa Kỳ **Bill Clinton**, lần đầu ngày **10-01-1993** và lần thứ nhì ngày **16-08-1993**.

- Ngoài Hoa Kỳ, ông đi đến các quốc gia Pháp, Bỉ, Anh, Đức. Thụy Sĩ... gặp các anh em cựu quân nhân và đồng bào địa phương **kêu gọi kết hợp** để đấu tranh cho một quốc gia Việt Nam **tự do, dân chủ, tiến bộ và công**

bằng.

- Vào ngày **18-08-1991**, ông cùng các đồng chí và chiến hữu đứng ra **thành lập và công khai hóa** một tổ chức chính trị lấy tên là **“Tổ Chức Vận Động Yểm Trợ Dân Chủ và Tái Thiết Việt Nam”** tại thành phố Milpitas, miền Bắc California.

Cương lĩnh của Tổ Chức :

- Lấy **Quyền Dân Tộc Tự Quyết** làm căn bản,

- **Chấm dứt chế độ độc tài độc đảng, vô sản chuyên chính của cộng sản Việt Nam hiện hữu**

- Và thay thế bằng một **thể chế dân chủ với cơ cấu Tam quyền phân lập dựa trên nguyên tắc Đa Nguyên Đa Đảng và do nhân dân tự do chọn lựa bầu lên.**

- **Thiết nghĩ, với lập trường chính trị của cố tổng thống**, như chúng tôi vừa trình bày nói trên, ông đã đốt lên một **ngọn đuốc soi đường** cho cộng đồng người Việt tại hải ngoại và các thế hệ thanh niên sinh viên yêu nước sau này tiếp tục con đường đấu tranh giải phóng quê hương sớm thoát khỏi ách thống trị bạo tàn, độc tài, độc đảng của đảng cộng sản Việt Nam.

Kính thưa toàn thể quý vị,

Tấm lòng hướng về quê hương và dân tộc là **yếu tố mãnh liệt** thúc đẩy ông âm thầm cùng các đồng chí của ông tiếp tục hoạt động đấu tranh cho một quốc gia Việt Nam Tự do, Dân chủ và Phú cường cho đến ngày ông nhắm mắt.

Nhân ngày Lễ Hủy Nhật lần thứ 11 của ông, xin toàn thể quý vị hãy cùng chúng tôi **tưởng nhớ và dâng lời cầu nguyện** cho hương linh cố tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu **được mãi mãi an lạc trong nước Chúa thanh bình.**

Xin cảm ơn toàn thể quý vị.

VÕ DUY THƯỜNG

BÀI HỌC TỪ CỔ TT NGUYỄN VĂN THIỆU

LÊ QUẾ LÂM



TT Nguyễn Văn Thiệu cầu nguyện tại Nhà Thờ La Vang năm 1972

Không ai có thể phủ nhận, cố TT Thiệu là người chống Cộng kiên cường và triệt để. Trước thảm họa CS ngày nay, cá nhân tôi cũng như đồng bào càng nhớ và thương ông nhiều. Mười tám năm trước, trong lời tựa quyển Việt Nam Thắng và Bại (được trao giải thưởng Văn Học đầu tiên của Hội Quốc tế Y Sĩ Việt Nam Tự do năm 2002) tôi đã viết:

“Vi quyền lợi tối thượng của tổ quốc, vì thực tâm muốn rút tỉa bài học lịch sử, đôi khi chúng tôi có những phê phán gay gắt, song tận đáy lòng chúng tôi luôn ngưỡng mộ những nhân vật lãnh đạo.

Vì tựu chung trong một bối cảnh lịch sử nào đó, tất cả đều làm hết chức năng của mình với sự thành tâm thiện chí mang lại những lợi ích tốt đẹp nhất cho đất nước... Nhưng hậu quả và chung cuộc hình như không đáp ứng với kỳ vọng của con người, vì dù có thiên tài như Marx hay Lenin, họ cũng không tiên liệu hết những gì sẽ xảy ra ở tương lai. Và họ cũng không thể cưỡng lại định mệnh đã an bài. Đó là thiên cơ huyền diệu, là qui luật phát triển tất yếu của lịch sử”.

Nhân mùa Quốc Hận 30/4 năm nay, một số chiến hữu nhắc lại cuộc triệt thoái đau



thương ở Cao Nguyên và Miền Trung đã khiến MN tự do lọt vào tay CS. Người ra lệnh triệt thoái là TT Nguyễn Văn Thiệu. Vì thế tôi có những lời lẽ gay gắt trong mấy số báo vừa qua, lên án ông đào ngũ giữa lúc đất nước lâm nguy rồi

trốn chạy ra ngoại quốc.

Thấy vậy mà không phải vậy. Thực sự, ông quyết tâm chiến đấu chống CS đến cùng, dù không còn lãnh đạo đất nước, ông cũng còn là một chiến sĩ VNCH. Đó cũng là quyết tâm của TT Trần Văn Hương “*Nếu ý trời muốn cho nước VN này không còn nữa, thì thôi... Chúng ta sẽ cùng nhau với nước VN này mà chết*”. Ông Hương hi vọng với lòng quyết tử của VNCH để bảo vệ phần đất tự do có thể làm lung lạc lương tâm Thế Giới Tự Do.

TT Thiệu từng nói “*Đừng nghe những gì CS nói, mà hãy nhìn kỹ những gì CS làm*”. Nó tàn ác lắm! Ý nghĩ này khắc sâu trong tâm khảm, khiến ông có ý nghĩ HK cũng như ông sẽ không bao giờ nhả tâm bỏ rơi MN tự do.

Ngày từ chức, ông tuyên bố “*Nếu tôi cản trở hòa bình, tôi xin từ chức để có hòa bình*”. Ông từ chức, CS vẫn tấn công, CS không bao giờ muốn hòa bình. Khi đó, ông tin tưởng HK sẽ trả đũa mãnh liệt, như lời hứa của TT Nixon hồi mấy năm trước. HK sẽ đổ bộ như họ đã làm ở Triều Tiên khi CS Bắc Hàn tràn ngập lãnh thổ Nam Cao Ly ngày 25/6/1950, hoặc hồi tháng 3/1965 ở Đà Nẵng. Những ngày cuối tháng 4/1975, toàn bộ lực lượng Cộng quân BV đã xuất đầu lộ diện chung quanh Sài Gòn chỉ cần B52 ra tay như hồi cuối tháng Chạp 1972 ở Hà Nội, là hủy diệt toàn bộ. Do đó khi từ chức, ông Thiệu tuyên bố sẽ trở về Quân đội tiếp tục chiến đấu. Ông sẽ cùng các chiến hữu của

mình phản công giành lại lãnh thổ đã mất, khi HK can thiệp trở lại.

Việc này chỉ có thể xảy ra khi con “điều hâu” Nixon còn tại chức. Nay ông ta đã ra đi, vì chiến lược lúc bấy giờ, HK không còn cần ông nữa. Sáu năm sau một Nixon thứ hai chống CS không nhân nhượng là TT Reagan tiếp nối con đường của ông.

Về phần ông Thiệu, sau khi từ chức, ông thấy HK vẫn không trả đũa. Có lẽ lúc đó ông mới nhận thức được, những nhận định từ trước đến nay của mình chỉ là **ảo tưởng** mà thôi. Tôi không muốn nói là sai lầm hay suy nghĩ nông cạn. Con người chỉ có thánh, họa may mới không mắc sai lầm. Sai lầm hay ảo tưởng của người lãnh đạo sẽ làm đất nước suy vong: VNCH năm 1975, LX năm 1991, rồi đây sẽ đến Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Chính ông Thiệu cũng sẽ gặp thảm họa vì ảo tưởng của mình. Ông ở lại chiến đấu trong khi mọi người bỏ chạy. Những tướng lãnh thù nghịch, những quân nhân phản uất vì thảm cảnh miền Trung có thể sát hại ông. Ông chết, danh dự cá nhân ông cũng như danh dự quân đội và đất nước cũng bị hoen ố. Ông có thể bị CS giết như TT Sirik Matak của Cam Bốt vài tuần trước đó, điều này sẽ làm tổn thương uy tín HK. Chả lẽ ông cũng lên trực thăng Mỹ “tháo chạy” như đồng bào và đám thuộc hạ mình? Còn gì là sĩ diện một lãnh tụ quốc gia! Nền chỉ còn con đường như ông NXP đã viết: phải tự tử để xứng danh với lý tưởng và lương tâm. Một con người hết lòng với đất nước như ông không thể chịu một số phận bi thảm như vậy. HK sắp xếp một phản lực cơ của không lực Mỹ từ Thái Lan đến Sài Gòn hộ tống ông ra phi trường để xuất ngoại.

Con người không ai tránh khỏi “sanh, bệnh, lão, tử”. Lúc hưng thời ông Thiệu là nguyên thủ quốc gia, cuối đời ông không đau khổ vì bệnh tật, không lú lẫn bại liệt ở tuổi già, ông từ giả cuộc đời một cách nhẹ nhàng êm ái. Tôi tin đó là ân sủng của Thượng đế, là Hồng ân Thiên Chúa đã dành cho một đứa con VN có tấm lòng với đất nước và dân tộc VN.

Nhiều người thắc mắc, ông Thiệu đã lên án Mỹ phản bội, tại sao ông đến sống ở



TT Nguyễn Văn Thiệu và TT Richard Nixon

Mỹ? Chả lẽ ông chê Đài Loan và Anh Quốc? Tôi cho rằng sự chọn lựa cuối đời, đã nói lên là tư cách lớn của ông. Ông không biết nhục sao? Ông biết, nên ông mới đến sống ở Mỹ. Biết nhục, chính là cái Dững của vị lãnh đạo VNCH. Ông đến Mỹ không như một người tị nạn CS, cũng không phải để lập lại cuộc đời tại quê hương mới. Ông là biểu tượng của VN trong thời chiến tranh lạnh, chống CS bảo vệ tự do. Sự hiện diện của ông ở Mỹ và chết ở Mỹ để nhắc lại một quá khứ đẹp giữa hai dân tộc. Đất nước VN lâm nguy, cầu cứu Mỹ và được đáp ứng nhiệt tình: gần 6 vạn thanh niên Mỹ đã ngã gục tại chiến trường VN và hơn 30 vạn bị thương tật. Còn TT Thiệu, cả đời chiến đấu vì lý tưởng tự do và cuối cùng ông nằm xuống tại Mỹ - trung tâm điểm của Thế Giới Tự Do khi Mỹ bỏ rơi Miền Nam tự do.

Ông đã vĩnh viễn ra đi nhưng để lại một bài học quý giá cho những người còn sống. Không bao giờ dựa dẫm vào bất cứ một thế lực nào để bảo vệ đất nước (VNCH) hay để bảo vệ quyền lực của mình (CSVN). Đó chỉ là ảo tưởng, chỉ mang lại khổ đau cho dân tộc và cuối cùng mình cũng trở thành nạn nhân. Phải dám nhận trách nhiệm và sự thật. Người đi trước đã ảo tưởng. Kẻ đi sau cũng tiếp tục mang ảo tưởng hay sao? Tương lai đất nước là do bàn tay, khối óc dân tộc dựng xây, phù hợp với trào lưu tiến hóa của xã hội, đó là qui luật phát triển tất yếu của lịch sử. Đi ngược lại sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát ,/.

QUÂN LỰC VNCH



Quân lực Việt Nam Cộng hòa (chính tả cũ: Quân-lực Việt-nam Cộng-hòa; tiếng Anh: Republic of Vietnam Military Forces, RVNMF) là Lực lượng Quân đội của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa, thành lập từ năm 1955, với nòng cốt là Lực lượng Quân đội Quốc gia Việt Nam trong Liên hiệp Pháp, chủ yếu là Bảo an đoàn, Bảo chính đoàn. Ngày truyền thống (còn gọi là ngày Quân lực) là ngày 19 tháng 6. Trong các tài liệu của phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Quân lực Việt Nam Cộng Hòa bị đối phương gọi là “Quân đội Sài Gòn” hoặc “Ngụy quân”. Một số tài liệu nước ngoài cũng sử dụng cụm từ “quân đội tay sai” (Puppet Army) để chỉ Quân lực Việt Nam Cộng hòa vì sự phụ thuộc của quân đội này vào viện trợ Mỹ

Trong quá trình tồn tại của mình, Quân lực Việt Nam Cộng hòa nhiều lần tham gia các biến cố chính trị, mà cao điểm là cuộc Đảo chính năm 1963 lật đổ Tổng thống Ngô Đình Diệm, và sau đó các tướng lĩnh của quân đội nắm quyền chi phối chính phủ Việt Nam Cộng hòa cho đến ngày chính phủ này sụp đổ.

Quân lực Việt Nam Cộng hòa được trang bị hùng hậu với sức cơ động cao và hỏa lực mạnh, được sự hỗ trợ tích cực của Mỹ và các đồng minh, để chống lại Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, lực lượng vũ trang của Mặt trận Dân tộc là một bộ phận của Quân đội

hân dân Việt Nam, được sự viện trợ từ Liên Xô, Trung Quốc, và các nước xã hội chủ nghĩa đồng minh. Tuy vậy, khác với đối phương được tổ chức đơn giản, gọn nhẹ và hiệu quả cao, Quân lực Việt Nam Cộng hòa là một quân đội trang bị hiện đại, mô phỏng hoàn toàn theo Hoa Kỳ nên rất tốn kém, đòi hỏi kinh phí hoạt động gần 3 tỷ đô la Mỹ mỗi năm[cần dẫn nguồn] (gấp 10 lần đối phương). Nền Kinh tế Việt Nam Cộng hòa, vốn quá lệ thuộc vào Mỹ đã không thể gánh đáng được kinh phí này, nên Việt Nam Cộng hòa đã gần như phải dựa hoàn toàn vào viện trợ kinh tế của Mỹ để có thể thực hiện phòng thủ trước đối phương có sức mạnh phù hợp với hình thái chiến tranh thực địa hơn.

Khi Mỹ giảm viện trợ xuống còn 1,1 tỷ đô la vào năm 1974, nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa lâm vào cuộc khủng hoảng với lạm phát ở mức 200%[4]. Quân lực Việt Nam Cộng hòa vốn không được tổ chức thích hợp, sử dụng hỏa lực quá tốn kém lại cộng thêm nạn tham nhũng nên đã rơi vào tình trạng thiếu kinh phí để duy trì mức hoạt động như trước. Dù được trang bị rất tốt nhưng Quân lực Việt Nam Cộng hòa rơi vào tình trạng thiếu đạn dược, bảo trì, xăng dầu dẫn đến giảm hỏa lực và tính cơ động. Cùng với sự yếu ớt về tinh thần chiến đấu và những sai lầm từ cấp chỉ huy, chỉ sau 55 ngày đêm chiến dịch Mùa Xuân 1975 của Quân đội Nhân dân Việt Nam, Lực lượng quân

đội với hơn 1 triệu quân này đã tan rã.

Thời kỳ trước khi Quốc gia Việt Nam thành lập

Trong suốt thời gian chiếm đóng Đông Dương, quân đội Pháp có những người Việt phục vụ trong Quân đội để đáp ứng nhu cầu chiến trường. Các quân nhân này được đào tạo theo quy chế Pháp và đại đa số là binh lính, hạ sĩ quan với một số rất ít sĩ quan.

Khi chiến tranh lan rộng, để huy động thêm nhân lực, người Pháp đã thành lập các Lực lượng phụ thuộc (Forces supplétives) bao gồm lính được tuyển mộ tại địa phương do sĩ quan Pháp chỉ huy. Ngày 1 tháng 10 năm 1946, Vệ binh Cộng hòa Nam Kỳ được thành lập, là Lực lượng quân sự đầu tiên của Chính phủ Cộng hòa Tự trị Nam Kỳ. Ngày 9 tháng 6 năm 1948, Lực lượng này được đổi tên thành Vệ binh Nam Việt. Ngày 12 tháng 4 năm 1947, Lực lượng Bảo vệ quân ra đời tại Huế, năm 1948 cải danh thành Việt binh đoàn. Tháng 7 năm 1948, Lực lượng quân sự người Việt tại Bắc Kỳ ra đời mang tên Bảo chính đoàn. Thực chất, đây là những Lực lượng quân sự Địa phương, tổ chức để hỗ trợ cho Quân đội Pháp, về nguyên tắc trực thuộc Chính quyền người Việt, trên thực tế vẫn do các sĩ quan Pháp chỉ huy.

Thời kỳ Quốc gia Việt Nam

Theo Hiệp ước Élysée (1949) ngày 8 tháng 3 năm 1949, Quốc gia Việt Nam được thành lập, có Quân đội và cơ quan ngoại giao riêng. Theo Nghị định Quốc phòng ngày 13 tháng 4 năm 1949, một Lực lượng Quân đội Quốc gia được thành lập, lấy tên là Vệ binh Quốc gia[6][7][8] Các lực lượng Vệ binh Nam Việt, Việt binh đoàn, Bảo chính đoàn và Vệ binh sơn cước được chuyển sang Vệ binh Quốc gia.

Trong nỗ lực thành lập Quân đội Quốc gia, vấn đề cơ bản là đào tạo sĩ quan và hạ sĩ quan. Quốc gia Việt Nam thừa nhận tình trạng thiếu những người được huấn luyện quân sự nhưng tuyên bố vì lý do chính trị, việc sử dụng sĩ quan Pháp là trở ngại. Trong khi đó Pháp lại không chấp nhận trang bị vũ khí cho những



đơn vị Quân đội Quốc gia mới thành lập trừ khi Việt Nam chấp nhận một tỷ lệ nhất định sĩ quan nước ngoài trong Quân đội Quốc gia trong thời gian sĩ quan Việt Nam đang được đào tạo tại những cơ sở huấn luyện mới thành lập. Pháp có trách nhiệm hỗ trợ Việt Nam trong công tác huấn luyện sĩ quan.

Ngày 11 tháng 5 năm 1950, Thủ tướng Trần Văn Hữu tuyên bố chính thức thành lập Vệ binh Quốc gia Việt Nam với quân số lúc đó là 60.000 người].

Ngày 8 tháng 12, 1950, Quốc gia Việt Nam và Pháp ký Hiệp định quân sự thành lập Quân đội Quốc gia bằng cách đặt một số đơn vị Quân đội Pháp tại Việt Nam dưới quyền chỉ huy của Quốc gia Việt Nam. Dự kiến quân đội này sẽ bao gồm 120.000 quân và 4.000 sĩ quan. Tất cả sĩ quan đều phải là người Việt. Quốc trưởng Bảo Đại là Tổng chỉ huy của Quân đội Quốc gia Việt Nam từ năm 1950 đến 1955.

Sau hai lần thay đổi nội các, Quốc trưởng Bảo Đại ký Dụ số 43 ngày 23 tháng 5 năm 1952 thành lập Bộ Tổng tham mưu Quân đội Quốc gia Việt Nam từ ngày 1 tháng 5 năm 1952. Quân đội Quốc gia có Tổng chỉ huy là Quốc trưởng Bảo Đại và được đặt dưới quyền quản trị của Bộ Tổng tham mưu. Tổng tham mưu trưởng đầu tiên là một sĩ quan người Việt

quốc tịch Pháp, nguyên Đại tá Chánh Võ phòng của Quốc trưởng, tân Thiếu tướng Nguyễn Văn Hinh. Trụ sở Bộ Tổng tham mưu đặt tại số 1 đường Galiéni, tức thành Ô Ma (Camp Aux Mares), Sài Gòn]. Toàn Việt Nam được phân thành 4 quân khu đầu tiên và một số sĩ quan cấp tá người Việt đã được bổ nhiệm vào chức vụ Tư lệnh Quân khu[12]. Cùng năm đó, Binh chủng Hải quân và Binh chủng Nhảy dù được thành lập

]. Tuy vậy, các Tư lệnh chiến trường của Pháp lại có quyền yêu cầu các đơn vị của Quốc gia Việt Nam hỗ trợ trong các cuộc hành quân.

Để đẩy mạnh hơn nữa việc tuyển quân, từ năm 1953, chính quyền Quốc gia Việt Nam cho thực hiện cuộc Tổng động viên với lệnh tất cả thanh niên tuổi từ 18 đến 33 phải ghi danh[14]. Quân đội Quốc gia Việt Nam phát triển nhanh chóng về số lượng. Khi hội nghị Geneve được ký kết đã có 82 “Tiểu đoàn Việt Nam”, 81 “Tiểu đoàn khinh quân” và 5 Tiểu đoàn Nhảy dù, chưa kể 3 Trung đoàn cơ giới, 8 nhóm Pháo binh, 5 nhóm Vận tải và 5 Tiểu đoàn Công binh đó là chưa kể Tuần binh, Quân đội của các Giáo phái và Bình Xuyên, tổng cộng là 272.000 người (không kể số lính da vàng trong các đơn vị da trắng). Số tiền người Pháp bỏ ra để thành lập Quân đội này là: 524 tỉ francs năm 1952, 585 tỉ năm 1953, 575 tỉ năm 1954.

Sau chiến bại của Pháp tại trận Điện Biên Phủ, Quân đội Quốc gia Việt Nam lâm vào tình thế khó khăn. Sách của Việt Nam Cộng hòa mô tả thời kỳ này như sau:

Người lính quốc gia đã không còn tinh thần để chiến đấu vì trước đà thắng thế của đối phương, phải liên miên chịu đựng áp lực nặng nề, vừa chiến đấu mệt mỏi, không được nghỉ ngơi, không được bổ sung, vừa bị khủng hoảng tinh thần bởi các sự tuyên truyền của đối phương nên đã đào ngũ khá nhiều. Từ ngày 21-7 đến ngày 20-8-1954, chỉ trong 1 tháng, số đào ngũ ở miền Bắc lên tới 21.421 người, gồm 112 sĩ quan, 1.031 hạ sĩ quan và 20.278 binh sĩ. Số đào ngũ vẫn gia tăng vào những tháng chót.

Quân đội Việt Nam Cộng Hòa



SVSQ Bộ Binh Thủ Đức

Năm 1955, sau khi Quốc trưởng Bảo Đại bị truất phế, Thủ tướng Ngô Đình Diệm tuyên bố thành lập Việt Nam Cộng hòa, và Quân đội Quốc gia từ đó cải danh là Quân đội Việt Nam Cộng hòa. Cùng năm 1955, Bộ Tổng tham mưu không còn tùy thuộc hệ thống chỉ huy Pháp.

Cũng trong năm này, khối bộ binh được tổ chức là 4 Sư đoàn dã chiến và 6 Sư đoàn khinh chiến

Năm 1956, trụ sở Bộ Tổng tham mưu dời về trại Trần Hưng Đạo (tức Camp Chanson trước kia). Các Quân khu được tổ chức lại thành 6 quân khu[17]. Cũng trong năm này, Hải quân Việt Nam Cộng hòa bắt đầu tiếp nhận tàu chiến từ Hải quân Hoa Kỳ, gồm 31 chiến hạm với 193 chiến đĩnh[18], đến 1963 mới chấm dứt.

Năm 1957, Quân đoàn I và Quân đoàn II được thành lập[19]. Cùng năm, thành lập Binh chủng Lực lượng đặc biệt, huấn luyện sĩ quan và hạ sĩ quan tại trường Biệt động đội ở Đồng Đế, và đơn vị đầu tiên mang tên Liên đội Quan sát Số 1.

Đầu năm 1959, các Sư đoàn khinh chiến và dã chiến được tổ chức lại thành 7 Sư đoàn bộ binh[20]. Ngày 1 tháng 3 năm 1959, Quân đoàn III được thành lập, gồm Sư đoàn 5 và 7 bộ binh. Cùng năm, Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến tách ra khỏi Hải quân và trở thành Lực lượng Tổng trừ bị.

Ngày 1 tháng 7 năm 1960, Binh chủng Biệt động quân được thành lập với 50 đại đội và bắt đầu hoạt động sâu trong vùng kiểm soát



SVSQ Võ Bị Đà Lạt

của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Đại đơn vị Cảnh sát Quân sự cũng được tái tổ chức ngày 1 tháng 10, tập hợp các đơn vị cũ từ năm 1948 dưới tên mới là Quân cảnh.[21] Cũng trong năm này, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ban hành động viên từng phần. Theo đó thì tất cả những thanh niên trong lứa tuổi quân dịch (18-35) phải vào quân ngũ trong một thời gian

Ngày 11 tháng 11 năm 1960, Đại tá Nguyễn Chánh Thi đã chỉ huy một số đơn vị thuộc Lữ đoàn Nhảy dù, Biệt động quân, Thiết giáp....làm đảo chính quân sự. Tuy nhiên, cuộc đảo chính bị dập tắt nhanh chóng.

Ngày 13 tháng 4 năm 1961, Tổng thống Ngô Đình Diệm ra sắc lệnh số SL.98/QP chia lại lãnh thổ thành ba vùng chiến thuật và Biệt khu Thủ đô. Vùng 1 chiến thuật gồm các tỉnh từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, do Quân đoàn I trấn đóng. Vùng 2 chiến thuật gồm Cao nguyên Trung phần và các tỉnh duyên hải nam Trung phần từ Bình Định vào tới Bình Thuận, do Quân đoàn II trấn đóng. Vùng 3 chiến thuật gồm các tỉnh từ Bình Tuy vào Nam do Quân đoàn III trấn đóng. Biệt Khu Thủ đô gồm Đô thành Sài Gòn và tỉnh Gia Định.

Năm 1962, Liên đoàn Nhảy dù gồm 7 tiểu đoàn nhảy dù 1, 3, 4, 5, 6, 7 và 8, tiền thân là các Tiểu đoàn nhảy dù thuộc địa của Pháp, được phát triển thành Lữ đoàn Nhảy dù. Liên đoàn 31 Lực lượng Đặc biệt cũng được thành lập. Các đơn vị Không quân tác chiến và yểm trợ tác chiến được tăng lên cấp Không đoàn tại

mỗi Quân đoàn, gồm các Không đoàn 41 (Đà Nẵng), 62 (Pleiku), 23 (Biên Hòa), 33 (Tân Sơn Nhất), 74 (Cần Thơ). Sư đoàn 9 và 25 bộ binh cũng được thành lập trong năm này, nâng cấp số đơn vị bộ binh lên thành 9 Sư đoàn.

Ngày 1 tháng 1 năm 1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm cho thành lập Quân đoàn IV và Vùng 4 chiến thuật. Theo đó, cơ cấu các vùng chiến thuật và các đơn vị cơ hữu quân đoàn được tổ chức lại như sau:

Vùng 1 chiến thuật (Bắc Trung phần) với Quân đoàn I, gồm các Sư đoàn 1 và Sư đoàn 2 bộ binh.

Vùng 2 chiến thuật (Cao nguyên và duyên hải nam Trung phần) với Quân đoàn II, gồm các Sư đoàn 22 và Sư đoàn 23 bộ binh.

Vùng 3 chiến thuật (Miền đông Nam phần) với Quân đoàn III, gồm các Sư đoàn 5 và Sư đoàn 25 bộ binh.

Vùng 4 chiến thuật (Miền tây Nam phần) với Quân đoàn IV, gồm các Sư đoàn 7, Sư đoàn 9 và Sư đoàn 21 bộ binh.

Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Sau Cuộc đảo chính tại Việt Nam Cộng hòa năm 1963, các tướng lĩnh Quân đội Việt Nam Cộng hòa nắm quyền chính trị. Ngày 27/11/1964, Hội đồng Quân lực phân định lại các Vùng chiến thuật, tách Biệt khu Thủ đô và Đặc khu Rừng Sác thành khu chiến thuật độc lập khỏi Vùng 3 chiến thuật.

Năm 1965, Hội đồng Quân lực quyết định đổi danh xưng Quân đội Việt Nam Cộng hòa thành Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Đồng thời thành lập thêm Sư đoàn 10 bộ binh (đặt trực thuộc Quân đoàn III, năm 1967 cải danh thành Sư đoàn 18 bộ binh), nâng tổng số Sư đoàn bộ binh lên 10. Cũng trong năm này, Lữ đoàn Nhảy dù phát triển thành Sư đoàn Nhảy dù.

Tháng 7 năm 1970, các Vùng chiến thuật được cải danh trở lại thành các Quân khu. Tính đến năm này, Quân lực Cộng Hòa có quân số lên đến 1 triệu quân, được trang bị 1 triệu súng M-16, 12.000 súng máy M-60, 40.000 súng phóng lựu (grenade launcher) M-79, và 2.000 lựu pháo (howitzer) và súng cối hạng nặng (heavy mortar)[23]. Cũng trong năm

này Quân chủng Không quân lấy nòng cốt từ các Không đoàn trên 4 Quân khu để thành lập 4 Sư đoàn: Sư đoàn 1 tại Đà Nẵng, Sư đoàn 2 tại Nha Trang, Sư đoàn 3 tại Biên Hòa và Sư đoàn 4 tại Cần Thơ. Cùng năm này, giải tán Lực lượng đặc biệt để sát nhập một số qua Biệt động quân, số còn lại trở thành Liên đoàn 81 Biệt cách dù.

Năm 1971, thành lập Sư đoàn 5 Không quân làm đơn vị Tổng trừ bị cho Bộ Tổng tham mưu. Tháng 10 cùng năm Sư đoàn 3 bộ binh được thành lập, trở thành Sư đoàn bộ binh thứ 11 và cũng là đơn vị chủ lực quân con út của Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Cuối năm này, cải tổ lại Lực lượng Biệt động quân sau khi đồng hóa Lực lượng Dân sự chiến đấu thành các Tiểu đoàn Biệt động quân Biên phòng, thành lập tại mỗi Quân khu một Bộ chỉ huy Biệt động quân.

Năm 1972, thành lập thêm Sư đoàn 6 Không quân tại Pleiku, hoạt động trên vùng trời và trách nhiệm với chiến trường Cao nguyên Trung phần.

Năm 1973, một lần nữa Biệt động quân lại được cải tổ. Nâng tổng số Lực lượng này thành 15 Liên đoàn, một số là đơn vị Tổng trừ bị cho Bộ Tổng tham mưu, số còn lại Tổng trừ bị cho các Quân khu. Cuối năm 1974 và đầu năm 1975, thành lập thêm 2 Liên đoàn nữa.

Các trận chiến quan trọng

Trận Ấp Bắc (1963) –
Trận Bình Giã (1964-1965) –
Trận Pleime (1965) –
Trận Mậu Thân (1968) –
Trận Kampuchea (1970) –
Trận Lam Sơn 719 (1971) –
Trận Quảng Trị (1972) –
Trận An Lộc (1972) –
Trận Tống Lê Chân (1973) –
Trận Hoàng Sa (1974) –
Trận Thường Đức (1974) –
Trận Xuân Lộc (1975) –
Trận Sài Gòn (1975) –

Tranh chấp lãnh thổ hải đảo với các nước

Không chỉ giao chiến với Quân đội Nhân dân Việt Nam, quân lực Việt Nam Cộng hòa

cũng từng tham gia tranh chấp một số hòn đảo với Vương quốc Campuchia, Philipine, Đài Loan và Trung Quốc:

Năm 1956, Đài Loan điều tàu đến đảo Ba Bình (là đảo lớn nhất tại thuộc quần đảo Trường Sa) khi đó thuộc quyền quản lý của quân lực Việt Nam Cộng hòa. Nhân dịp lễ Song Thập 10/10 của Trung Hoa Dân Quốc (tức Đài Loan), Tổng thống Ngô Đình Diệm đã ra lệnh cho quân Việt Nam Cộng hòa rút khỏi đảo Ba Bình, Đài Loan giành quyền kiểm soát đảo mà không cần phải nổ súng.

Những năm 1956 – 1966, hải quân Việt Nam Cộng hòa đã để mất 6 hòn đảo nằm giữa đảo Phú Quốc và nội địa Campuchia vào tay quân đội Vương quốc Campuchia. Đó là các đảo: Hòn Nặng Trong và Hòn Nặng Ngoài (tiếng Pháp lần lượt là “Ile du Milieu” và “Ile à l’Eau”, còn được gọi là đảo Phú Dự) bị Campuchia đánh chiếm năm 1956; đảo Hòn Tai (Ile du Pic) bị chiếm năm 1958; Hòn Kiến Vàng (Ile des Fourmis) và Hòn Keo Ngựa (Ile du Cheval) bị chiếm năm 1960; đảo Hòn Trọc (đảo Wai hay Poulo Wai, thực tế là gồm 2 đảo nằm liền kề nhau) bị chiếm mất năm 1966. Tổng diện tích các đảo bị mất khoảng 30 km², lớn nhất là đảo Phú Dự rộng khoảng 25 km².

Năm 1970, Philipine đã tổ chức chiếm giữ đảo Song Tử Đông, đảo Thị Tứ, đảo Loại Ta và 4 đảo nữa từ tay Quân lực Việt Nam Cộng hòa. Theo như Đại tá về hưu hải quân Philippines Domingo Tucay Jr kể lại thì các đảo, bãi khi đó hoàn toàn hoang vắng, Philippines chiếm đóng dễ dàng. Chỉ khi tới đảo Song Tử Tây, họ mới thấy quân Việt Nam Cộng hòa đóng ở đây. Quân Philippines báo về sở chỉ huy, được chỉ thị cứ để mặc quân Việt Nam Cộng Hòa. Lính Việt Nam Cộng Hòa ở đảo Song Tử Tây cũng để yên để cho quân Philippines hành động. Sau chiến dịch, Philippines chiếm được 6 đảo nổi và bãi đã mà không cần phải nổ súng, trong đó Thị Tứ là đảo lớn thứ nhì, Bến Lạc (Đảo Dừa) là đảo lớn thứ ba, Song Tử Đông là đảo lớn thứ năm ở quần đảo Trường Sa. Philippines giữ các đảo và bãi này từ đó đến nay. Sau vụ chiếm đóng, chính phủ Việt Nam Cộng hòa cũng không hề lên tiếng gì về vụ chiếm đóng đó. Theo như lời

Tucay kể lại, nhiều tháng sau khi Philippines chiếm đóng 7 đảo ở quần đảo Trường Sa, các nước khác mới biết vụ việc này..Năm 1974, trong Hải chiến Hoàng Sa, quân lực Việt Nam Cộng hòa thất bại và mất toàn bộ quần đảo Hoàng Sa vào tay Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

Các tướng lĩnh

Hội đồng Quân lực tại lễ quốc khánh 1 tháng 11 năm 1966.

Trong lịch sử tồn tại của Quân đội Quốc gia sau là Quân lực Việt Nam Cộng hòa, có 173 người được phong cấp tướng, trong đó có 1 Thống tướng. Còn lại là các cấp Đại tướng, Trung tướng, Thiếu tướng và Chuẩn tướng. Rất nhiều tướng lĩnh (chiếm 1/3) được phong hàm tướng trong giai đoạn 1963-1965, thời kỳ mà dân chúng gọi là “loạn tướng”.

Thống tướng Lê Văn Ty (Được phong Thống tướng ngày 21-7-1964, 3 tháng trước ngày từ trần)

Đại tướng: 5

Trung tướng: 49

Thiếu tướng: 46

Chuẩn tướng: 72

– Các tướng lĩnh còn lại, xin xem danh sách:

Danh sách Đại tướng Việt Nam Cộng hòa

Danh sách Trung tướng Việt Nam Cộng hòa

Danh sách Thiếu tướng Việt Nam Cộng hòa

Danh sách Chuẩn tướng Việt Nam Cộng hòa

– Cấp tá Việt Nam Cộng hòa:

Danh sách Đại tá Việt Nam Cộng hòa

Đào tạo và học viện quân sự

Việt Nam Cộng hòa có một số cơ sở Trung tâm Huấn luyện Quốc gia, đào tạo nhân sự cho ngành quân lực. Đứng đầu là Trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt. Ngoài ra còn có Trường Bộ binh Thủ Đức, Trường Huấn luyện Không quân Nha Trang, Trường Sĩ quan Hải quân Nha Trang, Trường Hạ sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng hòa, Trung tâm Huấn luyện Quang Trung, Trung tâm Huấn luyện Biệt động quân Dục Mỹ...

Mỗi vùng chiến thuật có một trung tâm huấn luyện:[28]

Vùng 1 (Quân khu 1): Trung tâm Huấn luyện Quốc gia Đồng Đa ở Huế.

Vùng 2 (Quân khu 2): Trung tâm Huấn luyện Quốc gia Lam Sơn ở Dục Mỹ, Ninh Hòa, Khánh Hòa

Vùng 3 (Quân khu 3): Trung tâm Huấn luyện Quốc gia Vạn Kiếp ở Bà Rịa, Phước Tuy.

Vùng 4 (Quân khu 4): Trung tâm Huấn luyện Quốc gia Chi Lăng ở Châu Đốc.

Quân số và vũ khí năm 1975

Đầu năm 1975, ngoài Bộ Tổng tham mưu với các cơ quan, binh chủng và binh sở trong hệ thống quản trị (hành chánh, nhân viên, huấn luyện, chiến tranh chính trị, tiếp vận), Quân lực Việt Nam Cộng hòa còn có các đơn vị yểm trợ tác chiến gồm 4 Bộ tư lệnh Quân đoàn và các đơn vị yểm trợ trực thuộc. Các đơn vị trực tiếp tác chiến gồm:

Lục quân: 11 Sư đoàn bộ binh, 1 Sư đoàn Nhảy dù, 1 Sư đoàn Thủy quân lục chiến, Liên đoàn 81 Biệt cách Dù, 17 Liên đoàn Biệt động quân, 4 Lữ đoàn Kỵ binh Thiết giáp, Lực lượng Lôi Hổ và Biệt Hải thuộc Nha Kỹ thuật, các đơn vị Pháo binh biệt lập và Lực lượng Địa phương quân gồm 400 Tiểu đoàn, Nghĩa quân hơn 50.000 quân. Tổng quân số: ~495.000 quân chủ lực và ~800.000 quân địa phương, dân vệ có vũ trang

Thiết giáp kỵ binh: Có 4 Lữ đoàn Kỵ binh, 18 Thiết đoàn (tương đương Trung đoàn) và 57 Chi đoàn (tương đương Tiểu đoàn) xe tăng Thiết giáp với 383 xe tăng (162 M48A3, 221 M41) và 1.691 Thiết giáp chở quân M-113.

Pháo binh: Có 66 Tiểu đoàn và trên 160 Trung đội Pháo binh độc lập với khoảng 1.500 khẩu pháo các loại 105mm, 155mm và một số pháo tự hành 175mm.

Không quân. Quân số 60.000, trang bị hơn 2.000 máy bay các loại. Gồm: 1 Bộ tư lệnh Quân chủng với đầy đủ các cơ quan và binh sở yểm trợ, 5 Sư đoàn Không quân tác chiến (20 phi đoàn khu trục cơ, trang bị khoảng 550 phi cơ A-1H, A-37 và F-5, 23 Phi đoàn trực thăng, trang bị khoảng 1.000 phi cơ UH-1 và CH-47, 8

Phi đoàn quan sát, trang bị khoảng 200 phi cơ O1, O2 và U17), 1 Sư đoàn vận tải (9 Phi đoàn vận tải, trang bị khoảng 150 phi cơ C7, C-47, C-119 và C-130), 1 Không đoàn tấn công trang chế tạo, 4 Phi đoàn hỏa long, trang bị phi cơ AC-119, AC-130 Spectre Gunship. Ngoài ra còn có Phi đoàn Trắc giác (tình báo kỹ thuật), Phi đoàn Quan sát RC119L và Biệt đoàn Đặc vụ 314

Hải quân. Quân số hơn 40.000, ngoài các đơn vị yểm trợ hành chánh, nhân viên, huấn luyện, tiếp vận (có Hải quân Công xưởng), gồm 3 Lực lượng tác chiến: (1) Hành quân lưu động sông, với 14 Giang đoàn trang bị khoảng 260 chiến đỉnh; (2) Hành quân lưu động biển với một hạm đội trang bị Tuần dương hạm, Hộ tống hạm, Khu trục hạm, Tuần duyên hạm, Giang pháo hạm, Trợ chiến hạm, Dương vận hạm, Hải vận hạm và Giang vận hạm; (3) các Lực lượng Đặc nhiệm 211 Thủy bộ với 6 Giang đoàn, 212 Tuần thám với 12 Giang đoàn, 214 Trung ương với 6 Giang đoàn, và Liên đoàn Người nhái. Tổng cộng được trang bị khoảng 1.500 tàu xuồng các loại, trong đó có khoảng 700 tàu chiến trên sông và trên biển.

Năm 1975, theo số liệu từ hồi ký Đại thắng mùa xuân của Đại tướng Văn Tiến Dũng[31], toàn bộ Quân lực Cộng Hòa gồm có 1.351.000 quân, trong đó có 495.000 quân chủ lực, 475.000 quân địa phương, 381.000 quân “Phòng vệ dân sự” có vũ trang, gồm 13 Sư đoàn chủ lực, 17 Liên đoàn biệt động quân.

Theo Walter J. Boyne, toàn bộ Quân lực Cộng hòa gồm có 750.000 người (chưa kể quân dân vệ), trong đó 229.000 là Lực lượng chiến đấu nòng cốt để chống lại gần 500.000 quân Giải phóng ở miền Nam, bao gồm cả các Lực lượng chính quy và du kích, trong đó có hơn 200.000 bộ đội chính quy mà hơn 80.000 quân đã ở lại miền Nam sau Hiệp định Paris.

Theo đánh giá về trang bị và quân số, Quân lực Cộng hòa có Lục quân và Không quân đứng thứ 4 thế giới, Hải quân đứng thứ 9 thế giới. So với đối thủ là Quân đội Nhân dân Việt Nam, họ có ưu thế 2 lần về quân số, 4 lần về xe tăng và đại bác, hơn tuyệt đối về Không quân và Hải quân./.

Bách khoa toàn thư Wikipedia

BÀI THƠ CỦA TT NGUYỄN VĂN THIỆU TẠI ĐẾN ĐỨC MẸ LAVANG VN 1972



Tôi Tổng thống giữa Giáo Đường đổ nát
Như người con tìm về mái nhà xưa
Khói lửa chiến chinh, tội ác chẳng chừa
Dù Thánh địa La Vang, đài Đức Mẹ. Ngự t
trên cao,

Chúa cũng buồn lặng lẽ
Trời về chiều vắng vẻ, vạc kêu thương
Hồn anh linh dờ dạt những đêm
Hồn anh linh dờ dạt những đêm trường
Người chiến sĩ quên mình vì Tổ Quốc.
Máu của họ thấm sâu vào mạch đất
Thịt cùng xương trộn lẫn với non sông
Những người con của nòi giống Lạc Hồng
Đã hòa hợp vào linh hồn đất Việt.
Lời cầu nguyện cho những trang anh kiệt
Mãi nằm đây, trên đất Quảng Trị này
Và những người đang chiến đấu hăng say
Xin nhậm lấy lời con đang cầu khẩn.
Đến với Chúa, tôi mang vòng tang trắng
Của trẻ thơ và goá phụ khóc chồng...
Cùng đồng bào chạy giặc khắp non sông
Nếu trừng phạt, Martino tôi xin gánh chịu.

P/s: Bài thơ trên là của Martino Nguyễn văn Thiệu. Một lần ra trận chiến trường Quảng Trị khốc liệt, Tổng Thống đã đến Nhà Thờ La Vang đổ nát để cầu nguyện. Sau đó, Tổng thống đã viết vào quyển nhật ký của Ngài bài thơ trên.

TRẬN AN LỘC

CHIẾN THẮNG VẺ VANG CỦA QLVNCH

OVV – WORLD PRESS.COM



Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu (phải) và Tướng Lê Văn Hưng gặp lại nhau sau chiến thắng An Lộc

Trận An Lộc là trận chiến tại An Lộc. Đây là đợt 2 trong Chiến dịch Hè 1972 mà Việt Nam Cộng hòa gọi là “Mùa Hè Đỏ Lửa” trong Chiến tranh Việt Nam. Đợt 1 là cuộc tấn công Quảng Trị và Thừa Thiên thuộc Quân khu I của Việt Nam Cộng hòa vào hạ tuần tháng 3. Đợt 2 là mở mặt trận Bình Long thuộc Quân khu 3 vào thượng tuần tháng 4. Và đợt 3 là cuộc tấn công Kontum và Pleiku thuộc Cao nguyên Trung phần Quân khu 2 vào trung tuần tháng 4 theo chiến lược “đốt giai đoạn”.

An Lộc là chiến địa tối quan trọng đối với Quân lực Việt Nam Cộng hòa vì đây là cửa ngõ Tây Bắc ngăn quân Cộng sản tiến về thủ đô Sài Gòn sau khi quận lỵ Lộc Ninh rơi vào tay quân đội cộng sản ngày 7 tháng 4 năm 1972.

Phía quân cộng sản có Sư đoàn 5, 7, và 9, 4 trung đoàn và 8 tiểu đoàn binh chủng của

Quân đội Nhân dân Việt Nam và sư đoàn Bình Long gồm 4 trung đoàn bộ binh, 10 tiểu đoàn và 63 đại đội của Quân giải phóng miền Nam. Lực lượng này được yểm trợ bởi Sư đoàn 75 Pháo binh gồm 3 trung đoàn pháo binh và 1 trung đoàn phòng không.

Phòng thủ thị trấn An Lộc, phía Quân lực Việt Nam Cộng hòa có Sư đoàn 5 Bộ binh cùng lực lượng Nhân dân Tự vệ và Địa phương quân tỉnh Bình Long.



Đợt tấn công đầu tiên do Sư đoàn 9 Quân đội Nhân dân Việt Nam khai pháo. Vì tin rằng sẽ chiếm được An Lộc, cùng ngày hôm đó tại Paris, Nguyễn Thị Bình đại sứ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại hòa đàm Paris tuyên bố chỉ trong vòng 10 ngày nữa An Lộc sẽ là thủ đô của chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam.

Diễn biến

Tháng 8/1971, Bộ Chính trị ra Nghị quyết mở cuộc tiến công chiến lược 1972 trên các hướng Đông Nam BỘ, Tây Nguyên và Trị Thiên (chiến dịch Trị Thiên), trong đó Đông Nam BỘ là hướng tiến công chính nhằm tiêu diệt 1 số lượng lớn quân địch và mở rộng vùng Giải phóng. Chủ trương ở Đông Nam BỘ là đánh gục Quân đoàn III và lực lượng tổng trừ bị của VNCH.

Cuối tháng 2, khi quá trình chuẩn bị đã hoàn tất, Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở chiến dịch Nguyễn Huệ với lực lượng hùng hậu tương đương cấp Quân đoàn. Bộ chỉ huy chiến dịch gồm có:

Trần Văn Trà-Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng uỷ. Đồng Văn Cống-Phó Tư lệnh. Trần Văn Phác-Phó Chính uỷ. Lê Ngọc Hiền-Tham mưu trưởng. Bùi Phùng-Chủ nhiệm hậu cần. Thường trực tại Bộ chỉ huy còn có: Hoàng Văn Thái, Phạm Hùng, Trần Độ và Hoàng Cầm.

Rạng sáng ngày 5 tháng 4/1972, vào lúc bình minh, Bộ Chỉ Huy hành quân hạ quyết tâm: “Phải chiếm An Lộc trước ngày 20 tháng 4/1972, nghĩa là phải đè nặng áp lực tối đa lên một vùng hơn 100 km nằm về phía Bắc Saigon, để cầm chân một số lớn lực lượng nòng cốt của địch tại đây.”

Đoàn quân được chuẩn bị kỹ lưỡng, gồm các sư đoàn 5, 7, 9, và sư đoàn Bình Long cùng Trung Đoàn 203 chiến xa từ Campuchia tràn qua, xuyên qua các rừng cao su dày đặc. Lần đầu tiên bộ đội được trang bị pháo binh 130 ly tầm xa và các loại phòng không cực kỳ tối tân yểm trợ. Quân số lên tới 40.000 chiến sĩ tham dự mặt trận này.

Trong trận đánh đầu tiên, bộ đội dồn toàn lực sư đoàn 5 gồm 3 Trung Đoàn 174, 275, một trung đoàn biệt lập, cùng với Trung Đoàn Pháo E6, tất cả đều tham dự trong quyết định tấn công mạnh Lộc Ninh, một quận nằm về phía Bắc của An Lộc.

Trong trận đánh tại Lộc Ninh, Quân giải phóng gặp sự kháng cự mãnh liệt của Chiến Đoàn 9 gồm Trung Đoàn 9 Bộ Binh và 30 chiến xa của Thiết Đoàn 5. Biệt Động Quân Biên Phòng, Địa Phương Quân và Nghĩa Quân ở Lộc Ninh cũng phản ứng không kém phần ác liệt. Do trận đánh kéo dài, bộ đội lui trở ra, để rồi pháo kích ào ạt vào các ồ kháng cự của quân trú phòng.

Giữa lúc chiến trường Lộc Ninh vẫn diễn ra ác liệt, một cánh quân khác của sư đoàn 9, đơn vị được coi là thiện chiến nhất trong số 4 sư đoàn Cộng Sản Bắc Việt tham chiến tại Bình Long, bất ngờ tấn công vào tỉnh lỵ An Lộc từ 3 giờ chiều ngày 6 tháng 4/1972, nhằm chặn

đường tiếp viện cho Lộc Ninh.

Sư đoàn 5 quyết lấy Lộc Ninh, rồi chọc thẳng mũi dùi theo Quốc Lộ 13 tiến xuống phía Nam, công hãm mặt Bắc An Lộc.

Cả hai sư đoàn 7 và sư đoàn 9 của Cộng Sản cũng xuất phát từ vùng biên giới Campuchia, đánh ép vào mặt Tây An Lộc. Sư đoàn 9 đánh thẳng vào An Lộc, còn Sư đoàn 7 thì giữ chặt Quốc Lộ 13 ở về phía Nam An Lộc, tức là con đường bộ duy nhất tiếp tế cho thị trấn này. Các chiến sĩ hạ quyết tâm: “Dựng bức tường thép trên QL 13, không để 1 chiếc xe, 1 tên địch nào vượt qua trận địa”. Một cánh quân khác do sư đoàn Bình Long gồm chừng hai trung đoàn địa phương tiến từ mạn Đông Bắc xĩa xuống. Bốn sư đoàn bộ chiến của quân Giải phóng, chưa kể xe tăng, pháo binh, pháo phòng không, cùng chĩa mũi vào một thị trấn không quá 4 km vuông.

Trong khi đó, tại thị xã Lộc Ninh, sau 3 ngày bị pháo, không được tiếp viện, quân trú phòng được lệnh di chuyển dần dần về phía Nam để lui về An Lộc. Toàn bộ 30 chiến xa của Việt Nam Cộng Hòa, một số bị phá hủy, một số đành bỏ lại. Ngày 8/4/1972, Lộc Ninh hoàn toàn thuộc quân đội Mặt trận Giải phóng kiểm soát.

Trước áp lực mỗi ngày một mạnh từ mặt Bắc xuống, Chiến Đoàn 52 VNCH từ vùng cầu Cần Lê, 15 km phía Bắc An Lộc, cũng phải lui dần về An Lộc. Quân Cộng Sản Bắc Việt giăng sẵn một tuyến phục kích dài trên 3 km toan nuốt trôi Tiểu Đoàn 1/48 của Chiến Đoàn 52 vào ngày 7 tháng 4/1972, nhưng Tiểu Đoàn này đã chiến đấu kịch liệt, mở đường máu chạy về An Lộc.

Chỉ trong vòng 3 ngày giao tranh, tại Lộc Ninh, thống kê có 2.150 bộ đội tử thương, tương đương quân số của một trung đoàn. Phía Việt Nam Cộng Hòa có 600 binh sĩ chết, cùng với 30 xe tăng và một pháo đội 105 ly bị mất. Kể từ đây, An Lộc bó mình trong vòng đai phòng thủ, không có lấy một chiến xa nào để đối đầu với địch quân có đến cả một trung đoàn thiết giáp.

Tại mặt trận An Lộc, điểm đáng kể thứ hai nữa là quân trú phòng không có pháo. Trong

thị xã, Tiểu Đoàn 52 Pháo Binh của VNCH với 24 khẩu đại bác 105 ly đã bị quân Giải phóng nã pháo phá hủy gần hết, chỉ còn lại một khẩu duy nhất may mắn “còn sống sót.” Trọn một pháo đội 6 khẩu của lính Nhảy Dù được trực thăng vận xuống Đồi Gió, về phía Đông An Lộc, mấy ngày sau cũng bị bộ đội triệt tiêu luôn.

Trận chiến khốc liệt tại An Lộc, một tỉnh lỵ rộng không đầy 4 km vuông, đã thật sự khởi đầu từ ngày 7 tháng 4/1972.

Tất cả các cánh quân của hai sư đoàn Cộng Sản đều dồn về An Lộc. Sư đoàn 5 từ trên đánh xuống, Sư đoàn và Sư đoàn Bình Long ép hai mặt Tây Đông. Sư đoàn 7 vừa chặn mặt Nam để lập các “chốt khóa” trên Quốc Lộ 13, vừa tung quân tiến đánh các mục tiêu sát biên giới như căn cứ Katum, Tổng Lê Chân, Thiện Ngôn để cầm chân Sư Đoàn 25 Bộ Binh VNCH (Sư Đoàn 25 có trách nhiệm phòng thủ vòng đai tỉnh Tây Ninh để chặn đường tiến của bộ đội về Sài Gòn theo ngã Quốc Lộ 1. Toàn bộ Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù của Việt Nam Cộng Hòa, gồm ba tiểu đoàn 5, 6 và 8 được gọi đến tăng viện. Toàn bộ Sư Đoàn 21 Bộ Binh cùng với Trung Đoàn 15 của Sư Đoàn 9 Bộ Binh từ vùng miền Tây sông Cửu Long cũng được trực thăng bốc lên Lai Khê.

Tuy nhiên, kể từ đây, quảng đường Chơn Thành đi Lộc Ninh đã bị tắc nghẽn. Các đơn vị tăng viện của Việt Nam Cộng Hòa cố tiến từng bước một để đến gần đơn vị bạn An Lộc, nhưng mỗi bước tiến đều liên tục bị các ồ



phục kích ven đường đánh trả quyết liệt, thương vong rất lớn. Tiến lên không nổi, phải quay trở

lại, để rồi tìm cách tiến lên. Gần trọn các chiến sĩ của Sư đoàn 7 đã dồn nỗ lực chính vào tuyến phục kích dài 26 km từ Chơn Thành đến An Lộc. Suốt quãng đường này, nơi nào cũng có thể là mục tiêu của pháo binh giải phóng. Họ rải quân dài dài dọc theo quốc lộ để sẵn sàng chỉ điểm tọa độ cho pháo binh bắn từ xa tới.

Cuộc giao tranh vẫn tiếp diễn ác liệt. Dần dần, lực lượng bên trong An Lộc đã có thể khởi lại thế công, dù phải hết sức chật vật. Do bộ đội phải chuyển quân đi chặn lực lượng giải vây nên lực lượng bao vây bị phân tán, quân VNCH ở An Lộc thừa cơ phản kích, mở rộng vòng vây. Vòng bán kính bao vây thị trấn chỉ chừng 500 mét nhưng tới ngày 11 tháng 4/1972, vòng đai kiểm soát được nới rộng thêm hơn 3 km đường bán kính.

Bên ngoài, Lữ Đoàn 1 Dù vượt khỏi Chơn Thành được 7 km về hướng Bắc, sau khi giải tỏa áp lực địch từ Lai Khê đến Chơn Thành. Sau một trận đụng độ ác liệt với địch quân tại vùng này, Lữ Đoàn 1 Dù thiệt hại nặng phải giao lại trách nhiệm cho các đơn vị của Sư Đoàn 21 Bộ Binh giữ an ninh trực lộ, những đoạn đường đã được giải tỏa.

Riêng trong ngày 11 tháng 4, 27 pháo đài bay B-52 đã trút gần 800 tấn bom xuống các vị trí đối phương. Có lẽ nhờ thế, buổi chiều hôm đó, mức độ pháo kích đã giảm sút nhiều.

Sư Đoàn 21 Bộ Binh VNCH được tăng phái Trung Đoàn 15 thuộc Sư Đoàn 9 và một tiểu đoàn Nhảy Dù, lãnh nhiệm vụ khai thông Quốc Lộ 13. Nhưng mãi 2 tháng sau đến ngày 8 tháng 6 mới hoàn thành nổi.

Những trận đánh bằng xe tăng



This PT76 was destroyed by M72 fire. The Lettering reads: Confiscated at An Loc by 7th Regiment/5th Infantry Division

Ngày 12 tháng 4/1972, Bộ Tư Lệnh Cộng

Sản ra khẩu lệnh cho chiến sĩ của họ: “Cán bộ và binh sĩ phải tấn công trên khắp mặt trận. Chắc chắn quân ta sẽ thắng.” Ngay ngày hôm sau 13 tháng 4, xe tăng của họ bắt đầu tiến vào thị xã An Lộc.

Mở màn cho trận đánh khốc liệt đầu tiên bằng chiến xa này, hồi rạng sáng, bộ đội từ mạn Bắc thành phố tiến chiếm đồi Đồng Long và chiếm phi trường Quân Lộc. Lúc ấy, toàn thể kho nhiên liệu, đạn dược gần sân bay bị pháo kích phát hỏa bốc cháy dữ dội. Hàng ngàn quả pháo bắn vào An Lộc dọn đường. Sau đó, đoàn chiến xa lù lù tiến vào.

Đoàn chiến xa tiến theo đường Ngô Quyền, sát cạnh Bộ Chỉ Huy của Đại Tá Mạch Văn Trường, Trung Đoàn Trưởng của Trung Đoàn 8 Bộ Binh VNCH.

Khi còn cách Bộ Chỉ Huy của Đại Tá Mạch Văn Trường 20 mét thì đoàn chiến xa bị khựng lại bởi một loạt đạn M-72 (vũ khí cá nhân dùng để chống xe tăng), xe tăng dẫn đầu bốc cháy, trườn tới mấy thước rồi ngừng hẳn. Bộ đội trong xe nhảy ra, cháy nám, lặn lộn trên lề đường. Các xe tăng còn lại cũng rơi vào ổ phục kích. Trong trận này, có 15 xe đã bị bắn cháy sát cạnh Bộ Chỉ Huy của Trung Đoàn 8 Bộ Binh. Đoàn xe tăng lùi lại để rồi tìm đường khác tiến vào. Tiếng súng vang rền trong phân nửa phía Bắc thị xã An Lộc.

Trong lúc giao tranh ác liệt tiếp tục, Đại Tá Trương Hữu Đức, Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 5 VNCH, đang ngồi trên trực thăng quan sát, bị trúng đạn pháo của bộ đội tử thương.

Trở lại An Lộc, sau 30 giờ ác chiến đẫm máu bằng đủ mọi hình thức, xáp lá cà, cận chiến bằng lựu đạn, súng dài, súng ngắn thi nhau nổ, trong phân nửa thị xã phía Bắc, hai bên đều bị thiệt hại nặng, và kiệt lực, cần phải nghỉ ngơi và chỉnh đốn lại. Bộ Tư lệnh Miền giao cho Sư đoàn 7 và Trung đoàn 209 chốt tại Tàu Ô trên đường 13, hạ quyết tâm không cho địch giải cứu An Lộc và bảo vệ 3 huyện mới giải phóng.

Cuộc tấn công An Lộc lần thứ 2

Ngày 14 tháng 4 năm 1972 An Lộc vẫn bị xiết chặt trong vòng vây chừng vài cây số

vuông. Quân trú phòng không bung ra ngoài được để hoạt động. Trung tướng Nguyễn Văn Minh, Tư lệnh Quân khu 2 muốn lập một đầu cầu mở cửa ra vào An Lộc, nối rộng tầm hoạt động của quân trú phòng. Mặt bắc, mặt tây, mặt nam đều bị bít kín, chỉ còn mặt đông nam, với những ngọn đồi thoải thoải. Tướng Minh trao nhiệm vụ này cho Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù dưới quyền Đại tá Lê Quang Lưỡng.

Cuộc họp mặt tại căn cứ Lai Khê giữa Trung tướng Dư Quốc Đống, Tư Lệnh Sư Đoàn Nhảy Dù, Trung tướng Nguyễn Văn Minh và Đại tá Lê Quang Lưỡng kết thúc mau chóng. Sau 5 vòng bay trực thăng quan sát, Đại tá Lưỡng chọn ấp Srok Ton Cui làm bãi đáp, nơi này nằm về phía Đông cách An Lộc 4 km.

Ngày 14 tháng 4 năm 1972, Tiểu đoàn 6 Dù được trực thăng vận xuống trước để dọn bãi đáp. Ngày hôm sau, Tiểu đoàn 5, Tiểu đoàn 8 cùng Bộ chỉ huy của Lữ đoàn 1 nhảy dù xuống theo. Sau đó Tiểu đoàn 6 Nhảy Dù ở lại Đồi Gió trấn giữ đoạn hậu (về sau bị quân giải phóng đánh tả tơi). Còn hai tiểu đoàn kia chia làm hai cánh quân song song tiến vào An Lộc nhưng gặp sự phản kích quyết liệt của quân giải phóng, 2 đơn vị này không tiến vào được An Lộc và cũng đứt liên lạc với nhau.

Sáng 15 tháng 4, quân giải phóng lại ồ ạt tấn công vào mặt bắc thị xã An Lộc. Một số xe tăng Cộng sản đã chọc thủng phòng tuyến phía Bắc, di chuyển xuống đến nửa phía nam thành phố, nhưng một số xe tăng cũng bị bắn cháy.

Rút kinh nghiệm lần trước, quân trú phòng tập trung bắn chiến xa, không phải chỉ bằng M-72 mà bằng cả súng phóng hỏa tiễn B-40 và B-41 tịch thu được của Giải phóng quân khi họ xâm nhập thành phố. Trong các cuộc giao tranh này, Giải phóng quân để lộ rõ một khuyết điểm trầm trọng trong kỹ thuật tác chiến trong thành phố: thiếu phối hợp giữa bộ binh và cơ giới. Quân trú phòng ẩn nấp trên các cao ốc, trong các hầm trú ẩn, tại bất cứ nơi nào kín đáo mà họ thuộc nằm lòng để chĩa tất cả hòng súng đủ loại vào một mục tiêu quá lớn, và quá rõ ràng đang di chuyển trên đường phố, trong lúc đôi bên chỉ cách nhau trong vòng 10 mét thì quân trú phòng tấn công.

Do Giải phóng quân từ xa tới, không thông thạo đường xá, không biết rõ địa thế bằng những binh sĩ VNCH đang sinh sống tại An Lộc, do đó đã phát sinh thêm 1 số thiệt hại không đáng có.

Theo tài liệu từ phía quân giải phóng thì:

“Riêng Mặt trận Bình Long ta không dứt điểm được. Giữa tháng 4/1972 địch tập trung cố thủ với 5 Lữ đoàn, lực lượng Không quân chi viện tăng gấp nhiều lần trong khi ta bị thương vong hao hụt, sức tiến công giảm sút. Rõ ràng thời cơ dứt điểm Bình Long không còn, ta chuyển sang bao vây cô lập.”

Ngày 9 tháng 4/1972 tại Quảng Trị, Tiểu Đoàn 6 Thủy Quân Lục Chiến dùng M-72 (súng phóng hỏa tiễn chống chiến xa, thuộc loại vũ khí cá nhân) đã hạ khá nhiều xe tăng của quân giải phóng. Chiến thắng đầu tay này được loan truyền mạnh mẽ trên hệ thống truyền thanh Quốc Gia.

Cũng trên làn sóng này, kỹ thuật bắn chiến xa cũng được phổ biến, hướng dẫn, giải thích tường tận. Binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa, hầu như mỗi người đều có một máy thu thanh bỏ túi để nghe âm nhạc. Họ biết được hiệu quả của vũ khí chống chiến xa, và các cấp chỉ huy mặt trận cũng không bỏ lỡ cơ hội huấn luyện thêm ngay tại chỗ, như trường hợp của Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, ngay sau trận tấn công bằng xe tăng đầu tiên của Cộng Sản Bắc Việt vào An Lộc.

Ngày 15 tháng 4/1972, Trung tướng Nguyễn Văn Minh dời Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 3 đến Lai Khê để trực tiếp chỉ huy mặt trận Bình Long. Một lực lượng với 20.000 binh sĩ gồm Nhảy Dù, Bộ Binh, Thiết Kỵ được huy động để giải tỏa Quốc Lộ 13.

Cuộc đổ quân của Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù bị thiệt hại nặng ở Đồi Gió. Tiểu Đoàn 6 Dù và một pháo đội gồm 6 khẩu đại bác 105 ly bị bộ đội đánh tan nát vào lúc 17 giờ ngày 21 tháng 4/1972.

Lúc ấy, Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù, đang hoạt động bên trong phòng tuyến địch, cũng được trực thăng bốc hết về An Lộc vào ngày 16 tháng 4/1972, để tiêu diệt các tổ đặc

công của địch lọt được vào thị xã sau hai lần tấn công.

Lính Biệt Cách Dù được huấn luyện để đơn độc chiến đấu, quen cách tác chiến, thói quen và vũ khí của bộ đội để có thể giả dạng quân “giải phóng,” nên kỹ thuật tác chiến cá nhân của họ khá cao. Chính các binh sĩ Biệt Cách Dù đã tĩa các đặc công Cộng Sản cố bám vào dân, và nhờ đó, tránh một số thiệt hại cho số dân còn kẹt lại bên trong thành phố.

Sau khi quân Nhảy Dù bắt tay được với quân trấn thủ, họ liền nới rộng vòng đai về phía Nam. Không lực Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ hoạt động mạnh. Pháo đài B-52 dội bom nhiều nơi chỉ cách An Lộc một cây số về phía Bắc, gây nhiều thiệt hại cho quân tấn công. Quân trú phòng cố nới rộng vòng đai phòng thủ, đồng thời di chuyển được chừng 2.000 dân chúng ra khỏi An Lộc để chạy về Chơn Thành.

“Trận tấn công Bình Long lần 2 của ta bất thành. Sau 4 ngày đột phá liên tục, 18 trên 25 xe tăng bị cháy hoặc bị hư hỏng nặng...”

Cuộc tấn công lần thứ 3

Ngày 18 tháng 4/1972, đợt tấn công thứ ba của bộ đội vào An Lộc bắt đầu. Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, chỉ huy toàn bộ lực lượng trú phòng, đã cam kết: “Ngày nào tôi còn, An Lộc còn.”

Thêm 1 số xe tăng Cộng Sản bị hạ gần Bộ chỉ huy của Chuẩn Tướng Hưng. Pháo đài B-52 tiếp tục dội bom chung quanh. Không lực Việt Nam Cộng Hòa dồn dập yểm trợ và tiếp tế. Nhưng trước một hàng rào phòng không hùng hậu của quân giải phóng, từ đại liên 12.7 ly, các pháo phòng không 37 ly và 100 ly, hỏa tiễn tầm nhiệt cầm tay SA-7 lố nhố trong rừng cao su bao vây An Lộc, không quân VNCH chịu nhiều tổn thất, nhưng cũng chỉ có thể tiếp tế “nhỏ giọt” cho chiến trường.

Phần lớn kiện hàng tiếp tế cho quân VNCH (thả lơ lửng bằng cánh dù) từ phi cơ thả xuống đều rơi tạt ra ngoài hàng rào phòng thủ và rơi vào tay bộ đội. Nguồn tiếp tế bị cản trở, Quốc Lộ 13 vẫn tắc nghẽn trong khi quân giải tỏa vẫn tiến lên 1 cách ạch trước sức chiến đấu dữ dội của các ổ đề kháng do các chiến sĩ

Sư đoàn 7 miền Bắc đảm nhận.

Cuộc tấn công lần thứ 4

Nửa đêm về sáng ngày 21 tháng 4/1972, quân giải phóng pháo kích trên 2.000 trái đạn đủ loại vào những địa điểm trú phòng của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, rồi đánh vào thị xã từ bốn nơi khác nhau. Bốn mũi tiến quân cùng khởi động từ ở mặt Đông: tại 2 km về phía Đông Nam An Lộc, tại 3 km về phía Đông Nam, tại 1 km về phía Đông Nam, và tại 5 km cũng phía Đông Nam đều là những nơi có binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa trấn đóng. Tại mỗi địa điểm tấn công, họ sử dụng 5 hoặc 6 chiến xa cùng với một tiểu đoàn bộ đội đi theo hỗ trợ. Và lần này, đặc công Cộng Sản bên trong thị xã bắt đầu hoạt động mạnh trở lại để ăn nhíp với các hoạt động bên ngoài.

Tuy nhiên, do thiếu sự phối hợp, các mũi này không khai diễn đồng loạt, mà lại cách quãng nhau. Mũi thứ nhất lúc 4 giờ sáng, và mũi sau cùng hồi 13 giờ chiều. Nhờ thế, quân trú phòng có thể yểm trợ cho nhau một phần hỏa lực còn lại, và nhất là hỏa lực của không quân.

Có đến 17 phi vụ B-52 để yểm trợ cho An Lộc trong ngày hôm ấy. Trong số đó có 3 “pass” yểm trợ cho Tiểu Đoàn 6 Dù rút khỏi Đồi Gió, nằm 4 km về phía Đông An Lộc. Nhưng tiểu đoàn này gặp phải hỏa lực hùng hậu của địch gồm sẵn để tấn công mặt Đông Nam An Lộc đúng vào ngày này nên bị đánh tan. Tiểu Đoàn 6 Dù đã “tan hàng” hoàn toàn. Dù vậy, những đơn vị còn lại đều đẩy lui được các đợt tấn công của đối phương.

Trong lòng nửa phía Bắc thành phố An Lộc, cuộc giao tranh giữa Biệt Cách Dù và đặc công Cộng Sản tiếp tục với mức độ ác liệt, tạo thành những mảng “da beo” trên phần đất này. Hàng ngàn xác chết của cả hai bên, của thường dân, của người lớn, của trẻ em la liệt trong thành phố.

Đêm 22 rạng 23 tháng 4/1972, Bộ Tư lệnh Miền tung thêm 2 cánh quân, một đánh vào Tiểu Đoàn 8 Dù ở cửa Nam An Lộc, và một cánh quân khác đánh vào Trung Đoàn 15 của Sư đoàn 9 Bộ Binh trên Quốc Lộ 13. Cánh

quân đánh Tiểu Đoàn 8 Dù có 2 xe tăng T-54 và 2 chiếc BTR-60 (cũng thiết giáp, nhưng sức nặng và hỏa lực đều nhẹ hơn xe tăng) yểm trợ. Lúc này, quân trú phòng đã có loại súng bắn chiến xa mới mang tên XM202 từ M-72 biến cải (do lính Dù đem theo lúc đổ bộ lên An Lộc), có thể bắn liên tiếp 4 phát, với sức nóng 3.600 độ Fahrenheit mỗi trái.

Do bất ngờ mà cả 4 chiếc xe tăng đều bị cháy rụi. Bộ đội từng thiết mât tinh thần lại không được xe tăng yểm trợ nên bị đánh bật trở ra. Vị sĩ quan chỉ huy trưởng của Tiểu Đoàn 8 Dù còn liên lạc và hướng dẫn phi cơ AC-130 (có gắn pháo 105 ly bắn theo sự hướng dẫn của radar) tiêu diệt luôn 5 xe tăng khác đang chạy về phía đóng quân của Trung Đoàn 15 Bộ Binh VNCH.

Sau đợt tấn công lần thứ tư, phe Cộng Sản thay đổi chiến thuật, tiếp tục pháo kích vào thành phố.

Trong khi đó, đoạn đường Quốc Lộ 13 giữa Chơn Thành và An Lộc vẫn tiếp tục đánh nhau ác liệt. Bên Việt Nam Cộng Hòa cố tiến lên. Quân Cộng Sản cố sức giữ lại, nhiều binh sĩ của họ trong các hố chiến đấu cá nhân nằm rải rác dọc Quốc Lộ 13 để cản đường, và chỉ điểm cho pháo binh của họ từ xa bắn tới.

Binh sĩ VNCH đổ bộ xuống An Lộc

Ngày nào cũng có một số trực thăng VNCH bị rớt nhưng không có chiếc nào hạ cánh nổi xuống An Lộc. Các cuộc chuyển quân cấp đại đội của Nhảy Dù đều bị đánh bật. Về sau, họ phải di chuyển ở cấp tiểu đoàn. Mãi đến ngày 8 tháng 5/1972, lực lượng giải tỏa Quốc Lộ 13 mới tiến thêm được 6 km nữa để chiếm làng Tàu Ô, nằm giữa Chơn Thành và An Lộc. Trận giao tranh đẫm máu kéo dài 3 ngày đã gây thiệt hại nặng cho cả đôi bên. Quân Cộng Sản đã xây những hầm chiến đấu kiên cố sâu đến 6 mét dưới lòng đất khiến phi cơ không thể nào phá nổi. Quân giải tỏa phải đánh cận chiến, đánh bằng lựu đạn, và chiếm cứ từng hầm hố, từng địa đạo, từng căn nhà, từng thước đất một.

Lúc ấy, hai trung đoàn của Sư Đoàn 21 Bộ Binh VNCH tức tốc được trực thăng vận

xuống phía Bắc của làng Tàu Ô để rồi đánh thốc xuống, trong khi đó một cánh quân khác từ phía Nam đánh lên. Trước khi chiếm làng này, lực lượng giải tỏa đã phải đối đầu với 4 tiểu đoàn Cộng Sản và 2 tiểu đoàn pháo và đặc công tăng cường mạn Bắc làng Tàu Ô. Lực lượng giải tỏa của quân đội Việt Nam Cộng Hòa cố lập một phòng tuyến tại đây, tạo một đầu cầu trên đường tiến vào An Lộc.

Cuộc tấn công lần thứ 5

Đúng 0 giờ ngày 11/5/1972, giờ khởi đầu của tình trạng thiết quân luật trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, bộ đội mở một màn pháo kích ào ạt thị xã An Lộc. Đến 4 giờ sáng, pháo binh ngừng bắn. Sau khi chịu đợt “tiền pháo,” tất cả binh sĩ VNCH đều vọt ra khỏi hầm trú ghìm súng chờ đợi “hậu xung.”

Không lâu sau đó bộ đội Sư đoàn 5 QDND chia 3 cánh từ hướng chính Bắc, Đông Bắc, và Tây Bắc với quân số của mỗi cánh quân ở cấp trung đoàn, được yểm trợ bởi các xe tăng T-54 dẫn đầu đánh ập xuống nửa thị xã phía trên. Ở ngã Đông Bắc, họ đột nhập vào khu Chợ Mới, sát bên phòng tuyến của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Trận giao tranh tại đây càng lúc càng kéo dài, mãi đến 8 giờ 30 sáng. Mặt Bắc thành phố là mặt bị uy hiếp nặng nhất ngay từ đầu cuộc chiến. Các cánh quân tấn công ập phục trong đồn điền cao su Quản Lợi và từ Quốc Lộ 13 bây giờ đồng loạt kéo ra như vũ bão.

Ở mặt chính Bắc và Tây Bắc, bộ đội huy động một lực lượng hùng hậu có chiến xa dẫn đầu để tiến công. Các xe tăng dẫn đầu đã chọc thủng thành công phòng tuyến Tây Bắc. Theo sau là hai trung đoàn bộ binh miền Bắc. Tuy nhiên đoàn xe tăng phóng quá nhanh làm các bộ đội theo không kịp. Chiến xa tách rời bộ binh, liền lập tức bị các binh sĩ VNCH dùng hỏa tiễn M-72, XM202 và cả súng B-40 (tích thu lúc trước) bắn hạ luôn một lúc 8 chiếc. Tuy nhiên, bộ đội kịp thời tràn đến áp đảo, quân VNCH rút lui.

Đúng lúc hai trung đoàn bộ đội từ mạn Tây Bắc tràn vào thành phố, hàng loạt bom B-52 thả xuống trúng đích, và chỉ cách bìa

thành phố một cây số khiến quân giải phóng không thể mở rộng, tạo đột phá khẩu vào thành phố. Chỉ trong ngày này, Bộ Tư Lệnh Hoa Kỳ tại Việt Nam đã dành cho chiến trường An Lộc 20 phi vụ B-52 với 2.000 tấn bom đủ loại. Một lần nữa quân VNCH lại thoát hiểm.

Cùng lúc đó, cánh quân thứ tư của Sư Đoàn 9 QDND với một trung đoàn được yểm trợ bởi 10 xe tăng dẫn đầu, đã đánh thốc từ dưới lên trên, theo ngã Tây Nam vào lúc 6 giờ 30 sáng. Lực lượng trú phòng giữ mặt này chống trả dữ dội nên mũi tấn công không thể tiến thêm được. Tuy nhiên, ở cả hai mặt Bắc lẫn Nam, một số đơn vị đã xâm nhập được vào thành phố và chia thành nhiều tổ chiến đấu nhỏ, buộc quân VNCH suốt ngày 12 tháng 5/1972, phải cố sức đánh cận chiến để đẩy các toán quân giải phóng ra ngoài. Mãi cho đến tối, chiến trường mới tạm lắng dịu. Pháo binh lại bắn liên hồi vào bên trong An Lộc.

Cuộc tấn công lần thứ 6

Sau 4 tiếng đồng hồ để cho pháo binh tác xạ, đồng thời xếp đặt lại đội ngũ, bộ đội lợi dụng thời tiết xấu với những cơn mưa như trút tấn công vào, từ cả ba mặt Đông Bắc, Tây và Nam. Như vậy, họ đã liên tục tấn công vào 6 mặt chung quanh An Lộc trong 3 ngày liên tiếp. Trong 3 ngày giao tranh, có đến 600 binh sĩ của đôi bên chết ngổn ngang trên đường phố, chưa kể số tổn thất của phía Cộng Sản vì B-52. Do thiệt hại nhiều, binh lính Biệt Cách Dù phải tạo dựng được một nghĩa địa để chôn cất người chết. Nghĩa địa Biệt Cách Dù nằm sát ngôi chợ Bình Long và được khắc 2 câu thơ :

An Lộc địa, sử ghi chiến tích

Biệt Cách Dù vị quốc vong thân

Gần 40 ngày đã trôi qua, và lực lượng tấn công dù chuẩn bị kỹ càng cũng gặp khó khăn do lương thực và đạn dược cho một trận chiến quá lâu dài với một cường độ khốc liệt như vậy. Bom đạn hàng ngày tàn phá các vị trí tiếp liệu, đánh phá các đường tiếp tế. Vũ khí, đạn dược mỗi ngày một hao mòn. Trên 50 chiến xa bị bắn cháy. Bộ đội miền Bắc lớp chết, lớp bị thương phải lo di tản... Bao nhiêu sự khó khăn dồn dập trong lúc hậu phương lại quá xa. Mỗi ngày qua

đi là gánh nặng càng thêm chồng chất.

Hàng này, các chiến sĩ giải phóng đã chia nhau đi lượm những cánh dù tiếp tế bị gió thổi bay ra khỏi vòng đai an ninh của VNCH. Quân trú phòng Việt Nam Cộng Hòa cũng chẳng hơn gì. Hàng trăm thương binh không được di tản từ 40 ngày qua nằm dài chung quanh các phi trường để mỗi mòn chờ đợi trực thăng. Nhưng sân bay nào cũng là mục tiêu chọn sẵn của pháo binh giải phóng. Vừa thấy bóng trực thăng thấp thoáng ở đâu là pháo binh câu ngay đến đó. Tuy vậy, thỉnh thoảng một vài phi công gan lì cũng đáp xuống được, di chuyển được một số binh sĩ.

Trong khi đó, càng tiến đến An Lộc, đoàn quân giải tỏa càng bị thiệt hại nặng. Trung Tướng Nguyễn Văn Minh đành thay đổi chiến thuật: Ưu tiên vào việc càn quét những đơn vị chung quanh An Lộc và dọc theo quốc lộ 13, sau đó dọn đường cho lực lượng Bộ Binh tiến vào An Lộc. Toàn bộ Sư Đoàn 21 Bộ Binh và các lực lượng tăng phái gồm Trung Đoàn 9, Biệt Động Quân Biên Phòng, Thiết Giáp, Nhảy Dù quyết thu ngắn khoảng cách.

Pháo đài bay B-52, phản lực cơ và oanh tạc cơ đã ráo riết tấn công để dọn đường. Quân giải tỏa ào ạt tiến lên, vượt được suối Tàu Ô, qua Tân Khai, Xa Cát, Xa Trạch. Nhưng đến trưa 16 tháng 5/1972, đoàn quân này chỉ còn cách An Lộc khoảng 3 km thì bị khựng lại bởi sức phản kích quyết liệt của bộ đội.

Cuộc tấn công lần thứ 7

Ngày 19 tháng 5/1972 là ngày mừng sinh nhật chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo tin tức của một tù binh cao cấp miền Bắc bị bắt tại An Lộc thì bộ tham mưu phe Cộng sản sẽ cử hành lễ này trước đó 3 ngày, để khích lệ tinh thần chiến sĩ lần chót quyết chiếm thị trấn này vào ngày 19 tháng 5/1972, mừng sinh nhật Bác Hồ.

Nhưng do một toán Biệt Kích VNCH khi được tung vào vùng tình nghi 16 km về phía Tây Nam tỉnh Bình Long đã phát hiện vị trí của ban tham mưu nên sau khi nhận đúng tọa độ, toán Biệt Kích gọi về Bộ Chỉ Huy Hành Quân. Sáu phi vụ B-52 đã liên tiếp dội bom xuống vùng này. Do đó, bộ đội đã không thể mở được

trận đánh vào ngày 19 tháng 5/1972 như đã dự định.

Tuy nhiên, sau khi mau chóng sắp xếp lại lực lượng, ngày 23 tháng 5/1972, từ rạng sớm cho đến xế chiều, quân miền Bắc lại mở liên tiếp 4 đợt tấn công bằng xe tăng vào các đơn vị Việt Nam Cộng Hòa tại khu vực Nam và Tây Nam An Lộc, cách thị trấn này từ 1 đến 5 km, nhưng mũi tiến công của họ không còn sắc bén như lúc đầu, nên 1 lần nữa, họ bị đẩy lui. Sau khi trận đánh này kết thúc, có thêm 13 xe tăng Cộng Sản bị hạ, gồm 5 chiếc T-54 và 8 chiếc PT-76.

Trong lúc này, lực lượng cố thủ tại An Lộc đã rất kiệt quệ, nếu có thể mở thêm 1 đợt tấn công lớn nữa, ắt An Lộc sẽ thất thủ. Tuy nhiên, do những thắng lợi vượt ngoài dự đoán của quân giải phóng ở mặt trận Trị Thiên (chiến dịch Trị Thiên) mà những lãnh đạo cấp cao của quân đội ở Hà Nội quyết định chuyển hướng, không tập trung tấn công ở Đông Nam Bộ nữa mà ưu tiên chuyển quân lính, trang thiết bị và binh khí kỹ thuật hiện đại sang chiến trường Trị Thiên. Không nhận được tiếp liệu đầy đủ, quân giải phóng ở An Lộc gặp nhiều khó khăn.

Lúc này, lực lượng giải tỏa vẫn ỉ ạch tại đồn điền Xa Cam và Quốc lộ 13 vẫn bị mai phục bằng pháo và các ổ phục kích. Hai trung đoàn Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa vẫn tiếp tục lục soát, tảo thanh chung quanh vòng đai phía Nam An Lộc. Qua máy truyền tin, các lực lượng An Lộc biết được quân tiếp viện còn cách họ không xa mấy.

Không quân chiến thuật yểm trợ quân Việt Nam Cộng Hòa tại vùng Nam An Lộc, trong lúc không quân chiến lược với B-52 liên tiếp dội bom xuống phía Bắc thị trấn, phá vỡ các kho vũ khí, đạn dược ít ỏi vừa mới được miền Bắc chuyển tới.

Theo phía VNCH, Trung Ương Cục R (bộ chỉ huy của toàn thể lực lượng quân giải phóng tại miền Nam Việt Nam) khẩn báo về Trung Ương Đảng ngoài Bắc về sự thiệt hại nặng nề của các đơn vị tham chiến tại An Lộc. Bản báo cáo này nêu rõ trường hợp điển hình là Trung Đoàn 209, sau một thời gian trấn giữ ở hai địa danh Bầu Bàng và Tàu Ô đã tan nát.

Mỗi đại đội còn không đầy 30 người, và mỗi tiểu đoàn chỉ còn khoảng 90 so với quân số lúc đầu là 350 người. Cục R cũng than phiền khả năng chiến đấu của Sư đoàn Bình Long quá yếu kém, vì phân nửa lực lượng này là lính Khmer Đỏ, tinh thần kém.

Trong tình thế này, quân lực Việt Nam Cộng Hòa tại mặt trận An Lộc dần dần chuyển từ thế thủ ra công, giải tỏa được vòng vây đối phương.

Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, khi tiếp xúc với báo chí tại Lai Khê ngày 31 tháng 5/1972 đã mô tả trận chiến này là trận đánh khó khăn nhất và dài nhất trong cuộc đời binh nghiệp của ông. Ông thừa nhận:

“Cộng Sản Bắc Việt đã đạt được một lợi thế ngay từ đầu với quân số đông gấp bốn lần, và quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã phải chấp nhận khá nhiều tổn thất. Tuy nhiên, sau 54 ngày giao tranh, Cộng quân đã thiệt hại ít nhất là 30.000 bộ đội trong tổng số 4 sư đoàn (trên thực tế chỉ có 10.000 chiến sĩ chết và 15.000 bị thương, không đến 30.000 như tướng Minh nói). Mưu đồ của Cộng Sản Bắc Việt mong tiến đánh thủ đô Saigon đã hoàn toàn bị chặn đứng tại An Lộc.”

Trung tướng Trần Văn Trà nhận xét về trận An Lộc

“Trận An Lộc, quân giải phóng đã chịu nhiều bất lợi: hành quân gấp; vũ khí, đạn dược thiếu thốn; công tác tiếp vận kém. Địch có hỏa lực áp đảo do Hoa Kỳ hỗ trợ, đặc biệt là máy bay B-52. Quân giải phóng đã chịu một thiệt hại không nhỏ nhưng từ đó chúng ta đã rút ra được những bài học vô giá cho các chiến dịch sau này, đồng thời cũng nhận ra sự yếu kém của địch nếu không có sự yểm trợ từ hỏa lực Hoa Kỳ”

Cũng vào ngày cuối tháng 5/1972, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã bay thị sát hai mặt trận Kontum và Thừa Thiên, cả hai mặt trận đều đang đắm chìm trong lửa đạn. Đồng thời tổng thống cũng phát động chiến dịch 18 ngày thi đua “giết giặc” mừng ngày quân lực 19 tháng 6. Chiến dịch sau đó có kết quả tốt; giải tỏa thị xã Kontum, khắc phục Quốc Lộ 13

để mở đường tiếp viện cho An Lộc một tuần sau đó.

Kết thúc trận An Lộc

Số liệu thiệt hại của Quân đội Nhân dân Việt Nam trong trận An Lộc

Thiệt hại (chết hoặc bị thương)

Sư đoàn 5: 9.230 - Sư đoàn 7: 8.600 - Sư đoàn 9: 10.680 - Đơn vị pháo binh 69: 3.830 - Các đơn vị độc lập khác: 3.130

Trung Đoàn 33 thuộc Sư Đoàn 21 Bộ Binh và Trung Đoàn 15 thuộc Sư Đoàn 9 cùng tiểu đoàn Nhảy Dù song song tiến lên, khởi đầu từ Xa Trạch. Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù bị đánh tan nát từ ngày 21 tháng 4/1972 tại Đồi Gió cũng đã được tái bổ sung.

Với sự hỗ trợ của hai trung đoàn bạn, Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù càn quét các đơn vị Cộng Sản cản đường, và chiều tối ngày 8 tháng 6/1972, Đại Đội 62 của Tiểu Đoàn 6 Dù bắt tay được với một đại đội của Tiểu Đoàn 8 Dù trấn giữ vùng Nam An Lộc từ ngày 17 tháng 4/1972.

Trước đây hai Tiểu Đoàn 6 và 8 đã được trực thăng vận xuống ấp Srok Ton Cui ngày 15 tháng 4, nhưng lạc nhau kể từ đó. Đến nay lại gặp nhau trên cửa ngõ An Lộc, các binh sĩ của hai tiểu đoàn đến ôm chầm lấy nhau, siết chặt tay nhau, mừng mừng, tủi tủi. Trung Đoàn 15 thuộc Sư Đoàn 9 và Trung Đoàn 33 thuộc Sư Đoàn 21 Bộ Binh, những đơn vị kèm chặt bộ đội để tiểu đoàn Nhảy Dù tiến lên, cũng cử những đơn vị đại diện đến bắt tay với lực lượng bên trong An Lộc.

Vòng đai bảo vệ thị trấn An Lộc được mở rộng, trực thăng có thể đáp an toàn để tải thương, đồng thời tiếp viện và tiếp tế cho chiến trường. Hàng chục ngàn binh sĩ được đổ vào An Lộc với đầy đủ lương thực, để thay thế bớt cho những binh sĩ đã kiệt sức, hoặc quá mệt mỏi. Tuy nhiên, phần lớn lực lượng của Sư Đoàn 21 Bộ Binh của Tướng Hồ Trung Hậu,

vẫn ở ngoài thị trấn.

Sau cuộc giao tiếp đối với cánh quân giải tỏa Quốc Lộ 13, quân VNCH dồn mọi nỗ lực để tiêu diệt địch chung quanh An Lộc, nhất là những ổ phòng không và đại pháo của Cộng Sản còn sót lại.

Ngày 9 tháng 6/1972, lần đầu tiên kể từ hai tháng qua, một đoàn trực thăng 23 chiếc hạ cánh an toàn xuống An Lộc, vừa tiếp tế, vừa đổ quân, để rồi bốc thương binh ra. Quân trú phòng phản khởi, tiến lên chiếm lại những vị trí của đối phương cố thủ tại phía Bắc An Lộc. Những tổ kháng cự bên trong thị trấn cũng lần lượt bị hạ. Cuộc di tản thương binh và thường dân vẫn được tiếp diễn đều đặn.

Ngày Chủ nhật 11 tháng 6/1972, Tổng Thống Thiệu chuyển lời khen ngợi nồng nhiệt của ông đến Trung Tướng Nguyễn Văn Minh, Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng, Chuẩn Tướng Hồ Trung Hậu (tư lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh), và tất cả các đơn vị trưởng cùng toàn thể các chiến sĩ thuộc mọi quân binh chủng đã chiến đấu bảo vệ thị xã An Lộc và khai thông Quốc Lộ 13.

Trong lúc đó, Liên Đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù và Liên Đoàn 3 Biệt Động Quân đã cùng song song tiến lên mặt Bắc An Lộc. Tiểu Đoàn 36 Biệt Động Quân cắm ngọn cờ vàng ba sọc đỏ đầu tiên tại trại gia binh pháo binh ngày 12 tháng 6/1972. Kế đó, Tiểu Đoàn 52 Biệt Động Quân đánh lên mặt Tây Bắc, sát sân bay và cạnh đồi Đồng Long. Tiểu Đoàn này đã chế ngự một cao điểm sát đồi Đồng Long để yểm trợ cho lực lượng Biệt Cách Dù tấn công chiếm được ngọn đồi, cắm cờ trên đồi này. Ngọn đồi này cao 128 mét, và là nơi quân giải phóng đặt pháo bắn vào An Lộc từ mấy tháng qua.

Sau cái bắt tay giữa hai tiểu đoàn Nhảy Dù vào ngày 8 tháng 6/1972 lực lượng trú phòng tại An Lộc dò dẫm tiến lên mạn Bắc Quốc Lộ 13 và nới rộng thêm vòng đai phòng thủ. Ngày 12 tháng 6/1972 khi quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa bay trên đỉnh đồi Đồng Long, Tướng Lê Văn Hưng tuyên bố với phái viên Vô Tuyến Việt Nam, “Thành phố An Lộc được hoàn toàn giải tỏa.”/.

TỰ TRÀO



Tôi thường với bạn lai rai ,
Và vui thú với một vài câu thơ .
Vợ chê : - “ Ông giống thằng khờ !
Suốt ngày mơ mộng làm thơ hão huyền ,
Thơ không bán được ra tiền ,
Nợ nần chồng chất tôi điên cái đầu !
Nhìn ông tôi thấy phát rầu :
Miệng thì lẩm bẩm , lâu lâu lại cười .
Tôi chán ông quá ông ơi ,
Sao tôi lại lấy phải người như ông ?! “
“ Xin bà đừng nói lòng bông ,
Thơ không kiếm được ra đồng nào tiêu
Nhưng thơ giúp ích rất nhiều ,
Giúp tôi thư giãn , thấy yêu cuộc đời .
Tâm hồn thư thái vui tươi ,
Không cần uống thuốc mà người khỏe ru !
Bà chê tôi rất “ lù khù “ ,
Nhưng tôi vẫn khỏe vác lu cho bà !
Bao nhiêu việc nặng trong nhà ,
Tôi đều giải quyết thật là trơn tru .
Tôi cho bà được thẳng cu ,
Tông đường nối dõi bà “ xù “ tôi sao ?!
Bà đừng lên mặt làm cao ,
Thì nhân vốn quý thời nào cũng mê ...”

San Jose , Vào hạ 15 – 5 - 2025

LS. PHẠM NGỌC ANH

NỀN CỘNG HÒA VÀ HIẾN PHÁP VNCH



THIỆU Ý

Thấm thoát mà đã 62 năm (1956-2018), nền cộng hoà được thiết lập tại Việt Nam với bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hoà ban hành ngày 26-10-1956 tại Miền Nam Việt Nam.

Năm nay, nhân ngày 26-10-2025, nghĩ về Hiến pháp Việt Nam Cộng Hoà ban hành ngày 26-10-1956, chúng tôi muốn gửi bài viết này đến quý độc giả người Việt Nam không cộng sản trong cũng như ngoài nước, đề cùng tự hào với quá khứ, rằng chúng ta đã chọn đúng nền tảng một chế độ chính trị phù hợp với ý nguyện của toàn dân và tin tưởng mãnh liệt ở tương lai, rằng nhất định chúng ta sẽ thiết lập được một chế độ dân chủ trên nền tảng cộng hoà đã được xác lập 62 năm qua tại Việt Nam. Nội dung bài viết lần lượt trình bày:

I - BỐI CẢNH LỊCH SỬ HÌNH THÀNH NỀN CỘNG HÒA TẠI VIỆT NAM

Như quý độc giả đã biết, sau Thế Chiến II, chủ nghĩa thực dân cũ đã bước vào thời kỳ suy tàn, xu thế giải thực đã buộc các đế quốc từng có nhiều thuộc địa như Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan... đã phải lần lượt trao trả độc lập cho các nước bị trị. Điển hình là một số nước trong vùng Đông Nam Á như Ấn Độ và Hồi Quốc được Đế Quốc Anh



TT Ngô Đình Diệm

trao trả độc lập năm 1947; Indonesia được Hà Lan trao trả độc lập năm 1949; Triều Tiên được Nhật trao trả độc lập năm 1945; Lào và Cao Miên Pháp trao trả độc lập năm 1953...

Do đó, theo nhận định của nhiều sử gia và học giả nghiên cứu chính trị và lịch sử, thì chẳng cần cuộc kháng chiến gian khổ 9 năm do đảng Cộng Sản Việt Nam (CSVN) phát động và chủ đạo tiến hành (1946- 1954) làm hao tổn quá nhiều xương máu nhân dân, tàn phá tài nguyên đất nước không cần thiết theo chủ trương “tiêu thổ kháng chiến” của Việt Minh cộng sản, để có được cái gọi là “*Chiến thắng Điện Biên lịch sử*” (7-5-1954), thì thực dân Pháp sớm muộn cũng phải trao trả độc lập cho Việt Nam cũng như nhiều thuộc địa khác. Chẳng qua Ông Hồ Chí Minh và Cộng đảng Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến này, chỉ là lợi dụng lòng yêu nước của nhân dân, dùng chiêu bài độc lập dân tộc để “**cướp chính quyền**”; sau đó áp đặt chế độ độc tài đảng trị CS tại Việt Nam, thực hiện tham vọng bành trướng lãnh thổ, nhuộm đỏ toàn cầu của cộng sản quốc tế, đứng đầu là hai tân đế quốc Đỏ Nga-Tàu.

Thật vậy, trên thực tế, trước áp lực của xu thế giải thực, thực dân Pháp đã phải lùi

từng bước, trao trả độc lập từng phần cho Việt Nam, qua các Hiệp Định Vịnh Hạ Long ngày 5 tháng 6 năm 1948, “*đề cử*” hoàng đế Bảo Đại làm Quốc Trưởng, và Pháp thừa nhận Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Quốc trưởng Bảo Đại như là một quốc gia độc lập nằm trong Liên Hiệp Pháp. Ngày 8 tháng 3 năm 1949 Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Quốc trưởng Bảo Đại đã ký “*Thỏa Ước Elysée*”. Theo đó, Pháp hứa sẽ xây dựng cho Việt Nam một quân đội quốc gia chống cộng. Đây là khởi điểm của sự thành lập Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, gồm có các binh lính và sĩ quan gốc “*Khố Xanh Khố Đỏ*” của Pháp chuyển qua. Chính những sĩ quan có xuất thân này, đã nắm vận mệnh quốc gia sau khi đảo chánh lật đổ Tổng Thống Diệm, và đã góp phần làm mất Miền Nam vào tay cộng sản (30-4-1975).

Thế rồi, cuối cùng thực dân Pháp cũng đã phải trao trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam vào năm 1954. Nhưng Việt Nam có số phận không may đã rơi vào thế gọng kìm của một chiến lược quốc tế mới hậu Thế chiến II, với cuộc chiến tranh ý thức hệ (*cộng sản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa*), nên đất nước bị chia phân theo Hiệp Định Genève ngày 20-7-1954 ký kết giữa thực dân Pháp và Việt Minh cộng sản, có ý nghĩa như là Pháp (*quân cướp nước*) đã mất nửa thuộc địa Miền Bắc cho đảng cộng sản (*phường bán nước cho quốc tế CS Nga-Tàu*). Chính quyền chính thống quốc gia của Quốc trưởng Bảo Đại, với thủ tướng chính phủ Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ, không ký vào Hiệp định Genève 1954, nên không có trách nhiệm thi hành, nhưng phải tiếp nhận độc lập chủ quyền quốc gia trên nửa nước Miền Nam, phải chấp nhận một thực tế bị áp đặt trái với ý nguyện của nhân dân Việt Nam. Vì vậy trên nguyên tắc quốc gia Việt Nam vẫn là một, chỉ tạm thời chia cắt để chờ cơ may thống nhất đất nước.

Hệ quả là một nửa nước Miền Bắc rơi vào tay đảng CSVN thiết lập “*Nền Chuyên Chính Vô Sản*”, trên đó xây dựng chế độ độc tài toàn trị cộng sản, với quyền thống trị độc tôn, độc quyền của đảng CSVN, một công cụ chiến lược của hai tân đế quốc đỏ Nga-Tàu.



Quốc Hội của VNCH

Nửa nước Miền Nam Việt Nam được trao trả cho chính quyền chính thống quốc gia Việt Nam, thiết lập nền Cộng Hòa trên đó xây dựng chế độ tự do dân chủ, tức Việt Nam Cộng Hòa, với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ và các đồng minh Thế giới Tự do trên nguyên tắc, song trên thực tế đã bị Hoa Kỳ biến thành công cụ chiến lược một thời của mình; dù chỉ là một công cụ ngay tình (*bị ép buộc*) khác với đảng cộng sản Việt Nam đã là công cụ tri tình (*trinh nguyện, chủ động thực hiện nghĩa vụ công cụ*) cho cộng sản quốc tế Nga-Tàu. Vì đảng CSVN đã tình nguyện làm một công cụ bành trướng của cộng sản quốc tế, đứng đầu là Nga-Tàu lúc đó, nên đã phát động và tiến hành cuộc chiến tranh cốt nhục tương tàn kéo dài 21 năm để thôn tính Miền Nam Việt Nam (1954-1975) và cộng sản hóa cả nước cho đến nay đã 43 năm rồi (1975-2018).

Trong khi đó, chính quyền chính thống quốc gia và nhân dân Miền Nam, trong thế chẳng đặng đừng đã phải làm tiền đồn chống cộng cho Hoa Kỳ và phe Thế giới tự do; buộc lòng phải thực hiện cuộc chiến tranh tự vệ để ngăn chặn, đẩy lùi cuộc chiến tranh xâm lược đó của CSBV, để bảo vệ phần đất tự do Miền Nam; trong ý hướng giữ vững độc lập quốc gia, chủ quyền dân tộc, để vừa chiến đấu chống cuộc xâm lăng của CSBV, vừa nỗ lực xây dựng thành công chế độ dân chủ pháp trị Việt Nam Cộng Hòa, tiến tới thống nhất đất nước, không phải bằng bạo lực quân sự, mà bằng sự ưu thắng của chế độ dân chủ pháp trị VNCH và

nền kinh tế tự do phát triển phồn vinh ở Miền Nam; trên chế độ độc tài toàn trị CSBV và nền kinh tế chỉ huy nghèo nàn lạc hậu ở Miền Bắc. Nghĩa là chính quyền và nhân dân Miền Nam, muốn tiến tới tình trạng như Nam Bắc Hàn hiện nay, mà sự thống nhất Hàn Quốc một cách hòa bình, với sự ưu thắng của Nam Hàn dân chủ phồn vinh trên Bắc Hàn độc tài cộng sản nghèo đói và lạc hậu, chỉ còn là vấn đề thời gian.

Chính vì mục tiêu và lý tưởng vừa nêu, nền cộng hòa đã được xác lập tại Việt Nam, bằng bản Hiến pháp ban hành ngày 26-10-1956, trên đó xây dựng chế độ dân chủ pháp trị Việt Nam Cộng Hòa thay thế cho chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại nhiều thế kỷ trước đó tại Việt Nam.

II - NỀN CỘNG HÒA VÀ HIẾN PHÁP VIỆT NAM CỘNG HÒA 1956.

1 - Nền cộng hòa và cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Theo tự điển Hán Việt của học giả Đào Duy Anh, cộng hòa (*Republic: Cộng đồng, dân chúng*) có ý nghĩa như là nền tảng cho một chế độ dân chủ, chế độ cộng Hòa (*Republican Regime*) với “*Chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân*”. Cố tổng thống Ngô Đình Diệm được coi là người khai sáng nền cộng hòa như thế tại Việt Nam.

Sử liệu cận đại Việt Nam ghi nhận các sự kiện có ý nghĩa sau đây: ngày 7 tháng 7 năm 1954, chí sĩ Ngô Đình Diệm đang sống lưu vong ở hải ngoại đã về nước chấp chánh theo sự ủy thác của vua Bảo Đại trong ngôi vị Thủ tướng chính phủ chính thống quốc gia Việt Nam, để chống cộng và nếu cần chống cả thực dân và phong kiến để bảo vệ tổ quốc (*Như hồi ký của cựu hoàng Bảo Đại đã viết*). Vì xu thế thời đại, Thủ Tướng Diệm không thể duy trì thể chế quân chủ chuyên chế, nên với sự hậu thuẫn của 18 đoàn thể chính trị (*Hội Đồng Cách Mạng Quốc gia*), họp tại Dinh Độc Lập đã quyết định thiết lập chế độ cộng hòa, theo xu thế thời đại, đáp ứng ý nguyện của quốc dân, qua cuộc trưng cầu dân ý ngày 23-10-1955 truất phế vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của

chế độ quân chủ chuyên chế Việt Nam thiết lập nhiều thế kỷ trước đó, tôn vinh Thủ Tướng Ngô Đình Diệm là Tổng Thống đầu tiên chế độ Việt Nam Cộng Hòa.

Để có căn bản pháp lý, ngày 26-10-1955 Thủ tướng Ngô Đình Diệm đã ban hành Hiến Ước Tạm Thời Số 1, và ngày 23 tháng 1 năm 1956 đã ký ban hành Dự Số 8 thiết lập Quốc hội Lập hiến định hướng cho chế độ cộng hòa sẽ được xác lập. Trên căn bản các văn kiện pháp lý hành chánh này, nhân dân Miền Nam lần đầu tiên được cầm lá phiếu với tư cách là công dân một nước độc lập, có chủ quyền, đi bầu người đại diện vào Quốc hội Lập hiến để thay mặt mình soạn thảo ra một bản hiến pháp dân chủ trên nền tảng cộng hòa đầu tiên. Trong vòng 9 tháng sau, Quốc hội do dân bầu này đã hoàn thành bản Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa và ngày 26 tháng 10 năm 1956, Thủ tướng Ngô Đình Diệm đã ký ban hành bản hiến pháp đầu tiên làm căn bản thiết lập các định chế quốc gia, với tam quyền phân lập và cơ cấu của một chính quyền cộng hòa với chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân.

2 - Nền cộng hòa và Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa 1956.

Như trên đã trình bày nền cộng hòa là nền tảng của một chế độ chính trị với chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân, theo học thuyết chính trị dân chủ Phương Tây; tương tự quan niệm dân chủ Phương Đông “*Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*”, đều lấy “*Dân làm gốc*”. Tiếc rằng, quan niệm dân chủ này chỉ có trong sách vở ở xã hội phong kiến, thực tế vua vẫn là tối thượng, chủ quyền quốc gia thuộc về vua, chứ không phải của toàn dân. Cũng như trong “*nền chuyên chính vô sản*” chủ quyền quốc gia thuộc về đảng cộng sản, quyền “*Làm chủ của nhân dân*” chỉ là bánh vẽ lừa mị nhân dân, che mắt quốc tế.

Vì vậy muốn chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân, cần xây dựng một chế độ dân chủ trên nền tảng cộng hòa. Để thiết định chế độ dân chủ cộng hòa này, cần có một bản hiến pháp, là một văn kiện pháp lý căn bản

qui định rõ quyền lợi nghĩa vụ người dân trong, tương quan với chính quyền và nghĩa vụ của các cơ quan công quyền, với các viên chức được người dân ủy quyền qua lá phiếu trong các cuộc bầu cử tự do, chọn người đại diện cho dân, làm nhiệm vụ công bộc ăn lương của dân, điều hành guồng máy công quyền quốc gia, từ thượng tầng kiến trúc đến hạ tầng cơ sở, theo ý nguyện của người chủ đất nước là nhân dân, sao cho xã hội ổn định, phát triển, quốc gia phú cường, mọi tầng lớp nhân dân có điều kiện phát triển đồng đều, “*cộng đồng đồng tiến*”, có đời sống tự do, ấm no để mưu cầu hạnh phúc riêng (*cá nhân*) cũng như chung (*tập thể*).

Trong ý hướng trên, bản Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa đầu tiên được soạn thảo và ban hành ngày 26-10-1956 và sau đó bản Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa thứ hai được ban hành ngày 1-4-1967.

Bản Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa 26-10-1956 được soạn thảo dựa trên hai nền tảng triết lý và chính trị. Nền tảng triết lý là triết học duy tâm, lấy con người là trung tâm, là chủ thể xã hội và là đối tượng phục vụ của xã hội. Nền tảng chính trị là chủ nghĩa nhân vị, trên đó thiết lập chế độ cộng hòa với chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân, các quyền dân chủ, dân sinh và nhân quyền được tôn trọng, bảo vệ và hành xử. Chủ đích của các nhà lập hiến khi chọn chủ nghĩa Nhân Vị làm nền tảng cho chế độ Cộng Hòa để soạn thảo ra Hiến Pháp hữu thần Việt Nam Cộng Hòa là để đối kháng với triết học duy vật và chủ nghĩa Cộng Sản vô thần, là nền tảng hiến pháp của chế độ vô thần Cộng sản Bắc Việt, vốn coi tôn giáo như thuốc phiện mê hoặc con người; con người chỉ là sản phẩm kinh tế, là công cụ của xã hội, cá nhân phải phục vụ xã hội và quyền lợi cá nhân phải hy sinh cho quyền lợi tập thể (*thực chất cũng như thực tế là hy sinh cho quyền lợi của một tập đoàn thống trị độc quyền là đảng CSVN*), trong một xã hội mà những người cộng sản muốn áp đặt, đó là xã hội “*Xã hội chủ nghĩa*”, giai đoạn đầu của “*xã hội cộng sản*” mà đỉnh cao là “**Thiên đường cộng sản**” (!?!).

Tham vọng của các nhà lập hiến Việt

Nam khi chọn chủ nghĩa Nhân Vị làm nền tảng cho Hiến pháp chế độ cộng hòa như là một vũ khí lý luận để đánh bại đối phương về mặt ý thức hệ. Đối phương lúc đó là đảng CSVN đã thiết lập ở Miền Bắc một chế độ độc tài đảng trị CS bằng bản Hiến pháp năm 1958, ngụ ý dân chủ, ngụ ý cộng hòa (*xanh vỏ, đỏ lòng*). Vì Hiến pháp này chỉ giữ lại bằng hiệu “**Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa**”, của Hiến pháp 1946 (*Một bản Hiến pháp tiến bộ, hợp lòng dân, do Quốc hội liên hiệp Quốc-cộng soạn thảo trên nền tảng dân chủ, cộng hòa thật, nhưng chưa thực hiện được. Vì sao? Chúng tôi sẽ trình bày trong một bài viết khác*), nhưng hình thức và nội dung rập khuôn Hiến pháp 1936 của cộng sản Liên Xô vốn xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa xã hội hay cộng sản.

Với vũ khí lý luận là chủ nghĩa Nhân Vị và chế độ dân chủ cộng hòa, các nhà lập hiến VNCH tin rằng, người dân sẽ thấy được hai con đường “*Nhân vị chủ nghĩa*” và “*Cộng sản chủ nghĩa*” dẫn đến mục tiêu tối hậu hoàn toàn trái ngược: “*Chủ nghĩa nhân vị*”: Xây dựng một xã hội vì con người, tôn trọng phẩm giá con người và xã hội phải phục vụ lợi ích tối thượng của con người. Trong khi “*chủ nghĩa cộng sản*”: xây dựng một xã hội vì đảng CSVN, nô dịch và xã hội hóa con người, biến con người thành công cụ phục vụ xã hội (*thực chất là phục vụ giai cấp thống trị*), nhân vị bị hạ thấp ngang tầm loài vật (*theo lý luận và thực hành Duy vật biện chứng của CS*).

Đồng thời, chủ nghĩa Nhân Vị sẽ là nền tảng cho chế độ chính trị Cộng Hòa, để bảo đảm được nhân vị và các nhân quyền căn bản của người dân. Trong bối cảnh cuộc chiến tranh chống cộng bảo vệ nền Cộng Hòa và chế độ dân chủ VNCH, chủ nghĩa Nhân Vị giúp người dân phân biệt được mục tiêu và lý tưởng tranh đấu tối hậu của người Việt Quốc gia là thiết lập cho kỳ được một chế độ dân chủ cộng hòa là vì nhân vị và phẩm giá con người, vì hạnh phúc của nhân dân, quyền dân chủ dân sinh và nhân quyền được bảo đảm với tam quyền phân lập; trái ngược với chế độ độc tài toàn trị cộng sản, độc tôn và độc quyền thống trị của đảng CSVN, vì quyền lợi của giai cấp thống trị là các cán bộ

đảng viên CS, gia đình họ và các tầng lớp ăn theo.

Chính vì vậy mà chủ thuyết nhân vị được xác tín qua phần “Mở Đầu” của Hiến Pháp VNCH ngày 26-10-1956 như sau:

“Tin tưởng ở sự trường tồn của nền văn minh Việt Nam, cần có trên nền tảng duy linh mà toàn dân đều có nhiệm vụ phát huy;

“Tin tưởng ở giá trị siêu việt của con người mà sự phát triển tự do. Điều hòa và đầy đủ trong cương vị cá nhân cũng như trong đời sống tập thể phải là mục đích của mọi hoạt động quốc gia...”

Như vậy, chính trên nền tảng chủ nghĩa Nhân Vị, Quốc hội Lập hiến đầu tiên của quốc gia Việt Nam đã soạn ra bản Hiến pháp VNCH đầu tiên (hoàn toàn khác với cái gọi là Hiến pháp VNDCCCH 1958 của Cộng sản Bắc Việt “ngụy dân chủ, ngụy cộng hòa”), và đã được Thủ tướng Ngô Đình Diệm, sau trở thành vị tổng thống đầu tiên chế độ VNCH, đã ký ban hành ngày 26-10-1956.

Nội dung Bản Hiến Pháp này, ngoài phần “Mở Đầu”, gồm 10 Thiên và 98 Điều thể hiện rõ nguyên tắc phân quyền: Thiên thứ nhất quy định những “Điều khoản căn bản”; Thiên Thứ Hai: “Quyền lợi và Nhiệm vụ người dân”; Thiên thứ ba: “Tổng Thống”; Thiên thứ tư: “Quốc Hội”; Thiên thứ năm “Thẩm phán”; Thiên Thứ sáu “Đặc biệt Pháp viện”; Thiên Thứ Bảy “Hội Đồng Kinh Tế Quốc gia”; Thiên thứ tám “Viện Bảo hiến”; Thiên Thứ Chín “Sửa đổi Hiến pháp” và Thiên Thứ mười “Các Điều khoản chung”.

Cuộc đảo chánh quân sự ngày 1-11-1963, với sự trợ giúp của ngoại bang đã đưa đến cái chết thảm thương cho Cố Tổng thống Ngô Đình Diệm, một nhà ái quốc, thiết tha với việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc (là một trong những nguyên nhân ông phải chết), người có công khai sáng nền Cộng Hòa Việt Nam. Hiến pháp VNCH ngày 26-10-1956 bị hủy bỏ cùng với sự cáo chung nền Đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa.

Sau những năm triền miên bất ổn chính trị, xã hội xáo trộn do các phe phái chính trị, quân sự tranh giành quyền lực (1963-1967) bản Hiến pháp Đệ nhị VNCH đã được Quốc



hội Lập Hiến thông qua ngày 18-3-1967 và đã được Tướng Nguyễn Văn Thiệu, trong tư cách Chủ tịch Ủy ban lãnh đạo quốc gia ban hành ngày 1-4-1967. Cuộc bầu cử ngày 3-9-1967 đã đưa Tướng Nguyễn Văn Thiệu lên ngôi vị Tổng Thống VNCH, là vị Tổng Thống thứ hai của nền Đệ nhị cộng hòa Việt Nam.

III - KẾT LUẬN

Tóm lại, như vậy là cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Miền Nam bảo vệ chế độ dân chủ pháp trị VNCH đã thất bại, song chỉ là thất bại tạm thời, có tính giai đoạn. Vì sau đó và cho đến nay, cuộc chiến đấu chống chế độ cộng sản độc tài toàn trị để tái lập chế độ dân chủ cộng hòa trên cả nước vẫn đang tiếp diễn. Đây là giai đoạn chống cộng cuối cùng vì dân chủ, cho nền cộng hòa Việt Nam của người Việt quốc gia hay là người Việt Nam không cộng sản trong cũng như ngoài nước, phù hợp với khát vọng của toàn dân. Thực tế đã và đang ngày một khẳng định “**chính nghĩa Cộng Hòa**” (*Chủ quyền quốc gia thuộc về toàn dân*) tất thắng “**ngụy nghĩa Cộng sản**” (*Chủ quyền quốc gia thuộc về đảng CSVN*).

Nhân dân Việt Nam nhất định sẽ thiết lập được một chế độ dân chủ cộng hòa trên toàn cõi Việt Nam trong một tương lai không xa, với một bản Hiến pháp Dân chủ Cộng hòa, đáp ứng đúng nguyện vọng của nhân dân Việt Nam, từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau; như từng được khẳng định trong “*Lời Mở Đầu*” của Hiến pháp VNCH tiên khởi ngày 26-10- 1956.

THIỆN Ý

Houston, ngày 26 tháng 10 năm 2018

TỘI PHẠM NGỚ NGẨN



LS NGÔ TĂNG GIAO



Khoe kế hoạch trộm trên Facebook

Tên cướp có vũ trang Adrew Hennells bị bắt 15 phút sau khi lên Facebook khoe kế hoạch trộm siêu thị Tesco. Hắn đăng ảnh bản thân, một con dao và dòng chữ “Doing.Tesco. Over” (tạm dịch: Đi trộm Tesco lần nữa.)

Cảnh sát lập tức tóm gọn Hennells, thu hồi con dao và 410 bảng hắn đã trộm lần trước tại một siêu thị Tesco ở Norfolk. Tên này sau đó ngồi tù 4 năm.

Rửa bát, dọn nhà cho gia chủ

Năm 2014, vợ chồng Martin Holtby và Pat Dyson trở về nhà sau kỳ nghỉ tại Anh đã tá hỏa khi thấy kẻ đột nhập đang ngủ lả lóc trên ghế sofa. Tên này còn rửa bát dọn nhà, đi chợ nấu ăn và tắm giặt ngay tại nhà. Kẻ đột nhập sau đó được nhà chức trách cho tại ngoại sau khi nộp phạt 200 bảng Anh.

Gửi ảnh truy nã đẹp hơn cho cảnh sát

Năm 2016, cảnh sát Ohio từng nhận được một bức ảnh selfie qua tin nhắn SMS với nội dung: “Ảnh này đẹp hơn, ảnh kia xấu quá.” Theo hồ sơ, một người đàn ông Mỹ đang bị truy nã vì tội phá hoại tài sản công, thấy ảnh trong trát hầu tòa của mình “không được đẹp trai cho lắm” nên gửi cho cảnh sát một bức ảnh

đẹp hơn.

Để chiều lòng tên trộm “sống ảo”, cảnh sát thành phố Lima đã thay tấm ảnh truy nã mới do Donald gửi thay vì ảnh cũ quá xấu. Cảnh sát phản hồi bằng lời cảm ơn tới Pugh vì đã gửi ảnh và khuyên anh ta ra đầu thú. Nhờ việc làm ngớ ngẩn này, cảnh sát đã truy lùng được tên tội phạm dễ dàng hơn! Sau đó không lâu, Pugh bị bắt tại Florida.

Trộm chim cánh cụt

Hai khách du lịch xứ Wales là Rhys Owen Jones và Keri Mules đã phải hầu tòa vì trong lúc say xỉn trót ăn cắp một chú chim cánh cụt tên Dirk tại công viên giải trí Sea World ở Australia.

Khi tỉnh rượu, hai anh chàng này đã tìm cách thả Dirk tại một con kênh nhưng bị dân địa phương phát hiện và báo cảnh sát. Mỗi người sau đó bị phạt 1.000 đô la Australia.

Giả súng bằng dưa chuột

Gary Rough tự chế khẩu súng giả bằng cách bọc quả dưa chuột trong một chiếc tất đen. Sau đó mang vũ khí này uy hiếp một nữ nhân viên thu ngân ở cửa hàng cá cược tại Glasgow. Hắn yêu cầu cô nhân viên đưa tiền mặt nhưng cô không làm theo. Bảo vệ có mặt ngay lúc đó

và quật ngã tên cướp nửa mùa này.

Dù Rough nói rằng đây chỉ là một trò đùa nhưng vẫn bị án 40 tháng tù giam.

Cướp nhà băng sau khi để lại địa chỉ

Dean Smith đến ngân hàng Barclay ở xứ Wales để đổi địa chỉ cư trú và cung cấp cho giao dịch viên tên đầy đủ và địa chỉ của mình.

Nhìn thấy cục tiền mặt ở quầy, lòng tham trỗi dậy, sau 30 phút rời khỏi ngân hàng hắn lại quay lại với ý định cuỗm số tiền này. Ngay trang vụng về với kính râm và đi tất cao hơn giày, Smith đe dọa giao dịch viên ép giao tiền nhưng cô này từ chối nên hắn lại bỏ đi. Từ thông tin của hắn tại nhà băng, cảnh sát không mấy khó khăn để tìm được Smith, sau đó bị án tù 2 năm rưỡi.

Không biết mở cửa để thoát thân

James Allan sử dụng súng đồ chơi để uy hiếp nhân viên thu ngân một quầy tạp hóa ở Oxford phải giao tiền mặt. Nhân viên đưa cho hắn 134.98 bảng. Và đây là lần thứ mấy trong vòng 10 ngày hắn cướp tiền ở cửa hàng tạp hóa này.

Không biết mở cửa để thoát thân

James Allan sử dụng súng đồ chơi để uy hiếp nhân viên thu ngân một quầy tạp hóa ở Oxford phải giao tiền mặt. Nhân viên đưa cho hắn 134.98 bảng. Và đây là lần thứ mấy trong vòng 10 ngày hắn cướp tiền ở cửa hàng tạp hóa này.

Nhưng trở trêu là trong lần trộm này hắn không tài nào mở được cửa để ra ngoài. Luống cuống dùng lực đẩy mạnh, Allan ngã chổng chơ, mặt nạ rơi ra.

Ba tiếng sau, Allan bị cảnh sát “hỏi thăm” khi hắn vẫn quanh quẩn trên con phố đó cùng chiếc mặt nạ còn ở trong túi. Tên trộm này bị kết án 3 năm tù.

Điện thoại thông minh, còn trộm không rành công nghệ

Ashley Keast cùng đồng bọn đột nhập một căn nhà ở Anh để cuỗm đi vài đồ điện tử, trang sức và một chiếc Audi. Phi vụ trộm cấp năm 2014 đó sẽ trượt nếu Keast không nổi hứng

chụp ảnh selfie và đăng lên Whatsapp.

Dù đã lắp chiếc sim ăn cắp sang máy di động của mình, nhưng bức ảnh hắn vừa đăng vẫn tự động được gửi đến điện thoại đồng nghiệp của nạn nhân. Một đồng nghiệp của nạn nhân đã liên lạc với cảnh sát và Keast bị bắt ngay hôm sau, mang án 18 tháng tù.

Trộm báo cảnh sát việc mất cái bình ngọc mà chính mình ăn cắp

Một người đàn ông họ Lý trình báo với Sở Cảnh sát Đường sắt Trường Sa về việc bị mất hành lý khi đang mua vé. Trong hành lý có chiếc bình ngọc mà theo Lý là được ông nội anh ta mua ở Hong Kong với giá 8.000 nhân dân tệ.

Cảnh sát nhanh chóng tìm ra nghi phạm qua camera giám sát và thu hồi tang vật. Tuy nhiên, sau đó, cảnh sát nhận ra người đàn ông họ Lý không thể giải thích rõ ràng về giá trị và nguồn gốc chiếc bình ngọc, cũng không hợp tác trong việc xác định giá trị của chiếc bình này. Sau đó, cảnh sát tham khảo ý kiến của các chuyên gia và được biết rằng giá trị của chiếc bình ngọc này rất cao.

Cảnh sát liên lạc với gia đình Lý để xác minh sự thật. Người thân của Lý cho biết họ chưa bao giờ nghe về chiếc bình ngọc ông nội để lại.

Cuối cùng, quá mệt mỏi khi bị hỏi liên tục, biết không thể thoát tội, Lý đành thú nhận mình đã lầy trộm chiếc bình ngọc cách đây một tháng. Vì món đồ khó tiêu thụ nên anh định mang trả lại. Không ngờ, chiếc bình bị đánh cắp ngay tại ga Trường Sa, khiến Lý cầu cứu cảnh sát. Sợ bị kết tội nên Lý đã bịa ra thông tin về nguồn gốc, giá trị chiếc bình.

Cái kết bất ngờ cho một tên trộm Mỹ

Travis Sueyoshi (33 tuổi) đã hai lần đột nhập vào một công trường xây dựng tại Hawaii, Mỹ và bị camera ghi lại. Những vật dụng mà hắn trộm được có tổng giá trị lên tới 10 nghìn USD. Điều này đã khiến chủ công trường tức giận và dán tờ rơi treo thưởng 1 nghìn USD cho bất kỳ ai có thể bắt được tên trộm.

Ba ngày sau, Sueyoshi quay lại công trường

nơi anh từng trộm đồ để thú tội và gửi lời xin lỗi người chủ công trường. Anh thú nhận phạm tội chỉ vì đang gặp khó khăn: “Tôi biết tôi đã làm sai!”.

Khi nghe anh nói anh sẽ làm tất cả mọi thứ để chuộc lại lỗi lầm mình gây ra, người chủ công trường đã động lòng trắc ẩn và đã tuyển dụng anh, muốn giúp anh hoàn lương và làm lại cuộc đời.

Kể từ khi được tuyển vào công ty, Sueyoshi luôn thực hiện công việc của mình một cách nghiêm túc, rất tốt.

Khát khao để được nổi tiếng

Andrew Kellet, 23 tuổi là một người đam mê xe ô tô ở Leeds. Kellet đã gây ra hàng loạt những hành vi vi phạm luật giao thông và ghi lại dưới dạng video.

Kellet quá tự mãn với hành động của mình và đã đăng tải những đoạn video này lên internet. Khoảng 80 video đã bị cảnh sát phát hiện từ việc ăn trộm xăng cho đến đua xe trái phép. Và tất nhiên, hắn đã bị tóm cổ ngay sau đó rồi. Chắc cảnh sát và người dân thành phố Leeds đã có một trận cười sảng khoái lắm đây!

Ăn cướp vẫn muốn hẹn hò nạn nhân

Stephon Bennett là một chàng trai ở tuổi đôi mươi sống Ohio (Mỹ). Hắn là một trong ba tên cướp đã đột nhập vào nhà dân, uy hiếp hai vợ chồng chủ nhà.

Điều nực cười là chỉ sau 2 tiếng khi vụ cướp thành công mỹ mãn, tên trộm Stephon này đã quay lại hiện trường và đề nghị hẹn hò với người vợ của chủ nhà là cô Diana. Cô ngay lập tức nhận ra kẻ này là một trong ba tên cướp và tức tốc nhờ người thân gọi cho cảnh sát. Kết quả là vừa ra trước cửa nhà, tên trộm si tình này đã bị cảnh sát tóm gọn.

Tên trộm dùng miệng hút xăng.

Một tên trộm tại Seattle (Mỹ) đã “phát minh” ra cách ăn trộm xăng kinh điển. Anh ta sử dụng một ống cao su để hút xăng ra bằng miệng mà không lường trước hậu quả của nó.

Cảnh sát tìm thấy anh ta trong tình trạng co quắp bên cạnh chiếc ô tô, Xăng thì chảy lênh

láng xung quanh. Chủ nhân chiếc ô tô quyết định không khởi kiện vì cho rằng đó là hành động ngớ ngẩn nhất và sức khỏe bị ảnh hưởng cũng là hình phạt quá đủ cho tên trộm.

Tên cướp “có tâm” nhất thế giới

Trong khi chĩa súng vào nữ nhân viên thu ngân tên cướp không ngừng khóc lóc và nói lời xin lỗi cô nhưng vụ cướp vẫn tiếp tục. Cả hai người đã cầu nguyện trong khoảng 10 phút. Nữ nhân viên thu ngân 43 tuổi cũng rơm rớm nước mắt khi nhận ra ý định của tên cướp. Nhưng để đánh lạc hướng, cô bắt đầu nói với tên cướp về Chúa và khuyên hắn dừng lại.

Tên cướp “tử tế” cũng đáp lại cô là hắn có hai đứa con đang phải nuôi dạy đồng thời đề nghị cô cầu nguyện cho hắn vượt qua thời gian khó khăn này. Cả hai đều quỳ gối, cùng cầu nguyện trong gần 10 phút. Đáp lại lòng tốt của cô tên cướp lấy đạn ra khỏi khẩu súng, đưa cho cô và hứa sẽ không hại cô. Sau đó, tên cướp còn đề nghị cô ôm hắn.

Tuy nhiên, người đàn ông không hề có ý định dừng hành vi của mình. Tên này yêu cầu cô thu ngân vào toilet và không được gọi cho cảnh sát trong vòng 20 phút. Sau đó, tên cướp chỉ lấy 20 USD và để tất cả số tiền còn lại trong ngăn kéo.

Đi trộm bằng mặt nạ tự chế từ... mực không trôi

Để che giấu danh tính, Matthew McNelly và Joey Miller đã cải trang bằng cách vẽ mặt nạ bằng mực không trôi lên mặt của mình. Cảnh sát ngay lập tức chặn xe của hai tên này sau khi nhận được thông tin về hai kẻ tình nghi đang tìm cách đột nhập vào một căn nhà ở Mỹ. Người cung cấp thông tin còn nhấn mạnh rằng hai tên trộm mặc đồ tối màu, nguy trang bằng cách vẽ mực lem nhem lên mặt và lái một ô tô lớn màu trắng.

Cảnh sát mau chóng phát hiện được chiếc xe ô tô trùng khớp với mô tả và khi chặn chiếc xe này tại một điểm kiểm soát, họ phát hiện hai tên trộm với mặt mũi lem nhem mực.

Trộm bị lộ vì không nhận được cười

Vụ việc hy hữu này xảy ra ở Texas (Mỹ). Khi

tên trộm đang thực hiện hành vi của mình thì đúng lúc chủ nhà về tới nơi. Trong khi tên trộm đang ẩn náu, ông chồng kể chuyện cười cho vợ nghe. Tên trộm đang trốn ở tầng trên, nghe thấy câu chuyện liền không kìm nén được mà cười phá lên giúp cặp vợ chồng phát hiện ra tên trộm. Y bị tóm sau đó.

Đột nhập nhầm nhà cụ bà “võ sĩ” 82 tuổi, tên trộm bị nện bầm dập

Bà cụ Willie Murphy 82 tuổi hào hứng thuật lại toàn bộ quá trình khống chế tên trộm khi tên này đột nhập vào nhà bà buổi tối tuần trước. Điều “xui xẻo” là tên này không biết bà là vận động viên thể hình từng được giải thưởng.

Bà Murphy cho biết bà ẩn mình lúc gã thanh niên đi quanh nhà. Sau đó bà túm lấy cái bàn và nện thật lực vào tên trộm. Cái bàn gãy”, bà kể. “Và khi hắn ngã xuống, tôi nhảy giẫm lên người hắn”. Sau khi tên trộm bị thương, bà tóm lấy một chai dầu gội đầu rồi trút dầu xuống người tên này. “Tôi túm lấy cái chổi, hắn ta giằng lấy, tôi dùng chổi nện cho hắn một trận”, bà kể tiếp.

Cuối cùng thì cảnh sát cũng ập tới. Kẻ đột nhập sau khi bị bà chủ nhà dằn cho bị thương, phải đưa vào viện.

Trộm ngủ quên khi đang hành sự

(1) Smith đã đột nhập vào một ngôi nhà để ăn trộm khi nhìn thấy chủ nhân đang là quần áo. Hắn chui vào gầm giường ẩn nấp. Vài tiếng sau đó, chủ nhà phát hiện chân của người lạ thò ra từ dưới gầm giường. Khi cảnh sát tới, họ thấy anh chàng đã ngủ mê mệt đến nỗi không thể đánh thức dậy.

(2) Thủ phạm tên Dion Davis đã kịp vợ được một mớ nữ trang trước khi ngủ lịm đi ngay trên giường của chủ nhà. Tên trộm đã không hề tỉnh dậy cho đến khi người giúp việc phát hiện ra và cảnh sát đến hiện trường.

Đi ăn trộm mà lại chơi game tới quên cả giờ giấc và mục đích ban đầu

Gã họ Thôi ở Trung Quốc phát hiện ra chủ nhà đi vắng mà quên không đóng cửa phòng. Tuy nhiên, sau khi đột nhập vào nhà, hắn phát hiện ra chiếc máy tính của chủ nhà có lẽ là một game thủ vẫn còn đang sáng đèn và màn hình game vẫn chưa tắt. Thế là trong đầu gã chỉ còn

duy nhất một tia sáng là ngồi xuống chơi game. Hắn cứ chơi game mãi cho tới khi chủ nhà về. Tuy nhiên, do thấy tính chất vụ việc không quá nghiêm trọng, cùng với việc cũng tôn trọng tinh thần game thủ bất diệt, chủ nhà quyết định không truy cứu và báo cảnh sát.

Ai dè, tới ngày thứ hai, tên trộm vẫn dám mò lại tới căn nhà ấy nói là tới để lấy lại chiếc cốc đã đánh rơi ngày hôm qua. Lần này thì chủ nhà gọi cảnh sát, và gã họ Thôi xô khám ngay tấp lự.

Bị cắn đứt lưỡi vì hiệp dân bắt thành nữ chủ tiệm áo cưới

Năm 2020, Sơn Sa Rót (23 tuổi); ngụ tại Trà Vinh đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà chị T. (38 tuổi), chủ tiệm áo cưới, Rót đột nhập từ phía sau vào nhà lấy trộm điện thoại di động. Sau đó, Rót phát hiện người chủ đang nằm ngủ nên nảy sinh ý định hiệp dân.

Kể lại sự việc, chị T. cho biết: “Khoảng 2h sáng tôi đang nằm ngủ thì giật mình thức dậy khi thấy có bóng đen đứng dưới chân. Tôi chưa kịp định thần thì bị người đó lao đến đè lên người. Lúc đó, tôi sợ nó giết mình nên nói có gì từ từ nói chuyện. Khi gã đó vừa đưa lưỡi vào miệng tôi, tôi cắn liền. Chắc có lẽ quá đau nên hắn bỏ chạy ra ngoài bằng cửa sau. Còn tôi khi định thần lại mới nhờ hàng xóm hỗ trợ và đi báo công an”.

Rót bỏ chạy về nhà và nói dối là bị té xe nên miệng dính máu. Người nhà kêu đến bệnh viện nhưng hắn không chịu và sau đó bị công an bắt giữ.

Trộm bị tóm vì chụp hình “tự sướng”

Quý (20 tuổi) đột nhập nhà bà Tuyết lấy trộm 1 điện thoại di động. Trong những lần đi chơi cùng người yêu Quý chụp hình “tự sướng” bằng điện thoại này. Tuy nhiên, chiếc điện thoại có kết nối gmail liên thông với máy tính của bà Tuyết nên tự động lưu những bức ảnh này vào máy tính. Bà Tuyết sao chép những bức ảnh của Quý, mang tới báo công an. Công an Bình Định xác định được đối tượng là Quý và bắt giữ. Khám nơi trọ của Quý, công an thu giữ 8 điện thoại di động, một số biên lai cầm cố laptop và các loại tài sản khác.

LS. NGÔ TÀNG GIAO

30-4-1975 LÀ NGÀY QUỐC HẬN HAY GIẢI PHÓNG ?



NGUYỄN VĂN BÌNH

Thấm thoát ngày 30-4-2025 đánh dấu 50 năm biến cố 30-4-1975 xảy ra cho quê hương của chúng ta. Câu hỏi đặt ra ngày 30-4-1975 là ngày Quốc Hận hay ngày Giải Phóng?

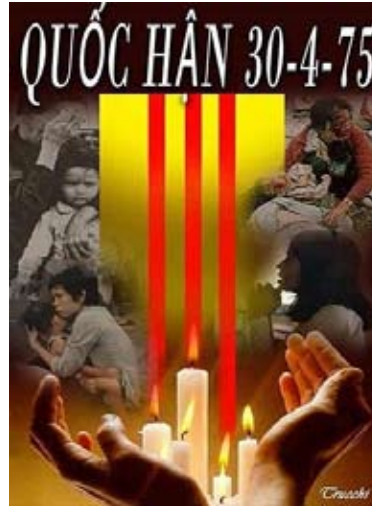
Đây là đề tài mà chúng tôi xin được phân tích để gọi biến cố 30-4-1975 là ngày gì hầu giúp thế hệ trẻ VN hiểu rõ lịch sử, biết mọi sự việc để rút ra được những bài học bổ ích trong hiện tại và cho tương lai của dân tộc Việt.

1/ NGÀY 30-4-1975 LÀ NGÀY QUỐC HẬN:

Quốc Hận là quốc nạn, đau buồn của quốc gia. Ngày 30-4-1975 không chỉ là ngày Quốc Hận cho riêng miền Nam mà cho toàn nước Việt Nam. Ngày 30-4-1975 không chỉ là thời điểm chấm dứt chế độ dân chủ, tự do của VNCH mà còn là ngày khởi đầu cho một chế độ độc tài Cộng Sản sử dụng công an trị trên toàn lãnh thổ VN để đàn áp người dân và đưa đất nước vào vòng nô lệ Trung Cộng.

Linh mục Phêrô Nguyễn Văn Khải người sinh sống ở Bắc Việt đã nhận định: Đây là CUỘC CHIẾN XÂM LƯỢC do Chế độ CSVN gây ra nhằm THÔN TÍNH nước VNCH và XÓA BỎ QUYỀN TỰ QUYẾT của người dân sống ở Miền Nam.

Vì vậy, khi chiếm được Việt Nam Cộng Hòa, CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐÃ THỂ HIỆN ĐÚNG BẢN CHẤT XÂM LƯỢC, THÔN TÍNH, THỐNG TRỊ VÀ CƯỚP BÓC chứ hoàn toàn không có tí gì gọi là “giải phóng dân tộc” ở Miền Nam cả!



Những gì diễn ra từ sau ngày 30-4-1975 đến nay đã chứng minh điều đó. Người Miền Bắc cũng không được lợi gì trong cuộc chiến này. Trái lại họ cũng bị đẩy vào cuộc chiến với rất nhiều đau thương và mất mát. Dân tộc và đất

nước Việt Nam cũng không lợi gì lúc đó cũng như hiện nay và trong tương lai. Vì cuộc chiến đã làm tổn hại nguyên khí và sức mạnh của cả dân tộc, biến Việt Nam thành con nợ của Tàu Cộng và thêm lệ thuộc Tàu Cộng về chính trị, quân sự, kinh tế lẫn văn hóa, và mở đường cho Tàu Cộng thôn tính đất đai và biển đảo của Việt Nam.

Đồng quan điểm với LM Nguyễn Văn Khải, lịch sử cũng đã ghi điều đó. Cuộc chiến xâm chiếm Miền Nam VN do Hồ Chí Minh chủ trương chỉ nhằm bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản nên đã khẳng định với thù tướng Chu Ân Lai của Trung Cộng là: “*Nếu Trung Quốc giúp chúng tôi thắng Pháp, thắng Nhật, thắng tất cả bọn tự bản vùng Đông Nam Á, nắm được chính quyền thì nợ viện trợ sẽ hoàn trả dưới mọi hình thức kể cả cắt đất, cắt đảo, lùi biên giới nhượng lại cho Trung Quốc chúng tôi cũng làm để đền ơn, đáp nghĩa.*”

Tổng Bí Thư Lê Duẩn trong cuộc chiến xâm lăng Miền Nam VN đã tuyên bố: “*Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô và Trung Cộng.*”

Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh thì đề lại câu nói bất chấp sự tồn vong của dân Việt “*Tôi cũng biết rằng, dựa vào Trung Quốc là mất nước, nhưng còn hơn mất Đảng.*”

Nền độc lập của Việt Nam đã bị Trung Cộng cướp mất. Năm 1958, Hồ Chí Minh, Phạm

Văn Đồng đã ký Hiệp Định dâng hai quần đảo Hoàng Sa & Trường Sa cho Trung Cộng. Cuối năm 1999 và đầu năm 2000, nhà cầm quyền Hà Nội lại tiếp tục dâng lãnh hải và lãnh thổ cho Trung Cộng. Thác Bản Giốc, Ải Nam Quan trước đây của VN thì nay thuộc về Trung Cộng. Hiện nay, chúng ta thấy dân Trung Cộng sống đông đảo tại Hà Tĩnh, Phú Quốc, Đà Nẵng, Nha Trang v.v..Rồi đây theo thời gian phải chăng VN sẽ thành một tỉnh lỵ của Trung Cộng?

Sau ngày 30-4-1975 toàn dân Việt bị nhà cầm quyền Hà Nội tước đoạt mọi quyền tự do căn bản như các quyền tự do tôn giáo, tư tưởng, báo chí, biểu tình, lập hội, đình công v.v..

Dân số VN hiện nay gần 100 triệu người, nhưng chỉ có thiếu số tập đoàn lãnh đạo Hà Nội, các đảng viên cao cấp của đảng CSVN có tài sản trên hàng trăm triệu mỹ kim.Trái lại, đại đa số người dân Việt nhất là tại thôn quê phải lâm vào cảnh nghèo đói cơ cực.Nhiều thiếu nữ còn tuổi vị thành niên bị đem bán ra ngoại quốc để làm nô lệ tình dục để mong kiếm cơm nuôi gia đình. Nạn tham nhũng của các viên chức CSVN và cảnh đàn áp của công an đối với người dân xảy ra hàng ngày một cách rất thô bạo.

Hiến pháp năm 2013 và luật lệ của CSVN chỉ nhằm bảo vệ quyền lợi cho tập đoàn lãnh đạo Hà Nội.Mọi lời phê bình đảng hay nhà nước CSVN, các tư tưởng dân chủ của các thanh niên yêu nước, tu sĩ và giới trí thức trong nước đều bị ngăn cấm và bị tòa án tuyên án một cách nặng nề. Nhiều ngư dân VN bị Trung Cộng bắt bớ, đánh đập khi ra biển của VN đi đánh cá.Người dân đi biểu trình chống Trung Cộng đều bị nhà cầm quyền CSVN bắt bớ.

Sau ngày 30-4-1975, nhà cầm quyền CSVN đã tìm cách hủy bỏ nền văn hóa nhân bản, dân tộc, khai phòng của miền Nam VN bằng cách đốt sách, tranh ảnh, các tác phẩm nghệ thuật để thay vào đó một thứ ngôn ngữ khó hiểu, lạc lõng như: gọi nhà bảo sanh là xưởng đẻ, công việc làm ăn gọi là phi vụ v.v. cùng lời đề nghị sửa đổi từ ngữ và cách phát âm chữ Việt theo phát âm tiếng Tàu của Gs Bùi Hiền.

Văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt từ ngàn xưa là dạy dỗ cho mọi người sự đạo đức, hiếu thảo, tình thầy trò, tình nghĩa vợ chồng, tình bạn.Nhưng dưới chế độ của CSVN, mọi người hầu hết chỉ biết dối trá, lường gạt lẫn nhau, vì xem đồng tiền trên hết. Cảnh các cô gái trẻ cởi quần áo lên xe gắn máy ra đường phố la hét không biết ngưng ngừng khi ăn mừng chiến thắng của các đội banh của VN làm ô danh người phụ nữ VN. Cố Tổng Thống Tưởng Giới Thạch của Đài Loan đã nói: *“Đất nước bị diệt vong còn có thể phục hưng, nhưng văn hóa bị tiêu hủy thì tất cả sẽ bị tiêu diệt”*.

50 năm trôi qua, Việt Nam vẫn là quốc gia chậm tiến khi so sánh với các quốc gia ở Á Châu.Lợi tức của người dân Việt vẫn ở mức thấp kém.

Chúng ta không thể phủ nhận là vào thập niên 1960, thời tổng thống Ngô Đình Diệm, miền Nam VN vượt xa Nam Hàn, Phi Luật Tân và Thái Lan.Nhưng nay dưới chế độ độc tài CSVN, Việt Nam hoàn toàn bị tụt hậu thua kém các quốc gia kể trên. Đây chính là điều bất hạnh cho quê hương và dân tộc Việt Nam.

2/ NGÀY 30-4-1975 KHÔNG PHẢI LÀ NGÀY GIẢI PHÓNG:

Giải Phóng là đem lại sự tự do, hạnh phúc và ấm no cho người dân thoát cảnh nô lệ, nghèo khổ hay áp bức.Năm 1776, tướng George Washington cùng quân dân đứng lên chiến đấu giải phóng dân tộc Hoa Kỳ khỏi cảnh nô lệ từ đế quốc Anh.

Việt Nam Cộng Hòa ở miền Nam là một gia theo chế độ tự do, dân chủ.Mọi người dân có đời sống khá ổn định.Miền Bắc dưới chế độ Cộng Sản hoàn toàn thua kém xa miền Nam về mọi mặt.Vì thế, không thể nói là một nước nghèo khổ, độc tài lại đi giải phóng một quốc gia giàu có, có tự do và văn minh. Trong suốt cuộc chiến với quân CS Bắc Việt, dù được Hoa Kỳ viện trợ, nhưng chính quyền VNCH không cắt đất, dâng biển cho Hoa Kỳ. Nói rõ hơn là CS Bắc Việt đã vi phạm hiệp định Genève 1954 đi xâm lược và đi cướp mọi tài sản của miền Nam VN. Vì thế, danh từ Giải Phóng miền Nam VN không thể chấp nhận cho biến cố ngày 30-

4-1975.

Nhà văn Dương Thu Hương, một cán bộ của đảng CSVN khi đến Sài Gòn sau ngày 30-4-1975, nhìn thấy cảnh phồn hoa của miền Nam VN, bà đã khóc và nhận định: *“Theo tôi, cái mô hình xã hội của cái miền đất bại trận mới chính là **mô hình của nền văn minh**, và chúng tôi là người trong đội ngũ chiến thắng thì thực ra chúng tôi đã chiến đấu cho một **mô hình xã hội man rợ**.”* Và điều đó khiến tôi hết sức cay đắng.”

Ngay sau ngày 30-4-1975, Tổng Bí Thư Đỗ Mười đã tuyên bố: *“Giải phóng miền Nam, chúng ta có quyền tịch thu tài sản, trưng dụng nhà cửa, hàng xưởng, ruộng đất chúng nó, xe chúng nó ta đi, vợ chúng nó ta lấy, con chúng nó ta bắt làm nô lệ, còn chúng nó thì ta đẩy đi kinh tế mới, vào rừng sâu nư^oc độc. Chúng nó sẽ chết dần mòn.”*

Để trả thù quân, dân của Miền Nam, Cộng Sản Bắc Việt liên tập trung quân dân cán chính của Miền Nam vào các trại tù với mỹ từ *“Học Tập Cải Tạo”* trải dài từ Nam đến Bắc với lời chiêu dụ gặt gắm là chỉ đi học tập 10 ngày nhưng thật sự đã kéo dài vài năm cho đến 17 năm lao tù khổ sai. Bên cạnh đấy, còn đầy ải vợ con của họ đến các vùng kinh tế mới là nơi rừng thiêng nước độc, thiếu thốn mọi bề. Tài sản của dân Miền Nam bị các cán bộ Bắc Việt tịch thu một cách ngang ngược. Đồng thời, chúng cho cày nát nhiều ngôi mộ của các tử sĩ Miền Nam tại các nghĩa trang và cho giứt sập tượng người lính Tiếc Thương tại nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa. Hậu quả đã làm tan nát bao gia đình, giết hại nhiều nhân tài và tạo sự hận thù giữa người dân và bọn lãnh đạo Hà Nội ngày càng thêm sâu đậm. Cũng vì không chấp nhận chế độ CSVN tàn bạo mà hàng triệu người đã bỏ nước ra đi tìm tự do bất chấp mọi hiểm nguy. Hàng trăm ngàn thuyền nhân đã bỏ xác trên biển.

Hãy nhìn lại, cách đối xử của chính quyền Hoa Kỳ trong cuộc nội chiến xảy ra 4 năm từ ngày 12-4-1861 đến 9-4-1865, bên thắng trận của Tổng Thống Abraham Lincoln đã tỏ thái độ hài hòa, tình dân tộc với bên thua trận quân miền Nam.

Cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ đã diễn ra khốc liệt gây thương vong cho gần một triệu quân lính tổng cộng của hai miền và hàng trăm ngàn dân bị thương vong. Trước sự thương vong này, Tổng Thống Linlcon đã tuyên bố: *“Khi viên đạn xuyên vào người lính dù thuộc phe nào đi nữa, thực ra nó đã xuyên vào trái tim của một người Mẹ. Tại sao lại ăn mừng chiến thắng? **Những người thua trận chẳng phải là đồng bào của chúng ta hay sao?**”*. TT Linlcon cũng nói rằng: *“Nội chiến không có người thắng”*. Các sĩ quan, binh lính của phía Liên quân Miền Nam sau khi đầu hàng thì được chính phủ Liên Bang cam kết từ đó về sau họ không bị làm phiền. Chính nhờ thái độ hòa giải này, mà Hoa Kỳ không có cảnh hận thù giữa người dân của đôi bên và nhiều nhân tài được sử dụng. Nhờ vậy, Hoa Kỳ đã phát triển nhanh chóng và giữ địa vị cường quốc số một trên thế giới.

TÓM LẠI:

Chúng ta phải gọi ngày 30-4-1975 là ngày Quốc Hận, vì cả hai miền Nam Bắc VN trong suốt cuộc chiến đã phải gánh chịu bao đau thương, tủi nhục. Cả hai miền tổng cộng bị thiệt hại nhân mạng trên 3 triệu người và hàng trăm ngàn quân dân bị tàn phế suốt đời. Lãnh thổ, biển cả của đất nước lần lượt bị rơi vào Trung Cộng. Chủ quyền quốc gia, nền kinh tế quân sự, hành chánh của VN bị lệ thuộc vào Trung Cộng.

Chúng ta cũng không chấp nhận danh xưng cho ngày 30-4-1975 là ngày Hành Trình Tìm Tự Do . Danh xưng này quá cục bộ, chỉ liên quan đến những thuyền nhân, bộ nhân bỏ nước ra đi tìm tự do và không nói lên được sự Quốc Hận, Quốc Nạn của đất nước.

Đến nay, 50 năm trôi qua, dù miền Nam VN bị thua trận, nhưng chính nghĩa của Việt Nam Cộng Hòa vẫn sáng ngời. Quân dân miền Nam đã chiến đấu vì tự vệ chống lại sự xâm lược của Cộng Sản Bắc Việt. Dù được viện trợ của Hoa Kỳ trong cuộc chiến, nhưng VNCH tuyệt nhiên không cắt đất dâng biển cho ngoại bang. /.

NGUYỄN VĂN BÌNH

KỶ NIỆM 50 NĂM

NGƯỜI VIỆT TỴ NẠN TẠI TRẠI FT CHAFFEE

Ft Chaffee (Ý Dân - Nguyễn Văn Bình): Nhằm kỷ niệm 50 năm người Việt tỵ nạn Cộng Sản đến tạm cư tại trại Ft Chaffee thuộc thành phố Ft Smith, tiểu bang Arkansas, bà Cassie Burkard, giám đốc cơ sở lịch sử và viện bảo tàng FT Chaffee đã phối hợp với một số người Việt tổ chức buổi tiệc **KỶ NIỆM 50 NĂM NGƯỜI VIỆT TỴ NẠN TẠI FT CHAFFEE**, tọa lạc 7709 Ellis St, Fort Smith Arkansas vào 6 giờ chiều ngày 20-6-2025 vừa qua.



Có khoảng 300 người tham dự trong đó có ông George Mc Gill, thị trưởng của thành phố FT Smith, các tình nguyện viên người Mỹ đã phục vụ tại Ft Chaffee trước đây cùng nhiều người Việt đến từ Texas, California, Oklahoma, Kansas, Virginia, Colorado v.v... đặc biệt có một số thanh niên đã được sinh ra tại Ft Chaffee là Nguyễn Văn Tân, Nguyễn Đạt, Nguyễn Smith và giới truyền thông Việt, Mỹ. Mỗi người tham dự đóng góp 150 mỹ kim.



Mở đầu bà Cassie Burkard gửi lời chào mừng quan khách và cho biết Ft Chaffee chiếm 72 ngàn mẫu đất và đã đón tiếp 50 ngàn người Việt tỵ nạn Cộng Sản trong thời gian 8 tháng từ tháng 5 đến tháng 12 năm 1975.



Tiếp theo ông George Mc Gill, thị trưởng của Ft Smith, thành phố có khoảng 90 ngàn người đã gửi lời chúc mừng cộng đồng Việt Nam, đặc biệt những người đã tạm cư ở Ft Chaffee mà nay đã có đời sống ổn định tại Hoa Kỳ.



Thị trưởng của Ft Smith



Nhạc sĩ Nam Lộc trong vai trò MC cho biết ông đến trại tỵ nạn Pendleton, Cali, lúc 30 tuổi. Ông thích được đến trại Ft Chaffee hơn trại Pendleton vì lúc bấy giờ Thống Đốc Cali là ông Edmund Brown chống việc đón nhận người Việt tỵ nạn vào Hoa Kỳ.

Dịp này, qua màn ảnh video, ca sĩ Khánh Lý người đã ở Ft Chaffee 1 tháng đã nói lên cảm nghĩ là bà không thể nào quên được những kỷ



niệm tại trại Ft Chaffee. Trong thời gian sống tại đây, ca sĩ Khánh Lý đã trình diễn văn nghệ giúp vui cho đồng bào. Sau đó, nhạc sĩ Nam Lộc đã ca bài Sài Gòn

Vĩnh Biệt do ông sáng tác nói lên tâm trạng của người Việt tỵ nạn khi phải xa Sài Gòn thân yêu.

Ca sĩ Hồ Lệ Thu sau đó đã giúp vui qua hai bài Anh Còn Nợ Em và 60 năm cuộc đời..

Dịp này, anh Nguyễn Đạt được ra đời tại Ft Chaffee đã kể lại những diễn tiến trong cuộc đời của anh khi được làm cầu thủ Football cho đội Dallas Cowboys.



Chị Wendy Dương đã sống tại trại Ft Chaffee, cựu Chánh Án tại Houston, Texas đã kể lại những lý do gia đình chị phải đi tỵ nạn và ông bà ngoại bị kẹt lại ở VN. Sau này, ông bà ngoại của chị mất tại Sài Gòn. Đó là một nỗi đau thương không bao

giờ nguôi.

Dịp này, anh Nguyễn Trọng, người lo phần ẩm thực đã cảm ơn những tổ chức đã

bảo trợ cho buổi tiệc và giới thiệu các món ăn.

Được biết Ft Chaffee là 1 trong 4 trại đón tiếp người Việt tỵ nạn. Ba trại khác là Camp Pendleton ở Nam Cali, Eglin Air Force ở Florida và Fort Indiantown Gap ở Pennsylvania. Tổng Thống Gerald Ford đã đến trại Ft Chaffee thăm người Việt tỵ nạn vào tháng 6/1975.

Bên cạnh sự thành công của Ban Tổ Chức là tạo dịp cho nhiều người Việt tỵ nạn gặp lại nhau và thăm lại trại Ft Chaffee. BTC đã trang trí trong hội trường một số các tấm hình sinh hoạt của người Việt trong thời gian tại Ft Chaffee.

Tuy nhiên, BTC cũng có một số thiếu sót trong phần điều hành buổi tiệc nên thiếu sự trang nghiêm và kém phần xúc động. Trên sân khấu đã không có hai lá quốc kỳ Mỹ-Việt. Không làm lễ chào cờ Mỹ-Việt để cảm ơn Hoa Kỳ và xác định căn cước tỵ nạn của người Việt Quốc Gia. Không có phút mặc niệm tưởng nhớ đến nhiều người Việt đã tạm cư tại trại Ft Chaffee mà nay đã qua đời.

Chọn ông Nam Lộc làm MC mà không ở Ft Chaffee nên ông không biết rõ những sinh hoạt của người Việt tại Ft Chaffee. Lời phát biểu của anh Nguyễn Đạt và bà Wendy Dương chỉ nói lên sự thành đạt của ít người đã tạm cư tại Ft Chaffee. Không có tiết mục dành cho những người Việt đã sống tại FT Chaffee kể lại những kỷ niệm vui buồn tại đây. Tin tức về buổi tiệc không được phổ biến rộng rãi làm người Việt ở nhiều nơi không biết tin này. Thiếu phần chiếu Slide Show hay Video về những sinh hoạt của người Việt tại trại Ft Chaffee. Phần ăn tối quá trễ và mọi người phải xếp hàng lâu dài mới có phần ăn.

Trong thời gian thăm viếng thành phố Ft Smith, chúng tôi nhận thấy dân tình tại đây rất hiền hòa, yêu nước vì cờ Mỹ và cờ tiểu bang Arkansas được treo nhiều ở các cơ sở và trên đường phố. Người dân tại Ft Smith rất ngoan đạo, đóng góp nhiều tiền cho các nhà thờ. Tại nhà thờ Công Giáo Immaculate Conception (Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội) với số giáo dân khoảng 1600 người mà đã đóng góp gần 1.6 triệu mỹ kim trong vòng 6 tháng đầu năm 2025. Nhà cửa và giá sinh hoạt rất rẻ. Giá xăng

có 2.6 dollars một gallon, giá nhà giá khoảng 120 ngàn mỹ kim cho nhà 3 hay 4 phòng ngủ. Số người VN sống tại Ft Smith có khoảng 3 ngàn người và đa số có việc làm tại các trại giết gà.

Buổi tiệc có phần bán đấu giá một số vật kỷ niệm nhằm giúp BTC có ngân quỹ để lập viện bảo tàng cho người Việt tỵ nạn tại Ft Chaffee.

Sau phần văn nghệ giúp vui và dùng cơm chiều với phần điều khiển chương trình của nhạc sĩ Nam Lộc và chị Nguyễn Trâm Anh buổi tiệc đã được kết thúc vào 8 giờ tối cùng ngày. Sau đó, có màn bắn pháo bông lúc 9 giờ tối.

Vào sáng hôm sau, ngày 21-6-2025, bác sĩ Phạm Hiếu Liêm cùng một người đã tổ chức một buổi nói chuyện tại Little Rock, thủ đô của Arkansas trong State Capitol Building. Dịp này, bà Wendy Dương đã kể lại những chuyển vui buồn trong lúc ở trại Ft Chaffee. Sau đó, mọi người ra đài tưởng niệm chiến tranh VN để tưởng niệm và ghi ơn các chiến sĩ Việt Mỹ. Tại Little Rock có Thư Viện của TT Bill Clinton.

Được biết trại Ft Chaffee nằm trên một mẫu đất 72 ngàn mẫu trong thành phố Ft Smith nơi có dân số khoảng 90 ngàn và trong tiểu bang Arkansas với dân số khoảng 3 triệu. Trại Ft Chaffee được xây cất vào tháng 9 năm 1941 và bắt đầu hoạt động từ ngày 17-3-1942. Trại là nơi huấn luyện cho lực lượng Bộ Binh của Hoa Kỳ để tham chiến trong thế chiến thứ 2 tại Bắc Phi, Âu Châu và cuộc chiến tại Đại Hàn. Từ năm 1950, trại Ft Chaffee là nơi huấn luyện cho binh sĩ Pháo Binh. Vào năm 1958, ca sĩ Elvis Presley, vua nhạc Rock đã thụ huấn quân sự tại đây.

Thời gian 8 tháng từ tháng 5 đến tháng 12 năm 1975, trại Ft Chaffee đã đón nhận 50 ngàn người Việt tỵ nạn từ miền Nam Việt Nam. Cao điểm nhất có 25 ngàn người Việt sống tại đây vào các tháng 5 và 6 năm 1975. Trong số người Việt tỵ nạn đến đây có rất nhiều viên chức hành chánh và quân sự của VNCH. Chúng tôi thấy có ông Trần Quốc Bửu, tổng liên đoàn Lao Công VN, nhiều Thẩm Phán, Luật Sư, Giáo Sư. Các tướng lãnh gồm có các tướng Nguyễn



Phái đoàn từ California và Colorado



Bảo Trị, Phan Trọng Chính, Nguyễn Văn Là, Hoàng Xuân Lãm, Nguyễn Khắc Bình, Nguyễn Văn Chuân, Trần Văn Đôn, Ngô Quang Trưởng, Đặng Văn Quang, các đại tá Mã Sanh Nhơn, Lưu Yểm, Hoàng Mạnh Đáng, Nguyễn Hữu Bào, các trung tá Mã Sanh Quy, Vương Vĩnh Thịnh v.v.. cùng bao gồm một số người nổi tiếng tại Hoa Kỳ hiện nay là đại tá Cao Hùng, khoa học gia Dương Nguyệt Ánh.

Trại Ft Chaffee từ năm 1980 đến 1982 đã đón nhận 20 ngàn dân tỵ nạn Cuba. Vào năm 2005, trại là nơi tạm trú cho các nạn nhân của các trận bão Rita và Katrina.

Từ năm 1987 đến 1993, trại Ft Chaffee lại được dùng huấn luyện cho binh sĩ của quân đội Hoa Kỳ. Năm 1995, Bộ Quốc Phòng cho đóng trại Ft Chaffee và cho thuê 65 ngàn mẫu làm nơi huấn luyện cho Vệ Binh Quốc Gia. Vào năm 1997, Ft Chaffee chỉ còn giữ lại 7 ngàn mẫu đất dành cho cộng đồng địa phương sử dụng.

Hiện nay, nhiều Barrack (doanh trại) của trại Ft Chaffee đã hư nát theo thời gian và chỉ còn lưu giữ viện bảo tàng về trại Ft Chaffee../.

PHẨM GIÁ LOÀI NGƯỜI



PHẠM MẠNH TUẤN

Sáng nay vào email thấy đăng một Youtube với tựa đề lạ: “*Con Trai Elon Musk Khiến Nhà Khoa Học Vô Thần Sụp Đổ*” (<https://www.youtube.com/watch?v=uBHBgO090dI>).

Tuy đây là câu chuyện giả tưởng nhưng khá thú vị, nhất là khi cậu bé đặt câu hỏi về tình yêu và nguồn gốc sự sống - qua thuyết tiến hóa. Cuộc đối thoại giữa X Musk và TS Richard Bennet khiến tôi liên tưởng đến vị trí và phẩm giá của loài người trong vũ trụ, đặc biệt trong giai đoạn hiện tại, khi nơi đâu cũng đang nói đến trí tuệ nhân tạo và những người máy con người chế tạo ra càng ngày càng tinh xảo.

Cuộc Cách Mạng Trí Tuệ Nhân Tạo

Nhiều người cho rằng thế giới đang trải qua một cuộc “Cách mạng Trí tuệ Nhân tạo” (AI). Hiện tại AI đã tiến bộ vượt bậc, đang được áp dụng rộng rãi, không chỉ trong các ngành công nghiệp và quốc phòng mà còn trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

Vai trò của “Trí tuệ Nhân Tạo” (AI) có lẽ được đánh dấu 28 năm trước (ngày 11 tháng 5, 1997), khi vô địch cờ vua **Garry Kasparov** đã phải buông tay đầu hàng trước chiếc máy tính “Deep Blue” của IBM.

Kể từ đó AI không ngừng phát triển. Tuần trước Trung Cộng đã cho biểu diễn màn đấu boxing giữa hai ... người máy. Hiện tại chẳng những AI có thể thực hiện được rất nhiều nhiệm vụ trước đây do con người đảm trách, mà trong nhiều trường hợp nó còn làm tốt hơn.

Người ta ước tính rằng chỉ 5 năm nữa (2030), AI sẽ đóng góp ít nhất \$15.7 ngàn tỷ USD cho nền kinh tế toàn cầu. **[1]** Nhiều công ty công nghệ hàng đầu ở Mỹ (& thế giới) đang đầu tư cả ngàn tỷ USD vào Trí tuệ Nhân tạo trong nhiều lĩnh vực, bao gồm nghiên cứu và phát triển cũng như những sản phẩm và dịch vụ. Những công ty hãnh chúng ta ai cũng biết như Alphabet (Google) - Microsoft - Amazon - Meta - Oracle - NVIDIA - Intel - Apple - Tesla - ... **[2]**

Cuộc chạy đua giữa Mỹ và Tàu cộng

Tuy vào thời điểm này Mỹ vẫn đang dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực AI (theo bảng đánh giá mới nhất của **Insikt Group**). Nhưng Tàu Cộng thề rằng sẽ đuổi kịp Mỹ. Với những tuyên bố huênh hoang, họ không dấu tham vọng muốn trở thành quốc gia dẫn đầu thế giới về “trí tuệ nhân tạo” vào năm 2030! Việc **DeepSeek** ra mắt **R1** ngày 20 tháng 1, 2025 là một cột mốc quan trọng của Bắc Kinh trong nỗ lực này.

Nhắc đến DeepSeek, ai cũng thấy đây là tiếng chuông cảnh tỉnh, là còi báo động cho công nghệ AI của Mỹ. Bởi R1 của DeepSeek tuy chưa bằng mô hình 01 hiện đại của OpenAI, nhưng giá thành và thời gian thực hiện chỉ bằng 1/10 của OpenAI! Ngay sau khi DeepSeek trình làng mẫu R1, công ty sản xuất hardware hàng đầu cho AI của Mỹ (Nvidia) đã mất trắng \$593 tỷ USD. Sự ra đời của DeepSeek-R1 được nhiều báo chí Mỹ so sánh với “**Khoảnh khắc Sputnik**” (*Sputnik moment*) khi Liên bang Xô viết cho phóng phi thuyền Sputnik vào quỹ đạo địa cầu năm 1957.

Đối với người Việt chúng ta, sự phát triển vượt bậc của Tàu cộng khiến chúng ta vừa mừng vừa lo. Vui mừng vì chứng minh cho thế giới thấy rằng giống dân da trắng không vượt trội hơn những giống dân khác (vàng, nâu, đen). Buồn lo vì sợ TC & VC được thể tuyên truyền rằng đất nước không cần phải theo mô hình dân chủ như các nước Âu - Mỹ, cứ độc

tài “đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, dân làm nô lệ (dân chỉ được làm - được nói – ngay cả được nghĩ trong phạm vi đảng cho phép) cũng tiến bộ chán!

Với sự phát triển của AI giúp con người tạo ra những người máy càng ngày càng giống, có khi còn hoàn hảo hơn người thật, nhiều người tự hỏi có khi nào người máy (robot) thay thế hoàn toàn được con người không? Đây là ranh giới giữa người máy và loài người?

>> Theo tôi, phẩm giá của loài người hơn hẳn người máy là do hai món quà “Trời” ban: sự sống và tình yêu.

Sự Sống:

Chúng ta hẳn cũng biết những thành phần của sự sống trên trái đất cần: - Một nguồn năng lượng ổn định - Các hợp chất hữu cơ (carbon, hydrogen, oxygen, nitrogen, phosphorus - Và nước. Những phòng thí nghiệm sinh học khắp nơi đều có thể tạo nên những điều kiện này, nhưng không nơi nào có thể tạo ra con tinh trùng, cho kết hợp với trứng để thành một hợp tử (zygote), hợp tử sau đó mau chóng tự phân chia để tăng trưởng thành phôi thai (embryo), tim óc phổi phèo ... được tạo ra để thành thai nhi (fetus). ...

Một thiểu số rất nhỏ nhân loại cho rằng sự sống trên trái đất phát sinh tự nhiên, có được nhờ tình cờ. Thí dụ họ cho rằng khoảng 4 tỷ năm trước, một con sét đánh vào một tảng đá trong điều kiện đặc biệt khiến tảng đá này tự nhiên ... nhúc nhích rồi lăn xuống biển để trở thành một sinh vật. Nhưng tuyệt đại nhân loại tin rằng sự sống trên trái đất có được nhờ ... Trời (Thượng Đế / Đấng Sáng tạo).

Theo một cuộc nghiên cứu được thực hiện vào tháng 7/2006 của “Pew Research Center”, có đến 84% dân số thế giới là thành viên của các nhóm tôn giáo hoặc cho rằng tôn giáo rất quan trọng trong đời sống của họ. Tại Hoa Kỳ, có đến 95% người Mỹ tin vào một số hình thức thần thánh hoặc quyền lực siêu nhiên, cụ thể: 83% người Mỹ tin vào Thiên Chúa, 12% tin vào quyền lực siêu nhiên đã tạo nên vũ trụ và sự sống. [3]

Tối hôm qua hai người bạn thân của tôi tới chơi, nhân nói về sự sống trên hành tinh này, hai người cãi nhau kịch liệt. Họ nói tiếng Việt, tiếng Anh và khi nổi nóng ... sỗ cả nhơ! Một người cho rằng sự sống tình cờ mà xuất hiện chứ chẳng có “Trời” nào hết, một người nhất định cho rằng “Only a living organism can beget another living organism”, nên nhất định phải có Đấng Sáng Tạo. Anh hữu thần hỏi: “Có khi nào bỏ vào rổ những chữ cái, tung lên trời khi rớt xuống tạo thành những câu thơ tuyệt tác như trong Kiều ... *Vàng trắng ai xẻ làm đôi / Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường* ... không?” Anh vô thần gân cổ cãi: “Triệu lần không được thì tỷ tỷ lần nhất định sẽ được.” Rồi anh ta quay hỏi tôi nghĩ sao, tôi thành thật cho rằng không khi nào, nếu không ai sắp xếp, những chữ cái có thể tự xếp thành những câu thơ như “*Người đâu gặp gỡ làm chi / Trăm năm biết có duyên gì hay không.*”

>> Nên dù robot có tiến bộ đến đâu cũng không thể thay thế con người, bởi từ bản chất con người là sinh vật sống, có ý thức, ý chí tự do, có cảm xúc và tình yêu, trong khi robot chỉ là những cỗ máy nhân tạo được lập trình để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể được xác định.

Tình Yêu

Bên cạnh sự sống, tình yêu quả là món quà vô giá của Thượng Đế ban cho con người. Nhờ tình yêu con người trở nên cao thượng, dám hy sinh bản thân, khác hẳn muôn loài.

Dĩ nhiên tình yêu không phải chỉ là những phản ứng hóa học, như ý kiến của một số khoa học gia tự nhiên, không chỉ do lòng ham muốn tình dục, cơ thể tiết ra testosterone và oestrogen, rồi được nuôi dưỡng, tạo nên gắn bó nhờ những chất hóa học khác pheromones, dopamine, ... Tình yêu lại càng không phải như trong bài hát bất hủ “What is love” của Haddaway. “*What is love /Baby don’t hurt me /don’t hurt me ... no more*” Nghe người ta chỉ muốn nhún nhảy chứ chẳng hiểu bài hát diễn tả TY là cái quái gì!

(<https://www.youtube.com/watch?v=HEXWRTEbj1I>)

Tình yêu đích thực vượt ra ngoài sự say mê và hấp dẫn ban đầu, đó là một kết nối sâu sắc bền vững qua thời gian và thử thách. Tôi không có tham vọng định nghĩa và phân tích TY mà chỉ muốn đưa ra vài trường hợp để minh chứng rằng: Nhờ TY con người trở nên cao thượng, vượt lên trên những gì bình thường. Trường hợp 1: Tôi có bà dì họ là một phụ nữ lý tưởng trên nhiều phương diện (nhân sắc, học vấn, tính tình, ...). Dì có fiancé là một BS quân y, khi hai người sắp làm đám cưới thì chú tử trận! Dì ở vậy cứ hằng năm đến ngày giỗ chú dì đến đặt trên mộ chú một bó hoa trắng. Dì nói với tôi: “Đối với mọi người chú đã qua đời, nhưng với dì chú vẫn hiện diện bên cạnh dì.” cuối cùng dì vào tu trong dòng kín St. Clare - TY mạnh mẽ thế. Trường hợp 2: Tôi có người bạn thân một hôm tâm sự: “Gia đình tôi rất hạnh phúc, tôi yêu vợ con nhưng cũng yêu ... X. Một tình yêu _____thuần khiết, vì chỉ mong nàng luôn

hạnh phúc nên không làm bất cứ điều gì ảnh hưởng đến cuộc sống của nàng.” Tôi tò mò hỏi lại: “Tình yêu chay tịnh này của ông đã có từ bao lâu rồi?” Anh bạn nhún vai: “Tuy chẳng ai muốn nó xảy ra, nhưng cũng đã trên hai mươi năm!”

Tình yêu một lần nữa minh chứng là món quà tuyệt vời của tạo hóa trao tặng con người, như vậy nếu một người không có tình yêu - nói chung chớ không chỉ giới hạn trong tình yêu trai gái (eros) - người đó sẽ chẳng khác gì một người máy!

Đề cập đến nguồn gốc của “sự sống” và “tình yêu”, người ta không khỏi liên tưởng đến một chủ nghĩa sai lầm và tai hại: “Duy vật biện chứng”!

Chủ Nghĩa Duy Vật Biện Chứng Sai Lầm

Chủ nghĩa duy vật kết hợp với phép biện chứng là một học thuyết triết học do Karl Marx và Friedrich Engels đề xướng. Đặc trưng của phương pháp duy vật biện chứng này là coi một sự vật hay một hiện tượng trong trạng thái luôn phát triển và xem xét nó trong mối quan hệ với các sự vật và hiện tượng khác. Khái niệm này nổi lên giữa thế kỷ 19 với sự phát triển của vật lý học, như một thách thức đối với khái niệm truyền thống và là tiền đề cho chủ nghĩa

cộng sản. Những tay trí thức nửa mùa như Lenin bên Nga, Mao xénh xáng bên Tàu, bên VN ta cũng có những khứa như họ Hồ, Trường Chinh, Phạm V. Đồng, ... vội chớp lấy ý tưởng này và tôn sùng như thánh kinh.

- Nhưng học thuyết “Duy vật Biện chứng” đã bị phá sản tan tành với sự ra đời của “**Thuyết Tương đối**” vào thế kỷ 20. Thuyết này cho thấy vật chất và năng lượng (bao gồm cả năng lượng phân bố trong không gian của các trường) có thể thay thế cho nhau. Điều này cho phép quan điểm bản thể học rằng năng lượng là nguyên liệu “prima” và vật chất là một trong những dạng của nó.

- Rồi với sự ra đời của “**Cơ học Lượng tử**” (Quantum Mechanics), thuyết duy vật biện chứng lại bộc lộ những sai lầm thô thiển của nó khi ông tổ của cơ học lượng tử **Werner Heisenberg** (giải Nobel vật lý -1932) cho rằng “*Bản thể luận của chủ nghĩa duy vật dựa trên ảo tưởng rằng loại tồn tại mãi.*” **Max Planck** (Nobel vật lý -1918) còn đi xa hơn khi cho rằng “*Không có vật chất nào hết. Tất cả mọi vật chất phát sinh và tồn tại chỉ vì một lực khiến hạt cơ bản của một nguyên tử rung động và giữ chúng gắn kết với nhau. Chúng ta phải giả định rằng đằng sau cái lực này tồn tại một Tâm trí có ý thức và thông minh.*”

- Năm 1991, **John Gribbin và Paul Davies** phát hành cuốn **The Matter Myth**, chương đầu tiên, “Cái chết của chủ nghĩa duy vật”, đã chỉ rõ những bất cập của chủ nghĩa này. **[4]**

Tóm Lại: Trên đây chúng ta chỉ mới dùng vài luận cứ khoa học - chớ chưa dùng đến quan điểm của chủ nghĩa duy tâm **[5]**, đặc biệt từ các tôn giáo - để minh chứng duy vật biện chứng pháp là sai lầm. Đến đây hẳn chúng ta tự hỏi, nếu đã biết chủ nghĩa cộng sản là không tưởng, duy vật biện chứng pháp là sai, vậy sao vẫn còn vài ba nước tin và áp dụng chủ thuyết này?! Tai hại là những nước còn sót lại gồm cả VN ta! Những người với ảo tưởng lỗi thời hay chẳng hiểu gì (vì i-tờ-rít) của của đảng CS Đông Dương cũ đã đành, lớp trẻ sau này xem ra có học sao vẫn khư khư ôm lấy mớ lý thuyết mà cả thế giới đã vất vào sọt rác?

Phải chăng vì ích kỷ, vì đặc quyền đặc lợi? Bao giờ dân Việt ta mới can đảm đứng dậy, hãnh diện là con cháu Lạc Hồng với năm ngàn năm văn hiến?

Phạm Mạnh Tuấn

[1] (<https://www.recordedfuture.com/research/measuring-the-us-china-ai-gap>)

[2] Chứng khoán của AI lên ngaoan mục. Thí dụ nếu năm ngoái, tháng 5/2024 bỏ ra \$200K chúng ta có thể mua được 10K cổ phiếu của Palantir Technologies (PLTR giá \$20.50) hay 400K cổ phiếu của Quantum Computing (QUBT – giá \$0.50). Đến hôm nay (5/29/2025) ta có \$1,235,000 (nếu mua Palantir) hay \$5,400,000 (nếu mua Quantum Comp).

[3] Theo <https://www.pewresearch.org/religion/2009/11/05/scientists-and-belief/>

[4] John Gribbin và Paul Davies đã viết trong chương đầu của quyển “The Matter Myth”:

“Then came our Quantum theory, which totally transformed our image of matter. The old assumption that the microscopic world of atoms was simply a scaled-down version of the everyday world had to be abandoned. Newton’s deterministic machine was replaced by a shadowy and paradoxical conjunction of waves and particles, governed by the laws of chance, rather than the rigid rules of causality. An extension of the quantum theory goes beyond even this; it paints a picture in which solid matter dissolves away, to be replaced by weird excitations and vibrations of invisible field energy. Quantum physics undermines materialism because it reveals that matter has far less “substance” than we might believe. But another development goes even further by demolishing Newton’s image of matter as inert lumps. This development is the theory of chaos, which has recently gained widespread attention.”

[5] Các lập luận của chủ nghĩa duy tâm, chẳng hạn như Hegel và Berkeley tuyên bố: “Nếu vật chất và năng lượng được xem là cần thiết để giải thích thế giới vật chất, nhưng hoàn toàn không có khả năng giải thích tâm trí.”

LỜI NGƯỜI RA TRẬN



Nếu một mai giữa chiến trường tôi chết
Bọc xác tôi và gửi lại quê nhà
Phút cuối cùng cho mặt đất đơm hoa
Xin cài chiếc huân chương lên ngực áo
Xin nhắc giúp Mẹ già tôi yêu dấu
Con trai ngoan đã chiến đấu quên mình
Bên chiến hào cùng đồng đội hy sinh
Ngăn bước giặc không tiếc gì xương máu
Nhắc Cha tôi hãy nguôi lòng phiền não
Giấu niềm sầu sau đôi mắt đau thương
Tôi tặng lại chiếc xe làm kỷ vật
Và chị gái hãy ngăn dòng nước mắt
Lo việc nhà chăm sóc Mẹ già tôi
Có gì đâu tôi phải lìa đời
Như giấc ngủ khi mặt trời lặn khuất
Đất nước ơi ! Tôi yêu người tha thiết
Xin chớ buồn nhỏ lệ tiễn tôi đi
Còn quân thù là còn cảnh chia ly
Tôi tâm niệm điều vô cùng giản dị
Khi sinh ra để làm người chiến sĩ
Là đã nguyện sống chết với quê hương

19-1-2025

DONRY NGUYỄN

50 NĂM SAU: 1975-2025



ĐỖ HỮU PHƯƠNG

Năm 1971, tôi là nhân viên trong Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa. Vào những ngày cuối tháng Tư năm 1975, quân đội miền Bắc đã chiếm hầu hết các Tỉnh miền Trung, miền Đông, và trên đường tiến vào thủ đô Sài Gòn. Cộng Quân đã bắn những quả đại pháo vào phi trường Tân Sơn Nhất cùng một vài nơi chung quanh thành phố Sài Gòn. Người dân lo sợ Sài Gòn sẽ mất trong nay mai, cho nên ngày càng có nhiều người dân tìm cách rời khỏi nước. Trong khi đó chúng tôi đang chờ đợi để được Chính quyền đưa nhân viên rời khỏi Nước đã tuyệt vọng. Hùng và tôi đã bắt đầu lo sợ. Nếu Sài Gòn thất thủ thì chắc chắn tính mạng của hai đứa sẽ gặp nguy hiểm nên Hùng và tôi nhất định tìm đường ra đi.

- Ngày 28 tháng 4, 1975. Hùng và tôi, hai đứa rủ nhau đi tìm những người bạn thân để tìm hiểu tin tức cùng rủ nhau kiếm đường di tản. Những người bạn mà chúng tôi tìm đến thì họ đã ra đi mấy ngày trước rồi. Đây là điều đã làm cho Hùng và tôi nhiều lo âu và thúc đẩy chúng tôi phải bằng mọi cách cố tìm đường ra đi. Trưa hôm đó, chúng tôi ghé ăn bữa cơm cuối cùng tại nhà hàng Rex. Miếng thịt bò hôm nay ăn không còn thấy hương vị gì cả. Nhìn xuyên qua cửa kính, tôi cố nhìn và ghi lại trong tâm hình ảnh đẹp của Sài Gòn, nơi mà tôi đi học trong 4 năm tại đại học Luật Khoa và bốn năm làm việc sau khi tôi tốt nghiệp. Tôi cảm thấy đau lòng khi nghĩ là tôi sẽ xa Sài Gòn



vĩnh viễn, Sài Gòn “Hòn Ngọc Viễn Đông”.

Chiều 28/4, vào khoảng 5 giờ 30, tôi đưa Hùng vào Sở làm để xem có tin tức gì mới không. Tôi gặp vài anh em cho biết là người Chỉ Uy phó của cơ quan đến liên lạc với tòa Đại sứ Mỹ, nhưng Ông không thông báo tin tức gì về chuyến đi này cho nhân viên, chúng tôi tiên đoán là việc đưa nhân viên di tản xem như đã chấm dứt: “Minh đã bị bỏ rơi rồi!”.

Hùng và tôi rời khỏi văn phòng, và bây giờ đi đâu thì chúng tôi không biết, nhưng hai đứa đầu óc đã điên cuồng, tâm trí hoảng loạn. Gặp người lính gác cổng nói với chúng tôi rằng: “Tối ngày mai mọi người tụ tập tại văn phòng phía sau Ty Bưu Điện, nửa khuya Trục thăng sẽ đến đón”. Hùng và tôi không biết gì về việc này, vả lại chúng tôi không tin đây là sự thật.

- 29 tháng 4, 1975, hai đứa lái xe Honda chạy ra xa lộ, đến bến tàu thì bến cảng quạnh hiu, không một bóng người và cũng không còn một chiếc tàu nào cả. Chúng tôi cùng nhau trở lại Sài Gòn, chạy dọc theo bờ sông rồi thẳng đến Nhà Bè, vẫn không tìm được phương tiện ra đi.

Chúng tôi quay về bến Bạch Đằng vừa đúng 6.00 giờ chiều.

Tôi ngẩn ngơ đứng ngay dưới chân bức tượng Đức Thánh Trần, mắt nhìn Ông, trong lòng đang cầu nguyện Đấng Linh Thiêng, cầu xin Ông cho chúng tôi gặp được may mắn và được rời khỏi nước. Nhìn dưới sông Sài Gòn không thấy chiếc Tàu nào. Chúng tôi thất vọng vô cùng, lòng thì bồn chồn, lo cho số phận của



mình không biết rồi đây sẽ ra sao?. Trong lúc khốn cùng, buồn bã lẫn thất vọng, hai đứa chúng tôi chỉ biết bắt tay nhau tự hứa là sẽ cùng sát cánh, sống chết bên nhau. Chạy xe vòng quanh một lúc, tôi thấy cổng vào khu vực

Hải Quân đã bị rào lại, chỉ chừa một lối vừa đủ cho một chiếc xe chạy qua, có hai người lính Hải quân ôm súng trên tay, canh gác rất nghiêm ngặt, họ đang trong tư thế sẵn sàng nhả đạn vào bất cứ ai muốn xông vào khu vực Hải Quân này. Lúc đó, phía ngoài hàng rào thì đồng bào đứng cũng khá đông, khoảng hơn trăm người. Họ nhón nháo, xôn xao mong được vào trong nhưng lại sợ mũi súng của hai anh lính đang lăm le sẵn sàng nãy giờ.

Tôi có ý muốn vào bên trong, mà tôi cũng không biết vào đó để làm gì. Trong giây phút tuyệt vọng này, tôi chỉ làm theo bản năng thúc đẩy của sự trốn chạy bằng mọi giá... Sóng lòng tôi như một dòng nước lũ, cứ cuộn cuộn trào dâng, hối thúc tôi phải tìm đường mà đi. Lòng tôi nóng như lửa, hồi hộp, dồn dập. Bằng mọi giá tôi nhất định phải thoát.

Trong những năm làm việc cho Chính Phủ, tôi thường hay ra, vô cổng này, vì tôi có thể được quyền lưu thông trong khu vực Hải Quân. Nhưng lần này thì quả là khó khăn cho tôi, hai anh lính có quyền ngăn cản và sẽ nổ súng nếu tôi không tuân lệnh. Tôi quay lại nói với Hùng:

- Ê Hùng, Tao muốn chạy vào bên trong xem sao, một tay tao cầm thẻ Hành Sự, một tay tao lái xe, khi chạy qua chỗ lính gác, tao sẽ trình thẻ, nói là, đi công tác, rồi tay kia tao sang ga chạy thẳng tới. May nhớ nằm sát xuống, ráng coi chừng, nếu tụi nó bắn thì mày sẽ bị



trúng đạn trước đó. Nói vừa xong thì may mắn thay, tôi chạy thẳng vào được bên trong. Khu

vực Hải Quân hôm nay vắng lạnh, không xe qua lại, cảnh vật buồn. Hai đứa đứng nhìn dòng sông Sài Gòn, bên kia là khu Khánh Hội,

Hùng nói với tôi:

- Tao với mày đi về hướng Nhà Bè, tìm đường về miền Tây gia nhập quân đội tiếp tục chiến đấu.

Tôi nói: Giờ phút này còn chiến đấu gì nữa, tìm đường di tản là cách hay nhất.

Chúng tôi chạy đến cổng Hải Quân Công Xưởng thì thấy có khoảng hơn một trăm đồng bào đứng trước cổng mà cổng vẫn khoá. Hùng vừa đến nơi thì gặp ngay người bạn học, anh ấy bảo Hùng: "Xuống Tàu đi Hùng ơi". Mừng quá, Hùng bảo tôi đi theo với bạn của Hùng. Tôi và Hùng quyết định tháp tùng đoàn người này.

Để lại chiếc xe Honda bên lề đường, và tôi cũng không quên bỏ lại chìa khóa trên xe để cho ai đó nếu cần thì có sẵn chìa khoá mà chạy.

Chờ khoảng mười phút sau thì có người đến mở cổng, tôi và Hùng theo đoàn người vào bên trong.

Lần đầu tôi được vào khu vực Hải Quân Công Xưởng này. Khu này rất rộng, dĩ hơn cả cây số mới tới cầu tàu. Mừng cho chúng tôi đã may mắn đến đúng lúc. Một chiếc tàu thật to đang cập sát bờ, lúc đó vào khoảng 10:00 giờ tối.

Phía trước tôi rất đông người đang đứng

sắp hàng chờ để lên tàu.

Nhưng có người đứng trước tôi nói, phải chờ sửa xong máy, khoảng nửa giờ thì mọi người mới được lên tàu.

Mừng quá!, Lạy ơn Trên, Hùng và tôi đã thoát rồi.

Lúc này tôi mới cảm thấy đói bụng và... đói thật nhiều. Thấy người đàn ông đứng bên cạnh tôi đang ăn bánh mì. Tôi hỏi anh mua ở đâu, anh ta chỉ ra phía sau. Tôi đến đấy thì thấy một anh lính trong bộ quân phục Hải Quân màu xanh đang bán bánh mì. Tôi mua hai ổ bánh mì thịt nguội lớn và hai chai nước ngọt cho Hùng và tôi. Khi trả tiền, tôi thấy trong túi mình còn nguyên số tiền lương vừa lãnh hai ngày trước, tôi tự nghĩ--"Mình sắp sửa rời khỏi Việt Nam thì đem tiền Việt theo để làm gì?" Tôi bèn đưa hết cho anh lính Hải Quân. Nhưng anh từ chối, anh chỉ nhận đủ số tiền bánh mì mà thôi. Tôi cố giải thích với anh là tôi sắp ra đi nên dù có đem theo tiền Việt Nam thì cũng không xài được, mong anh lấy dùm cho. Anh ta vẫn nhất định từ chối, cuối cùng tôi phải năn nỉ xin để lại trên bàn và nhờ anh ta, hãy thấy ai cần thì anh trao tiền cho họ làm phước. Cảm ơn anh xong, tôi quay trở lại sắp hàng.

Vào hàng chẳng bao lâu thì đồng bào được phép lên tàu. Bỗng có tiếng khóc, lacủa một người đàn bà:

- Làm ơn cứu con tôi, làm ơn cứu con tôi.

Mọi người xôn xao không biết chuyện gì? Một lúc sau mới biết là: "có một em bé khoảng 5, 6 tuổi vừa bị rớt xuống sông". Thế là việc xuống tàu lại bị đình trệ để một số nhân viên trên tàu xuống sông tìm kiếm em bé đó, nhưng vô vọng. Bà Mẹ đau thương, gào khóc nhìn xuống dòng nước chảy xiết đã cuốn theo thân xác vô tội của đứa trẻ thơ... Ôi! Còn xót xa nào bằng niềm đau ngút ngàn của một người Mẹ mất con...

Loa phóng thanh trên tàu ra lệnh: Đoàn ông thì ở trên boong tàu, đàn bà và trẻ em xuống từng dưới. Tôi tìm được một chỗ ở giữa tàu nằm tạm nghỉ. Máy tàu vẫn chưa nổ, tàu chưa thể khởi hành. Tôi nói với Hùng:

- Tao có mua hai ổ bánh mì thịt cho hai

đưa mình.

Hùng nói:

- Tao đã tìm được bà Cụ cùng gia đình chị tao trên tàu nên tao đã có thức ăn rồi, mày để dành ăn đi.

Hùng thật may mắn, nó gặp được gia đình cùng đi chung, riêng tôi, chỉ có một mình... "Cô đơn vẫn hoàn cô đơn". Đang cơn đói nên tôi nhai ngấu nghiến, ổ bánh mì hết thật mau. Còn lại một ổ, tôi bèn tặng cho chú em ngồi bên cạnh.

- 1:00 giờ sáng rồi mà chiếc tàu vẫn chưa ra khơi, nhưng tôi vững tin rằng sớm muộn gì thì tàu cũng sẽ chuyển bến. Tôi an tâm ngủ lưng nằm nghỉ. Lúc này, nằm một mình trên chiếc tàu cùng với mấy ngàn người chờ đợi tàu nhỏ neo. Giữa trời nước mênh mông tôi mới thấy buồn. Tôi sắp rời xa quê hương, xa mảnh đất thân yêu nơi tôi sinh ra, xa Cha Mẹ, anh, em, thân bằng quyến thuộc cùng người thương yêu bé nhỏ không một lời từ giã, và giờ này không biết gia đình tôi ra sao khi không thấy tôi về? Nghĩ ngợi mông lung, lòng buồn khôn tả và rồi tôi thiếp đi, ngủ quên lúc nào không hay...

Bỗng nhiên, bên tai tôi vang động những tiếng đạn đại pháo nổ vang trời làm tôi giật mình thức giấc. Lúc ấy là 4:30 sáng, tôi hỏi anh bên cạnh là mình đang đến đâu rồi. Anh nói Tàu đang chạy ngang Nhà Bè. Lúc này, tiếng súng đại bác bay trên bầu trời của boong Tàu. Chúng tôi được lệnh phải xuống hầm Tàu trú ẩn. Chiếc Tàu được rời khỏi bến vào lúc 2:30 sáng ngày 30 tháng 4.

Tàu chạy rất chậm, vì chỉ còn có một máy nên nó ỳ ạch mãi đến mờ sáng mới ra đến biển. Có một toán người thuộc lực lượng người Nhái rất đông, được biết vào khoảng 50 đến 60 người đang đi trên chiếc tàu nhỏ, họ xin được cặp sát để chuyển lên Tàu. Chiếc Tàu trực chỉ chạy thẳng ra khơi. Vào khoảng 8:00 giờ sáng, có một chiếc trực thăng bay vòng quanh Tàu, xin được đáp xuống. Các anh lính Hải quân yêu cầu đồng bào dành một khoảng trống trên boong tàu để chiếc trực thăng đáp xuống. Chiếc trực thăng nhẹ nhàng đáp xuống, bước ra là một người phụ nữ cùng em bé, anh

Pilot tươi cười cúi chào và cảm ơn tất cả đồng bào. Sau đó các anh lính cùng nhau đẩy chiếc máy bay cho rơi xuống biển.

Tôi được biết đứa bé trai 10 tuổi, mặc chiếc quần đùi, chỉ là đứa bé hàng xóm phụ giúp đem đồ lên chiếc trực thăng cho gia đình anh Pilot, em chưa kịp bước xuống thì máy bay vụt cất cánh. Thế là em được di tản ngoài ý muốn. Nửa giờ sau lại có thêm một chiếc trực thăng khác xin đáp xuống, lần này chỉ có một viên phi công và anh cũng được đón nhận. Hạm Trưởng cùng thủy thủ đoàn thật tốt: Cứu được khá nhiều người.

Đến 10:24 giờ sáng 30-4-1975, khi tàu HQ-502 vừa đến hải phận quốc tế, thì đài phát thanh của tàu phát lên lời tuyên bố đầu hàng của ông Dương Văn Minh. Tất cả đồng bào trên tàu đều thở dài, buồn bã, một vài người không cầm được nước mắt cúi đầu rơi lệ. Thương khóc cho quê hương mình đang rơi vào vòng tay Cộng Sản. Mọi người ngồi im lặng như dành những giây phút đau lòng cho quê nhà thống khổ ... Trong thâm tâm mọi người không khỏi ngậm ngùi chua xót: “Thôi thế là mình đã thua và mất tất cả rồi!” Không ai thốt được lời nào, không gian im lìm như bao trùm một niềm đau thương, tiếc nuối, con tàu một máy cứ vô tình nhẹ nhàng từ từ chạy, mang theo những con tim tan nát của những “kẻ tha hương”.

Kể từ giờ phút đó, tôi là một người vô gia đình, vô gia cư, vô Tổ Quốc, còn tương lai? Tôi cũng không biết Quốc Tịch của chính tôi sẽ là gì nữa. Buồn sao là buồn!

Trưa hôm đó, tôi may mắn gặp lại một người bạn cùng học trường Luật Sài Gòn năm xưa. Thật bất ngờ khiến tôi rất vui. Đây là người bạn duy nhất mà tôi gặp lại trên chiếc tàu HQ-502—Yến—cô cũng rất mừng khi gặp lại tôi sau vài năm mất liên lạc. Đứng trên thành tàu, nhìn ra biển, chúng tôi nhắc lại chuyện xưa, chuyện dành ghế, giữ chỗ cho nhau tại các giảng đường trong những năm học thứ nhất năm 1967, và thứ hai trường Luật. Yến ra đi cùng với Mẹ, anh chị, và người em trai. Anh của Yến là Trung Tá Hải Quân làm tại bộ Tư Lệnh. Em của Yến là Trung Úy Hải Quân. Gia đình của Yến đã chuẩn bị từ hai tuần trước.

Sau hơn một giờ chuyện trò, Yến trở lại hầm tàu cùng với gia đình. Tôi được biết những vị chỉ huy của chiếc tàu và những sĩ quan cao cấp đều có phòng riêng ở tầng dưới.

Đã hơn 2:00 chiều, trời bắt đầu nắng gắt, chiếc tàu vẫn ỳ ạch từ từ tiến ra khơi. Tôi thấy đói bụng. Tôi ao ước, nếu dòng đời cứ bình thản, vận nước không lao chao, tôi không phải lìa xa gia đình để lênh đênh không biết đi về đâu? Thì chắc giờ này tôi cũng đang ngồi tại cái quán ăn trên đường Nguyễn Du, nơi mà hằng ngày tôi đến đây ăn cơm trong suốt 5 năm qua. Tôi nhớ đến cô bé bụng cơm cho tôi, từ lúc cô chừng 15 tuổi. Cô bé vui tính, dễ thương. Cô quý mến và xem tôi như anh Hai của cô vậy. Cô biết cả ý tôi thích ăn những món gì, khi tôi ngồi vào bàn, cô tự đem thức ăn ra cho tôi, cô thường nói,

- Hôm nay có món này ngon lắm, em biết anh Hai thích nên em mang thật nhiều cho anh.

Đó là những buổi cơm chiều thật vui vẻ, thật hạnh phúc cho một chàng trai trẻ sống xa gia đình như tôi. Tôi đang nhớ đến cô, nhớ đến nụ cười dễ thương, vui vẻ rất vô tư của cô bé. Tôi cầu mong cho gia đình cô sẽ gặp được nhiều may mắn trong giai đoạn khó khăn này.

Hùng giờ này chắc đang vui vẻ với gia đình nên tôi không thấy nó đâu cả. Càng nghĩ, tôi càng xót xa cho thân phận hẩm hiu của mình: “Đời mình cô đơn nên đi đâu cũng cô đơn”. Bất chợt có một bàn tay ai chạm nhẹ lên vai, tôi quay lại thì ra là Yến. Trên tay cô cầm một tô cơm, Yến nói:

- Anh ăn cơm đi.

Phản ứng tự nhiên tôi chợt nói:

- Anh không đói đâu, cảm ơn Yến.

Yến tiếp,

- Anh cố ăn một chút cho vững bụng, nếu không sẽ đói lắm đấy.

Nhìn tô cơm có canh, có cá, hấp dẫn quá, tôi phát thèm, nhưng cũng vì hai chữ “ta đây” to lớn xấu xa kia nên tôi cứ nhùng nhằng “tình trong như đã, mặt ngoài còn e”, miệng thì cứ từ chối lia lịa,

- Anh không đói đâu.

Mãi đến khi Yến hơi giận nói tiếp,

- Má bảo đem cơm đến cho anh ăn, em mà đem tô cơm này xuống Má la đó.

Thế là tôi nhận lấy tô cơm, hôm nay tôi có được một bữa ăn thật ngon. Và cứ thế, tôi sống lênh đênh trên chiếc tàu này cũng khá vui, bên tôi có Yến chuyện trò, còn có cơm nóng để ăn. Khi no bụng và được nhàn rồi, tôi thành thoi nên ngân nga ca bài con cá cho vui: “Đời tôi cô đơn nên đi đâu cũng gặp hên”.

- 6:00 giờ chiều thì trời bắt đầu tối. Bất ngờ trên không có một chiếc máy bay L-19 lượn bốn, năm vòng chung quanh tàu. Người phi công của L-19 xin cứu giúp. Hạm Trưởng đồng ý và chuẩn bị phao cùng các anh người Nhái sẵn sàng cứu vớt. Có hai người trên chiếc phi cơ nhưng lại chỉ có một chiếc phao và chiếc phao ấy được giao cho anh ngồi bên cạnh anh Pilot. Chiếc L-19 bay sát xuống gần chiếc tàu, chúng tôi thấy người đeo phao nhảy xuống. Nhờ có đeo phao nên khi nhảy xuống thì cả người anh được nổi lên, anh cố sức bơi đến tàu, nhưng vì khoảng cách quá xa nên anh có vẻ khó khăn lắm. Thấy anh thấm mệt, một anh người Nhái đeo chiếc phao trong người, nhảy xuống vớt anh lên tàu bình yên. Trời bắt đầu mờ tối, anh phi công bay sát xuống, nhưng vì sợ chiếc máy bay có thể đụng tàu nên anh phải bay hơi cao và cách chiếc tàu khá xa. Mọi người hồi hộp nhìn anh nhảy xuống, vì khoảng cách quá cao lại không có phao nên cả người anh lao thẳng xuống biển và rồi chìm sâu vào lòng đại dương. Anh phi công đã vĩnh viễn ra đi vào tối ngày 30 tháng Tư năm đó.

Người đàn ông nhảy xuống trước vì quá mệt nên đã ngủ vùi phía sau boong tàu. Khi thức dậy, anh hỏi người bên cạnh, người phi công đang nằm đâu. Người này cho biết là anh phi công đã chìm sâu dưới lòng đại dương. Anh hốt hoảng la lên: Trời ơi Anh phi công đã chết! Sau đó nghe người bên cạnh kể lại thì anh phi công là bạn thân của anh này, chính anh phi công đã tìm cách đưa anh vào phi trường, qua bao nhiêu vất vả để được lên máy bay. Và cũng chính anh phi công là người dành chiếc phao riêng của mình cho anh nhảy xuống trước, để anh được sống. Anh rất đau buồn, ngày ngày thấy anh nằm im lìm trong một góc tàu.

Trung Tá Hạm Trưởng Nguyễn Văn Tánh vừa thông báo cho mọi người biết là: Để được cứu giúp thêm nhiều người ngoài khơi nên Hạm Đội 7 ra lệnh cho tàu 502 tiếp tục chạy thẳng đến hải cảng Subic Bay của Phi Luật Tân và đồng thời một chiếc tàu khác của Mỹ chạy cùng hướng sẽ tiếp cứu khi Thủy thủ đoàn của tàu HQ-502 cần đến.

Sau hai ngày vượt sóng thì tàu đến hải phận của Phi Luật Tân. Trước khi vào vùng biển thuộc chủ quyền của Phi, Hạm Trưởng ra lệnh cho mọi người tháo gỡ tất cả súng đạn trên tàu, kể cả vũ khí cá nhân mà những người lính còn đang giữ phải quăng hết xuống biển. Nếu ai còn cất giữ bất kỳ vũ khí nào, kể cả dao găm thì khi vào đến lãnh thổ của Phi Luật Tân sẽ phạm vào tội hình sự. Mọi người đều răm rắp tuân hành theo lệnh của Hạm Trưởng.

Theo luật Quốc Tế thì giờ phút này cờ nước Việt Nam Cộng Hòa không còn tư cách pháp lý đại diện cho một Quốc Gia để được phép chạy vào vùng biển của bất kỳ Nước nào. Mười lăm phút sau, Hạm Trưởng yêu cầu tất cả đồng bào họp lại trên boong tàu để cùng làm lễ chào Quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa lần cuối cùng. Mọi người cùng nhau tụ tập đông đảo. Một số các Sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cùng thủy thủ đoàn với binh phục chỉnh tề đều nghiêm chỉnh đứng chờ làm Lễ Chào Cờ.



Chữ Tọa buổi lễ là Trung Tá Hạm Trưởng Nguyễn Văn Tánh, và Thiếu Tá kiêm nhà văn Phan Lạc Tiếp, - người sát cánh cùng Hạm Trưởng lèo lái con thuyền đến nơi an toàn. Bài Quốc Ca vang rền, Quốc kỳ

Việt Nam Cộng Hòa bay phất phới trên nền trời cao từ từ được kéo xuống. Khi bài Quốc

Ca vừa chấm dứt, khi lá Quốc Kỳ được kéo xuống tận cùng, mọi người đều bật tiếng khóc òa, nhiều người đàn bà cúi đầu, tay chùi nước mắt, chạy xuống hầm tàu. Riêng tôi, quá ngậm ngùi, nước mắt tôi tuôn rơi, những giọt lệ đau thương tự trong đáy lòng tôi cứ trào ra mãi. Tôi khóc vì ai? Tôi khóc cho thân phận tha phương của những người xa quê hương như tôi, khóc cho những người còn kẹt lại, trong đó có gia đình Cha, Mẹ, Anh chị em, Họ hàng, và Thân bằng quyến thuộc của tôi. Tôi hy vọng là những người Bạn làm việc chung với tôi cũng may mắn rời khỏi nước từ mấy ngày trước rồi, nếu không sẽ gặp nhiều nguy hiểm cho bản thân.

Sáng sớm hôm sau thì Tàu cập bến Subic Bay ở Phi Luật Tân. Đồng bào được chuyển sang tàu lớn của Mỹ. Năm ngày sau, 9 tháng 5, 1975 họ đưa chúng tôi đến đảo Guam, vùng đất của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Thấm thoát mà đã 50 năm trôi qua, 50 năm lưu lạc nơi xứ người. Hôm nay ngồi ghi lại hình ảnh cuộc di tản trong những ngày cuối tháng 4-1975 cùng những ngày hành trình trên con tàu HQ-502 mà lòng tôi không khỏi bồi hồi, xao xuyến, khi nghĩ lại những hình ảnh và diễn biến của những ngày buồn đau thương ấy, tôi tưởng như một giấc mơ chỉ mới xảy ra ngày hôm qua ... Biết bao nhiêu kỷ niệm đau buồn khó quên ...



Anh chị Đỗ Hữu Phương

Loan, bà xã tôi ngồi cạnh tôi từ bao giờ, Loan cầm tay tôi nói: “Anh à, Em đã sống bên cạnh Anh 49 năm qua, Em mang đến anh đầy

niềm vui và hạnh phúc trong gia đình. Anh cứ nhìn 3 đứa con thương yêu mà em đã tạo cho anh, và giờ này chúng đã thành công, xứng đáng trong xã hội, các con có gia đình, thêm 7 cháu nội ngoại xinh xắn và dễ thương. Mình hiện tại đang sống trong một Quốc Gia giàu có, Văn minh, Quyền lực, nền Y tế tốt, Tự do và Dân chủ bậc nhất trên Thế giới. Anh ơi, cuộc sống về hưu của mình đã quá hạnh phúc và đầy đủ, mình không mất gì cả anh à...”. Cảm ơn bà xã Loan.

Nhân đây, tôi xin gửi lời chân thành, kính cảm ơn đến hai Cụ Nguyễn Văn Tánh, Cụ



Phan Lạc Tiếp
cùng tất cả Thủy Thủ đoàn của HQ-502 đã đưa hơn năm ngàn người Việt chúng tôi rời khỏi nước an toàn vào ngày 30 tháng Tư năm 1975, trong đó có cá nhân tôi. Và tôi cũng không quên, xin gửi lời cảm ơn đến Yến, người bạn thân

thương đã giúp đỡ tôi từ tinh thần đến “ấm bụng” trong những ngày mà cuộc đời tôi đi vào đoạn đường tăm tối nhất. Nguyễn Văn Hùng và Tôi luôn luôn kính nhớ ơn Đức Thánh Trần đã ban cho chúng tôi phước lành, may mắn ra đi được trong ngày 30/4. Và giờ đây, chúng tôi là người cao tuổi, đang vui hưởng cảnh thanh nhàn và hạnh phúc của cuối đời một người. Chúng tôi không còn là hai thằng độc thân chạy lang thang, mà giờ này số người trong gia đình gia tăng, mỗi gia đình có thể thành lập một đội banh để đấu với nhau....

Cầu xin ơn Trên ban sức khỏe tốt đến cho tất cả chúng ta./.

(30-4-2025, chuyện 50 năm sau mới kể)

ĐỖ HỮU PHƯƠNG
Cựu SV CAO HỌC LK

LỜI VĨNH BIỆT LS NGUYỄN ĐÌNH SƠN



LS LÊ CÔNG TÂM

Sau đây tôi cũng xin mạn phép được nói lên Lời Tiễn Biệt Sau Cùng của Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Luật Khoa Việt Nam.

Kính Thưa Chị Ngọc Lan, Các Cháu, các em của anh chị và Quý Quan Khách.

Sự ra đi của Ls Nguyễn Đình Sơn thật nhanh chóng và bất ngờ, không những để lại một sự đau buồn, thương tiếc khôn nguôi cho người phối ngẫu là một người bạn đường tâm đắc hiếm quý của anh Sơn, con cái, và anh em thân bằng quyến thuộc, mà ngay chính cả các bạn đồng môn trường Đại Học Luật Khoa Saigon, các thành viên của Hội Ái Hữu Luật Khoa Việt Nam khắp nơi, ai ai cũng vô cùng luyện tiếc và đau buồn.

Riêng cá nhân tôi, đối với anh Sơn mặc dầu không học cùng năm, (anh Sơn học cùng khóa với nhà tôi LS Đào Thị Tuyền) nhưng tại trường Luật Khoa Saigon, hai chúng tôi đã đã có những kỷ niệm thật sâu đậm và êm đềm trong những ngày tháng tham gia sinh hoạt Sinh Viên Quân Sự Học Đường vào thời điểm Biến Cố Mậu Thân 1968. Chúng tôi ở cùng một đại đội, một tiểu đoàn tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung, học tập quân sự chung, ăn chung ngủ chung, cùng chung tắm rửa trong doanh trại. Anh Sơn đáng người hiền hòa, ăn nói nhỏ nhẹ, khiến ai cũng yêu mến, trái ngược với một số chúng tôi được mệnh danh là thành



phần ba gái. Nhờ biệt tài văn nghệ của anh Sơn và một số các sinh viên khác đóng góp vào các sinh hoạt văn nghệ ban đêm do đó, đại đội chúng tôi đã không bị cán bộ huấn luyện chiếu cố kỷ

luật nhiều.

Sau khi tốt nghiệp chúng tôi cùng đi tập sự và gặp nhau tại các tòa án. Sau biến cố 75, tôi gặp lại anh Sơn ở Los Angeles, lúc bấy giờ anh làm việc cho Tổ Hợp Luật Sư Bell & Shapiro, một tổ hợp luật sư Mỹ đầu tiên hoạt động trong cộng đồng người Việt từ lúc sơ khai của cộng đồng.

Trong 5 thập niên định cư tại Hoa Kỳ, chúng tôi vẫn thường liên lạc, mặc dầu tôi ở Los Angeles và anh Sơn ở Huntington Beach nhưng chúng tôi vẫn thường tụ tập ca hát tại nhà anh Sơn vào những ngày cuối tuần với các bạn hữu khác, và với sự ưu ái, lòng hiếu khách của anh chị Sơn Lan, từ đó dẫn đưa đến cơ duyên thành lập Hội Ái Hữu Luật Khoa Việt Nam cách đây hơn 3 thập niên.

Hội Ái Hữu đã trải qua không biết bao nhiêu nhiệm kỳ Hội trưởng nhưng một điểm đặc sắc là anh Sơn luôn vẫn là Trưởng Ban Văn Nghệ của Hội ngay cả khi anh được tín nhiệm vào chức Hội Trưởng anh vẫn một mực khiêm tốn, anh nói: “Làm gì thì làm Sơn chỉ muốn giữ chức Trưởng Ban Văn Nghệ của Hội”

Điều này đã được minh chứng qua hình ảnh của Ban Văn Nghệ Luật Khoa trình diễn một cách quy mô, chuyên nghiệp trong tất cả các buổi Đại Hội của Hội Ái Hữu Luật Khoa



Việt Nam từ trước tới nay và đặc biệt nhất là lần sau chót năm 2023.

Trong vai trò, Hội Trường, anh nhận lời trước một tình thế thật khó khăn vì đại dịch COVID, hội đã sinh hoạt trong trong một hoàn cảnh eo hẹp, từ nhiều năm qua hội đã không

nhận được niềm liêm từ các hội viên, thế nhưng những công việc quan hôn tương tế của Hội trong nhiệm kỳ của anh vẫn được xúc tiến điều đặn và hiệu quả, và cho đến nay, ngân khoản của hội chuyển giao từ người Hội Trường tiền nhiệm không không hề bị hao hụt. Điều này đã nói lên được sự khéo léo, mềm dẻo trong tài quản trị của anh Sơn.

Sự ra đi của anh không những là một mất mát lớn lao đối với người bạn đường tâm đắc lúc nào cũng tay trong tay, chị Ngọc Lan, với các cháu và đại gia đình anh Sơn mà cũng là một sự mất mát của Hội Ái Hữu Luật Khoa trên toàn cầu.

Cách đây không lâu anh đã nhắn nhủ với chúng tôi, đầu hè này chúng mình sẽ tổ chức đại hội Luật toàn cầu nhé. Thế nhưng, chưa kịp, thì anh đã vội bỏ mọi người thân thiết để ra đi.

Giờ đây anh sẽ bay theo Đàn Chim Việt để về một nơi có gió mùa thơm ngát

Anh sẽ cùng đàn Chim Việt bay qua Bắc, sang Trung vào Nam, đi vào miền Viên Mãn để lại niềm luyến tiếc không nguôi cho những người thân và những người thương yêu anh.

Xin Bái Biệt, Bái Biệt, Bái Biệt Anh, LS Nguyễn Đình Sơn!

LS LÊ CÔNG TÂM

HẸN RỒI SAO KHÔNG ĐẾN



Em đã hẹn nhưng rồi sao không đến ?
Để anh chờ bên lối nhỏ thân quen
Hàng cây khô trong gió nhẹ ru êm
Niềm khao khát trông em từng giây phút

Anh đứng đó, nghe tim lòng thổn thức
Nhớ thương thầm hình bóng Nhỏ thân yêu
Cho lòng vui niềm nhung nhớ thật nhiều
Nhưng mơ ước vẫn hoài trong ảo mộng

Giòng thời gian lững lờ trôi vô vọng
Cơn bão lòng như dầy xéo tim anh
Từng phút giây theo gió cuốn qua nhanh
Nhưng em vẫn miệt mài nơi xa vắng

Cơn mưa nhỏ, giọt rơi hòa trong nắng
Chạnh nỗi lòng vương vấn phút cô đơn
Em nơi đâu ? Cho phố vắng tủi hờn
Trời mây xám giăng sầu trên lối nhỏ

Ngồi nơi đây mượn giọng thơ bày tỏ
Mưa đã tàn rét lạnh thấm thịt da
Lời thơ yêu từng nét chữ phơi pha
Em có biết nơi này anh vẫn đợi ...

NGUYỄN VĂN THẮNG

ĐÔI DÒNG TƯỞNG NIỆM

LS NGUYỄN ĐÌNH SƠN



LS NGUYỄN VĂN THẮNG

Lúc sinh thời khi còn sống tại quê ngoại tôi ở làng Bút Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, mỗi khi trong làng có người chết gần nhau trong một thời gian, Mẹ tôi thường nói “**Đúng là sinh đôi, tử đôi**”. Không biết câu nói này của Mẹ tôi có phải là do kinh nghiệm sống đã cho thấy “**Sinh đôi, tử đôi**” như một quy luật siêu hình. Nghĩa là trong một thời gian, không gian nhất định nào đó, người ta thường thấy hai con trẻ cùng ra đời hay hai người cùng chết vì bất cứ nguyên nhân nào?

Sở dĩ tôi nghĩ đến quy luật siêu hình này là vì trong hai ngày liên tiếp tôi đã nhận tin hai người bạn đồng môn Đại học và một đồng môn Trung học qua đời. Đó là đồng môn, đồng nghiệp Luật sư Nguyễn Đình Sơn, đương kim Chủ tịch Hội Ái Hữu Luật Khoa Việt Nam đã qua đời ngày 7 Tháng 4 Năm 2025 tại Miền Nam California. Ngày hôm sau Mùng 8 Tháng 4 năm 2025, một bạn đồng môn Trung học là nhà văn nhà thơ Chinh Nguyên Nguyễn Trung Chính, cựu Chủ tịch Hội Văn Thơ Lạc Việt đã qua đời tại Miền Bắc California. Như thế là cùng một lúc tôi đã nhận được tin buồn về hai người bạn mang nhiều dấu ấn kỷ niệm trong quá khứ.

Vì vậy, hôm qua 16-4-2025 tôi đã viết “**Đôi dòng Tưởng Niệm đồng môn Trung học Chinh Nguyên Nguyễn Trung Chính**



và hôm nay 17-4-2025 tôi cũng viết “**Đôi dòng tưởng niệm đồng môn, đồng nghiệp Luật sư Nguyễn Đình Sơn...**”.

Vâng, hồi tưởng lại cách nay hơn 50 năm, trước biến cố 30-4-1975, Sơn và tôi cùng học tại

Luật Khoa Đại Học Đường Saigon và có lẽ tốt nghiệp Cử Nhân Luật cùng niên khóa sau 4 năm. Sau đó cùng vào nghề luật sư tại Tòa Thượng Thẩm Saigon... Có lẽ vì vậy mà Ls Nguyễn Đình Sơn đã là một trong những đồng nghiệp mà tôi nhớ rõ nhất về vóc dáng mảnh khảnh tầm thước với khuôn mặt lúc nào cũng hồng hào khiến tôi liên tưởng đến nguyên nhân Sơn ra đi vì đột quy. Phải chăng Sơn bị cao áp huyết ngay từ thời tuổi trẻ là do bẩm sinh nên da mặt lúc nào cũng hồng hào?

Nhớ lại sau biến cố 30-4-1975, Trường luật Saigon cũng như Luật khoa Huế, Luật khoa Cần thơ bị đóng cửa, các thẩm phán và các luật sư phải ngưng hành nghề cùng lúc với chế độ dân chủ pháp trị Việt Nam Cộng Hòa ở Miền Nam đã bị cưỡng tử. Ls Nguyễn Đình Sơn sau khi di tản đến Hoa Kỳ, đã học lại lấy được văn bằng Tiến sĩ luật Hoa Kỳ. Nhưng hình như Sơn không hành nghề luật sư mà đã thành công trong ngành kinh doanh địa ốc...

Thế rồi sau khi đến Hoa Kỳ định cư vào năm 1992 theo diện đoàn tụ gia đình, tôi đã gặp lại Sơn và các đồng môn luật khoa và đồng nghiệp luật sư khác trong các dịp họp mặt của Hội Ái Hữu Luật Khoa Việt Nam ở Nam California...

Vào khoảng Tháng 5 năm 2006, khi tôi tái bản tài liệu “**Việt Nam Trong Thế Chiến Lược Quốc Tế Mới**” có tổ chức ra mắt sách



dưới hình thức một buổi sinh hoạt chủ đề “*Việt Nam Con Đường Chúng Ta Đi*” tại Hội Trường Trung Tâm Công Giáo Việt Nam” ở Orange County, Đích thân Ls Sơn đã thiết kế hệ thống âm thanh và đệm đàn cho các tiết mục văn nghệ phụ diễn...Sau đó có một lần Ls Nguyễn Đình Sơn và hiền thê Nguyễn Thị Ngọc Lan qua thăm thành phố Houston, các cựu sinh viên đồng môn luật khoa và đồng nghiệp luật sư sinh hoạt trong Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam đã chào mừng và đón tiếp Sơn và hiền thê trong một dạ tiệc thật vui, thăm tình đồng môn luật khoa và đồng nghiệp luật sư...Đây là một kỷ niệm khó quên của chúng tôi với Ls Nguyễn Đình Sơn. Sau đó chúng tôi có gặp lại nhau đôi lần mỗi khi có dịp qua Orange County...Nhưng lần cuối cùng gặp nhau cũng khá lâu rồi!

Giờ đây, Ls. Nguyễn Đình Sơn, Pháp danh Nhật Đắc đã đột ngột ra đi về miền Thiên Cổ ở tuổi thọ 78. Chúng rất rất xúc động và không biết làm gì hơn là một lần nữa gửi lời phân ưu chân thành đến Chị Nguyễn Thị Ngọc Lan, Hiền thê của Sơn và các con cháu cùng tang quyến. Nguyên cầu cho **hương linh Nhật Đắc Nguyễn Đình Sơn** được an hưởng hạnh phúc vĩnh cửu nơi Cõi Niết Bàn cực lạc, là cảnh giới vốn dành cho những con người hiền lương đã sống một cuộc đời lương thiện, tử tế với mọi người. Vì Ls Nguyễn Đình Sơn đúng là một con người như vậy.

Xin tạm biệt bạn hiền Ls Nguyễn Đình Sơn, người đồng môn luật khoa, đồng nghiệp luật sư hiền lành và thân thương của chúng tôi.

Houston, ngày 17 Tháng 4 Năm 2025

THIỆN Ý NGUYỄN VĂN THẮNG

GỌI TÊN NHAU LẦN CUỐI



Có những lúc chiều buồn trên phố vắng
Nắng bên đường chiếu rọi trên lối đi
Dấu chân anh, lạc bước trên đi về
Thương hình bóng một thời ta chung lối

Hè sắp sang, nắng Thu vàng đang tới
Chỉ mình anh thơ thẩn tìm vãn thơ
Người phương xa có còn nhớ đợi chờ
Thân lữ khách với nỗi buồn xa xứ

Đã từ lâu biết cùng ai tâm sự ?
Con phố buồn tìm lại dấu chân xưa
Nghe đâu đây có tiếng gió gọi đùa
Như quán quít đan tay vào lối mộng
Gió nào hiểu lòng tôi giờ lắng đọng
Bước âm thầm trĩu nặng dấu cô liêu
Vạt nắng rơi như thương tiếc thật nhiều
Đường vạt nẻo, lòng ta buồn thương nhớ

Ngày rời Nước ra đi từ dạo đó
Đường trở về mộng ước vẫn xa xôi
Vội ra đi, chẳng từ giã một lời
Giờ nuối tiếc tình ta giờ xa cách

Em có giận, dỗi hờn hay oán trách
Hai phương trời cách biệt nỗi buồn vương
Tình ta giờ ngăn cách bởi Đại dương
Xin người hãy ...gọi tên nhau lần cuối

NGUYỄN VĂN THẮNG

VĨNH BIỆT

LS NGUYỄN ĐÌNH SƠN



NGUYỄN VĂN BÌNH

Sáng thứ ba ngày 8-4-2025, Ls Lê Công Tâm từ Nam Cali gọi điện thoại báo tin cho tôi là Ls Nguyễn Đình Sơn, hội trưởng Hội Ái Hữu Luật Khoa VN ở Nam Cali vừa qua đời tối 7-4-2025 vì bị Stroke. Tin này làm tôi bàng hoàng và rất buồn. Vì chỉ ít năm nay, các bạn học của tôi tại trường Luật Sài Gòn vào niên khóa 1967-1971 đã ra đi vài người. Trước đó, Ls Nguyễn Minh Hiền, phó hội trưởng Hội Ái Hữu Luật Khoa Nam Cali đã qua đời vào ngày 2-4-2018. Sau đó có các anh Võ Gia Minh, Huỳnh Văn Yên, Lê Văn Giàu, Mai Văn Hiền v..v

Tôi và anh Nguyễn Đình Sơn đã có những kỷ niệm đẹp tại quê nhà và tại Hoa Kỳ.

Trong thời gian học trường Luật Sài Gòn, Sơn may mắn hơn các bạn bè, vì Sơn là sinh viên của gia đình giàu có. Chúng tôi còn nhớ trong khi các sinh viên hầu hết phải đi xe đạp hay xe gắn máy Honda đi học thì Sơn đã lái xe hơi Cortina đến trường. Tuy là con nhà giàu, nhưng bản tính của Nguyễn Đình Sơn rất giản dị, hiền lành, ăn nói nhỏ nhẹ, đối xử tốt với bè bạn. Nguyễn Đình Sơn cũng chọn ban Tư Pháp và sau này cũng đi tập sự luật sự như tôi và anh Nguyễn Minh Hiền.

Anh Nguyễn Đình Sơn rất thích âm nhạc. Anh có thể sử dụng dương cầm, vĩ cầm, guitar v.v.. và ca nhiều bài ca tình cảm rất hay.

Biến cố 30-4-1975 xảy ra, vợ chồng tôi



có gặp gia đình anh Sơn tại đảo Guam trên đường ra phi trường để bay sang các trại tỵ nạn trong nội địa Hoa Kỳ. Tôi có lúc gặp Sơn tại Nam Cali và Sơn có rủ tôi ghi danh học lại Luật tại Hoa Kỳ. Sau khi tốt nghiệp với bằng tiến sĩ Luật vào

năm 1980, Sơn đã mở văn phòng pháp lý lo về tai nạn xe cộ và từ đó, Sơn đã làm ăn khá giả và đầu tư vào địa ốc đã trở thành một đại gia tại vùng Little Sài Gòn.



Nguyễn Đình Sơn cùng phái đoàn LK Nam Cali dự tiệc LK tại Bắc Cali.

Nhờ có những buổi tiệc họp mặt với các giáo sư, thẩm phán, luật sư và các sinh viên Luật do hội Ái Hữu Luật Khoa Nam Cali ở Nam Cali tổ chức vào mùa Xuân và Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali tổ chức vào mùa Thu hằng năm mà tôi và Sơn có nhiều dịp gặp nhau. Trong những buổi tiệc Luật Khoa này, vợ chồng Nguyễn Đình Sơn & Nguyễn Thị Ngọc Lan thường lên trình diễn và Sơn là người đệm đàn vĩ cầm. Phải nói chị Ngọc Lan ca các bài nhạc Pháp lẫn Việt rất hay. Riêng cá nhân tôi cũng may mắn được Sơn đệm đàn vĩ cầm trong các



*Nguyễn Đình Sơn và Nguyễn Văn Bình
màn đơn ca.*

Có thể nói cả hai anh Ls Nguyễn Minh Hiền và Nguyễn Đình Sơn rất quý bè bạn. Mỗi khi, vợ chồng tôi có dịp xuống Nam Cali, hai anh Hiền, Sơn và các anh Lê Công Tâm, Võ Văn Dinh, chị Đào Ngọc Thụy đều tìm cách mời chúng tôi đi dùng cơm tại các nhà hàng để trò chuyện.

Tôi nhớ có lần Nguyễn Đình Sơn đã tâm sự với tôi, vì vợ chồng Sơn & Ngọc Lan hay đi du lịch đặc biệt là đi Cruise đến nhiều nơi trên thế giới, trong mùa đại dịch Covid anh Sơn đã bị nhiễm bệnh, nên sức khỏe yếu dần. Anh cũng cho tôi biết anh đã bị té nên đôi chân cũng yếu đi nhiều.

Cả hai anh Ls Nguyễn Minh Hiền và Ls Nguyễn Đình Sơn đều là bạn học tốt, Tang lễ của anh Nguyễn Minh Hiền đã diễn ra tại Crystal Cathedral vào ngày 7-4-2018 lúc này vợ chồng tôi đang đi du lịch tại Nhật. Nay tang lễ của anh Nguyễn Đình Sơn được diễn ra tại



Nguyễn Đ. Sơn điều khiển hợp ca ,



Anh chị Nguyễn Đình Sơn & Ngọc Lan
PeekFamily Funeral Home vào ngày 22-4-2025, vợ chồng tôi lại phải chăm sóc cậu em vợ mới bị stroke liệt nửa người nên rất tiếc không dự tang lễ để nhìn mặt và tiễn đưa bạn hiền lần cuối.

Vợ chồng tôi cùng các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali và nhiều bạn đồng môn Luật niên khóa 1967-1971 thành thật chia buồn cùng chị Nguyễn Thị Ngọc Lan cùng tang quyến và Hội Ái Hữu Luật Khoa VN tại Nam Cali.

Nguyện xin Đức Phật cho hương linh của Ls Nguyễn Đình Sơn được về Cõi Vĩnh Hằng và ban cho chị Ngọc Lan và các cháu được nhiều nghị lực trước sự mất mát to lớn này.

Xin vĩnh biệt Ls Nguyễn Đình Sơn, một người bạn đồng môn rất tốt mà chúng tôi rất quý mến ./

NGUYỄN VĂN BÌNH

ĐỂ CÓ THỂ THỰC SỰ HÒA GIẢI

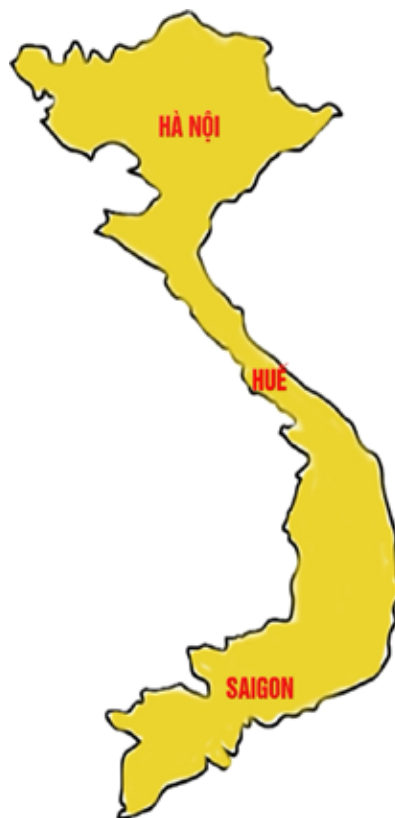


NGUYỄN TƯỜNG TÂM
(1-1-2025)

Bây giờ là năm 2025, chiến tranh Việt Nam 1955-75 đã kết thúc nửa thế kỷ, nhưng lòng người vẫn ly tán, bởi vì bản chất cuộc chiến đã không được xác định đúng đắn. Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn cố gắng tuyên truyền và giáo dục dân chúng rằng họ, dưới lá cờ chủ nghĩa Mác Lê Nin bách chiến bách thắng, đã giải phóng nhân dân miền Nam thoát khỏi cuộc sống đói khổ tù đầy, kềm kẹp của một chế độ độc tài tay sai đế quốc Mỹ. Để có thể thực sự hòa hợp hòa giải, bản chất cuộc chiến Việt Nam 1955-75 cần được xác định chính xác.

Năm 1939, thế chiến thứ II bùng nổ, dân Việt Nam nô nức thành lập các lực lượng chính trị và vũ trang (các đảng phái, giáo phái) đánh đuổi thực dân Pháp. Ông Hồ Chí Minh chọn con đường cộng sản thân Nga. Thành phần Quốc Gia chọn con đường thân Trung Hoa Dân Quốc (Tổng thống Tưởng Giới Thạch).

Năm 1946, hai phe Quốc Cộng Việt Nam thành lập chính phủ liên hiệp. Nhưng sau khi Chính phủ Liên Hiệp tan vỡ, phe Cộng sản do ông Hồ Chí Minh lãnh đạo, được sự



trợ giúp của Liên xô (cộng sản), thành lập lực lượng Việt Minh, tiêu diệt các đảng phái Quốc Gia để một mình lãnh đạo công cuộc đánh Pháp giành Độc Lập. (Theo “**LỊCH SỬ BIÊN NIÊN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - TẬP 3**”--Nhà xuất bản: Chính trị Quốc gia - Sự thật--Năm

x u á t
bản: 2009”, để có thể thực hiện được chủ trương hoà với Pháp, bản Chỉ thị nêu bật những nhiệm vụ cần kíp sau đây:

- Lợi dụng thời gian hoà hoãn với Pháp mà diệt bọn phản động bên trong, tay sai của Tưởng, trừ những hành động khiêu khích ly gián ta và Pháp.)

Kể từ đó những người Quốc Gia, không áp dụng biện pháp bạo lực của cộng sản như không ám sát, bắt cóc thủ tiêu thành phần cộng sản nên phải thua Cộng Sản. Vì vậy thành phần Quốc gia đã không còn đất sống và họ phải hoặc lưu vong ở Trung Hoa, hoặc trở về Việt Nam sống dưới chế độ bảo hộ của Pháp với tính cách thường dân, không tham gia chính trị.

Năm 1949, theo một thỏa thuận giữa Cựu Hoàng Bảo Đại và Tổng Thống Pháp, Quốc gia Việt Nam được thành lập nằm trong Liên Bang Đông Dương (gồm 3 nước Việt, Miên, Lào), thuộc Liên Hiệp Pháp. Chính phủ

này gồm những thành phần không chấp nhận Cộng Sản; họ có thể chưa từng tham gia kháng chiến chống Pháp, hoặc họ có thể là những thành phần từng tham gia kháng chiến trong hàng ngũ Việt Minh nhưng rời bỏ tổ chức này vì không chấp nhận Cộng Sản.

Ngày 7 tháng 5, 1954, quân đội Việt Minh đánh bại quân Pháp tại Điện Biên Phủ khiến Pháp phải đầu hàng.

Chỉ một ngày sau khi trận Điện Biên Phủ kết thúc, vấn đề Đông Dương được đem ra bàn hội nghị (ngày 8/5/1954) (<https://www.bbc.com/vietnamese/articles/c886ypzvz7wo>: Góc khuất của Hiệp định Genève-Nguyễn Tiến Hưng và Nguyễn Kim Cương)

Lúc 3 giờ chiều ngày 21 tháng 7, 1954, Ngoại trưởng Anh Anthony Eden, với cương vị chủ tịch Hội Nghị, đọc lời kết thúc Hội nghị. Hội nghị Geneve đã kết thúc với bản tuyên bố (declaration) với không có chữ ký của các bên tham gia hội nghị, mà chỉ có tiêu đề liệt kê danh sách tất cả các quốc gia tham dự (I had already been warned by Bedell Smith that the United States Government could not associate themselves with the final declaration... I also feared that it might lead to serious difficulties at our final meeting, for the Chinese had indicated that they would insist upon signature of the final declaration by all the delegations. I thought that I had better have this out with Molotov before the meeting. I went to see him and we eventually agreed that, in order to eliminate the problem of signature, the declaration should have a heading in which all the participating countries would be listed... At 3 p.m. on July 21st, I took the chair at the final plenary session of the conference.) The Memoires of Sir Anthony Eden, page 142. (1)

Bản Tuyên Bố của Hội nghị Geneve 1954, thường được gọi là Hiệp định Geneve 1954, qui định chia đôi Việt Nam tại vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải), với Việt minh ở miền Bắc thành lập Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Chính phủ Quốc gia dưới sự lãnh đạo của Quốc Trưởng Bảo Đại, mà Thủ Tướng là ông Ngô Đình Diệm, ở miền Nam. Hai miền sẽ bầu

cử thống nhất đất nước vào năm 1956.

Năm 1955, ở miền Nam, được hậu thuẫn của Hoa Kỳ, ông Ngô Đình Diệm lật đổ Quốc Trưởng Bảo Đại để lên làm Tổng Thống thành lập nước Việt Nam Cộng Hòa. Chính vì Hoa Kỳ và chính phủ VNCH không ký vào “Hiệp định Geneve 1954” nên họ tuyên bố không có bổn phận phải thực thi Tổng tuyển cử để thống nhất hai miền vào năm 1956 như Hiệp định qui định. Thực ra, thành phần Quốc gia lãnh đạo VNCH đã biết rõ Cộng Sản miền Bắc sẽ không thực hiện tự do bầu cử, như mọi người đều chứng kiến những cuộc bầu cử do Cộng sản tổ chức cho tới nay (2025) cho nên giới lãnh đạo VNCH đã từ chối tổ chức bầu cử.

Việc chia đôi nước Việt Nam đều không được cả hai phe Quốc Gia và Cộng Sản (Việt Minh) đồng ý, mà đó là sự thỏa thuận giữa 4 siêu cường: Anh, Mỹ, lãnh đạo phe tự do; Liên Xô và Trung Cộng, lãnh đạo phe Cộng Sản.

Một bài báo Mỹ cho biết, theo cuốn “Lịch sử Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa,” công bố bởi Nhà xuất bản chính thức của Nhà nước, Lưu trữ, xuất bản, (“The History of the People’s Republic of China,” published by the official State Archives Publishing House,) trong chiến tranh Việt Nam, Hoa Kỳ đã gửi tới Nam Việt Nam 500 ngàn quân, trong khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa gửi tới miền Bắc 320 ngàn quân, thiệt mạng hơn 4 ngàn người. Đồng thời Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa cũng viện trợ cho miền Bắc hơn 20 tỉ đô la. Tiết lộ trên được công bố sau khi các viên chức quân sự Liên Xô thừa nhận Liên Xô gửi một đoàn cố vấn, không nói rõ con số (a contingent of Soviet advisers) tới miền Bắc tham gia chiến đấu và bắn hạ máy bay Hoa Kỳ. (Nguồn: The Washington Post, bài China Admits Combat In Vietnam War, xuất bản ngày 17, 5, 1989—

<https://www.washingtonpost.com/archive/politics/1989/05/17/china-admits-combat-in-vietnam-war/6b9cb8a4-4d18-48bf-80d2-bea80f64057c/>)

Thông tin về việc Trung Quốc đã lần lượt cử 320 nghìn quân tình nguyện đến Việt Nam trong chiến tranh Việt Nam đã được Đài phát thanh quốc tế Trung Quốc CRI loan báo



(với hơn 1400 cán bộ và binh lính tử trận được chôn cất tại 40 nghĩa trang liệt sĩ tại 19 tỉnh, thành Việt Nam và được Đại sứ quán Trung Quốc đến tảo mộ hàng năm vào Tết Thanh minh.) (2) Việc hàng năm chính phủ và nhân dân Việt Nam chỉnh trang nghĩa trang liệt sĩ Trung Quốc tại miền Bắc cũng được báo của nhà nước Việt nam xác nhận.

Theo các dữ liệu trên, rõ ràng cuộc chiến giữa hai miền Nam & Bắc Việt Nam kể từ 1955 là do sự thúc đẩy của ngoại bang (Anh, Mỹ ở miền Nam; Liên Xô và Trung quốc ở miền Bắc). Bởi thế, thật chính xác, cuộc chiến 1955-75 tại Việt Nam có thể được coi là cuộc chiến tranh ủy nhiệm của các siêu cường (a proxy war), đồng thời là cuộc chiến tranh ý thức hệ (tự do và cộng sản), và cũng chính là cuộc nội chiến, nòi da xáo thịt. Dứt khoát cuộc chiến 1955-75 do Cộng sản miền Bắc phát động chưa bao giờ là cuộc chiến tranh giải phóng, bởi vì, trong thời chiến tranh, nhân dân miền Nam sống tự do và sung túc gấp trăm lần nhân dân miền Bắc.

1): The Memoirs of Sir Anthony Eden, Full Circle, Cassel & Company LTD, 1960

2): <https://www.rfa.org/vietnamese/news/vietnamnews/bo-quoc-phong-vn-sua-mo-liet-si-trung-quoc-12072024190326.html> (Bộ Quốc phòng sẽ tôn tạo mộ của các liệt sĩ Trung Quốc có công với cách mạng Việt Nam—RFA--2024.12.07)

NGUYỄN TƯỜNG TÂM

NÀNG THƠ

Nàng THƠ cướp mất cả thời gian
Biếng ngủ, quên ăn, “hội chứng” gàn
Những muốn cho THƠ xung phá trận
Súng đồng, gươm giáo, chẳng sòn gan

Một niềm tin vững ở Nàng THƠ
Sức mạnh vô song, chuyển nước cờ
Uyển ngữ kiêu hùng tình bất bại
Còn THƠ, còn NƯỚC, thắng dư thừa !

Thi hữu LÀNG THƠ chia ý tôi
Vần son, ý thép, vượt trùng khơi
Bốn phương, tám hướng, chung đường
mối
Thì sự thành công hẳn tuyệt vời!

Bạn đừng sợ lãng tháng ngày qua
Mất chục năm đây đã quá già
Bút thép phải trui trong mực máu
Không ngừng, không nghỉ, để phơi pha

Muốn là được, đấu tranh sẽ thắng
Không tự nhiên, dân chủ gọi mời
Phải cướp mà bình, phải xung phá lấy
Luật HƠN THUA ở tại con người!

Nam nhi chớ thẹn với Nàng THƠ
Hồ mặt tài trai khó hững hờ
Đất nước phen này bùng lửa sống
Quân dân nhất khí dựng cơ đồ

Mấy vần tâm huyết gởi Làng THƠ
Ghi chút tâm tư, vạ giấc mơ
Tương cảm giao tình non nước Tổ
Bao nhiêu nhiệt huyết góp cho vừa ...!

NGUYỄN VĂN AN

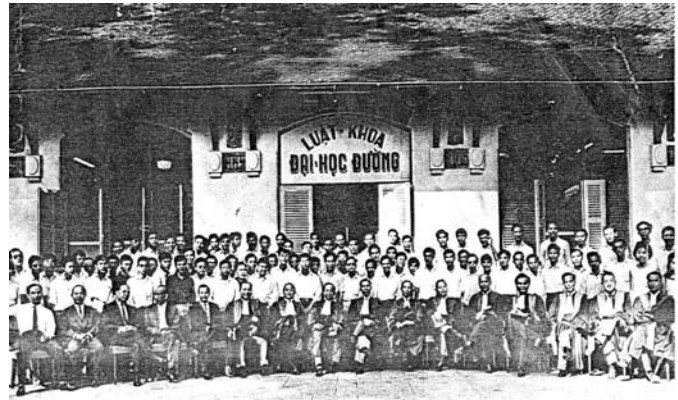
BỎ LẠI ĐẲNG SAU...



Tạp Ký LS LÊ CÔNG TÂM

Tôi là một trong số ít những người may mắn được di tản ra khỏi Saigon trước ngày Cộng Sản Hà Nội cưỡng chiếm miền Nam vào tháng Tư năm 1975. Tôi đến định cư tại California đúng nửa thế kỷ, cộng thêm gần 3 năm du học tại NY, suy tính tôi sinh ra và lớn lên tại quê hương miền Nam chỉ được một phần tư thế kỷ, tuy nhiên những quá khứ, kỷ niệm và ký ức sâu đậm nhất trong tâm khảm tôi vẫn là những ngày sinh hoạt tại trường Đại Học Luật Khoa Saigon và thời gian làm việc tại các tòa án, đặc biệt là Tòa Sơ Thẩm Saigon. Tất cả những địa điểm trên là vùng trời thơ mộng nhất trong tâm hồn tôi suốt một hành trình của một cuộc đời đã dài hơn bảy thập niên, lúc nào cũng chợt ẩn chợt hiện, khi nhạt nhòa, khi hiện thực tưởng chừng như mới xảy ra ngày hôm qua rồi vượt mất...

Trường Đại Học Luật Khoa Saigon trong những thập niên 60 và 70 là thời gian được xem như nổi bật nhất trong quá trình hiện hữu của một trong những trường đại học nổi tiếng nhất tại miền Nam, vì là một nền tảng giáo dục, pháp lý, văn hóa hiện đại nhất và biểu hiệu của một truyền thống độc lập, dân chủ được hình thành từ nền Đế Nhất Cộng Hòa kéo dài sang nền Đế Nhị Cộng Hòa Việt Nam, nơi đã đào tạo ra không biết bao nhiêu giới trí thức cung ứng cho các lãnh vực chính trị, luật pháp, hành chánh, tài chánh và kinh tế của một miền Nam



Việt Nam tự do.

Tất cả những ai ghi danh học tại trường này vào hai thập niên đó phần lớn đều gặt hái những sự thành công sau này trong cuộc sống, kể cả khi họ phải bỏ xứ ra đi để tìm tự do cho dù cuộc đời của họ đã bị bầm dập trù ải trong chế độ lao tù tàn ác và phi nhân của chế độ Cộng Sản. Điều này cho thấy trường Luật thân yêu của chúng ta đã nung đúc những người từng bước qua ngưỡng cửa trường này đều có một nền tảng học vấn và kiến thức hữu hiệu thích hợp với mọi hoàn cảnh, và môi trường, giúp họ làm lại cuộc đời tương đối nhanh chóng và không nghiệt ngã.

Trường Luật Saigon vào thời kỳ đó là một trong hai trường đại học có sổ sinh viên ghi danh kỷ lục – Văn Khoa và Luật Khoa. Vì không bị hạn chế bởi kỳ thi tuyển như các trường Y Khoa, hay các trường Cao Đẳng Kỹ Thuật khác. Ai có bằng Tú Tài đôi đều cũng ghi danh được, học phí nhẹ chỉ có từ \$400 đến \$600 đồng một niên khóa, sinh viên nếu đủ điều kiện còn có thể xin học bổng có nghĩ là miễn được tiền ghi danh. Các sinh viên học các trường khác đều có thể ghi danh học thêm trường Luật, vì thế nhiều người tốt nghiệp Trường Hành Chánh cũng có văn bằng Cử Nhân Luật... Số người ghi danh theo học trường Luật qua nhiều đến đổi năm thứ nhất phải chia thành hai ban A và B, sau này nhiều đến độ trường Luật không đủ chỗ cho năm thứ nhất phải sang học bên Thành Cộng Hòa cũ đường Hồng Thập Tự gần

Đài Truyền Hình. Các giáo sư nào dạy năm thứ nhất đều được coi là “may mắn”, vì sách giáo khoa “Course” được in nhiều, lợi tức gia tăng, cho nên nhiều giáo sư nổi tiếng, bằng cấp cao vẫn “thích dạy” năm thứ nhất. Nhờ thế các sinh viên trường Luật đã có kiến thức luật pháp căn bản ngay từ đầu. Ban Đại Diện sinh viên nhờ vậy mà có lợi tức, nên chính trị nội bộ của trường Luật gay gắt nhất trong tất cả các trường Đại Học khác.

Cứ mỗi đầu niên khóa, là Trường Luật tổ chức cuộc bầu cử Ban Đại Diện và Hội Đồng Giám Sát: Ban Đại Diện là một liên danh bao gồm sinh viên các năm Cử Nhân và Cao Học, danh sách ra ứng cử gồm có một Hội Trường, Phó Hội Trường, Tổng Thư Ký, Thủ Quỹ, Trưởng Ban Xã Hội... Hội Đồng Giám Sát mỗi năm cử nhân được chọn ra hai người, riêng ban cao học chỉ có một người ra ứng cử với tư cách cá nhân, hai người có nhiều phiếu nhất sẽ được đắc cử.

Ban Đại Diện Sinh Viên Trường Luật mang rất nhiều màu sắc chính trị, địa phương, mỗi lần vận động bầu cử là sóng gió nổi lên giữa hai lần ranh Quốc Cộng và địa phương Nam Bắc. Các Chủ Tịch, đại liên các liên danh từng nổi tiếng một thời là: Tô Lai C.; Mai Văn T.; Trần Minh N.; Trần Nguyên A.; Lưu Vĩnh KH.; Lê Khắc Sinh N.; Phía Cộng Sản thì phải kể đến những nhân vật nổi tiếng kéo dài đến sau này khi CS cưỡng chiếm miền Nam như Nguyễn Đăng Trừng; Lê Hiếu Đăng; Trịnh Đình Ban; Đỗ Hữu Cảnh...

Tuy nhiên chính trị tại trường Luật chỉ là một phiên kịch nhỏ bên cạnh một sinh hoạt học đường đầy màu sắc sống động, nhờ vào thành phần ban Giảng Huấn và guồng máy hành chính quản trị trường vững chắc qua các thời đại của những Giáo Sư Khoa Trưởng Vũ Văn Mẫu, Vũ Quốc Thúc, Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Độ... Do đó trường Luật Khoa Saigon lúc nào cũng giữ được những kỷ cương nghiêm minh, mặc dù đã trao qua nhiều biến động trong hơn hai thập niên nói trên ... Sinh viên vẫn tốt nghiệp, trường vẫn cung cấp hàng loạt các chuyên viên pháp lý trong cả ba ngành công tố, xử án, và biện hộ cùng với các chuyên viên hành tài cho



Các giáo sư trường Luật Sài Gòn các ngành xí nghiệp công và tư...

Thành phần Ban Giảng Huấn của trường Luật bao gồm nhiều màu sắc của các luật sư, đại giáo sư nổi danh mà đa số đều tốt nghiệp từ Pháp trở về như Vũ Văn Mẫu, Vũ Quốc Thông, Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Độ, Nguyễn Văn Bông, Phan Tấn Chức, Nguyễn Huy Chiêu, Bùi Tường Chiêu, Trần Văn Liêm, Nguyễn Tấn Thành, Lưu Văn Bình, Hồ Thới Sang, Lê Đình Chân, Trịnh Xuân Ngạn, Tăng Kim Đông, Châu Tiến Khương, Trịnh Đình Khải, Nguyễn Quang Quynh, Trần Thiên Vọng, Bùi Tường Huân, Mai Văn Lễ pha lẫn với những thành phần trẻ tốt nghiệp từ Hoa Kỳ hay quốc nội như Tạ Văn Tài, Phạm Văn Thuyết, Nguyễn Hải Bình, Trần Thị Hoài Trân, Vũ Thị Việt Hương, Phạm Kim Vinh, Nguyễn Văn Canh, Lê Quý Chi, Đặng Thị Tám, Vũ Quốc Thùy (người du học cùng thời gian với Người viết tại tiểu bang NY)... và nhiều giáo sư khác nữa mà tôi không còn nhớ chính xác danh tính vì không được học những môn do các vị ấy phụ trách.

Mỗi giáo sư đều có một cá tính khác biệt, những ai đã một thời là sinh viên khó có thể quên được. Đặc biệt là khi đến mùa thi cử, nhất là thời kỳ còn thi vấn đáp, những nỗi lo âu ám ảnh từng sinh viên, nổi lên trên khuôn mặt của tất cả mọi người. Nam nữ cũng như nhau, đại để: “ Dạ Thưa Thầy, thầy giúp con tốt nghiệp để con còn đi lấy chồng! ... “ Thưa Giáo Sư, Xin đừng đánh rớt con, con phải đi lính, tội nghiệp con”. Tôi không bao giờ quên được hình ảnh khi đứng bên ngoài phòng thi



Ô.B. Nguyễn Thượng Kiển, TTK
trưởng Luật Sài Gòn

vấn đáp nhìn vào thầy thầy Nguyễn Huy Chiểu nhắm mắt, một tay chống vào chiếc đầu hói tóc của ông, trầm ngâm không biết có lắng nghe tiếng trả lời ấp úng của các thí sinh học trò hay không??? hay tiếng trả lời chấm dứt cuộc thi của thầy Nguyễn Tấn Thành bằng tiếng Pháp “Je Vous Remecie!” chỉ thấy người nữ sinh viên bỏ ra ngoài khóc ngất . Đầu giờ thi viết thì thầy Nguyễn Văn Bông đi vào nhà vệ sinh Nam, rà soát từ trên xuống dưới ống dẫn nước xem có ai nhét bài thi viết sẵn mang từ bên ngoài vào cho các thí sinh bên trong không? .

Trường Đại Học Luật Khoa Saigon trường được thành lập với tên gọi là Trường Cao Đẳng Luật Học, mà tiền thân là Trường Cao Đẳng Pháp Chính Đông Dương do chính quyền bảo hộ Pháp thành lập nhằm đào tạo tầng lớp quan lại bản xứ cho bộ máy cai trị ba nước Đông Dương. Những người từng tốt nghiệp trong giai đoạn này là GS Vũ Văn Mẫu, Vũ Quốc Thúc, Nguyễn Cao Hách... Năm 1938, Trường Cao Đẳng Luật Học được nâng lên thành Phân Khoa Luật tại Hà Nội, trực thuộc Trường Đại Học Luật Paris. Sau khi Đế Nhị Thế Chiến kết thúc 1947, trường mở thêm một chi nhánh tại Saigon. Sau Hiệp Định Geneve, cơ sở Hà Nội chuyển hẳn vào Saigon, sát nhập vào Viện Đại Học Saigon. Trường Đại Học Luật Khoa Saigon được chính thức thành lập ngày 30 Tháng 4, 1955, trụ sở tại số 17 đường Duy Tân (trước đây là trụ sở một trường mẫu giáo Pháp). Người Khoa Trưởng đầu tiên là GS Vũ

Văn Mẫu, kế tiếp là Vũ Quốc Thúc, Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Độ Bùi Tường Chiêu, Vũ Quốc Thông (chấm dứt 1975). Trường tự trị trong việc tuyển các giáo sư, ấn định chính sách, chương trình giảng dạy, gồm có Hội Đồng Khoa: Khoa Trưởng, Phụ Tá và các giáo sư trong trường. Bên cạnh Hội Đồng Khoa là Ban Hành Chánh do một Tổng Thư Ký điều hành. Những người TTK nổi tiếng thời ấy, là ông Bùi Quỳnh, kế tiếp là ông Nguyễn Thượng Kiển, những người thư ký quen thuộc với sinh viên thời ấy là phải kể các cô Nguyễn Thị Báu, Nguyễn Thị Tiếng...

Trường có ba ban bao gồm: ban Công Pháp; ban Tư Pháp; và ban Kinh Tế. trước năm 1966, học trình Ban Cử Nhân Luật là 3 năm, chưa phân ban, các sinh viên đều học như nhau, tốt nghiệp đều được cấp phát văn bằng Cử Nhân Luật, Nếu tiếp tục lên Cao Học, sinh viên mới chọn ban ngành.

Năm 1966, học trình ban Cử Nhân Luật là 4 năm, hai năm đầu chưa phân ban, bắt đầu từ năm thứ ba trở đi, sinh viên sẽ ghi danh theo ngành mình chọn, riêng ban Kinh tế sẽ học thêm các môn Thống Kê (Statistic), Kinh Toán Học (Econometrics). Thời tôi học là GS Phan Tấn Chức giảng dạy.

Tất cả sinh viên ba ban khi tốt nghiệp văn bằng Cử Nhân Luật Khoa đều được đi tập sự Luật Sư như nhau, nếu có văn phòng luật sư thực thụ nhận đỡ đầu.

Sau khi tập sự đúng ba năm thì sẽ vào một kỳ thi tuyển để trở thành luật sư thực thụ. (Trích từ Luật Khoa Đại Học Đường Saigon – Một Thời Vang Bóng “Nguyễn Thanh Tùng”).

Địa điểm trường Luật nằm trên con đường Duy Tân “ cây dài bóng mát” là đề tài của nhiều bài tình ca bất hủ của miền Nam, ngay ngã tư Phan Đình Phùng và Duy Tân, sát cạnh trường Cao Đẳng Kiến Trúc, chiếm cả một khoảnh đường Duy Tân cho đến Công Trường Chiến Sĩ sau này biến thành Hồ Con Rùa cho đến ngày nay. Chung quanh Hồ Con Rùa là trụ sở của Viện Đại Học Saigon, một số dinh thự tư gia của các doanh nhân nổi tiếng như La Thành Trung, La Thành Nghệ.

Con đường Duy Tân chạy dài từ phía sau Nhà Thờ Đức Bà cho đến đường Hiền

Vương, với những hàng cây cao hai bên đường tạo bóng mát và đầy vẽ thơ mộng tạo thành một huyền thoại tình ái cho ngôi trường luật. Con đường nhỏ bé, hun hút trải dài với các ngôi nhà villa kiến trúc từ thời Tây, nơi cư ngụ của nhiều thành phần mà ngày nay được gọi là danh từ đại gia, mà một số các tướng lãnh, đặc biệt tướng Vũ Khắc Nh. – Cục Trưởng Cục An Ninh Quân Đội, một trong từ trụ triều đình của TT Thiệu khi ông còn là Tư Lệnh Sư Đoàn 5. Ngôi biệt thự nằm ẩn trong những tàng cây và cổng sắt lớn, nhưng dễ nhận biết vì sự hiện diện của những người lính bảo vệ an ninh bên ngoài. Trường Đại Học Luật Khoa có địa chỉ là số 17 Duy Tân, nhưng bên kia đường qua khỏi đường Phan Đình Phùng có một biệt thự mang số 18 Duy Tân được một giáo sư Mỹ thuê – Dr. Edward Britton, ông này là một nhân viên tình báo CIA trong lãnh vực giáo dục. Đây là nơi tập hợp của nhiều lãnh tụ sinh viên quốc cộng sau cuộc đảo chánh 1963, điển hình nhất là Nguyễn Hữu Th.; Đỗ Ngọc Y.; Lê Đình Đ.; Trần Thị Th.; Nguyễn Công Ch.;... (em gái của Nguyễn Hữu Th. – Nguyễn Thị Thoa Một cán bộ CS nằm vùng được thuê làm thư ký văn phòng. Nơi đây cũng là nơi lui tới thường xuyên của nhân viên trong tổ chức IVS (International Volunteers Services) một tổ chức do TT Kennedy thành lập. tại Vietnam họ hợp tác với cơ quan tình báo CIA để chi phối các phong trào sinh viên, học sinh, thanh niên qua các hoạt động xã hội, như các Chương Trình Công Tác Hè, CPS, Chương Trình Phát Triển Quận Tám... dưới thời chính quyền Nguyễn Cao Kỳ. Giáo Sư Britton là một đàn em của TNS Ted Kennedy, từng đứng ra tổ chức cuộc viếng thăm của văn hào Mỹ John Stenbeck đến thăm Vietnam và tiếp xúc với các sinh viên, thanh niên trong cao trào sinh viên xuống đường chống lại chính quyền Quân Đội của hai ông Thiệu Kỳ.

Đi xa hơn nữa về cuối đường Duy Tân là biệt thự của Chủ tịch Thượng Viện Vũ Văn Huyền, và đến trạm xăng Shell, Bên kia đường Hiền Vương là tiệm phở Gà Hiền Vương và tiệm giò chả Đức Hương nổi tiếng tại Saigon.

Trước cổng trường Luật và bên hông

trường được dùng nơi đậu xe gắn máy và xe đạp cho các sinh viên. Trường có một cổng chính và hai cổng phụ, đi về phía Hồ Con Rùa, có một cổng được gọi là cổng sau, nơi có tư gia của ông TTK Bùi Quỳnh, Phòng quay Cua và trụ sở của Ban Đại Diện nhà vệ sinh, về phía cuối là Quán Bà Chi, một quán nước, bán cà phê, các thức ăn sáng, ăn trưa rẽ tiền, nơi hẹn hò quen thuộc của hầu hết các sinh viên, . (Ông Chi làm thư ký cho trường). Đằng trước cổng sau có xe nước đá bán đủ các loại chè và nước ngọt, bày vài ba cái bàn nơi mùa thi các sinh viên ngồi làm bài “yểm trợ” phe ta đang ngồi thi bên trong. Kế đó là xe ba gác bán nước dừa tươi.

Trường Luật cũng nổi bật với muôn vàn mối tình sinh viên đầy thơ mộng và lãng mạn, với những kết cục hạnh phúc hay tan vỡ đều có. Nhiều sinh viên may mắn ban đầu là những cặp tình nhân, sau kết trở thành những đôi vợ chồng cùng nghề kéo dài từ thập niên này sang thập niên khác. Miền Nam lúc bấy giờ đang lâm vào trong một tình trạng sôi động vì chiến tranh lên đến cao độ. Đặc biệt là biến cố Mậu Thân năm 1968, đã làm thay đổi đời sống học đường của chúng tôi nhiều ít. Trong gian đoạn biến động Mậu Thân chính quyền quân đội ra lệnh thành lập Phong Trào Sinh Viên Quân Sự Học Đường, sau lệnh Tổng Động Viên năm 1964. Tất cả nam sinh viên các trường đại học đều được đưa lên Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung học tập quân sự trong một tháng, hàng ngày chúng tôi ra bãi tập bắn, tập sống đời quân ngũ, những bữa cơm trưa ngoài bãi mà có cá kèo chiên là những bữa cơm ngon nhất trong đời “quân Ngũ” tròn tròn một tháng của tôi. Cuối tuần được xả trại các sinh viên được về Saigon la cà tại các nhà hàng như La Pagode, Givral, trên các ngõ đường thành phố hoa lệ Saigon với một thứ lính kiểng không phù hiệu, chẳng biết xuất thân từ đâu (Sic). Nhớ lại những đêm đi nằm canh gác trên các cao ốc trong khu vực Chợ Cầu Ông Lãnh, chỉ tụ tập cờ bạc hay nằm ngủ hỗn độn như một nhóm tàn quân.

Tốt nghiệp xong Cử Nhân trường Luật, nếu còn được hoãn dịch thi lo tìm văn phòng



Pháp đình Sài Gòn

để đi tập sự luật sư, những người khác bị động viên thì tìm cách vào Nha Quân Pháp để trở thành các thẩm phán, chánh án các tòa án quân sự.

Đi tập sự luật sư là một giai đoạn kỳ thú, đôi lúc cũng khóc cười không ra tiếng. Tốt nghiệp xong nhiều khi chưa có văn phòng nhận cũng đã đi may áo luật sư tại một tiệm may chuyên môn nằm trên đường Nguyễn Thiện Thuật giữa đường Phan Đình Phùng và Phan Thanh Giản mà ai cũng phải đến đây để may áo “Trạng Sư”. Đi tìm một văn phòng luật sư thực thụ nhận cho tập sự thì cũng không khác nào cá vượt vũ môn. Đủ phương cách, gỏi gắm, chạy chọt, hay phải có tài nghệ “cá nhân” như kèm trẻ tư gia...(Sic). Tôi may mắn, được một chị bạn niên trưởng giới thiệu vào tập sự văn phòng Thủ Lãnh đương thời lúc đó là Luật Sư Nguyễn Ngọc San, cùng lúc với chị Luật Sư Nguyễn Thúy Loan. Văn Phòng này có một luật sư người Pháp là Luật Sư Phillip Vincentelli, văn phòng nằm trên đường Đồn Đất, trước cổng Bệnh Viện Đồn Đất. Thủ Lãnh San đối với tôi rất tử tế, tôi được dẫn dắt tận tình trong phương cách viết lý do, được giao phó việc đại diện đi ra các phiên tòa thật sớm, và phụ trách phần cãi thí cho văn phòng tại tòa án Quân Sự ở Bến Bạch Đằng.

Trước khi đi tập sự, các “chuẩn luật sư” phải đi đến từng văn phòng của các thành viên trong Hội Đồng Luật Sư Đoàn để chào ra mắt. Đây là một thủ tục “cười ra nước mắt” đặc biệt cho các vị nữ chuẩn luật sư. Tôi may mắn



Các Luật Sư

hơn, không phải qua chặng đường “khổ ải” cho các vị nữ chuẩn luật sư. Tôi may mắn hơn, không phải qua chặng đường “khổ ải” này. Một ngày thứ Tư đẹp trời, tôi đến ngay phòng họp của Hội Đồng Luật Sư Đoàn tại Tòa Sơ Thẩm Saigon. Luật sư Thủ Lãnh San chỉ lên tiếng giới thiệu “Đây là anh LCT, anh ấy sẽ tập sự ở văn phòng tôi!”. Tôi đi vòng quanh bàn, bắt tay từng thành viên trong hội đồng, nói lí nhí lời cảm ơn. Rồi sau đó bắt đầu thực sự trở thành Luật Sư Tập Sự trong chớp nhoáng, thoát khỏi cảnh khổ ải của một số người bạn tôi phải lầy lết từng văn phòng của các ông bà thành viên trong hội đồng để đến chào ra mắt. Giai đoạn tập sự luật sư phải mất ba năm trước khi thi tuyển để trở thành luật sư thực thụ, sự khác biệt giữa hai danh xưng, luật sư tập sự khi ra tòa cãi phải cho biết mình đại diện cho văn phòng nào. Những nỗi nhọc nhằn của luật sư tập sự là lợi tức để sinh sống trong thời gian tập sự. Nhiều người tình nguyện tập sự không lương để có nơi tập sự. Ngoài giờ tập sự phải tìm một nghề sinh nhai khác, như kèm trẻ tư gia, hay sống nhờ vào gia đình mình...chưa kể ngoài giờ tập sự còn phải gia công cho “Sư Phụ” của mình (Sic). Tôi nhờ làm quản lý cho một lò bánh mì của một nhà Giòng Công Giáo nên có lợi tức, biết thêm chút Anh Ngữ, tôi là một trong hai luật sư chuyên môn trong lãnh vực Adaption (làm thủ tục con nuôi cho người ngoại quốc, phần lớn là người Mỹ vào giai đoạn ấy. Người thứ hai là Luật Sư Tăng Thị Thành Trai) nên đời sống tương đối sung túc khi đi tập sự, tôi có văn phòng riêng, bàn làm việc riêng



Các Thẩm Phán tòa Sài Gòn

điện thoại riêng (tự mình sắm lấy).

Văn Phòng giao tôi việc đại diện thường trực tại Tòa Án Lao Động đường Phan Đình Phùng, vì văn phòng tôi đại diện cho Hãng Bia La Rue (Con Cọp – Thân chủ của LS Vincentelli). Tôi phụ trách việc đi Role tại tòa Án Quân Sự (Cải Thí hầu hết cho các thành phần đào ngũ, tiếp tế cho CS...) và chia các công việc còn lại với hai chị LS niên trưởng tập sự khác tại các tòa Sơ Thẩm, Thượng Thẩm và các văn phòng Dự Thẩm về các hồ sơ xin tại ngoại...

Nghề luật sư vinh nhiều nhục ít, và rất tự do, hàng ngày chúng tôi ra tòa, sau đó rủ nhau đi ăn trưa cả đám, ngoại trừ những người phải đi kiểm ăn, học tốc ra đi sau khi các phiên tòa bế mạc. Tại Tòa Sơ Thẩm Saigon, khung cảnh nhu một cái chợ. Chúng tôi đến sớm trước khi các phiên tòa bắt đầu xử, phía bàn trên các luật sư đàn anh đàn chị như Thủ Lãnh Hồ Tri Châu, Nguyễn Ngọc San, Võ Văn Quan, Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Phước Đại, Dương Mỹ Linh, Dương Tấn Trương, Vũ Quốc Truy,...và còn rất nhiều nhân vật khác không thể nêu hết trong nội dung của tạp ký này. Những nhân vật khác như Chánh Biện Lý Lưu Đức Hợp, Dự Thẩm Phòng 10 Trần A.B... Các Chánh Án Nguyễn V. Trinh; Nguyễn V Thông, Hoàng Tuấn L.; Phù Tuyết H.; Lê Thị N. Trần...

Như đã nói nghề luật sư vinh nhiều nhục ít, đối với tôi những kỷ niệm này hẳn đọng mãi trong ký ức, mỗi lần đến tòa án quân sự, vì không bận sinh nhai, nên những bạn bè tập



sự khác thường hay nhờ tôi cải thí thay thế cho họ, mỗi tờ role của văn phòng danh sách thân chủ lên đến 70, 80 người, phần lớn là thành phần đào binh, hoặc trốn quân dịch bị bắt, đa số đều bị kết án đi làm Lao Công Chiến Trường. Phiên xử lúc nào cũng chậm trễ, kéo dài đến sau trưa, vì phải chờ tội nhân lũ lượt đến tòa. Cách đơn giản của luật sư biện hộ là sau mỗi lần kết thúc bản cáo trạng, chỉ cần tuyên bố vắn tắt: “ Xin Tòa Khoan Hồng!” Nhưng vì tôi rảnh rỗi trong khi ngồi chờ nên đọc các bản cáo trạng, có rất nhiều trường hợp rất đáng thương... Có những người lính địa phương quân, khi bị thương được đưa về các bệnh xá địa phương chữa trị, rồi toàn quân của anh ta di chuyển sang khu vực khác, khi lành bệnh cá nhân ta không thể trình diện được phải trở về quê quán sinh sống, đến khi bị bắt trở lại phải mang tội đào ngũ. Tôi đã tận tình biện hộ cho các trường hợp này và đương sự được trắng án, mỗi lần như thế tôi đều cảm thấy vinh dự vô cùng. Nhưng tại tòa án Lao Động, tôi đại diện cho hãng Rượu Bia Con Cọp phần lớn là sa thải người vô cố. Có những nhân viên làm việc có gia đình khi bị mang thai họ bị sa thải, và tôi cứ phải nói dối những người này không có năng lực. Điều này mang đến cho tôi những nỗi nhục nặng, cho đến một ngày đẹp trời, Thượng đế đã mang đến cho tôi một niềm vui, tôi được học bổng của Cơ Quan Asia Foundation sang Mỹ du học tại tiểu bang NY. Tôi đã phải từ bỏ nghề luật sư, từ bỏ một cả một khung trời thơ mộng trường Luật thời niên thiếu. kế tiếp Biển Cỏ 75 sau cùng đã hoàn toàn khiến tôi **BỎ LẠI ĐĂNG SAU**, những kỷ niệm, ký ức vang bóng một thời trường Luật không bao giờ xóa nhòa trong tâm khảm../.

LS LÊ CÔNG TÂM

VỀ GIÀ TRÔNG CHÁU GIÚP CON LÀ DẠI ?



QUÁCH HUỆ ANH – LK Cần Thơ

Có những công việc, những bồn phận trong đời sống hằng ngày, nếu thấy không thích, hay làm nửa chừng rồi chán nản, muốn buông bỏ, hoặc không hạp, hay không bị bó buộc... ta có thể chọn cách buông tay. Nhưng làm CHA MẸ, làm ÔNG BÀ (với riêng cảm nghĩ của tôi) thì khó bấm nút STOP để dừng lại nghỉ ngơi.

Hôm nay - trong phạm vi bài viết này - tôi chỉ bàn về công việc làm ÔNG BÀ thôi.



Năm nay đúng 9 năm tôi lên chức BÀ NỘI. Năm nay cháu gái lớn của tôi tròn đúng 9 tuổi. Trong 9 năm, vui buồn, sướng khổ tôi đều có nếm đủ cả. Lòng thương con, thương cháu đã giúp tôi làm tròn trách nhiệm của người BÀ. Nhớ lại ngày vợ chồng con trai báo tin có bầu đứa con đầu lòng tôi đã thẳng thốt kêu lên: “*tôi mà sắp làm bà nội hay sao!*”

Lên chức ông, bà có nhiều điều thích thú nhưng cũng mang nhiều trách nhiệm, cả vật chất lẫn tinh thần.



Trên kênh youtube, luôn có những đề tài chẳng hạn: “ về già, trông cháu giúp con là dại”, “ Về già khôn ngoan đừng dại trông cháu”, hay dứt khoát “Về già chỉ thăm, không chăm cháu”... Thật tình mà nói, trong 9 năm qua chăm cháu, không phải chỉ 1 cháu, mà tới 3 đứa cháu lặn (1 gái 2 trai), vậy thì tôi có QUÁ DẠI không ta? Công việc nào cũng có mặt phải, mặt trái và tùy theo tình trạng sức khỏe của ông, bà nữa. Nếu sức khỏe ông bà yếu ớt, tự ông bà lo cho mình không xong thì cho dù có muốn, con cũng chưa chắc đã chịu. Hoặc ông bà đang chưa tới tuổi hưu, vẫn còn đi làm để có thu nhập cho chính mình thì con cái cũng phải tìm babysitter cho con tụi nó. Nhưng tôi nằm trong diện “Điều kiện có đủ hết”: nghỉ hưu, sức khỏe tốt, nhà cửa không đẹp, nhưng có chỗ cho các cháu chơi đùa thoải mái khi đến tuổi biết chạy nhảy lung tung... vậy thì sao nỡ nói KHÔNG, khi con trai, con gái mở lời nhờ giúp đỡ. Chúng nó tìm mình không phải vì sợ tốn kém tiền bạc trả cho babysitter, mà khẳng định vì muốn giao “cục vàng” của chúng nó cho người mà chúng nó chắc chắn là sẽ thương yêu và chăm lo hết lòng “cục vàng” của chúng nó, thậm chí còn lo hơn chúng nó nữa. Và tình thương chân thật này, không thể đo, đong bằng tiền. Trong 9 năm lo cho cháu, tiếng gọi BÀ NỘI ới ời thốt lên từ 3 cái miệng nhỏ líu lo như chim đã, đang là những viên thuốc bổ cho tôi uống mỗi ngày. Ngày nào không nghe



tiếng gọi, ngày đó tôi coi như chưa uống thuốc bổ.

Thật ra cũng có những lúc biết cực chứ, khi cha mẹ chúng nó đi du lịch xa một tuần, gởi ba đứa nhỏ cho tôi giữ full time ngày, đêm. Thực sự lúc đó tôi có bị overstress, vì thiếu ngủ và ăn uống không đúng giờ giấc.

Bà nội tôi hãnh diện làm việc này, nhưng phải trả một giá đắt là mất phần riêng tư trong thời gian nghỉ hưu của mình, cũng như không còn thì giờ giao tiếp với bạn bè, hay làm những công việc mình yêu thích...nhưng so với niềm vui mà các cháu mang đến cho tuổi già của bà, thì cái cực nhọc đó với riêng cảm nhận của tôi, chưa thể kết luận là DẠI.

Các bạn tôi ngoài đời đa số đều là BÀ NỘI, BÀ NGOẠI cả rồi. Các bà nghĩ sao, chúng mình có thực sự là DẠI không hả?

Con người có bố có ông

Như cây có cội, như sông có nguồn
(Thi Ca Bình Dân)

QUÁCH HUỆ ANH



TẶNG CỔ NHÂN

Biết viết gì thân tặng cổ nhân
Mọi điều u ẩn nhạt hoa xuân
Tình đời vẫn muốn cười ly hợp
Chuyện thế mong gì định giả chân
Thơ họa trước đèn chưa đọc hết
Rượu vò bên án đã vơi dần
Ý hoa xin gửi vào khe chữ
Giải chút tâm tư, thảo mấy vần

NỢ BÚT

Tơ lòng vương vấn tự bao giờ
Mối nợ tầm dâu nợ kiếp xưa
Một phút chạnh lòng đau giấy mực
Nửa vò hệ lụy loạn tâm tư
Cổ nhân đi ở, sàu ly cách
Tri kỷ xa gần luống ngẩn ngơ
Thế sự mịt mờ tai giả diếc
Ô hay! Chẳng hẹn vẫn mong chờ

Chẳng hẹn hò ai vẫn cứ chờ
Vật vờ mưa gió, tỉnh hay mơ ?
Ngày xa quên nhớ tình giao ước
Kẻ ở bản khoán nghĩa hững hờ
Năm tháng tiêu mòn trong bụi sách
Đàn lòng rối mãi mấy đường tơ
Bâng khuâng đêm vắng sàu quan ải
Gió lốc ngoài hiên cát bụi mờ ...

NGUYỄN VĂN AN

LÁ CỜ VÀNG BA SỌC ĐỎ LÀ :

DI SẢN HAY TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC VN ?



NGUYỄN VĂN BÌNH

Biến cố 30-4-1975 xảy ra do sự áp đặt của thế lực quốc tế, nhờ thế Cộng Sản Bắc Việt đã chiếm được Miền Nam Việt Nam. Sau đó, nhà cầm quyền CS Bắc Việt liền áp đặt chế độ Cộng Sản độc tài đảng trị trên toàn nước Việt. Vì thế, hàng triệu người dân Miền Nam VN đã liêu mình bỏ nước đi tỵ nạn tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Lập trường của người Việt Quốc Gia khắp nơi cương quyết không chấp nhận chế độ CSVN, tiếp tục cuộc đấu tranh chống Cộng, hầu đem lại sự tự do, dân chủ, độc lập, hạnh phúc cho mọi người dân và vẫn dùng cờ Vàng Ba Sọc Đỏ làm Quốc Kỳ.

Vì thế, câu hỏi được đặt ra đối với gần 4 triệu người Việt Quốc Gia đang sống tỵ nạn tại hải ngoại là:

Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ là lá cờ Di Sản, Biểu Tượng hay Truyền Thống của dân tộc Việt Nam?

Theo Tự Điển Hán Việt của ông Nguyễn Văn Khôn ghi rằng:

a/ DI SẢN (Heritage): LÀ TÀI SẢN ĐỂ LẠI SAU KHI CHẾT

Đối với hàng triệu người Việt Quốc Gia, chúng ta vẫn không chấp nhận chế độ độc tài CSVN và đang tranh đấu chống cộng



sản Thế nên, việc dùng Di Sản cho quốc kỳ Nền Vàng Ba Sọc Đỏ là chúng ta mặc nhiên đã chấp nhận quốc kỳ Vàng Ba Sọc Đỏ đã chết đúng theo như sự mong muốn của nhà cầm quyền CSVN.

Trong nhiều năm qua, nhà cầm quyền CSVN đã ra nghị quyết 36 và gần đây là Quyết Định 1334/QĐ-TTg nhằm phá nát sự đoàn kết của cộng đồng người Việt Quốc Gia ở hải ngoại để duy trì chế độ của chúng.

Vào năm 1999, Trần Trường nông cuồng cho treo hình Hồ Chí Minh và cờ Đỏ Sao Vàng của CSVN trong cửa tiệm của hán tại miền Nam Cal, USA nhưng bị thất bại do sự chống đối, biểu tình liên tục của hàng chục ngàn người Việt Quốc Gia. Đến năm 2012, sau khi Trần Trường về VN làm ăn thất bại, hán ta quay lại Mỹ ngỏ lời hối hận và xin lỗi với đồng bào về hành động sai lầm của mình tại San Jose vào năm 2012 .

Đến ngày Quốc Hận 30-4-2023, David Dương, người đã nhận nhiều ban khen của CSVN đã cho kéo lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ ngang hàng và bằng kích thước với Logo của Hội Vaba của hán, mục đích để hạ thấp giá trị của quốc kỳ của chúng ta. Sau đó, trong cuộc phỏng vấn của SBTN Vũ Nhân, David Dương lại một lần nữa cho rằng Lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ chỉ là di sản, tức là một lá cờ đã chết.



Ngày 13-12-2023, trong phiên họp của Hội Đồng Thành Phố Westminster, Nam Cali, USA thay vì các nghị viên người Việt gồm có thị trưởng Nguyễn Mạnh Chí, phó thị trưởng Nguyễn Nam Quan, bà Kimberly Hồ thay vì thông qua bản dự thảo Tuyên Ngôn (Proclamation) của bà Amy Phan West tái xác nhận quyết định của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ vào ngày 4-2-1950 nhìn nhận nền độc lập của Việt Nam dưới triều đại của vua Bảo Đại, tức mặc nhiên nhìn nhận quốc kỳ Vàng Ba Sọc Đỏ mà thời đó VN đang dùng, thì ông Nam Quan lại dùng diễn đàn này đi tuyên truyền cho CSVN. Ông cho rằng lá cờ Đỏ Sao Vàng là quốc kỳ chính thức của VN. Nó đã được LHQ và nhiều quốc gia công nhận. Ông còn thêm rằng, dù chúng ta có không ưa chế độ CSVN, chúng ta cũng phải công nhận quốc kỳ đó. Riêng ông Nguyễn Mạnh Chí thì quyết định hủy bỏ không cho đem ra bàn thảo bản Tuyên Ngôn này nữa.

b/ BIỂU TƯỢNG (Icon): ÁN TƯỢNG QUÁ KHỨ LẠI HIỆN RA TRONG Ý THỨC

Hàng triệu người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản khắp nơi trên thế giới không xem quốc kỳ Vàng Ba Sọc Đỏ là lá cờ quá khứ của VN. mà hiện tại chúng ta vẫn trân quý, sử dụng nó một cách triệt để trong các dịp lễ lạc, Tết Nguyên Đán, ngày Quân Lực, ngày tưởng niệm Quốc Hận, các cuộc họp mặt của hội đoàn và ngay cả để phủ lên quan tài của các dân quân cán chính có công với đồng bào và quê hương VN trong các tang lễ.

Vi thế, quốc kỳ Vàng Ba Sọc Đỏ không phải là một án tượng trong quá khứ, mà nó luôn hiện diện trong tâm thức của hàng

triệu người Việt Quốc Gia yêu nước.

c/ TRUYỀN THỐNG (Traditonal): TRUYỀN TỪ ĐỜI NƠ ĐẾN ĐỜI KHÁC

Nhìn lại lịch sử oai hùng của dân Việt, quốc kỳ nền Vàng Ba Sọc Đỏ đã được khởi đầu từ năm 40 của thời Hai Bà Trưng khi dùng lá cờ Vàng khởi nghĩa chống quân Tô Định để bảo vệ nền độc lập của nước nhà. Đến đời vua Thành Thái (1890-1900) đã dùng cờ Vàng Ba Sọc Đỏ làm quốc kỳ và sau đó được truyền đến đời vua Khải Định, Bảo Đại và đến thời Đệ Nhất Cộng Hòa và Đệ Nhị Cộng Hòa Miền Nam VN.

Ý nghĩa của quốc kỳ Vàng Ba Sọc Đỏ với nền Vàng nói lên nền độc lập của nước nhà, vì VN không còn bị lệ thuộc vào Pháp hay Tàu. Ba Sọc Đỏ hàm ý gồm ba miền Bắc Trung Nam, nói lên sự thống nhất. Màu Vàng còn hàm ý Da Vàng và màu Đỏ là máu của dân Việt. Chính vì thế, cờ Vàng Ba Sọc Đỏ còn được mệnh danh là cờ “Quốc Gia”.

Riêng cờ Đỏ Sao Vàng của CSVN là bản sao của lá cờ tỉnh Phúc Kiến của Trung Cộng và đã biểu lộ sự lệ thuộc vào chủ nghĩa Cộng Sản quốc tế. Màu đỏ tượng trưng cho máu, sự đấu tranh. Vì thế, trước đây cờ Liên Xô, Trung Cộng và CSVN có thêm hình cái búa tượng trưng cho công nhân và cái liềm tượng trưng cho nông dân trên nền đỏ. Cờ Liên Xô còn có thêm hình ngôi sao vàng biểu lộ sự hùng mạnh của quân đội Liên Xô. Nay quốc kỳ của CSVN chỉ còn giữ lại Cờ Đỏ Sao Vàng, nói lên CSVN theo chủ nghĩa Cộng Sản và thần phục Liên Xô và Trung Cộng mà không mang tánh cách dân tộc và lịch sử của VN.

Hiến Pháp của VNCH đã ghi chủ quyền của quốc gia thuộc về toàn dân. Riêng Hiến pháp của CSVN ghi đảng CSVN là chủ quyền của đất nước. Cho chúng ta thấy rõ chính nghĩa thuộc về chế độ Miền Nam VN.

Tóm lại, trong cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa Cộng Sản, mọi người Việt Quốc Gia cần phải sáng suốt nhận ra những âm mưu thâm độc của CSVN. Trong cuộc chiến VN kéo dài từ năm 1955 đến ngày 30-4-1975, người dân của cả hai miền Nam Bắc đã bị gạt nhiều lần trước sự tuyên truyền xảo quyệt của CS

Bắc Việt. Ngay cả các thành viên của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam cũng bị chúng lừa và bị thanh toán tàn nhẫn sau ngày 30-4-1975. Chúng ta nhất định không dùng những danh từ của CSVN như: Ngày Quốc Hận 30-4-1975 thành ngày Giải Phóng, vì không thể có một nước nghèo khổ, kém cỏi đi giải phóng một quốc gia văn minh, dân chủ, tự do, nhân bản như miền Nam VN. Hàng trăm ngàn quân dân cán chính VNCH sau ngày Quốc Hận 30-4-1975 đã bị đầy đọa khổ sai, chết trong những lao tù của CSVN mà chúng ta lại dùng chữ “Đi cải tạo” theo chữ nghĩa tuyên truyền của CSVN thì thật là vô lý.

Hiện nay, lá cờ Vàng Ba Sọc Đỏ vẫn còn hiện diện và được gần 4 triệu người Việt Quốc Gia tại hải ngoại và nhiều thành phố của nhiều quốc gia trên thế giới công nhận. Điều này không vi phạm luật bang giao quốc tế. Dù chính quyền Hoa Kỳ, Pháp, Canada, Úc v.v. có công nhận lá cờ Đỏ Sao Vàng của CSVN đi nữa, nhưng cộng đồng người Việt Quốc Gia vẫn tiếp tục giương cao ngọn cờ Vàng Ba Sọc Đỏ tại nhiều nơi, ngay cả trước tòa thị chính của nhiều thành phố trên thế giới.

Tổng Thống Tưởng Giới Thạch sau khi Mao Trạch Đông chiếm được Hoa Lục vào năm 1949, ông và hàng triệu người Hoa chạy ra đảo Đài Loan đã tuyên bố: “*Lãnh thổ mất đi, nhưng chúng ta có ngày sẽ lấy lại được, Nhưng nếu chúng ta mất đi văn hóa, mất đi ý thức phục quốc thì chúng ta bị mất tất cả.*”.

Đài Loan vì thế nay vẫn hùng mạnh và quốc kỳ của Đài Loan vẫn tung bay hiên ngang.

Năm 1917, khi Lenin lật đổ Nga Hoáng đã thay đổi quốc kỳ Nga thành quốc kỳ Cộng Sản, Nhưng vào năm 1991, khi chế độ Cộng sản sụp đổ, nước Nga đã hủy bỏ lá cờ Cộng sản và quay lại lá quốc kỳ của Nga như xưa.

Vì thế, chúng ta phải nhận chân rằng Quốc Kỳ Vàng Ba Sọc Đỏ không chết, không là Di Sản, không là Biểu Tượng mà là **Quốc Kỳ Truyền Thống, VÌ VẪN CÒN HIỆN HỮU VỚI DÂN TỘC VÀ QUỐC GIA VN THÂN YÊU CỦA CHÚNG TA ./.**

NGUYỄN VĂN BÌNH

TÌNH THƠ



Tình thơ là ... lời yêu thương trao tặng
Gửi về người một hình bóng chưa quên
Để từng đêm ta thao thức gọi tên
Em vẫn mãi ... người tình ta mong đợi

Tình thơ là ...lời mặn nồng trao gửi
Bằng chân tình, bằng tất cả yêu thương
Của con tim khao khát cách lạ thường
Như khơi dậy tim lòng ta thao thức

Tình thơ là ...yêu nhau từng giây phút
Khi bên nhau có nào nói chia tay
Để tình ta chẳng là giọt lệ đầy
Và mãi đẹp ... như bài thơ tình ái

Tình thơ là ...lời tình ta ái ngại
Luôn âm thầm khao khát một lần yêu
Lòng trao nhau, lời yêu mến thật nhiều
Cho ta thấy tình thơ yêu muôn thuở ...

NGUYỄN VĂN THẮNG



GIA ĐÌNH LUẬT KHOA BẮC CALIFORNIA

